

— KESSINGER'S LEGACY REPRINTS —



The Etheric Double and Allied Phenomena 1925



Major Arthur E. Powell

Table of Contents – Mục lục

<u>Publisher's Preface</u>	<u>Lời tựa của Nhà xuất bản</u>
<u>Foreword</u>	<u>Lời nói đầu</u>
<u>INTRODUCTION</u>	<u>GIỚI THIỆU</u>
<u>CHAPTER 1</u>	<u>CHƯƠNG 1</u>
<u>GENERAL DESCRIPTION</u>	<u>MÔ TẢ TỔNG QUÁT</u>
<u>CHAPTER II</u>	<u>CHƯƠNG II</u>
<u>PRÂNA, OR VITALITY</u>	<u>SINH KHÍ, HAY SINH LỰC</u>
<u>DIAGRAM II</u>	<u>SƠ ĐỒ II</u>
<u>The Vitality Globule (1) An Ultimate Physical Atom</u>	<u>Sinh khí cầu (1) Một nguyên tử hồng trần tối hậu</u>
<u>DIAGRAM II</u>	<u>SƠ ĐỒ II</u>
<u>The Vitality Globule (2) Vitality-Force enters Atoms</u>	<u>Sinh khí cầu (2) Mạnh lực sinh lực đi vào các nguyên tử</u>
<u>DIAGRAM III-</u>	<u>SƠ ĐỒ III-</u>
<u>The Vitality Globule (3) The Atom attracts 6 other atoms</u>	<u>Sinh khí cầu (3) Nguyên tử thu hút 6 nguyên tử khác</u>
<u>Diagram II- The Vitality Globule</u>	<u>Sơ đồ II- Sinh khí cầu</u>
<u>(4) Formation of the Globule</u>	<u>(4) Sự hình thành Sinh khí cầu</u>
<u>CHAPTER III</u>	<u>CHƯƠNG III</u>
<u>FORCE CENTRES</u>	<u>CÁC TRUNG TÂM MẠNH LỰC</u>
<u>DIAGRAM III</u>	<u>SƠ ĐỒ III</u>
<u>Structure of Force-Centre</u>	<u>Cấu trúc của Trung Tâm Mạnh Lực</u>

(1) Shape

DIAGRAM III Structure of Force-Centre

(2) Inrush of Vital Force

DIAGRAM III

Structure of Force-Centre

(3) Formation of "Spokes"

DIAGRAM III

Structure of Force-Centre

(4) Formation of Secondary Force

CHAPTER IV

THE SPLEEN CENTRE

DIAGRAM IV

Spleen Centre

(1) Structure

Diagram IV

Spleen Centre

(2) Absorption of Vitality Globules

DIAGRAM IV

Spleen Centre

(3) Decomposition of Vitality Globules

(1) Hình dạng

SƠ ĐỒ III Cấu trúc của Trung Tâm Mạnh Lực

(2) Sự tràn vào của Mạnh Lực Sinh Khí

SƠ ĐỒ III

Cấu trúc của Trung Tâm Mạnh Lực

(3) Sự hình thành các "Nan hoa"

SƠ ĐỒ III

Cấu trúc của Trung Tâm Mạnh Lực

(4) Sự hình thành Mạnh Lực Thứ Cấp

CHƯƠNG IV

LUÂN XA LÁ LÁCH

SƠ ĐỒ IV

Luân xa lá lách

(1) Cấu trúc

Sơ đồ IV

Luân xa lá lách

(2) Sự hấp thu các Sinh khí cầu

SƠ ĐỒ IV

Luân xa lá lách

(3) Sự phân rã các Sinh khí cầu

Diagram IV

Spleen Centre

(4) Dispersion of Vitality Particles

CHAPTER V

THE BASE OF THE SPINE CENTRE

DIAGRAM V

Base of Spine Centre

(a) Normal person

DIAGRAM V

Base of Spine Centre

(b) Developed person

CHAPTER VI

THE NAVEL CENTRE

DIAGRAM VI

Navel Centre

CHAPTER VII

THE HEART CENTRE

DIAGRAM VII

Heart Centre

CHAPTER VIII

THE THROAT CENTRE

Sơ đồ IV

Luân xa lá lách

(4) Sự phân tán các hạt sinh khí

CHƯƠNG V

LUÂN XA ĐÁY CỘT SỐNG

SƠ ĐỒ V

Luân xa đáy cột sống

(a) Người bình thường

SƠ ĐỒ V

Luân xa đáy cột sống

(b) Người đã phát triển

CHƯƠNG VI

LUÂN XA RÖN

SƠ ĐỒ VI

Luân xa rÖn

CHƯƠNG VII

LUÂN XA TIM

SƠ ĐỒ VII

Luân xa tim

CHƯƠNG VIII

LUÂN XA CÖ HÖNG

DIAGRAM VIII

Throat Centre

CHAPTER IX

THE CENTRE BETWEEN THE EYEBROWS

DIAGRAM IX

Between the Eyebrows Center

CHAPTER X

THE CENTRE AT THE TOP OF THE HEAD

DIAGRAM X

Top of Head Centre

CHAPTER XI

DISCHARGES

DIAGRAM XI

Discharges

CHAPTER XII

TABULATION OF RESULTS

Diagram XIII

CHAPTER XIII

KUNDALINI

CHAPTER XIV

THE ATOMIC WEB

SƠ ĐỒ VIII

Trung tâm cổ họng

CHƯƠNG IX

LUÂN XA GIỮA HAI CHÂN MÀY

SƠ ĐỒ IX

Luân xa giữa hai chân mày

CHƯƠNG X

LUÂN XA Ở ĐỈNH ĐẦU

SƠ ĐỒ X

Luân xa đỉnh đầu

CHƯƠNG XI

CÁC SỰ PHÓNG XUẤT

SƠ ĐỒ XI

Các sự phóng xuất

CHƯƠNG XII

BẢNG TỔNG KẾT CÁC KẾT QUẢ

Sơ đồ XIII

CHƯƠNG XIII

KUNDALINI

CHƯƠNG XIV

MÀNG NGUYÊN TỬ

DIAGRAM XIV

The Atomic Shield

CHAPTER XV

BIRTH

CHAPTER XVI

DEATH

CHAPTER XVII

HEALING

CHAPTER XVIII

MESMERISM

CHAPTER XIX

SHELLS AND SHIELDS

CHAPTER XX bk20

MEDIUMSHIP

CHAPTER XXI

THE WORK OF DR. WALTER J. KILNER

CHAPTER XXII

ETHERIC FACULTIES

CHAPTER XXIII

MAGNETISATION OF OBJECTS

CHAPTER XXIV

SƠ ĐỒ XIV

Tấm chắn Nguyên tử

CHƯƠNG XV

SINH

CHƯƠNG XVI

TỬ

CHƯƠNG XVII

CHỮA LÀNH

CHƯƠNG XVIII

THUẬT THÔI MIÊN

CHƯƠNG XIX

CÁC LỚP VỎ VÀ TẤM CHẮN

CHƯƠNG XX bk20

THUẬT ĐỒNG TỬ

CHƯƠNG XXI

CÔNG TRÌNH CỦA BÁC SĨ WALTER J. KILNER

CHƯƠNG XXII

CÁC NĂNG LỰC DĨ THÁI

CHƯƠNG XXIII

SỰ TỪ HÓA CÁC VẬT THỂ

CHƯƠNG XXIV

ECTOPLASM

CHAPTER XXV

CONCLUSION

THE ETHERIC DOUBLE

The Health Aura of Man

by A.E.Powell

Publisher's Preface

Foreword

INTRODUCTION

CHAPTER 1

GENERAL DESCRIPTION

CHAPTER II

PRÂNA, OR VITALITY

DIAGRAM II

The Vitality Globule (1) An Ultimate Physical Atom

DIAGRAM II

The Vitality Globule (2) Vitality-Force enters Atoms

DIAGRAM III-

The Vitality Globule (3) The Atom attracts 6 other atoms

Diagram II- The Vitality Globule

NGOẠI CHẤT

CHƯƠNG XXV

KẾT LUẬN

BẢN SAO DĨ THÁI

Hào quang sức khỏe của con người

của A.E.Powell

Lời tựa của Nhà xuất bản

Lời nói đầu

GIỚI THIỆU

CHƯƠNG 1

MÔ TẢ TỔNG QUÁT

CHƯƠNG II

PRANA, HAY SINH KHÍ

SƠ ĐỒ II

Sinh khí cầu (1) Một nguyên tử hồng trần tối hậu

SƠ ĐỒ II

Sinh khí cầu (2) Mãnh lực sinh khí đi vào các nguyên tử

SƠ ĐỒ III-

Sinh khí cầu (3) Nguyên tử thu hút 6 nguyên tử khác

Sơ đồ II- Sinh khí cầu

(4) Formation of the Globule

CHAPTER III

FORCE CENTRES

DIAGRAM III

Structure of Force-Centre

(1) Shape

DIAGRAM III Structure of Force-Centre

(2) Inrush of Vital Force

DIAGRAM III

Structure of Force-Centre

(3) Formation of "Spokes"

DIAGRAM III

Structure of Force-Centre

(4) Formation of Secondary Force

CHAPTER IV

THE SPLEEN CENTRE

DIAGRAM IV

Spleen Centre

(1) Structure

Diagram IV

(4) Sự hình thành cầu

CHƯƠNG III

CÁC TRUNG TÂM MÃNH LỰC

SƠ ĐỒ III

Cấu trúc của Trung Tâm Mãnh Lực

(1) Hình dạng

SƠ ĐỒ III Cấu trúc của Trung Tâm Mãnh Lực

(2) Sự tràn vào của Mãnh Lực Sinh Khí

SƠ ĐỒ III

Cấu trúc của Trung Tâm Mãnh Lực

(3) Sự hình thành các "Nan hoa"

SƠ ĐỒ III

Cấu trúc của Trung Tâm Mãnh Lực

(4) Sự hình thành Mãnh Lực Thứ Cấp

CHƯƠNG IV

LUÂN XA LÁ LÁCH

SƠ ĐỒ IV

Luân xa lá lách

(1) Cấu trúc

Sơ đồ IV

Spleen Centre

(2) Absorption of Vitality Globules

DIAGRAM IV

Spleen Centre

(3) Decomposition of Vitality Globules

Diagram IV

Spleen Centre

(4) Dispersion of Vitality Particles

CHAPTER V

THE BASE OF THE SPINE CENTRE

DIAGRAM V

Base of Spine Centre

(a) Normal person

DIAGRAM V

Base of Spine Centre

(b) Developed person

CHAPTER VI

THE NAVEL CENTRE

DIAGRAM VI

Navel Centre

CHAPTER VII

Luân xa lá lách

(2) Sự hấp thu các Sinh khí cầu

SƠ ĐỒ IV

Luân xa lá lách

(3) Sự phân rã các Sinh khí cầu

Sơ đồ IV

Luân xa lá lách

(4) Sự phân tán các hạt sinh khí

CHƯƠNG V

LUÂN XA ĐÁY CỘT SỐNG

SƠ ĐỒ V

Luân xa đáy cột sống

(a) Người bình thường

SƠ ĐỒ V

Luân xa đáy cột sống

(b) Người đã phát triển

CHƯƠNG VI

LUÂN XA RỐN

SƠ ĐỒ VI

Luân xa rốn

CHƯƠNG VII

THE HEART CENTRE

DIAGRAM VII

Heart Centre

CHAPTER VIII

THE THROAT CENTRE

DIAGRAM VIII

Throat Centre

CHAPTER IX

THE CENTRE BETWEEN THE EYEBROWS

DIAGRAM IX

Between the Eyebrows Center

CHAPTER X

THE CENTRE AT THE TOP OF THE HEAD

DIAGRAM X

Top of Head Centre

CHAPTER XI

DISCHARGES

DIAGRAM XI

Discharges

CHAPTER XII

TABULATION OF RESULTS

LUÂN XA TIM

SƠ ĐỒ VII

Luân xa tim

CHƯƠNG VIII

LUÂN XA CỔ HỌNG

SƠ ĐỒ VIII

Trung tâm cổ họng

CHƯƠNG IX

LUÂN XA GIỮA HAI CHÂN MÀY

SƠ ĐỒ IX

Luân xa giữa hai chân mày

CHƯƠNG X

LUÂN XA Ở ĐỈNH ĐẦU

SƠ ĐỒ X

Luân xa đỉnh đầu

CHƯƠNG XI

CÁC SỰ PHÓNG XUẤT

SƠ ĐỒ XI

Các sự phóng xuất

CHƯƠNG XII

BẢNG TỔNG KẾT CÁC KẾT QUẢ

Diagram XIII

Sơ đồ XIII

CHAPTER XIII

CHƯƠNG XIII

KUNDALINI

KUNDALINI

CHAPTER XIV

CHƯƠNG XIV

THE ATOMIC WEB

MÀNG NGUYÊN TỬ

DIAGRAM XIV

SƠ ĐỒ XIV

The Atomic Shield

Tấm chắn Nguyên tử

CHAPTER XV

CHƯƠNG XV

BIRTH

SINH

CHAPTER XVI

CHƯƠNG XVI

DEATH

TỬ

CHAPTER XVII

CHƯƠNG XVII

HEALING

CHỮA LÀNH

CHAPTER XVIII

CHƯƠNG XVIII

MESMERISM

THUẬT THÔI MIÊN

CHAPTER XIX

CHƯƠNG XIX

SHELLS AND SHIELDS

CÁC LỚP VỎ VÀ TẤM CHẮN

CHAPTER XX

CHƯƠNG XX

MEDIUMSHIP

THUẬT ĐỒNG TỬ

CHAPTER XXI

CHƯƠNG XXI

THE WORK OF DR. WALTER J. KILNER

CÔNG TRÌNH CỦA BÁC SĨ WALTER J. KILNER

CHAPTER XXII

ETHERIC FACULTIES

CHAPTER XXIII

MAGNETISATION OF OBJECTS

CHAPTER XXIV

ECTOPLASM

CHAPTER XXV

CONCLUSION

CHƯƠNG XXII

CÁC NĂNG LỰC DĨ THÁI

CHƯƠNG XXIII

SỰ TỪ HÓA CÁC VẬT THỂ

CHƯƠNG XXIV

NGOẠI CHẤT

CHƯƠNG XXV

KẾT LUẬN

Publisher's Preface – Lời tựa của Nhà xuất bản

The author's aim in compiling the books in this series was to save students much time and labour by providing a condensed synthesis of the considerable literature on the respective subjects of each volume, coming mostly from the pens of Annie Besant and C.W. Leadbeater. The accompanying list shows the large number of books from which he drew. So far as possible, the method adopted was to explain the form side first, before the life side: to describe the objective mechanism of phenomena and then the activities of consciousness that are expressed through the mechanism. There is no attempt to prove or even justify any of the statements. Marginal references give opportunity to refer to the sources.

The works of H.P. Blavatsky were not used because the author said that the necessary research in The Secret Doctrine and other writings would have been too vast a task for him to undertake. He added: "The debt to

Mục đích của tác giả khi biên soạn các sách trong bộ này là tiết kiệm nhiều thời gian và công sức cho đạo sinh, bằng cách cung cấp một tổng hợp cô đọng về khối lượng văn liệu đáng kể liên quan đến các đề tài riêng của từng tập, phần lớn xuất phát từ ngòi bút của Annie Besant và C.W. Leadbeater. Danh mục kèm theo cho thấy số lượng lớn các sách mà ông đã tham khảo. Trong chừng mực có thể, phương pháp được áp dụng là giải thích phương diện hình tướng trước, rồi mới đến phương diện sự sống: mô tả bộ máy khách quan của các hiện tượng, rồi sau đó là những hoạt động của tâm thức được biểu lộ qua bộ máy ấy. Không có nỗ lực nào nhằm chứng minh, hay thậm chí biện minh, cho bất kỳ phát biểu nào. Các tham chiếu bên lề tạo cơ hội để tra cứu các nguồn.

Các tác phẩm của H.P. Blavatsky không được sử dụng, vì tác giả nói rằng việc khảo cứu cần thiết trong Giáo Lý Bí Nhiệm và các trước tác khác sẽ là một nhiệm vụ quá rộng lớn để ông đảm nhận. Ông nói thêm: "Món nợ đối với

H.P.Blavatsky is greater than could ever be indicated by quotations from her monumental volumes. Had she not show the way in the first instance, later investigators might never have found the trail at all."

H.P.Blavatsky còn lớn hơn bất cứ điều gì có thể được biểu thị bằng các trích dẫn từ những bộ sách đồ sộ của bà. Nếu ngay từ đầu bà đã không chỉ đường, thì những nhà khảo cứu về sau có lẽ đã chẳng bao giờ tìm được dấu vết nào cả."

Foreword – Lời nói đầu

by members of the Science Group of the Theosophical Research centre, London, England

do các thành viên của Nhóm Khoa học thuộc Trung tâm Nghiên cứu Thông Thiên Học, London, Anh quốc

The Etheric Double was first published in 1925 as one of a series by the same author dealing with the inner structure of Man. It is now represented to the public unchanged except for the omission from the last chapter of a reference to local research, active when the book was written.

Bản sao dĩ thái được xuất bản lần đầu vào năm 1925 như một trong loạt sách của cùng tác giả, bàn về cấu trúc bên trong của Con người. Nay sách được giới thiệu lại với công chúng mà không thay đổi, ngoại trừ việc lược bỏ khỏi chương cuối một tham chiếu đến công trình nghiên cứu địa phương đang hoạt động vào thời điểm cuốn sách được viết.

No attempt has been made to augment or otherwise bring up to date this classic in the light of understanding accumulated during the intervening forty-odd years. As A.E.Powell said himself in his introduction, this is a compilation from forty main works published between 1897 and 1921 and in view of their wide range and the painstaking thoroughness with which they were extracted, the collated information may fairly be taken to summarise the general views upon the subject *up to* 1925.

Không có nỗ lực nào nhằm bổ sung hay cập nhật tác phẩm kinh điển này dưới ánh sáng của sự thấu hiểu đã được tích lũy trong hơn bốn mươi năm xen giữa. Như chính A.E.Powell đã nói trong phần giới thiệu, đây là một bản biên soạn từ bốn mươi tác phẩm chính được xuất bản trong khoảng từ 1897 đến 1921; và xét theo phạm vi rộng cùng sự cẩn trọng tỉ mỉ trong việc trích lọc, thông tin được đối chiếu có thể được xem là tóm lược khá đúng các quan điểm chung về đề tài này *cho đến năm 1925*.

In more recent years, a better appreciation has been built up of the way the unconscious mind functions, and sources of possible error have been discerned in the operation of mediumistic faculties which necessitate caution concerning information obtained through their use. Much of the contents of *The Etheric Double* is derived from the

Trong những năm gần đây hơn, người ta đã xây dựng được một sự nhận thức tốt hơn về cách thể trí vô thức vận hành, và đã phân biệt được những nguồn sai lầm khả hữu trong hoạt động của các năng lực đồng tử, khiến cần phải thận trọng đối với thông tin thu được qua việc sử dụng chúng. Phần lớn nội dung của *Bản sao dĩ thái* bắt nguồn từ việc vận dụng

exercise of clair-sentience (or extrasensory perception, as it is now called) and although the contents may be accurate, there is as yet no accepted method of confirming them. This is not to cast doubt on the honesty of those who recorded the observations; they were persons of unimpeachable integrity who continually emphasised their pioneering status and fallibility. There is no doubt that the psychic phenomena they described were experienced by them and, indeed, others have since confirmed some of their accounts. The sources of possible error referred to lie one state deeper than that - in the psychic mechanisms for experiencing what they did. This is the still unresolved and fascinating province of parapsychology.

Further assistance can be expected towards corroborating or refuting the observations and the theory of the etheric double from data emerging in the natural sciences, but at present there are few points of contact. Space craft have taken recording instruments to Mars and Venus, and electron microscopes in common laboratory service provide enormous magnifications of what is normally invisible, but there is hardly any information relating to etheric states of matter that has been acquired in a similar direct and orthodox way. Work with recording devices has so far failed to detect etheric matter in its normal working state and thereby confirm it as physical or near-physical substance. Probably the closest approach has been in studies of ectoplasm, which seems to be the temporary and abnormal condition of a plastic and extrudable component of the human body that becomes amenable to test only when it has been made external and densified into

khả năng cảm nhận thông linh, hay tri giác ngoại cảm như hiện nay gọi, và mặc dù nội dung ấy có thể chính xác, hiện vẫn chưa có phương pháp được chấp nhận để xác nhận chúng. Điều này không nhằm gieo nghi ngờ về sự trung thực của những người đã ghi lại các quan sát; họ là những người có đức liêm chính không thể chê trách, và luôn nhấn mạnh địa vị tiên phong cũng như khả năng sai lầm của mình. Không nghi ngờ gì rằng các hiện tượng thông linh mà họ mô tả đã được chính họ trải nghiệm, và quả thật, những người khác từ đó cũng đã xác nhận một số tường thuật của họ. Những nguồn sai lầm khả hữu được nói đến nằm sâu hơn một trạng thái so với điều đó — trong các cơ chế thông linh dùng để trải nghiệm những gì họ đã trải nghiệm. Đây là lĩnh vực vẫn chưa được giải quyết và đầy hấp dẫn của cận tâm lý học.

Có thể trông đợi thêm sự trợ giúp nhằm củng cố hoặc bác bỏ các quan sát và lý thuyết về bản sao dĩ thái từ những dữ liệu đang xuất hiện trong các khoa học tự nhiên, nhưng hiện nay có rất ít điểm tiếp xúc. Phi thuyền không gian đã mang các khí cụ ghi nhận đến Sao Hỏa và Sao Kim, và kính hiển vi điện tử trong sử dụng phòng thí nghiệm thông thường cung cấp những độ phóng đại khổng lồ của những gì bình thường không thấy được; nhưng hầu như không có thông tin nào liên quan đến các trạng thái dĩ thái của vật chất đã được thu nhận theo một cách trực tiếp và chính thống tương tự. Công việc với các thiết bị ghi nhận cho đến nay vẫn chưa phát hiện được vật chất dĩ thái trong trạng thái hoạt động bình thường của nó, và do đó chưa xác nhận được nó là chất liệu hồng trần hay gần-hồng trần. Có lẽ cách tiếp cận gần nhất là trong các nghiên cứu về ngoại chất, vốn dường như là tình trạng tạm thời và bất thường của một thành phần mềm dẻo, có thể dùn xuất ra, thuộc thể xác con người; thành phần ấy chỉ

tangible form by the special and unconsciously exercised psychic abilities of certain rare people. When the densification ceases and the material is withdrawn again into the donor's body, it could well be returning to its function as part of a less easily identified etheric constitution. However, much more work is needed before this can be concluded with any confidence.

Since rigorously established evidence can still neither confirm nor deny, it is reasonable to hold the theory and information presented here as a hypothesis for further investigation. This is the procedure in all scientific work and, in fact, little progress can be made without some tentative working concept as context and guide. But it is essential to remember that an adopted hypothesis may have to be modified or even rejected as the work proceeds, and this is most likely during the early stages of an exploration. It happens frequently in the natural sciences of the physical world for which our ordinary language and mathematical symbology are expressly designed. How much more likely must this be in a domain more psychic than physical.

Modern investigators continue the quest for a deeper understanding of Man's nature and constitution and they have noted the more recent developments in psychology and parapsychology that underlie the caution sounded here. However, their gratitude is due to Powell for his orderly presentation of statements and ideas current in the 1925; time and effort need not now be spent on the

trở nên có thể đem ra thử nghiệm khi nó đã được đưa ra bên ngoài và được làm đậm đặc thành hình tướng hữu hình nhờ các khả năng thông linh đặc biệt và được vận dụng một cách vô thức của một số ít người hiếm có. Khi sự đậm đặc chấm dứt và chất liệu được rút trở lại vào thể của người hiến, rất có thể nó đang trở về chức năng của nó như một phần trong cấu tạo dĩ thái khó nhận diện hơn. Tuy nhiên, cần có nhiều công trình hơn nữa trước khi điều này có thể được kết luận với bất kỳ mức độ tin cậy nào.

Vì bằng chứng được xác lập một cách nghiêm ngặt vẫn chưa thể xác nhận cũng chưa thể phủ nhận, nên hợp lý là xem lý thuyết và thông tin được trình bày ở đây như một giả thuyết để khảo cứu thêm. Đây là thủ tục trong mọi công trình khoa học, và thật ra, khó có thể có nhiều tiến bộ nếu thiếu một quan niệm làm việc tạm thời nào đó làm bối cảnh và kim chỉ nam. Nhưng điều thiết yếu là phải nhớ rằng một giả thuyết được chấp nhận có thể phải được sửa đổi, hay thậm chí bị bác bỏ, khi công trình tiến hành; và điều này rất có khả năng xảy ra trong các giai đoạn đầu của một cuộc khảo sát. Nó thường xuyên xảy ra trong các khoa học tự nhiên của thế giới hồng trần, là lĩnh vực mà ngôn ngữ thông thường và hệ ký hiệu toán học của chúng ta được thiết kế rõ ràng để phục vụ. Điều ấy càng có khả năng hơn biết bao trong một lĩnh vực mang tính thông linh nhiều hơn là hồng trần.

Các nhà khảo cứu hiện đại tiếp tục cuộc tìm kiếm một sự thấu hiểu sâu hơn về bản chất và cấu tạo của Con người, và họ đã ghi nhận những phát triển gần đây hơn trong tâm lý học và cận tâm lý học, vốn làm nền cho lời cảnh báo thận trọng được nêu ở đây. Tuy nhiên, họ phải biết ơn Powell vì sự trình bày có trật tự của ông về những phát biểu và ý tưởng lưu hành vào năm 1925; ngày nay

reference material that he so ably examined for them. Here is ample justification for reprinting his work just as he wrote it.

The Science Group, Theosophical Research Centre, London, England.

H.Tudor Edmunds, Chairman - 1968

không cần phải dành thời gian và công sức cho tài liệu tham chiếu mà ông đã khảo sát cho họ một cách tài tình đến thế. Đây là sự biện minh đầy đủ cho việc tái bản tác phẩm của ông đúng như ông đã viết.

Nhóm Khoa học, Trung tâm Nghiên cứu Thông Thiên Học, London, Anh quốc.

H.Tudor Edmunds, Chủ tịch - 1968

INTRODUCTION – GIỚI THIỆU

This book has been compiled with the object of presenting to the student of Occultism a coherent synthesis of all, or nearly all, the information regarding the Etheric Double, and other closely allied phenomena, which has been given to the world through the medium of modern Theosophical and psychical research literature.

This information is scattered over a very large number of books and articles, some forty of which the compiler has consulted, a list of these being given at the end of this document. The writer wishes it understood that his work is a compilation - nothing more. All he has done is to collect and arrange the material which others have provided.

There are many advantages in this method of study. In these busy days few have the leisure, even if they possess the inclination, to search through some scores of books for scattered item of knowledge, and then to weld them into a coherent whole. It is better, therefore, for one to do this work, that others may benefit and save their own time and labour. The work of the compiler brings to light many new relationships between

Cuốn sách này được biên soạn nhằm mục đích trình bày cho đạo sinh huyền bí học một tổng hợp mạch lạc về toàn bộ, hay gần như toàn bộ, thông tin liên quan đến Bản sao dĩ thái và những hiện tượng khác có liên hệ mật thiết, vốn đã được trao cho thế giới qua trung gian của văn liệu nghiên cứu Thông Thiên Học và tâm linh học hiện đại.

Thông tin này rải rác trong một số lượng rất lớn sách và bài viết, trong đó người biên soạn đã tham khảo khoảng bốn mươi tài liệu; danh sách các tài liệu này được ghi ở cuối văn bản này. Người viết mong rằng độc giả hiểu công trình của ông là một bản biên soạn — không gì hơn. Tất cả những gì ông đã làm là thu thập và sắp xếp chất liệu mà những người khác đã cung cấp.

Phương pháp nghiên cứu này có nhiều lợi điểm. Trong những ngày bận rộn này, ít người có thì giờ nhàn rỗi, ngay cả khi họ có khuynh hướng, để tìm kiếm trong vài chục cuốn sách những mẫu tri thức rải rác, rồi hàn gắn chúng thành một toàn thể mạch lạc. Vì vậy, tốt hơn là một người thực hiện công việc này, để những người khác có thể được lợi và tiết kiệm thời gian cùng công sức của chính họ. Công việc của người biên soạn làm sáng tỏ

fragments culled from divers sources, and under his hand the mosaic gradually forms itself into a pattern. His work, necessarily intensive, recalls to notice many isolated and often forgotten facts, which may be of little value or interest considered individually, but which collectively constituted a substantial and useful array. Finally, the picture which the compiler presents not only displays in orderly fashion what is known today, but, by its very orderliness, reveals where our knowledge is incomplete. Recognising such gaps in our knowledge, other investigators may perhaps turn their attention in those directions and so make the picture more nearly complete.

The compiler has throughout used his best endeavour to present the material he has gathered with scrupulous exactitude. In very many cases he has employed the actual words, adapted or abridged where necessary to the context, of the authors he has consulted; but, not to make the text burdensome and unsightly with large numbers of inverted commas, these have been consistently omitted. In order, however, that students may, if they wish, refer to the original sources of information, the references have been provided, in abbreviated or long form,

The compiler would be grateful to any students who would call his attention (1) to any inaccuracies in his work; (2) to any omissions of material which he may have overlooked.

The diagrams and charts contained in the text are original; they are intended to be

hiệu mối liên hệ mới giữa các mảnh được chọn lọc từ nhiều nguồn khác nhau, và dưới bàn tay ông, bức khảm dần dần tự thành một mô hình. Công việc của ông, tất yếu có tính chuyên sâu, nhắc lại cho người ta chú ý đến nhiều sự kiện cô lập và thường bị quên lãng, những sự kiện có thể ít giá trị hoặc ít đáng quan tâm nếu xét riêng lẻ, nhưng khi xét chung lại tạo thành một tập hợp đáng kể và hữu ích. Cuối cùng, bức tranh mà người biên soạn trình bày không chỉ phô bày một cách có trật tự những gì ngày nay được biết, mà chính nhờ tính trật tự của nó, cũng cho thấy chỗ nào tri thức của chúng ta còn chưa hoàn chỉnh. Khi nhận ra những khoảng trống như vậy trong tri thức của chúng ta, các nhà khảo cứu khác có lẽ sẽ hướng sự chú ý của họ vào những phương hướng ấy, và nhờ đó làm cho bức tranh gần như hoàn chỉnh hơn.

Trong suốt công trình, người biên soạn đã dùng hết nỗ lực tốt nhất của mình để trình bày chất liệu mà ông đã thu thập với sự chính xác nghiêm cẩn. Trong rất nhiều trường hợp, ông đã dùng chính lời văn, được điều chỉnh hoặc rút gọn khi cần cho phù hợp với ngữ cảnh, của các tác giả mà ông đã tham khảo; nhưng để khỏi làm cho văn bản trở nên nặng nề và khó coi với số lượng lớn dấu ngoặc kép, các dấu này đã được nhất quán lược bỏ. Tuy nhiên, để các đạo sinh, nếu muốn, có thể tham khảo các nguồn thông tin nguyên thủy, các tham chiếu đã được cung cấp, dưới dạng viết tắt hoặc đầy đủ,

Người biên soạn sẽ biết ơn bất kỳ đạo sinh nào lưu ý ông về (1) bất kỳ sai sót nào trong công trình của ông; (2) bất kỳ sự thiếu sót nào về chất liệu mà ông có thể đã bỏ qua.

Các sơ đồ và biểu đồ trong văn bản là nguyên bản; chúng chỉ nhằm có tính sơ đồ thuần túy,

purely diagrammatic, and in no sense pictures of the actual phenomena they attempt to illustrate.

A.E.Powell

và hoàn toàn không phải là hình ảnh của các hiện tượng thực sự mà chúng cố gắng minh họa.

A.E.Powell

CHAPTER 1 – CHƯƠNG 1

GENERAL DESCRIPTION – MÔ TẢ TỔNG QUÁT

Every student of Occultism is familiar with the fact that man possesses several bodies or vehicles through which he is enabled to express himself on the various planes of nature – physical, astral, mental, and so forth.

The occultist finds that physical matter exists in seven grades or orders of density, viz.:

Atomic

Subatomic

Super-Etheric

Etheric

Gaseous

Liquid

Solid

Mọi đạo sinh huyền bí học đều quen thuộc với sự kiện rằng con người sở hữu nhiều thể hay hiện thể, nhờ đó y có thể biểu lộ chính mình trên các cõi khác nhau của thiên nhiên — hồng trần, cảm dục, trí tuệ, vân vân.

Nhà huyền bí học nhận thấy rằng vật chất hồng trần tồn tại trong bảy cấp hay bảy thứ bậc đậm đặc, đó là:

Nguyên tử

Hạ nguyên tử

Siêu dĩ thái

Dĩ thái

Thể khí

Thể lỏng

Thể rắn

Particles of all these grades enter into the composition of the physical vehicle. The latter, however, has two well-marked divisions, viz., the dense body, composed of solids, liquids and gases, and the Etheric Body, or Double, as it is frequently called, consisting of the four finer grades of physical matter.

It will be our purpose in these chapters to study this Etheric Double; its nature, appearance, functions, its relationships to the other vehicles, its connection with Prâna, or Vitality, its birth, growth and decay, its connection with certain methods of healing, with mesmerism, with mediumship and materialisations, the powers it can be made to exercise, and a host of miscellaneous etheric phenomena with which it is connected.

Briefly, we shall find that the Etheric Double, while necessary to the life of the physical body, is not, properly speaking, a separate vehicle of consciousness: that it receives and distributes the vital force which emanates from the sun and is thus intimately connected with physical health: that it possesses certain Chakrams or Force-Centres of its own, each with its distinct function: that upon the action of etheric matter mainly depends the memory of the dream life: that it plays an important part in determining the kind of physical vehicle which an incarnating ego will receive: that, like the physical body, it dies and decays in due course, releasing the "soul" for the next stage in its cyclic journey: that it is especially associated with what is known as Vital or Magnetic Healing, and also with Mesmerism, whether for purposes of healing, anæsthesia, or trance: that it is the principal factor concerned in séance-room phenomena, such as the movement of

Các hạt thuộc tất cả những cấp độ này đi vào thành phần cấu tạo của vận cụ hồng trần. Tuy nhiên, vận cụ sau có hai phân bộ rõ rệt, tức là thể đậm đặc, gồm các chất rắn, lỏng và khí, và thể dĩ thái, hay Bản Sao, như nó thường được gọi, gồm bốn cấp độ tinh tế hơn của vật chất hồng trần.

Mục đích của chúng ta trong các chương này là nghiên cứu Bản Sao Dĩ Thái này; bản chất, sắc tướng, chức năng của nó, các mối liên hệ của nó với những vận cụ khác, sự liên hệ của nó với Prana, hay Sinh lực, sự sinh ra, tăng trưởng và suy tàn của nó, sự liên hệ của nó với một số phương pháp trị liệu, với thuật thôi miên từ tính, với đồng cốt và các hiện hình, những quyền năng mà nó có thể được làm cho vận dụng, và vô số hiện tượng dĩ thái hỗn hợp mà nó có liên quan.

Tóm lại, chúng ta sẽ thấy rằng Bản Sao Dĩ Thái, tuy cần thiết cho sự sống của thể xác, nhưng nói cho đúng, không phải là một vận cụ tâm thức riêng biệt; rằng nó tiếp nhận và phân phối sinh lực xuất lộ từ mặt trời và do đó liên hệ mật thiết với sức khỏe hồng trần; rằng nó có những luân xa hay các trung tâm mãnh lực riêng, mỗi trung tâm có chức năng riêng biệt; rằng ký ức về đời sống trong mộng chủ yếu tùy thuộc vào hoạt động của vật chất dĩ thái; rằng nó giữ một vai trò quan trọng trong việc quyết định loại vận cụ hồng trần mà một chân ngã nhập thể sẽ nhận được; rằng, giống như thể xác, nó chết và suy tàn đúng kỳ, giải phóng "linh hồn" cho giai đoạn kế tiếp trong hành trình chu kỳ của nó; rằng nó đặc biệt liên hệ với điều được biết đến như Trị Liệu Sinh Lực hay Từ Tính, và cũng với thuật thôi miên từ tính, dù nhằm mục đích trị liệu, gây mê hay xuất thần; rằng nó là yếu tố chính liên quan đến các hiện tượng trong phòng gọi hồn, như sự di chuyển của đồ vật, tạo ra những

objects, production of “raps” and other sounds, and materialisations of all kinds: that the development of etheric faculties confers new powers and reveals many etheric phenomena, which are beyond the experience of most men: that by the use of the matter of the etheric body objects may be “magnetised”, much as living beings may be mesmerised: and, finally, that the etheric body provides the material out of which the substance known as ectoplasm is formed.

The Etheric Double has been given a variety of names. In early Theosophical literature it was often called the astral body, the astral man, or the Linga Sharîra. In all later writings, however, none of these terms are ever applied to the Etheric Double, as they belong properly to the body composed of astral matter, the body of Kâma of the Hindus. In reading the Secret Doctrine, therefore, and other books of the older literature, the student must be on his guard not to confuse the two quite distinct bodies, known today as the Etheric Double and the Astral Body.

The correct Hindu name for the Etheric Double is Prânamâyakosha, or vehicle of Prâna: in German it is known as the “Doppelgänger”: after death, when separated from the dense physical body, it is known as the “wraith”, and has also been called the “phantom”, “apparition”, or “churchyard ghost”. In Râja Yoga the Etheric Double and the dense body together are known as the Sthûlopâdhi, or lowest Upâdhi of Âtmâ.

Every solid, liquid and gaseous particle of the physical body is surrounded with an etheric envelope: hence the Etheric Double, as its name implies, is a perfect duplicate of the dense form. In size it projects about one

“tiếng gõ” và các âm thanh khác, cùng mọi loại hiện hình; rằng sự phát triển các quan năng dĩ thái ban cho những quyền năng mới và mặc khải nhiều hiện tượng dĩ thái, vốn vượt ngoài kinh nghiệm của đa số con người; rằng bằng cách sử dụng vật chất của thể dĩ thái, các đồ vật có thể được “tử hóa”, gần như các sinh linh có thể được thôi miên tử tính; và sau cùng, rằng thể dĩ thái cung cấp chất liệu để từ đó chất liệu được gọi là ngoại chất được hình thành.

Bản Sao Dĩ Thái đã được gọi bằng nhiều tên khác nhau. Trong văn học Thông Thiên Học thời kỳ đầu, nó thường được gọi là thể cảm dục, người cảm dục, hay Linga Sharira. Tuy nhiên, trong mọi trước tác về sau, không thuật ngữ nào trong các thuật ngữ này còn được áp dụng cho Bản Sao Dĩ Thái, vì đúng ra chúng thuộc về thể được cấu tạo bằng vật chất cảm dục, thể Kama của người Ấn. Vì vậy, khi đọc Giáo Lý Bí Nhiệm và các sách khác thuộc văn học cổ hơn, đạo sinh phải cẩn trọng để không lẫn lộn hai thể hoàn toàn phân biệt, ngày nay được biết là Bản Sao Dĩ Thái và thể cảm dục.

Tên Ấn Độ đúng của Bản Sao Dĩ Thái là Pranamâyakosha, hay vận cụ của Prana; trong tiếng Đức nó được biết đến như “Doppelgänger”; sau khi chết, khi tách khỏi thể xác đậm đặc, nó được biết đến như “bóng ma”, và cũng đã được gọi là “ảo ảnh”, “hiển linh”, hay “ma nghĩa địa”. Trong Raja Yoga, Bản Sao Dĩ Thái và thể đậm đặc cùng nhau được biết đến như Sthulopadhi, hay Upadhi thấp nhất của Atma.

Mỗi hạt rắn, lỏng và khí của thể xác đều được bao quanh bởi một lớp vỏ dĩ thái; do đó Bản Sao Dĩ Thái, như tên gọi hàm ý, là một bản sao hoàn hảo của hình tướng đậm đặc. Về kích thước, nó phóng chiếu ra ngoài da khoảng

quarter of an inch beyond the skin. The etheric aura, however, or health Aura as it is frequently called, projects normally several inches beyond the skin: this will be further described later.

It is important to notice that the dense body and the Etheric Double vary together as to their quality: hence one who sets himself deliberately to purify his dense body, at the same time automatically refines its etheric counterpart.

Into the composition of the Etheric Double must enter something of all the different grades of etheric matter, but the proportions may vary greatly, and are determined by several factors, such as the race, sub-race, and the type of man, as well as by his individual karma.

As yet, the only information which the compiler has been able to gather regarding the particular properties and functions of each of the four grades of etheric matter is the following:-

- | | | |
|---|---------------|--|
| 1 | Etheric | The medium of ordinary current electricity, and of sound. |
| 2 | Super-Etheric | The medium of light. |
| 3 | Subatomic | The medium of the "finer forms of electricity". |
| 4 | Atomic | The medium for the transmission of thought from brain to brain |

The following is stated, in *Theosophy* for May, 1922, by F.T. Pierce, to be probably correct:-

một phần tư inch. Tuy nhiên, hào quang dĩ thái, hay Hào quang sức khỏe như nó thường được gọi, thông thường phóng chiếu ra ngoài da vài inch; điều này sẽ được mô tả thêm về sau.

Điều quan trọng cần lưu ý là thể đậm đặc và Bản Sao Dĩ Thái cùng biến đổi về phẩm tính; do đó, người nào cố ý thanh lọc thể đậm đặc của mình, đồng thời cũng tự động tinh luyện đối phần dĩ thái của nó.

Trong thành phần cấu tạo của Bản Sao Dĩ Thái phải có một phần nào đó của tất cả các cấp độ khác nhau của vật chất dĩ thái, nhưng các tỷ lệ có thể biến đổi rất lớn, và được quyết định bởi nhiều yếu tố, như nhân loại, giống dân phụ, và loại người, cũng như bởi nghiệp quả cá nhân của y.

Cho đến nay, thông tin duy nhất mà người biên soạn có thể thu thập được liên quan đến các đặc tính và chức năng riêng của mỗi trong bốn cấp độ vật chất dĩ thái là như sau:

Điều sau đây được F. T. Pierce nêu trong *Theosophy* số tháng Năm năm 1922 là có lẽ đúng:

Occult Chemistry Physics

Example

E-1-	Atomic	Electronic	Electron
E-2-	Subatomic	Positive Nucleus	Alpha Particle
E-3-	Super-Etheric	Neutralised Nucleus	Neutron
E-4-	Etheric	Atomic	Nascent N. Atomic H.
	Gaseous	Molecular Gas, etc.	H2 , N2 or gaseous compounds

In appearance the Etheric Double is a pale violet-grey or blue-grey, faintly luminous, and coarse or fine in texture according as the dense physical body is coarse or fine.

Về sắc tướng, Bản Sao Dĩ Thái có màu tím xám nhạt hoặc xanh xám, hơi phát sáng, và có kết cấu thô hay mịn tùy theo thể xác đậm đặc thô hay mịn.

The Etheric Double has two main functions. Firstly, it absorbs Prâna, or Vitality, and distributes this to the whole body, as we shall see in detail presently.

Bản Sao Dĩ Thái có hai chức năng chính. Thứ nhất, nó hấp thụ Prana, hay Sinh lực, và phân phối sinh lực này cho toàn thể thể xác, như chúng ta sẽ sớm thấy chi tiết.

Secondly, it acts as an intermediary or bridge between the dense physical body and the astral body, transmitting the consciousness of physical sense-contacts through the etheric brain to the astral body, and also transmitting consciousness from the astral and higher levels down into the physical brain and nervous system.

Thứ hai, nó hoạt động như một trung gian hay cây cầu giữa thể xác đậm đặc và thể cảm dục, truyền tâm thức về các tiếp xúc giác quan hồng trần qua bộ não dĩ thái đến thể cảm dục, và cũng truyền tâm thức từ các cấp độ cảm dục và cao hơn xuống bộ não hồng trần và hệ thần kinh.

In addition, the Etheric Double develops within itself certain Centres by means of which the man is able to cognise the etheric world and its hosts of etheric phenomena. These powers or faculties will also be described in due course.

Ngoài ra, Bản Sao Dĩ Thái phát triển bên trong chính nó một số trung tâm, nhờ đó con người có thể nhận biết thế giới dĩ thái và vô số hiện tượng dĩ thái của nó. Các quyền năng hay quan năng này cũng sẽ được mô tả đúng lúc.

It is important to recognise that the Etheric Double, being merely a part of the physical body, is not normally capable of acting as a separate vehicle of consciousness, in which a

Điều quan trọng là nhận ra rằng Bản Sao Dĩ Thái, vì chỉ là một phần của thể xác, thông thường không có khả năng hoạt động như một vận cụ tâm thức riêng biệt, trong đó con

man can live or function. It has only a diffused consciousness belonging to its parts, and has no mentality, nor does it readily serve as a medium of mentality, when disjoined from the dense counterpart. As it is a vehicle, not of mental consciousness, but of Prana or Vitality, its dislocation from the dense particles to which it conveys the life-currents is disturbing and unhealthy. In normal, healthy persons, in fact, the separation of the Etheric Double from the dense body is a matter of difficulty, and the Double is unable to move away from the body to which it belongs.

In persons known as physical or materialising mediums the Double is comparatively easily detachable, and its etheric matter forms the basis of many phenomena of materialisation, which will be dealt with more fully in a later chapter.

The Double may be separated from the dense physical body by accident, death, anaesthetics, such as ether or gas, or mesmerism. The Double being the connecting link between the brain and the higher consciousness, the forcible extrusion of it from the dense physical body by anaesthetics necessarily produces anaesthesia.

Further than this, the etheric matter thus forced out usually wraps itself round the astral body, and dulls the consciousness of that vehicle also; hence after the effects of anaesthetics have worn off there is usually no memory in the brain consciousness of the time spent in the astral vehicle.

The method and consequences of withdrawal of etheric matter by mesmerism will be dealt with more fully in the chapter specially

người có thể sống hay vận hành. Nó chỉ có một tâm thức khuếch tán thuộc về các phần của nó, không có trí tuệ, và cũng không dễ dàng phụng sự như một trung gian của trí tuệ khi bị tách khỏi đối phần đậm đặc. Vì nó là một vận cụ, không phải của tâm thức trí tuệ, mà của Prana hay Sinh lực, nên sự lệch vị trí của nó khỏi các hạt đậm đặc mà nó truyền các dòng sự sống đến sẽ gây xáo trộn và không lành mạnh. Thật vậy, nơi những người bình thường, khỏe mạnh, việc tách Bản Sao Dĩ Thái khỏi thể đậm đặc là điều khó khăn, và Bản Sao không thể rời xa thể xác mà nó thuộc về.

Ở những người được biết đến như các đồng tử hồng trần hay đồng tử hiện hình, Bản Sao tương đối dễ tách rời, và vật chất dĩ thái của nó tạo thành nền tảng của nhiều hiện tượng hiện hình, điều sẽ được bàn đến đầy đủ hơn trong một chương sau.

Bản Sao có thể bị tách khỏi thể xác đậm đặc do tai nạn, cái chết, thuốc gây mê như ether hay khí, hoặc thuật thôi miên từ tính. Vì Bản Sao là mắt xích nối kết giữa bộ não và tâm thức cao hơn, nên việc dùng thuốc gây mê cưỡng bức đẩy nó ra khỏi thể xác đậm đặc tất yếu tạo ra trạng thái gây mê.

Hơn nữa, vật chất dĩ thái bị cưỡng bức đẩy ra như thể thường tự quấn quanh thể cảm dục, và cũng làm lu mờ tâm thức của vận cụ ấy; do đó, sau khi tác dụng của thuốc gây mê tan đi, trong tâm thức bộ não thường không còn ký ức về thời gian đã trải qua trong vận cụ cảm dục.

Phương pháp và các hệ quả của việc rút vật chất dĩ thái bằng thuật thôi miên từ tính sẽ được bàn đến đầy đủ hơn trong chương đặc

devoted to the purpose.

In conditions of weak health or nervous excitement the Etheric Double may also in great part be extruded from its dense counterpart: the latter then becomes very dully conscious, or entranced, according to the lesser or greater amount of the etheric matter extruded.

Separation of the Double from the dense body is generally accompanied by a considerable decrease of vitality in the latter, the double becoming more vitalised as the energy in the dense body diminishes. In *Posthumous Humanity* Colonel Olcott says:-

“When the double is projected by a trained expert, even the body seems torpid, and the mind in a ‘brown study’ or dazed state; the eyes are lifeless in expression, the heart and lung actions feeble and often temperature much lowered. It is very dangerous to make any sudden noise or burst into a room under such circumstances; for, the double being by instantaneous reaction drawn back into the body, the heart convulsively palpitates, and death may be caused.”

So intimate, in fact, is the connection between the etheric and the dense bodies that an injury inflicted on the Etheric Double will appear as a lesion on the dense body, this being an instance of the curious phenomenon known as repercussion. It is well known that repercussion can also occur in the case of the astral body, an injury to the latter, under certain circumstances, reproducing itself in the physical body.

It seems probable, however, that repercussion can occur only in the case of a

biệt dành cho mục đích ấy.

Trong tình trạng sức khỏe yếu hoặc kích động thần kinh, Bản Sao Dĩ Thái cũng có thể phần lớn bị đẩy ra khỏi đối phần đậm đặc của nó; khi đó đối phần sau trở nên có tâm thức rất mờ nhạt, hoặc rơi vào xuất thần, tùy theo lượng vật chất dĩ thái bị đẩy ra ít hay nhiều.

Sự tách rời của Bản Sao khỏi thể đậm đặc thường đi kèm với sự suy giảm đáng kể sinh lực nơi thể sau, trong khi bản sao trở nên được tiếp sinh lực nhiều hơn khi năng lượng trong thể đậm đặc giảm bớt. Trong *Posthumous Humanity*, Đại tá Olcott nói:

“Khi bản sao được phóng chiếu bởi một chuyên gia lão luyện, ngay cả thân thể cũng có vẻ thờ ơ, và thể trí ở trong trạng thái ‘trầm tư mơ màng’ hay ngẩn ngơ; đôi mắt vô hồn trong biểu cảm, hoạt động của tim và phổi yếu ớt, và nhiệt độ thường hạ thấp nhiều. Sẽ rất nguy hiểm nếu gây ra bất kỳ tiếng động đột ngột nào hoặc xông vào phòng trong những hoàn cảnh như vậy; vì bản sao, do phản ứng tức thời bị kéo trở lại vào thân thể, khiến tim đập dồn dập co thắt, và có thể gây ra tử vong.”

Thật vậy, mối liên hệ giữa thể dĩ thái và thể đậm đặc mật thiết đến mức một thương tổn gây ra cho Bản Sao Dĩ Thái sẽ xuất hiện như một tổn thương trên thể đậm đặc, đây là một trường hợp của hiện tượng kỳ lạ được biết đến như sự dội ngược. Người ta biết rõ rằng sự dội ngược cũng có thể xảy ra trong trường hợp thể cảm dục, một thương tổn nơi thể sau, trong một số hoàn cảnh nhất định, tự tái hiện trong thể xác.

Tuy nhiên, dường như có khả năng rằng sự dội ngược chỉ có thể xảy ra trong trường hợp

perfect materialisation, where the form is both visible and tangible, and not when it is:-1.) tangible though not visible, or 2.) visible though not tangible

It must be born in mind that the above applies only where matter of the Etheric Double is used for the materialised form. When the materialisation is formed of matter, from the circumambient ether, an injury to the form could affect the physical body by repercussion no more than an injury to a marble statue could injure the man himself.

It must also be born in mind that etheric matter, though invisible to ordinary sight, is still purely physical, and can therefore be affected by cold and heat, and also powerful acids.

Persons who have lost a limb by amputation sometimes complain that they can feel pain at the extremities of the amputated limb, *i.e.*, at the place where the limb used to be.

This is due to the fact that the etheric portion of the limb is not removed with the dense physical portion, but can still be seen in its place by clairvoyant sight, and therefore, under suitable stimulus, sensations can be aroused in this etheric limb and transmitted to the consciousness.

There are a large number of other phenomenon connected with the Etheric Double, its extrusion from the dense body, its emanations, and so forth, but these can be dealt with more conveniently and satisfactorily at a later stage, after we have studied the nature and methods of working Prâna, or Vitality.

một hiện hình hoàn hảo, nơi hình tượng vừa hữu hình vừa có thể sờ chạm được, chứ không phải khi nó: 1. có thể sờ chạm nhưng không hữu hình, hoặc 2. hữu hình nhưng không thể sờ chạm.

Cần ghi nhớ rằng điều trên chỉ áp dụng khi vật chất của Bản Sao Dĩ Thái được dùng cho hình tượng hiện hình. Khi hiện hình được tạo thành bằng vật chất từ dĩ thái bao quanh, một thương tổn đối với hình tượng không thể tác động đến thể xác bằng sự dội ngược hơn gì một thương tổn đối với một tượng đá cẩm thạch có thể làm tổn hại chính con người.

Cũng cần ghi nhớ rằng vật chất dĩ thái, tuy vô hình đối với thị giác thông thường, vẫn hoàn toàn thuộc hồng trần, và do đó có thể chịu tác động của lạnh và nóng, cũng như các acid mạnh.

Những người bị mất một chi do cắt cụt đôi khi than phiền rằng họ có thể cảm thấy đau ở các đầu mút của chi đã bị cắt cụt, tức là tại nơi chi ấy từng ở đó.

Điều này là do phần dĩ thái của chi không bị lấy đi cùng với phần hồng trần đậm đặc, mà vẫn có thể được thấy tại vị trí của nó bằng thị giác thông nhãn; do đó, dưới kích thích thích hợp, các cảm giác có thể được khơi dậy trong chi dĩ thái này và truyền đến tâm thức.

Có rất nhiều hiện tượng khác liên quan đến Bản Sao Dĩ Thái, sự đẩy nó ra khỏi thể đậm đặc, các phát xạ của nó, v.v.; nhưng những điều này có thể được đề cập thuận tiện và thỏa đáng hơn ở một giai đoạn sau, sau khi chúng ta đã nghiên cứu bản chất và các phương pháp hoạt động của Prana, hay Sinh lực.

CHAPTER II – CHƯƠNG II

PRÂNA, OR VITALITY – PRANA, HAY SINH LỰC

It is known to occultists that there are at least three separate and distinct forces which emanate from the sun and reach our planet. There may be countless other forces, for all we know to the contrary, but at any rate we know of these three. They are: -

1. Fohat, or Electricity

2. Prâna, or Vitality

3. Kundalini, or Serpent-Fire

Fohat or Electricity, comprises practically all the physical forces of which we know, all of which are convertible into one another, such as electricity, magnetism, light, heat, sound, chemical affinity, motion, and so forth.

Prâna, or Vitality, is a vital force, the existence of which is not yet formally recognised by orthodox Western scientists, though probably a few of them suspect it.

Kundalini, or Serpent-Fire, is a force known as yet only to very few. It is entirely unknown and unsuspected by orthodox Western science.

These three forces remain distinct, and none of them can at this level be converted into either of the others. This is a point of great importance, which the student should clearly grasp.

Further, these three forces have no connection with the Three Great Outpourings; the Outpourings are definite

Các nhà huyền bí học biết rằng có ít nhất ba mãnh lực riêng biệt và phân minh xuất lộ từ mặt trời và đến hành tinh chúng ta. Có thể có vô số mãnh lực khác, theo tất cả những gì chúng ta chưa biết ngược lại, nhưng dù sao chúng ta cũng biết ba mãnh lực này. Chúng là:

1. Fohat, hay Điện

2. Prana, hay Sinh lực

3. Kundalini, hay Hỏa Xà

Fohat hay Điện, trên thực tế bao gồm tất cả các mãnh lực hồng trần mà chúng ta biết, tất cả đều có thể chuyển đổi lẫn nhau, như điện, từ điện, ánh sáng, nhiệt, âm thanh, ái lực hóa học, chuyển động, v.v.

Prana, hay Sinh lực, là một sinh lực mà sự tồn tại của nó chưa được các nhà khoa học phương Tây chính thống chính thức công nhận, mặc dù có lẽ một vài người trong số họ nghi ngờ có nó.

Kundalini, hay Hỏa Xà, là một mãnh lực cho đến nay chỉ rất ít người biết. Khoa học phương Tây chính thống hoàn toàn không biết và cũng không nghi ngờ về nó.

Ba mãnh lực này vẫn phân biệt, và không mãnh lực nào trong số đó ở cấp độ này có thể được chuyển đổi thành bất kỳ mãnh lực nào trong hai mãnh lực kia. Đây là một điểm rất quan trọng mà đạo sinh nên nắm rõ.

Hơn nữa, ba mãnh lực này không liên hệ với Ba Lần Tuôn Đổ vĩ Đại; các Lần Tuôn Đổ là những nỗ lực xác định do Thái dương Thượng

efforts made by the Solar Deity. Fohat, Prâna and Kundalini, on the other hand, seem rather the results of His Life, His qualities in manifestation without any visible effort.

[Since this document was compiled, *The Chakras* by C.W. Leadbeater, has appeared. In *The Chakras* it is stated that the three forces mentioned *are* connected with the Outpourings, as follows:

The First Outpouring, from the Third Logos, is the Primary force which manufactured the chemical elements. This appears to be Fohat. The Second Outpouring, from the Second Logos, has Prâna as *one* of its aspects.

Kundalini is a further development, on the *ascending* arc, of the First Outpouring]

Prâna is a Sanskrit word, derived from *pra*, forth, and *an*, to breathe, move, live. Thus *pra-an*, Prâna, means to breathe forth, life-breath or life-energy being the nearest English equivalents of the Sanskrit term. As, in Hindu thought, there is but one Life, one Consciousness, Prâna has been used for the Supreme Self, the energy of the One, the Life of the Logos. Hence, Life on each plane may be spoken of as the Prâna of the plane, Prâna becoming the life-breath in every creature.

“I am Prâna... Prâna is life,” says Indra, the great Deva who stands as the Head of the hierarchy of the life in the lower world. Prâna here clearly means the totality of the life-forces. In the Mundakopanishat it is stated that from Brahman the One comes Prâna – or

để thực hiện. Trái lại, Fohat, Prana và Kundalini dường như đúng hơn là các kết quả của Sự Sống của Ngài, các phẩm tính của Ngài trong biểu hiện mà không có bất kỳ nỗ lực hữu hình nào.

[Kể từ khi tài liệu này được biên soạn, *The Chakras* của C. W. Leadbeater đã xuất hiện. Trong *The Chakras*, có nói rằng ba mãnh lực đã nêu có liên hệ với các Lân Tuôn Đồ như sau:

Lân Tuôn Đồ Thứ Nhất, từ Thượng Đế Ngôi Ba, là mãnh lực nguyên thủy đã tạo ra các nguyên tố hóa học. Điều này dường như là Fohat. Lân Tuôn Đồ Thứ Hai, từ Thượng Đế Ngôi Hai, có Prana như *một* trong các phương diện của nó.

Kundalini là một sự phát triển thêm, trên vòng cung *thăng thượng*, của Lân Tuôn Đồ Thứ Nhất]

Prana là một từ tiếng Phạn, phát sinh từ *pra*, nghĩa là đi ra, và *an*, nghĩa là thở, chuyển động, sống. Do đó *pra-an*, Prana, có nghĩa là thở ra, trong đó hơi thở sự sống hay năng lượng sự sống là những tương đương tiếng Anh gần nhất của thuật ngữ tiếng Phạn này. Vì trong tư tưởng Ấn Độ chỉ có một Sự Sống, một Tâm Thức, Prana đã được dùng để chỉ Bản Ngã Tối Cao, năng lượng của Đấng Duy Nhất, Sự Sống của Thượng Đế. Do đó, Sự Sống trên mỗi cõi có thể được nói đến như Prana của cõi ấy, Prana trở thành hơi thở sự sống trong mỗi sinh linh.

“Ta là Prana... Prana là sự sống,” Indra, vị thiên thần vĩ đại đứng đầu thánh đoàn của sự sống trong thế giới thấp, nói như vậy. Ở đây Prana rõ ràng có nghĩa là toàn bộ các mãnh lực sự sống. Trong Mundakopanishat có nói rằng từ Brahman Đấng Duy Nhất phát sinh

Life. Prâna is also described as Âtmâ in its outgoing activity: “From Âtmâ this Prâna is born” (Prashnopanishat). Shankara says that Prâna is Kriyâshakti – the Shakti of doing, not of knowing. It is classed as one of the seven Elements, which correspond to the seven regions of the universe, the seven sheaths of Brahman, and so forth. These are: Prâna, Manas, Ether, Fire, Air, Water, Earth.

The Hebrews speak of the “breath of life”, which they call Nephesch, breathed into the nostrils of Adam. Nephesch, however, is not strictly speaking Prâna alone, but Prâna combined with the next principle, Kâma. These together make the “vital spark” that is the “Breath of life in man, in beast or insect, of physical, material life. “

Translated into more Western terms, Prâna, on the physical plane, is best described as Vitality, as the integrating energy that co-ordinates the physical molecules, cells, etc., and holds them together as a definite organism. It is the life-breath within the organism, the portion of the universal Life-Breath, appropriated by a given organism during the period of bodily existence that we speak of as “a life.” Were it not for the presence of Prâna, there could be no physical body as an integral whole, working as one entity; without Prâna the body would be nothing more than a collection of independent cells. Prâna links up and connects these into one complex whole, playing along the branches and meshes of the “life-web,” that shimmering golden web of inconceivable fineness and delicate beauty, formed out of a single thread of buddhic matter, a prolongation of the Sûtrâtma, within the meshes of which the coarser

Prana, hay Sự Sống. Prana cũng được mô tả như Atma trong hoạt động hướng ra ngoài của nó: “Từ Atma, Prana này được sinh ra” (Prashnopanishat). Shankara nói rằng Prana là Kriyashakti, tức Shakti của hành động, không phải của tri thức. Nó được xếp như một trong bảy Nguyên tố, tương ứng với bảy vùng của vũ trụ, bảy lớp vỏ của Brahman, v.v. Các nguyên tố ấy là: Prana, Manas, Dĩ thái, Lửa, Khí, Nước, Đất.

Người Hebrew nói về “hơi thở sự sống”, mà họ gọi là Nephesch, được thổi vào lỗ mũi của Adam. Tuy nhiên, nói nghiêm ngặt, Nephesch không chỉ là Prana, mà là Prana kết hợp với nguyên khí kế tiếp, Kama. Hai nguyên khí này cùng nhau tạo thành “tia lửa sinh lực”, tức “Hơi thở sự sống trong con người, trong thú vật hay côn trùng, của sự sống hồng trần, vật chất.”

Dịch sang các thuật ngữ phương Tây hơn, Prana, trên cõi hồng trần, được mô tả tốt nhất là Sinh lực, như năng lượng tích hợp phối hợp các phân tử, tế bào hồng trần, v.v., và giữ chúng lại với nhau như một cơ thể xác định. Nó là hơi thở sự sống bên trong cơ thể, phần của Hơi Thở Sự Sống vũ trụ được một cơ thể nhất định chiếm dụng trong thời kỳ tồn tại thân xác mà chúng ta gọi là “một đời sống”. Nếu không có sự hiện diện của Prana, không thể có thể xác như một toàn thể tích hợp, hoạt động như một thực thể duy nhất; không có Prana, thân thể chẳng là gì hơn một tập hợp các tế bào độc lập. Prana liên kết và nối kết chúng thành một toàn thể phức hợp, vận hành dọc theo các nhánh và mắt lưới của “mạng sự sống”, mạng lưới vàng lấp lánh có độ tinh vi không thể quan niệm và vẻ đẹp thanh tú, được tạo nên từ một sợi dây duy nhất bằng vật chất Bồ đề, một phần kéo dài của Sutratma, trong các mắt lưới của nó những nguyên tử thô hơn được xây dựng lại

atoms are built together.

Prâna is absorbed by all living organisms, a sufficient supply of it seeming to be a necessity of their existence. It is not, therefore, in any sense a product of life, but the living animal, plant, etc., are its products. Too great an exuberance of it in the nervous system may lead to disease and death, just as too little leads to exhaustion and ultimately death.

H.P. Blavatsky compares Prâna, the active power producing all *vital* phenomena, to oxygen, the supporter of combustion, the life-giving gas, the active *chemical* agent in all organic life. A comparison is also drawn between the Etheric Double, the inert vehicle of life, and nitrogen, an inert gas with which oxygen is mixed to adapt the latter for animal respiration, and which also enters largely into all organic substances.

The fact that the cat is pre-eminently endowed with prâna has given rise to the popular idea of the cat having “nine lives”, and appears to have been indirectly connected with the reasons for this animal being regarded in Egypt as sacred.

On the physical plane prâna builds up all minerals, and is the controlling agent in the chemico-physiological changes in protoplasm, which lead to differentiation and the building of the various tissues of bodies and plants, animals and men. They show its presence by the power of responding to stimuli.

The blending of astral with physical prâna creates nerve-matter which is fundamentally the cell, and which gives the power to feel pleasure and pain. The cells develop into

với nhau.

Prana được mọi cơ thể sống hấp thụ, một nguồn cung cấp đầy đủ của nó dường như là điều cần thiết cho sự tồn tại của chúng. Vì vậy, theo bất kỳ nghĩa nào, nó không phải là sản phẩm của sự sống; trái lại, động vật sống, thực vật, v.v., là sản phẩm của nó. Sự dư thừa quá lớn của nó trong hệ thần kinh có thể dẫn đến bệnh tật và tử vong, cũng như quá ít dẫn đến kiệt sức và cuối cùng là tử vong.

H. P. Blavatsky so sánh Prana, quyền năng hoạt động tạo ra mọi hiện tượng *sinh lực*, với oxygen, chất hỗ trợ sự cháy, khí ban sự sống, tác nhân *hóa học* hoạt động trong mọi sự sống hữu cơ. Một sự so sánh cũng được nêu ra giữa Bản Sao Dĩ Thái, vận cụ bất động của sự sống, và nitrogen, một khí trơ mà oxygen được trộn với nó để làm cho oxygen thích hợp với hô hấp của động vật, và cũng đi vào phần lớn mọi chất hữu cơ.

Sự kiện con mèo được phú cho prana ở mức nổi trội đã làm nảy sinh ý tưởng phổ biến rằng mèo có “chín mạng”, và dường như đã gián tiếp liên hệ với những lý do khiến loài vật này được xem là thiêng liêng ở Ai Cập.

Trên cõi hồng trần, prana xây dựng tất cả khoáng vật, và là tác nhân kiểm soát trong các biến đổi hóa học-sinh lý trong chất nguyên sinh, dẫn đến sự biến phân và sự xây dựng các mô khác nhau của thân thể và thực vật, động vật và con người. Chúng cho thấy sự hiện diện của nó bằng quyền năng đáp ứng với các kích thích.

Sự hòa trộn prana cảm dục với prana hồng trần tạo ra vật chất thần kinh, vốn căn bản là tế bào, và ban quyền năng cảm nhận vui thích và đau đớn. Các tế bào phát triển thành sợi,

fibres, as the result of thought, the prâna pulsating along those fibres being composed of physical, astral and mental prâna.

Within the physical plane atoms themselves, the prâna courses along the spirillæ. In our Chain, in the First Round, the Monadic Life, flowing through the Spiritual Triad (Atma-Buddhi-Manas), vivifies the first set of spirillæ, and these are used by the prânic currents which affect the dense physical body. In the Second Round, the Monad vivifies the second set of spirillæ, and through them runs the prâna connected with the Etheric Double. In the Third Round, the third set of spirillæ is awakened by the Monadic life, and through them courses the kâmic prâna, which makes sensation of pleasure and pain possible. In the Fourth Round, the Monadic life awakens the fourth set of spirillæ, which becomes the vehicle for the Kâma-manasic prâna, thus making the atoms fit to be built into a brain for thought.

This is as far as normal humanity has progressed. Certain Yoga practices (in the use of which great caution is required, lest injury should be inflicted on the brain) bring about the development of the fifth and sixth set of spirillæ, which serve as channels for higher forms of consciousness.

The seven spirillæ in the atom must not be confused with the “whorls,” of which there are ten, three coarser and seven finer. In the three coarser whorls flow currents of different electricities, whilst the seven finer whorls respond to etheric waves of all kinds – sound, light, heat, etc.

The *Secret Doctrine* speaks of Prâna as the “invisible” or “fiery” lives which supply the

như kết quả của tư tưởng; prana dao động dọc theo các sợi ấy được cấu thành bởi prana hồng trần, cảm dục và trí tuệ.

Bên trong chính các nguyên tử của cõi hồng trần, prana chạy dọc theo các loa tuyến. Trong Dây của chúng ta, ở cuộc tuần hoàn thứ nhất, Sự Sống Chân Thần, tuôn chảy qua Tam Nguyên Tinh Thần (Atma-Buddhi-Manas), làm linh hoạt bộ loa tuyến thứ nhất, và các loa tuyến này được những dòng prana ảnh hưởng đến thể xác đậm đặc sử dụng. Trong cuộc tuần hoàn thứ hai, Chân thần làm linh hoạt bộ loa tuyến thứ hai, và qua chúng chạy prana liên hệ với Bản Sao Dĩ Thái. Trong cuộc tuần hoàn thứ ba, bộ loa tuyến thứ ba được sự sống Chân Thần đánh thức, và qua chúng chạy prana kama, khiến cảm giác vui thích và đau đớn trở nên khả hữu. Trong cuộc tuần hoàn thứ tư, sự sống Chân Thần đánh thức bộ loa tuyến thứ tư, vốn trở thành vận cụ cho prana kama-manas, nhờ đó làm cho các nguyên tử thích hợp để được xây dựng thành bộ não cho tư tưởng.

Đây là mức tiến bộ mà nhân loại bình thường đã đạt đến. Một số thực hành Yoga nhất định, trong việc sử dụng chúng cần hết sức thận trọng để khỏi gây tổn thương cho bộ não, đem lại sự phát triển của bộ loa tuyến thứ năm và thứ sáu, vốn phụng sự như các kênh cho những hình thức tâm thức cao hơn.

Bảy loa tuyến trong nguyên tử không được lẫn lộn với các “vòng xoáy”, vốn có mười, ba thô hơn và bảy tinh tế hơn. Trong ba vòng xoáy thô hơn chảy các dòng điện khác nhau, trong khi bảy vòng xoáy tinh tế hơn đáp ứng với mọi loại sóng dĩ thái: âm thanh, ánh sáng, nhiệt, v.v.

Giáo Lý Bí Nhiệm nói về Prana như các sự sống “vô hình” hay “bốc lửa”, vốn cung cấp cho vi

microbes with “vital constructive energy,” thus enabling them to build the physical cells, the size of the smallest bacterium relatively to that of a “fiery life” being as that of an elephant to the tiniest infusoria. “Every visible thing in the universe was built by such lives, from conscious and divine primordial man, down to the unconscious agents that construct matter.” “By the manifestation of Prâna, the spirit which is speechless appears as the speaker.

The whole constructive vitality, in the universe and in man, is thus summed up as Prâna.

An atom is also a “life”, but the consciousness is that of the Third Logos. A microbe is a “life,” the consciousness being that of the Second Logos, appropriated and modified by the Planetary Logos and the “Spirit of the Earth.”

The *Secret Doctrine* also speaks of a “fundamental dogma” of occult science, that the Sun is the storehouse of Vital Force, and that from the sun issue those life-currents which thrill through space, as through the organisms of every living thing on earth. Paracelsus thus referred to Prâna: “The whole of the Microcosm is potentially contained in the Liqueur Vitæ, a nerve fluid ...in which is contained the nature, quality, character, and essence of all beings.” Paracelsus also spoke of it as the Archæus. Dr. B. Richardson, F.R.S., wrote of it as “nervous ether.” The Nasmyth willow leaves are the reservoirs of the solar vital energy, the real sun being hidden behind the visible sun, and generating the vital fluid, which circulates throughout our System in a ten-year cycle.

sinh vật “năng lượng kiến tạo sinh lực”, nhờ đó khiến chúng có thể xây dựng các tế bào hồng trần; kích thước của vi khuẩn nhỏ nhất so với một “sự sống bốc lửa” giống như kích thước của một con voi so với loài trùng cỏ nhỏ nhất. “Mọi vật hữu hình trong vũ trụ đều được xây dựng bởi những sự sống như thế, từ con người nguyên sơ hữu thức và thiêng liêng, xuống đến các tác nhân vô thức kiến tạo vật chất.” “Nhờ sự biểu hiện của Prana, tinh thần vốn không lời xuất hiện như người nói.”

Như vậy, toàn bộ sinh lực kiến tạo trong vũ trụ và trong con người được tóm gọn là Prana.

Một nguyên tử cũng là một “sự sống”, nhưng tâm thức là tâm thức của Thượng Đế Ngôi Ba. Một vi sinh vật là một “sự sống”, với tâm thức là tâm thức của Thượng Đế Ngôi Hai, được Hành Tinh Thượng đế và Tinh Linh Địa Cầu chiếm dụng và biến đổi.

Giáo Lý Bí Nhiệm cũng nói về một “giáo điều căn bản” của khoa học huyền bí, rằng Mặt Trời là kho chứa Sinh Lực, và từ mặt trời phát ra những dòng sự sống rung động xuyên qua không gian, cũng như xuyên qua các cơ thể của mọi sinh vật trên Trái Đất. Paracelsus đã nói về Prana như sau: “Toàn bộ Tiểu thiên địa được chứa đựng trong trạng thái tiềm năng trong Liqueur Vitæ, một lưu chất thần kinh... trong đó chứa bản chất, phẩm tính, tính cách và tinh túy của mọi sinh linh.” Paracelsus cũng gọi nó là Archæus. Tiến sĩ B. Richardson, hội viên Hội Hoàng Gia, viết về nó như “dĩ thái thần kinh”. Những lá liễu Nasmyth là các hồ chứa năng lượng sinh lực thái dương, mặt trời thật bị ẩn sau mặt trời hữu hình, và phát sinh lưu chất sinh lực, lưu chất này tuần hoàn khắp hệ mặt trời của chúng ta trong một chu kỳ mười năm.

The old Aryan sang that Surya “hiding behind his Yogi, robes his head that no one could see.”

The dress of the Indian ascetics is dyed a red-yellow hue, with pinkish patches on it, and is intended rudely to represent the prâna in men’s blood, the symbol of the vital principle in the sun, or what is now called the chromosphere, the “rose-coloured” region.

The nerve-centres themselves are of course provided by the “food-sheath” or dense body, but Prâna is the controlling energy which acts through the nerve-centres, making the food-sheath obedient, and fashioning it for the purpose which the I, seated in the higher intelligence, demands.

It is important to note that although the nerves are in the physical body, it is not the physical body, as such, which has the power of feeling. As a sheath, the physical body does not feel: it is a receiver of impressions only. The outer body receives the impact, but in its own cells does not lie the power of feeling pleasure or pain, except in a very vague, dull and “massive” way, giving rise to vague, diffused feelings, such as those of general fatigue, for example.

The physical contacts are transmitted inwards by prâna, and these are acute, sharp, keen, specific, quite different from the heavy, diffused sensations deriving from the cells themselves. It is thus in every case prâna which gives the sense-activity to the physical organs, and which transmits the outer vibration to the sense-centres, which are situated in Kâma, in the sheath which is next to prâna, the Manomayakosha. It is by means

Người Arya cổ xưa đã hát rằng Surya “ẩn sau vị Yogi của mình, khoác áo cho đầu mình để không ai có thể thấy.”

Y phục của các nhà khổ hạnh Ấn Độ được nhuộm một sắc đỏ vàng, có những mảng phớt hồng trên đó, và nhằm biểu trưng một cách thô sơ prana trong máu con người, biểu tượng của nguyên khí sinh lực trong mặt trời, hay điều ngày nay được gọi là sắc cầu, vùng “màu hồng”.

Dĩ nhiên chính các trung tâm thần kinh được cung cấp bởi “lớp vỏ thức ăn” hay thể đậm đặc, nhưng Prana là năng lượng kiểm soát hoạt động qua các trung tâm thần kinh, khiến lớp vỏ thức ăn vâng phục, và tạo hình nó cho mục đích mà cái Tôi, an trú trong trí tuệ cao hơn, đòi hỏi.

Điều quan trọng cần ghi nhận là mặc dù các dây thần kinh ở trong thể xác, nhưng không phải chính thể xác, xét như vậy, có quyền năng cảm giác. Là một lớp vỏ, thể xác không cảm thấy; nó chỉ là một bộ tiếp nhận các ấn tượng. Thân thể bên ngoài tiếp nhận va chạm, nhưng trong chính các tế bào của nó không có quyền năng cảm thấy vui thích hay đau đớn, ngoại trừ theo một cách rất mơ hồ, mờ nhạt và “nặng khối”, làm phát sinh những cảm giác mơ hồ, khuếch tán, như chẳng hạn cảm giác mệt mỏi chung.

Các tiếp xúc hồng trần được prana truyền vào bên trong, và các tiếp xúc này sắc bén, rõ nét, mãnh liệt, chuyên biệt, hoàn toàn khác với những cảm giác nặng nề, khuếch tán phát sinh từ chính các tế bào. Như vậy, trong mọi trường hợp chính prana ban hoạt động giác quan cho các cơ quan hồng trần, và truyền rung động bên ngoài đến các trung tâm giác quan, vốn tọa lạc trong Kama, trong lớp vỏ kế tiếp prana, tức Manomayakosha. Chính nhờ

of the Etheric Double that prana runs along the nerves of the body and thus enables them to act not only as the carriers of external impacts but also of motor force, originated from within.

It is the play of the pranic life-currents in the Etheric Doubles of minerals, vegetables, and animals which awaken out of latency the astral matter involved in the structure of their atomic and molecular constituents, thus producing a “thrill” which enables the Monad of form to draw in astral materials, which are built by nature-spirits into a loosely constituted mass, the future astral body.

In the mineral, astral matter is so little active that there is no perceptible working from the astral to the physical. In the higher plants the increased astral activity affects their etheric and, through this, their dense matter. With animals, the much greater astral consciousness affects their Etheric Doubles and, by these etheric vibrations, the building of the nervous system, which was dimly foreshadowed only in plants, is stimulated.

It is thus impulses set up by the consciousness – *willing* to experience – which cause astral vibrations, these producing vibrations in etheric matter: the impulse thus comes from the consciousness, but the actual building of the nervous system, which the consciousness at this stage is unable to undertake, is performed by etheric nature-spirits, directed by the Shining Ones of the Third elemental Kingdom and the Logos working through the Group Soul.

Bản Sao Dĩ Thái mà prana chạy dọc theo các dây thần kinh của thân thể, và nhờ đó khiến chúng có thể hoạt động không chỉ như các vật mang những va chạm bên ngoài mà còn như các vật mang mãnh lực vận động phát sinh từ bên trong.

Chính sự vận động của các dòng sự sống prana trong các Bản Sao Dĩ Thái của khoáng vật, thực vật và động vật đánh thức khởi trạng thái tiềm tàng vật chất cảm dục có liên quan trong cấu trúc của các thành phần nguyên tử và phân tử của chúng, nhờ đó tạo ra một “rung động” khiến Chân thần của hình tướng có thể thu hút các chất liệu cảm dục, được các tinh linh tự nhiên xây dựng thành một khối cấu thành lỏng lẻo, tức thể cảm dục tương lai.

Trong giới kim thạch, vật chất cảm dục hoạt động quá ít đến nỗi không có hoạt động nào có thể nhận thấy từ cảm dục đến hồng trần. Trong các loài thực vật cao hơn, hoạt động cảm dục gia tăng ảnh hưởng đến phần dĩ thái của chúng và, qua đó, đến vật chất đậm đặc của chúng. Với động vật, tâm thức cảm dục lớn hơn nhiều ảnh hưởng đến các Bản Sao Dĩ Thái của chúng, và bằng những rung động dĩ thái này, sự xây dựng hệ thần kinh, vốn chỉ được báo trước một cách mờ nhạt nơi thực vật, được kích thích.

Như vậy, chính những xung lực do tâm thức khởi lên, *muốn* trải nghiệm, gây ra các rung động cảm dục, các rung động này tạo ra rung động trong vật chất dĩ thái; do đó xung lực phát xuất từ tâm thức, nhưng việc xây dựng thực sự hệ thần kinh, điều mà tâm thức ở giai đoạn này chưa thể đảm trách, được thực hiện bởi các tinh linh tự nhiên dĩ thái, dưới sự chỉ đạo của các Đấng Quang Huy thuộc giới hành khí thứ ba và Thượng Đế hoạt động qua Hồn nhóm.

There appears first in the astral body a centre, having the function of receiving and responding to vibrations from outside. From this centre, vibrations pass to the etheric body, causing there etheric vortices which draw into themselves dense physical particles: these eventually form a nerve-cell, and groups of cells, which, receiving vibrations from the outer physical world, transmit them back to the astral centres, the physical and astral centres thus acting and reacting on one another, each in consequence becoming more complicated and more effective. Out of these nerve-cells, the sympathetic system is built first, by impulses, as we have seen, originating in the *astral* world: later the cerebro-spinal system is constructed, by impulses originating in the *mental* world.

The sympathetic system always remains directly connected with the astral centres: but it is important to note that these astral centres *are not the astral chakrams*, of which we shall speak later, but are merely aggregations in the astral sheath which form the beginnings of the centres which will build the organs in the physical body. The astral chakrams are not formed till a much later period in evolution.

From these centres then – which are *not* the chakrams – ten organs in the physical are formed: five to receive impressions, Jñanendriyas, “knowledge-senses” or sense-centres in the brain, which eventually are connected with eyes, ears, tongue, nose and skin: and five to convey vibrations from consciousness to the outer world, Karmendriyas, “action senses,” or sense-centres which cause action, these being the motor-centres in the brain, to be connected with the sense-organs in hands, feet, larynx,

Trước tiên, trong thể cảm dục xuất hiện một trung tâm có chức năng tiếp nhận và đáp ứng với các rung động từ bên ngoài. Từ trung tâm này, các rung động đi đến thể dĩ thái, gây ra ở đó những xoáy dĩ thái thu hút vào chính chúng các hạt hồng trần đậm đặc; cuối cùng các hạt này tạo thành một tế bào thần kinh, và các nhóm tế bào, vốn khi tiếp nhận các rung động từ thế giới hồng trần bên ngoài, truyền chúng trở lại các trung tâm cảm dục; như vậy các trung tâm hồng trần và cảm dục tác động và phản tác động lẫn nhau, mỗi bên do đó trở nên phức tạp hơn và hữu hiệu hơn. Từ các tế bào thần kinh này, hệ giao cảm được xây dựng trước tiên, bằng các xung lực, như chúng ta đã thấy, phát sinh trong thế giới *cảm dục*; về sau hệ não-tủy được kiến tạo, bằng các xung lực phát sinh trong thế giới *trí tuệ*.

Hệ giao cảm luôn luôn vẫn trực tiếp liên hệ với các trung tâm cảm dục; nhưng điều quan trọng cần lưu ý là các trung tâm cảm dục này *không phải là các luân xa cảm dục*, mà chúng ta sẽ nói đến về sau, mà chỉ là những tập hợp trong lớp vỏ cảm dục tạo thành những khởi đầu của các trung tâm sẽ xây dựng các cơ quan trong thể xác. Các luân xa cảm dục chỉ được hình thành vào một thời kỳ muộn hơn nhiều trong tiến hoá.

Từ các trung tâm này, vốn *không phải là các luân xa*, mười cơ quan trong hồng trần được hình thành: năm cơ quan để tiếp nhận ấn tượng, Jnanendriyas, “giác quan tri thức” hay các trung tâm giác quan trong bộ não, cuối cùng được liên kết với mắt, tai, lưỡi, mũi và da; và năm cơ quan để truyền các rung động từ tâm thức ra thế giới bên ngoài, Karmendriyas, “giác quan hành động”, hay các trung tâm giác quan gây ra hành động, đây là các trung tâm vận động trong bộ não, được liên kết với các cơ quan giác quan nơi tay, chân, thanh

organs of generation and excretion.

The student must carefully note that the *prâna* which courses along the nerves is quite separate and distinct from what is called a man's *magnetism*, or *nerve-fluid*, which is generated within his own body. This *nerve-fluid* or magnetism keeps the etheric matter circulating along the nerves, or, more accurately, along a coating of ether which surrounds each nerve, much as the blood circulates through the veins. And just as the blood carries oxygen to the body, so does the nerve-fluid convey *prâna*.

Furthermore, just as the particles of the dense physical body are constantly changing and being replaced by fresh particles derived from food, water, and air, so are the particles of the etheric body being constantly changed and replaced by fresh etheric particles, these being taken into the body along with the food eaten, with the air breathed, and with *prâna*, in the form known as the Vitality Globule, as will presently be described.

Prâna, or Vitality, exists on all planes – physical, astral, mental, etc.. *Prâna*, the One Life, is “the nave to which are attached the seven spokes of the universal wheel” (*Hymn to Prâna, Artharva Veda*, XI., 4). We are here, however, concerned only with its appearance and methods of work in the lowest, the physical plane.

It must also be noted that *prâna* on the physical plane is sevenfold, *i.e.*, there are seven varieties of it.

We have seen already that is quite separate and distinct from light, heat, etc., but nevertheless its manifestation on the physical plane appears to depend upon

quần, các cơ quan sinh sản và bài tiết.

Đạo sinh phải lưu ý cẩn thận rằng *prana* chạy dọc theo các dây thần kinh là hoàn toàn riêng biệt và phân minh với điều được gọi là *từ điện* của một người, hay *lưu chất thần kinh*, vốn được sinh ra bên trong chính thân thể y. *Lưu chất thần kinh* hay từ điện này giữ cho vật chất dĩ thái tuần hoàn dọc theo các dây thần kinh, hay nói chính xác hơn, dọc theo một lớp phủ dĩ thái bao quanh mỗi dây thần kinh, gần như máu tuần hoàn qua các tĩnh mạch. Và cũng như máu mang oxygen đến thân thể, lưu chất thần kinh truyền dẫn *prana*.

Hơn nữa, cũng như các hạt của thể xác đậm đặc không ngừng thay đổi và được thay thế bằng các hạt mới phát sinh từ thức ăn, nước và không khí, các hạt của thể dĩ thái cũng không ngừng thay đổi và được thay thế bằng các hạt dĩ thái mới, các hạt này được đưa vào thân thể cùng với thức ăn được ăn, với không khí được hít thở, và với *prana*, dưới hình thức được biết là Sinh khí cầu, như sẽ sớm được mô tả.

Prana, hay Sinh lực, tồn tại trên mọi cõi: hồng trần, cảm dục, trí tuệ, v.v. *Prana*, Sự Sống Duy Nhất, là “trục bánh xe mà bảy nan hoa của bánh xe vũ trụ được gắn vào” (*Thánh ca dâng Prana, Atharva Veda*, XI, 4). Tuy nhiên, ở đây chúng ta chỉ quan tâm đến sắc tướng và các phương pháp hoạt động của nó trên cõi thấp nhất, tức cõi hồng trần.

Cũng cần lưu ý rằng *prana* trên cõi hồng trần là thất phân, tức là có bảy loại *prana*.

Chúng ta đã thấy rằng nó hoàn toàn riêng biệt và phân minh với ánh sáng, nhiệt, v.v.; tuy nhiên, sự biểu hiện của nó trên cõi hồng trần dường như tùy thuộc vào ánh sáng mặt trời:

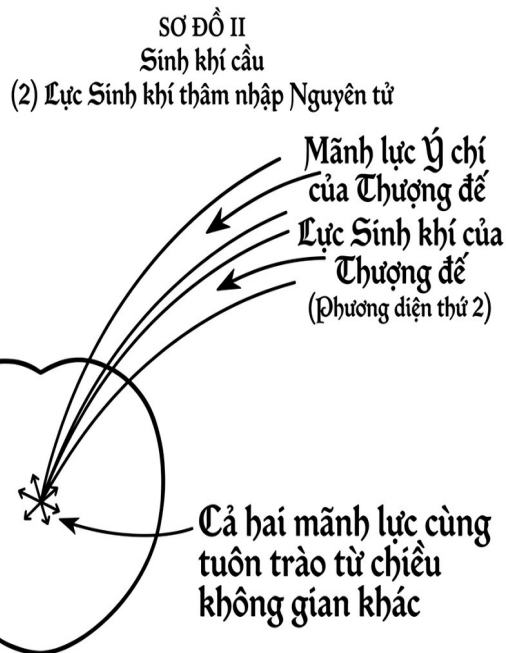
sunlight: for when sunlight is abundant, prâna also appears in abundance, and where sunlight is absent, prâna also is deficient.

vì khi ánh sáng mặt trời dồi dào, prana cũng xuất hiện dồi dào, và nơi nào thiếu ánh sáng mặt trời, prana cũng thiếu hụt.



DIAGRAM II – BIỂU ĐỒ II

The Vitality Globule (1) An Ultimate Physical Atom – Sinh khí cầu (1) Một Nguyên tử Hồng trần Tối hậu



For details of atom, see *Occult Chemistry*, Plate II, and page 5, *et seq.*

Để biết chi tiết về nguyên tử, xem *Occult Chemistry*, Bảng II, và trang 5 trở đi.

Prâna emanates from the sun, and enters some of the ultimate physical atoms which float about in the earth's atmosphere in countless myriads. Although we say that this prânic force "enters" the physical atom, it does not do so from outside: it enters from a higher dimension, the fourth, and so appears to the clairvoyant as welling up within the atom.

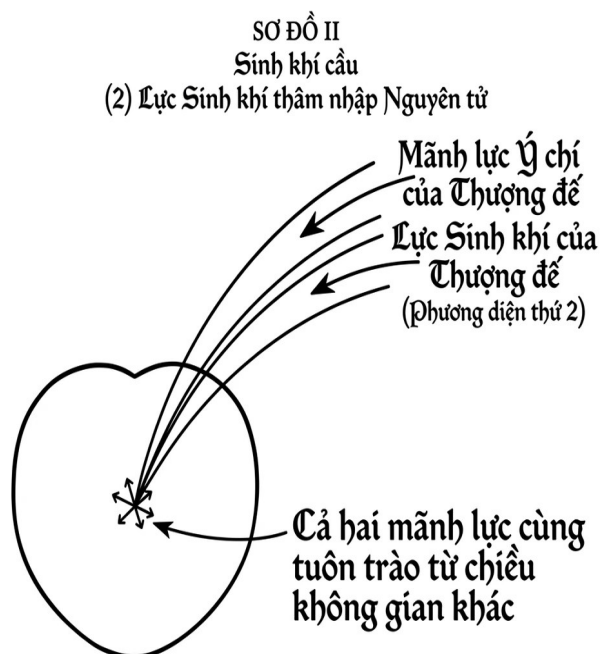
Prana xuất lộ từ mặt trời, và đi vào một số nguyên tử hồng trần tối hậu đang trôi nổi trong bầu khí quyển Trái Đất với số lượng vô số kể. Dù chúng ta nói rằng mãnh lực prana này "đi vào" nguyên tử hồng trần, nó không làm như vậy từ bên ngoài; nó đi vào từ một chiều kích cao hơn, chiều thứ tư, và do đó đối với nhà thông nhãn, nó có vẻ như trào lên từ bên trong nguyên tử.

There are thus two forces which enter the atom from within: (1) the Will-force of the Logos, which holds the atom together in its proper shape; (2) the Prânic force. It is important to note that Prâna comes from the Second Aspect of the Solar deity, whereas the Will-force emanates from the Third Aspect

Như vậy có hai mãnh lực đi vào nguyên tử từ bên trong: 1. mãnh lực Ý Chí của Thượng Đế, giữ nguyên tử lại với nhau trong hình dạng thích hợp của nó; 2. mãnh lực Prana. Điều quan trọng cần lưu ý là Prana đến từ Phương diện Thứ Hai của Thái dương Thượng đế, trong khi mãnh lực Ý Chí xuất lộ từ Phương diện Thứ Ba.

DIAGRAM II – BIỂU ĐỒ II

The Vitality Globule (2) Vitality-Force enters Atoms – Sinh khí cầu (2) Mãnh lực Sinh lực đi vào các Nguyên tử



The effect of Prâna on atoms is entirely different from that of electricity, light, heat or other expressions of Fohat. Electricity, rushing through the atoms, deflects them and holds them in a certain way, and also imparts to them a separate and distinct vibration-rate. Any of the variants of Fohat, such as electricity, light, or heat, cause an oscillation of the atom as a whole, an oscillation the size of which is enormous as compared with that of the atom itself, these forces of course acting on the atom from without.

Students of occultism will be familiar with the shape and structure of the ultimate physical atom, the smallest particle of matter on the physical plane, out of combinations of which are made the various combinations we know as solid, liquid, gas, etc. In drawings in this document, therefore these ultimate physical atoms are indicated as outlines only.

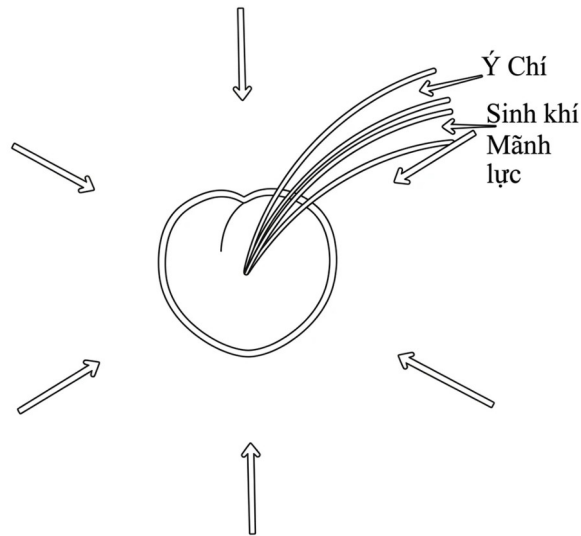
Tác động của Prana lên các nguyên tử hoàn toàn khác với tác động của điện, ánh sáng, nhiệt hay các biểu hiện khác của Fohat. Điện, khi lao xuyên qua các nguyên tử, làm lệch chúng và giữ chúng theo một cách nhất định, đồng thời cũng truyền cho chúng một nhịp độ rung động riêng biệt và phân minh. Bất kỳ biến thể nào của Fohat, như điện, ánh sáng hay nhiệt, đều gây ra một dao động của toàn bộ nguyên tử, một dao động mà kích thước của nó là khổng lồ so với chính nguyên tử; dĩ nhiên các mãnh lực này tác động lên nguyên tử từ bên ngoài.

Các môn sinh huyền bí học sẽ quen thuộc với hình dạng và cấu trúc của nguyên tử hồng trần tối hậu, hạt vật chất nhỏ nhất trên cõi hồng trần; từ những tổ hợp của nó mà tạo thành các tổ hợp khác nhau mà chúng ta biết là chất rắn, chất lỏng, chất khí, v.v. Vì vậy, trong các hình vẽ của tài liệu này, những nguyên tử hồng trần tối hậu ấy chỉ được biểu

thị bằng đường viên.

DIAGRAM III- – BIỂU ĐỒ III-

The Vitality Globule (3) The Atom attracts 6 other atoms – Sinh khí cầu (3) Nguyên tử hút 6 nguyên tử khác



The Vitality Force "endows the atom with an additional life, and gives it a power of attraction..."

Mãnh lực Sinh lực "ban cho nguyên tử một sự sống phụ thêm, và trao cho nó một quyền năng hấp dẫn..."

The force of Prâna, then, radiated from the sun, enters some atoms in the atmosphere and causes them to glow. Such an atom, charged with this additional life, has a sixfold power of attraction, so that it immediately draws round it six other atoms. These it arranges in a definite form, making what is termed in *Occult Chemistry* a hyper-meta-
proto-element, a combination of matter on the sub-atomic sub-plane. This combination, however, differs from all others so far observed, in that the force which creates it and holds it together comes from the Second Aspect of the Solar Deity instead of from the Third. This form is known as the Vitality Globule, and is shown in the appended drawing, which is enlarged from that on p. 45 of *Occult Chemistry*. This little group is the

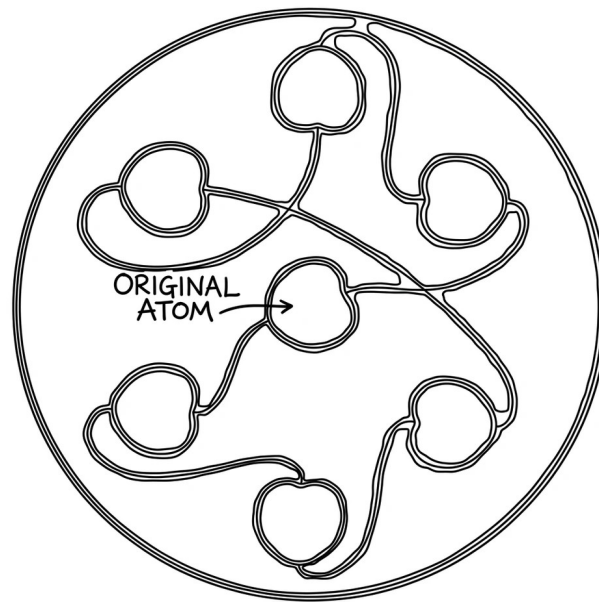
Vậy thì mãnh lực prana, được bức xạ từ mặt trời, đi vào một số nguyên tử trong bầu khí quyển và khiến chúng phát sáng. Một nguyên tử như thế, được nạp sự sống phụ thêm này, có quyền năng hấp dẫn lục phân, đến nỗi nó lập tức kéo quanh mình sáu nguyên tử khác. Nó sắp xếp chúng theo một hình tướng xác định, tạo nên cái được gọi trong *Hóa Học Huyền Bí* là một siêu-hậu-nguyên-tổ-sơ nguyên, một tổ hợp vật chất trên cõi phụ hạ nguyên tử. Tuy nhiên, tổ hợp này khác với tất cả các tổ hợp khác đã được quan sát cho đến nay, ở chỗ mãnh lực tạo ra nó và giữ nó kết hợp lại đến từ Phương diện thứ hai của Thái dương Thượng đế thay vì từ Phương diện thứ ba. Hình tướng này được biết đến như Sinh khí cầu, và được trình bày trong hình vẽ kèm theo, phóng lớn từ hình ở trang 45 của *Hóa*

exceedingly brilliant bead upon the male or positive snake in the chemical element oxygen, and it is also the heart of the central globe in radium.

Học Huyền Bí. Nhóm nhỏ này là hạt châu cực kỳ rực rỡ trên con rắn nam hay dương trong nguyên tố hóa học oxy, và nó cũng là trái tim của bầu trung tâm trong radium.

Diagram II- The Vitality Globule – Biểu đồ II- Sinh khí cầu

(4) Formation of the Globule – (4) Sự hình thành Sinh khí cầu



N.B.- The Vitality Globule is a hyper-meta-meta-atom element, i.e., On the sub-atomic level, and is unique in that it is created and held together by force emanating from the Second Logos. H.S.I. Page 67, O.C., Page 45

Ghi chú- Sinh khí cầu là một siêu-hậu-hậu-nguyên-tố-sơ nguyên, tức là ở cấp độ hạ nguyên tử, và độc nhất ở chỗ nó được tạo ra và được giữ kết hợp bởi mãnh lực xuất lộ từ Thượng đế thứ hai. H.S.I. Trang 67, O.C., Trang 45

The globules, on account of their brilliance and extreme activity, can be seen by almost any one who cares to look, darting about in the atmosphere in immense numbers, especially on a sunny day. The best way to see them is to face directly away from the sun and focus the eyes a few feet away, with a clear sky as background. Brilliant as is the globule, it is almost colourless, and may be compared to white light.

Các sinh khí cầu, do sự rực rỡ và hoạt động cực độ của chúng, có thể được hầu như bất cứ ai chịu nhìn thấy, lao vun vút trong bầu khí quyển với số lượng khổng lồ, đặc biệt vào một ngày nắng. Cách tốt nhất để thấy chúng là quay mặt thẳng khỏi mặt trời và tập trung mắt vào một điểm cách vài feet, với bầu trời trong làm nền. Dù sinh khí cầu rực rỡ, nó hầu như không màu, và có thể được so sánh với ánh sáng trắng.

It has already been remarked that although the force which vivifies these globules is quite different from light, it nevertheless appears to depend upon light for the power of manifestation. In brilliant sunshine this vitality is constantly welling up afresh, and the globules are generated in incredible numbers; but in cloudy weather there is a great diminution in the number of globules formed, and during the night the operation appears to be entirely suspended. During the night, therefore, we may be said to be living upon the stock manufactured during the previous day, and although it appears practically impossible that it should ever be entirely exhausted, that stock evidently does run low when there is long succession of cloudy days.

It is, of course the work of the physical elemental to defend the body and to assimilate vitality (as will be described in detail in the next chapter) in order to recuperate the physical body. Whilst the physical body is awake, the nerves and muscles are kept tense, ready for instant action. When the body is asleep, the elemental lets the nerves and muscles relax and devotes himself especially to the assimilation of vitality. This accounts for the strong recuperative power of sleep, even of a momentary nap.

The elemental works most successfully during the early part of the night, when there is a copious supply of vitality. In the daily cycle the supply of globules is at its lowest ebb in the small hours of the morning, before sunrise, and this is one reason why so large a proportion of deaths occurs during those hours. Hence also the saying that an hour's sleep before midnight is worth two after it. Similarly of course, the supply of prāna is at a

Đã có nhận xét rằng mặc dù mãnh lực tiếp sinh lực cho các sinh khí cầu này hoàn toàn khác với ánh sáng, tuy nhiên nó dường như lệ thuộc vào ánh sáng để có quyền năng biểu hiện. Trong ánh nắng rực rỡ, sinh lực này không ngừng tuôn trào mới mẻ, và các sinh khí cầu được sinh ra với số lượng không thể tin được; nhưng trong thời tiết nhiều mây, số sinh khí cầu được hình thành giảm sút rất nhiều, và trong đêm, hoạt động ấy dường như hoàn toàn đình chỉ. Vì vậy, trong đêm, có thể nói chúng ta sống nhờ vào nguồn dự trữ đã được tạo ra trong ngày hôm trước; và mặc dù trên thực tế dường như không thể nào nguồn ấy bị cạn kiệt hoàn toàn, rõ ràng nguồn dự trữ đó vẫn xuống thấp khi có một chuỗi dài những ngày nhiều mây.

Dĩ nhiên, công việc của tinh linh thể xác là bảo vệ thể và đồng hóa sinh lực (như sẽ được mô tả chi tiết trong chương kế tiếp) nhằm phục hồi thể xác. Khi thể xác thức, các dây thần kinh và cơ bắp được giữ căng, sẵn sàng hành động tức khắc. Khi thể ngủ, hành khí để cho các dây thần kinh và cơ bắp thư giãn và đặc biệt chuyên chú vào việc đồng hóa sinh lực. Điều này giải thích quyền năng phục hồi mạnh mẽ của giấc ngủ, ngay cả của một giấc chớp mắt thoáng qua.

Hành khí hoạt động thành công nhất vào phần đầu của đêm, khi có nguồn cung cấp sinh lực dồi dào. Trong chu kỳ hằng ngày, nguồn cung cấp sinh khí cầu xuống mức thấp nhất vào những giờ khuya gần sáng, trước khi mặt trời mọc, và đây là một lý do vì sao một tỷ lệ lớn các ca tử vong xảy ra trong những giờ ấy. Do đó cũng có câu nói rằng một giờ ngủ trước nửa đêm đáng giá bằng hai giờ sau đó. Tương tự, dĩ nhiên, nguồn cung cấp prāna vào

lower ebb in winter than in summer.

Further, Prâna is poured forth, not only on the physical, but also on all planes, emotion, intellect, and spirituality will be at their best under clear skies and with the inestimable aid of sunlight. It may also be added that even the colours of etheric prâna correspond to some extent to similar hues at the astral level. Hence right feeling and clear thought react on the physical and assist the latter to assimilate prâna and thus maintain vigorous health. We thus find an interesting light thrown on the intimate connection between spiritual, mental, and emotional health and the health of the physical body, and are reminded of the well-known saying of the Lord Buddha that the first step on the road to Nirvâna is perfect physical health.

The vitality globule, once charged, remains as a sub-atomic element, and does not appear to be subject to any change or loss of force unless and until it is absorbed by some living creature.

Before proceeding to study the extremely interesting and important subject of the absorption of Prâna in the physical body, we must first study the mechanism in the Etheric Double by means of which this process is effected.

mùa đông thấp hơn vào mùa hè.

Hơn nữa, Prana được tuôn đổ không chỉ trên cõi hồng trần, mà còn trên tất cả các cõi; cảm xúc, trí năng và tinh thần sẽ ở trạng thái tốt nhất dưới bầu trời quang đãng và với sự trợ giúp vô giá của ánh sáng mặt trời. Cũng có thể thêm rằng ngay cả các màu sắc của prana dĩ thái cũng tương ứng ở một mức độ nào đó với các sắc thái tương tự ở cấp độ cảm dục. Do đó, cảm xúc đúng đắn và tư tưởng trong sáng tác động trở lại lên thể xác và giúp thể ấy đồng hóa prana, nhờ vậy duy trì sức khỏe mạnh mẽ. Như vậy, chúng ta thấy một ánh sáng thú vị được soi vào mối liên hệ mật thiết giữa sức khỏe tinh thần, trí tuệ và cảm xúc với sức khỏe của thể xác, và được nhắc nhớ đến câu nói nổi tiếng của Đức Phật rằng bước đầu tiên trên con đường đến Niết Bàn là sức khỏe thể xác hoàn hảo.

Sinh khí cầu, một khi đã được nạp, vẫn là một nguyên tố hạ nguyên tử, và dường như không chịu bất cứ biến đổi hay mất mát mãnh lực nào trừ khi và cho đến khi nó được một sinh vật nào đó hấp thụ.

Trước khi tiếp tục nghiên cứu chủ đề vô cùng thú vị và quan trọng về sự hấp thụ Prana trong thể xác, trước hết chúng ta phải nghiên cứu bộ máy trong bản sao dĩ thái nhờ đó tiến trình này được thực hiện.

CHAPTER III – CHƯƠNG III

FORCE CENTRES – CÁC TRUNG TÂM MÃNH LỰC

In the Etheric Double, as well, incidentally, as in each of our other vehicles, there are certain Force-Centres, or Chakrams, as they are called in Sanskrit, this word meaning literally a wheel or revolving disc.

Trong bản sao dĩ thái, cũng như, nhân tiện nói thêm, trong mỗi vận cụ khác của chúng ta, có một số Trung tâm Mãnh lực, hay Chakram, như chúng được gọi trong tiếng Sanskrit, từ này theo nghĩa đen có nghĩa là bánh xe hay

The Chakrams are situated on the surface of the Double, that is about a quarter of an inch outside the skin of the body. To clairvoyant sight they appear as vortices or saucer-like depressions of rapidly rotating matter.

The force flowing through the chakrams being essential to the life of the Etheric Double, every one possesses such force-centres, though the degree of their development varies considerably in individuals. Where they are undeveloped they glow dully and the etheric particles move sluggishly, just forming the vortex necessary for the transmission of the force, and no more: in developed people, on the other hand, the chakrams glow and pulsate, blazing with blinding brilliance like miniature suns. They vary in size from about two inches in diameter to about six inches.

In a new born baby they are tiny little circles like a three-penny piece – little hard discs scarcely moving at all, and only faintly glowing.

The etheric chakrams have two distinct functions. The first is to absorb and distribute Prâna, or Vitality, to the etheric and thence to the physical body, thus keeping these alive. The second function is to bring down into the physical consciousness whatever may be the quality inherent in the corresponding astral centre. It is the lack of development of the etheric centres which accounts for the failure to bring into the physical brain memory of astral experiences. Many people are fully awake and vividly conscious on the astral plane and lead active lives in their astral bodies.

đĩa quay.

Các Chakram nằm trên bề mặt của bản sao, tức là khoảng một phần tư inch bên ngoài da của thể xác. Đối với thị giác thông nhãn, chúng hiện ra như những xoáy lực hay những chỗ lõm giống hình đĩa, bằng vật chất quay rất nhanh.

Vì mãnh lực chảy qua các chakram là thiết yếu đối với sự sống của bản sao dĩ thái, nên ai cũng có các trung tâm mãnh lực như thế, dù mức độ phát triển của chúng khác nhau đáng kể nơi từng cá nhân. Khi chúng chưa phát triển, chúng phát sáng mờ đục và các hạt dĩ thái chuyển động chậm chạp, chỉ vừa tạo thành xoáy lực cần thiết cho việc truyền dẫn mãnh lực, và không hơn; trái lại, nơi những người đã phát triển, các chakram phát sáng và rung nhịp, bùng cháy với sự rực rỡ chói lòa như những mặt trời thu nhỏ. Kích thước của chúng thay đổi từ khoảng hai inch đến khoảng sáu inch đường kính.

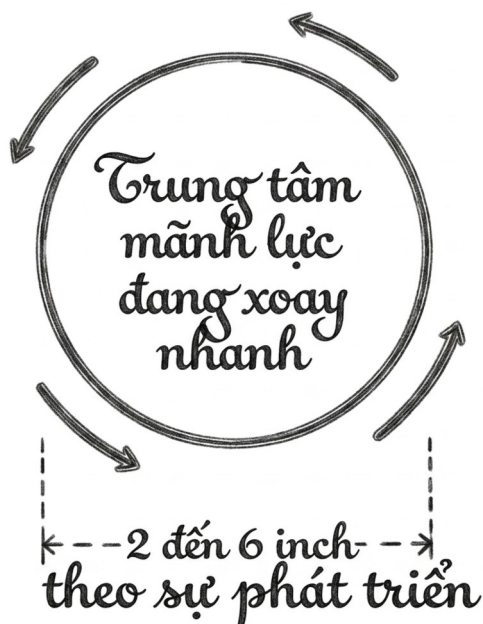
Ở một trẻ sơ sinh, chúng là những vòng tròn nhỏ xíu như đồng ba xu — những đĩa nhỏ cứng hầu như không chuyển động, và chỉ phát sáng mờ mờ.

Các chakram dĩ thái có hai chức năng riêng biệt. Chức năng thứ nhất là hấp thụ và phân phối Prana, hay Sinh lực, cho thể dĩ thái và từ đó cho thể xác, nhờ vậy giữ cho các thể này sống. Chức năng thứ hai là đưa xuống tâm thức hồng trần bất cứ phẩm tính nào vốn có trong trung tâm cảm dục tương ứng. Chính sự thiếu phát triển của các trung tâm dĩ thái giải thích việc không đưa được ký ức về các kinh nghiệm cảm dục vào bộ não hồng trần. Nhiều người hoàn toàn tỉnh thức và có tâm thức sống động trên cõi cảm dục, đồng thời sống những đời sống hoạt động trong thể cảm dục của họ.

DIAGRAM III – BIỂU ĐỒ III

Structure of Force-Centre – Cấu trúc của Trung tâm Mạnh lực

(1) Shape – (1) Hình dạng



The appearance is that of a saucer-like depression, or vortex, in the surface of the Etheric Double, i.e., 1/4 inch outside the surface of the physical body.

Function: to convey forces from Astral to Etheric.

N.B. Similar centres exists in all vehicles.

When however, they return to their sleeping physical bodies, scarcely any memory of the astral life filters through into the brain, simply because the necessary etheric bridge is not built. When the etheric centres are fully developed, there is full and continuous memory of astral experiences in the brain.

There appears to be no connection between the activity or development of the etheric

Về ngoài là một chỗ lõm giống hình đĩa, hay một xoáy lực, trên bề mặt của bản sao dĩ thái, tức là cách bề mặt thể xác 1/4 inch.

Chức năng: truyền dẫn các mãnh lực từ cảm dục sang dĩ thái.

Ghi chú. Các trung tâm tương tự tồn tại trong mọi vận cụ.

Tuy nhiên, khi họ trở về với thể xác đang ngủ của mình, hầu như không ký ức nào về đời sống cảm dục lọc qua được vào bộ não, đơn giản vì cây cầu dĩ thái cần thiết chưa được xây dựng. Khi các trung tâm dĩ thái được phát triển đầy đủ, trong bộ não sẽ có ký ức đầy đủ và liên tục về các kinh nghiệm cảm dục.

Dường như không có mối liên hệ nào giữa hoạt động hay sự phát triển của các chakram

chakrams and moral qualities: the two developments are quite distinct.

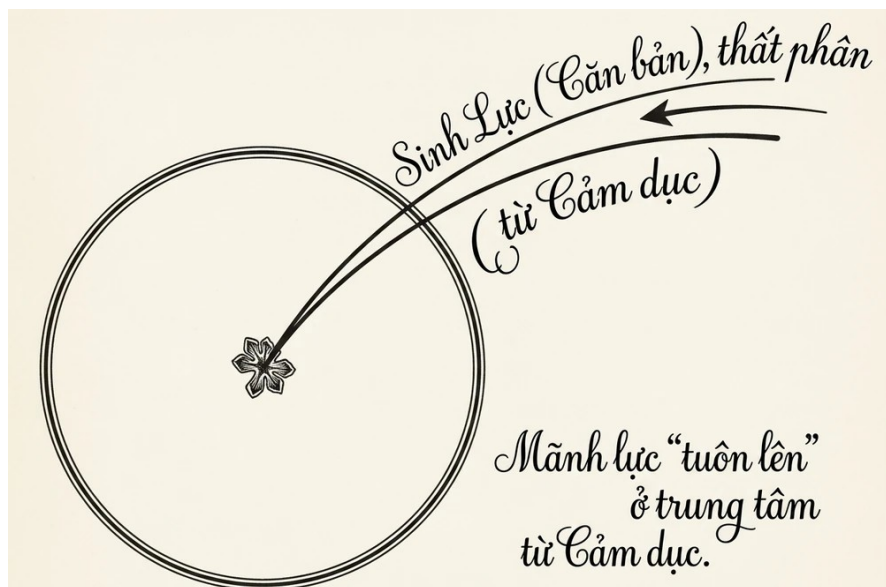
Although there is in the astral body an astral centre corresponding to each of the etheric centres, yet as the astral centre is a vortex in four dimensions, it extends in a direction quite different from the etheric, and consequently the astral centre is by no means always coterminous with the corresponding etheric centre, though some part of it is always coincident. Whilst the etheric centres are always on the surface of the etheric body, the astral centre is frequently in the interior of the astral body.

đĩ thái và các phẩm tính đạo đức: hai sự phát triển này hoàn toàn riêng biệt.

Mặc dù trong thể cảm dục có một trung tâm cảm dục tương ứng với mỗi trung tâm dĩ thái, nhưng vì trung tâm cảm dục là một xoáy lực trong bốn chiều, nó mở rộng theo một hướng hoàn toàn khác với trung tâm dĩ thái; do đó, trung tâm cảm dục tuyệt nhiên không phải lúc nào cũng đồng ranh giới với trung tâm dĩ thái tương ứng, dù một phần nào đó của nó luôn luôn trùng khớp. Trong khi các trung tâm dĩ thái luôn ở trên bề mặt của thể dĩ thái, trung tâm cảm dục thường ở bên trong thể cảm dục.

DIAGRAM III Structure of Force-Centre – BIỂU ĐỒ III Cấu trúc của Trung tâm Mãnh lực

(2) Inrush of Vital Force – (2) Sự ủa vào của Mãnh lực Sinh lực



One of the seven varieties of the Vital Force greatly predominate in each centre.

This inrush of Vital Force brings life to the physical body.

We have already seen (Chapter II) that there

Một trong bảy loại Mãnh lực Sinh lực chiếm ưu thế mạnh mẽ trong mỗi trung tâm.

Sự ủa vào này của Mãnh lực Sinh lực đem sự sống đến cho thể xác.

Chúng ta đã thấy (Chương II) rằng có bảy loại

are seven varieties of Prâna, all of which are present in all the chakrams; but in each chakram one of the varieties is always greatly predominant.

The Prâna rushes into the centre of each chakram from a direction at right angles to the plane of the chakram; "welling up" would perhaps be a better term, as the force comes from the astral plane into the etheric. From the centre of the chakram the force then radiates at right angles to the direction from which it came, *i.e.*, in the plane of the surface of the Etheric Double, in a number of directions, and in straight lines. The number of directions, which are similar to the spokes of a wheel, is different in each chakram.

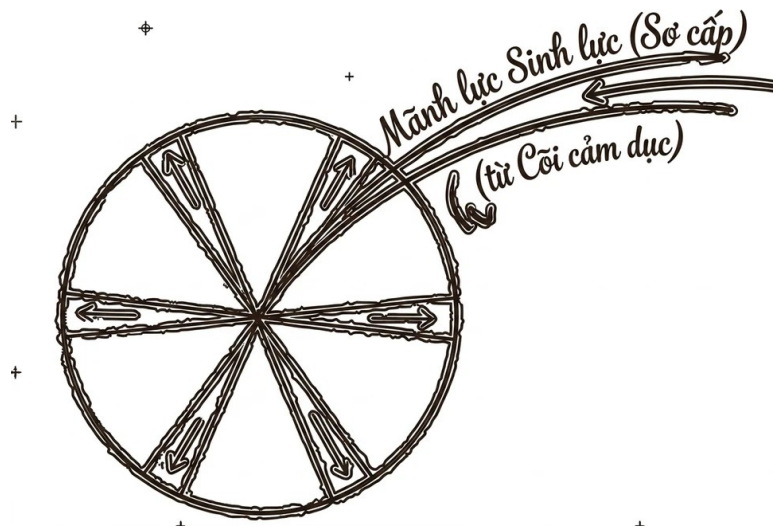
Prana, tất cả đều hiện diện trong mọi chakram; nhưng trong mỗi chakram, một trong các loại ấy luôn luôn chiếm ưu thế rất mạnh.

Prana lao vào trung tâm của mỗi chakram từ một hướng vuông góc với mặt phẳng của chakram; "tuôn trào lên" có lẽ là thuật ngữ hay hơn, vì mãnh lực đến từ cõi cảm dục vào cõi dĩ thái. Từ trung tâm của chakram, mãnh lực sau đó bức xạ vuông góc với hướng mà nó đã đến, *tức là*, trong mặt phẳng của bề mặt bản sao dĩ thái, theo nhiều hướng, và theo các đường thẳng. Số hướng, tương tự như các nan hoa của một bánh xe, khác nhau trong mỗi chakram.

DIAGRAM III – BIỂU ĐỒ III

Structure of Force-Centre – Cấu trúc của Trung tâm Mãnh lực

(3) Formation of "Spokes" – (3) Sự hình thành các "Nan hoa"



The Primary Force "wells-up" at centre, and then rushes outwards radially along "spokes", the number of these "spokes" differing in each centre

Mãnh lực Sơ cấp "tuôn trào lên" tại trung tâm, rồi lao ra ngoài theo bán kính dọc theo các "nan hoa", số "nan hoa" này khác nhau trong mỗi trung tâm

The spokes divide the chakram into a number of segments, like the petals of a flower; hence, in Hindu books, the chakrams are often described as resembling flowers.

Now somewhat as a bar-magnet thrust into a coil of wire will set up or “induce” a current of electricity in the wire at right angles to the axis of the magnet, so does the primary force of Prâna entering the chakram set up or induce secondary forces in the plane of the chakram. These secondary forces spin round the chakram, passing over and under the spokes, much as the material of the bottom of a circular basket passes over and under the ribs which radiate from the centre.

Each of these secondary forces, sweeping round the chakram, has its own characteristic wavelength, and in addition moves, not in straight lines, but in relatively large undulations, each of which is a multiple of the wavelength within it. The wavelengths are very minute, and probably some thousands of them are very minute, and probably some thousands of them are included in one undulation, though the exact proportion has not yet been determined. The general effect is shimmering and iridescent, like mother-of-pearl, or a certain variety of Venetian glass.

Các nan hoa chia chakram thành một số phân đoạn, giống như các cánh hoa; do đó, trong các sách Ấn Độ, các chakram thường được mô tả là giống như hoa.

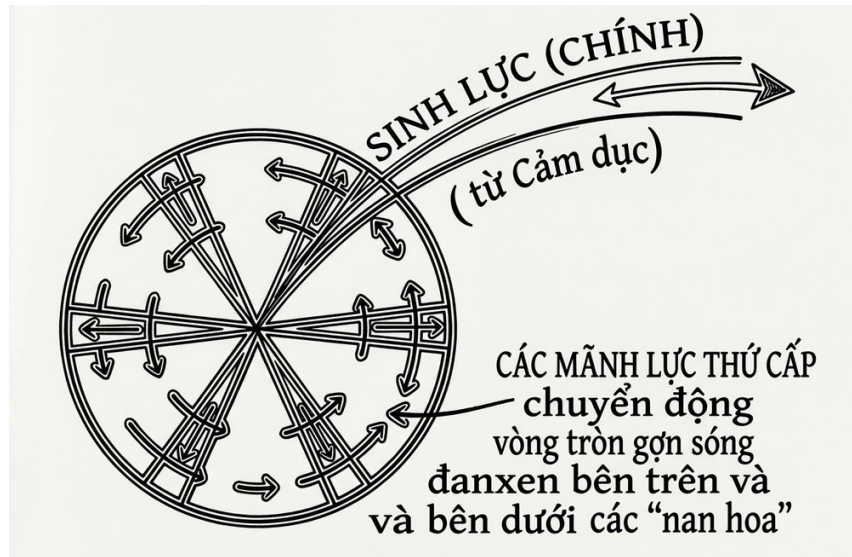
Giờ đây, phần nào giống như một thanh nam châm được đưa vào một cuộn dây sẽ tạo ra hay “cảm ứng” một dòng điện trong dây theo góc vuông với trục của nam châm, thì mãnh lực sơ cấp của Prana đi vào chakram cũng tạo ra hay cảm ứng các mãnh lực thứ cấp trong mặt phẳng của chakram. Các mãnh lực thứ cấp này quay quanh chakram, đi qua trên và dưới các nan hoa, rất giống như vật liệu ở đáy một chiếc giỏ tròn đi qua trên và dưới các sườn tỏa ra từ trung tâm.

Mỗi mãnh lực thứ cấp này, khi quét quanh chakram, có bước sóng đặc trưng riêng, và ngoài ra còn chuyển động không theo đường thẳng, mà theo những gợn sóng tương đối lớn, mỗi gợn là bội số của bước sóng bên trong nó. Các bước sóng rất nhỏ, và có lẽ vài nghìn bước sóng trong số đó được bao gồm trong một gợn sóng, mặc dù tỷ lệ chính xác vẫn chưa được xác định. Hiệu quả tổng quát là lấp lánh và óng ánh như xà cừ, hay một loại thủy tinh Venice nào đó.

DIAGRAM III – BIỂU ĐỒ III

Structure of Force-Centre – Cấu trúc của Trung tâm Mãnh lực

(4) Formation of Secondary Force – (4) Sự hình thành Mãnh lực Thứ cấp



The chakrams are often spoken of as corresponding to certain physical organs, those organs, in fact, which are the nearest to them; but, as already mentioned, the chakrams themselves are not in the interior of the body, but on the surface of the Etheric Double.

Các chakram thường được nói là tương ứng với một số cơ quan hồng trần nhất định, thật ra là những cơ quan gần chúng nhất; nhưng, như đã đề cập, bản thân các chakram không ở bên trong thể, mà ở trên bề mặt của bản sao dĩ thái.

The list of the chakrams and their names is as follows:-

Danh sách các chakram và tên của chúng như sau:-

No	Nearest Physical Organ	Sanskrit Name
1	Base of Spine	Mûladhâra
2	Navel	Manipûra
3	Spleen	Svâdhisthâna
4	Heart	Anâhata
5	Throat	Visuddha
6	Between Eyebrows	Ajñâ
7	Top of Head	Sahasrâra Brahmarandhra

8	Lower Organs	
9		
10		

Numbers 8, 9, and 10, connected with the lower organs of the body, are not used by students of the “white” magic, though there are certain schools in existence which make use of them. The dangers connected with them are so serious that we should consider their awakening as the greatest of misfortunes.

The flow of vitality into or through any chakram is quite separate and distinct from the development of the chakram brought about by the awakening of Kundalini, which will be described in Chapter XIII.

We shall now proceed to study each of the seven chakrams in turn, examining its structure, appearance, function, and the faculties associated with it. For reasons which will presently appear, it will be convenient to commence with the third centre, that situated near the spleen.

Các số 8, 9 và 10, liên hệ với các cơ quan thấp của thể, không được các môn sinh của huyền thuật “trắng” sử dụng, mặc dù có một số trường phái hiện tồn có dùng đến chúng. Những nguy hiểm liên hệ với chúng nghiêm trọng đến mức chúng ta nên xem sự khơi dậy chúng là tai họa lớn nhất.

Dòng sinh lực đi vào hay đi qua bất cứ chakram nào hoàn toàn riêng biệt và khác hẳn với sự phát triển của chakram do việc khơi dậy Kundalini đem lại, điều này sẽ được mô tả trong Chương XIII.

Bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục nghiên cứu lần lượt từng chakram trong bảy chakram, xem xét cấu trúc, vẻ ngoài, chức năng, và các năng lực liên hệ với nó. Vì những lý do sẽ sớm xuất hiện, sẽ thuận tiện nếu bắt đầu với trung tâm thứ ba, tức trung tâm nằm gần lá lách.

CHAPTER IV – CHƯƠNG IV

THE SPLEEN CENTRE – TRUNG TÂM LÁ LÁCH

The spleen centre has six spokes, and therefore the same number of petals or undulations. In appearance it is specially radiant, glowing and sun-like.

This centre is unique in this, that it has the all-important function of absorbing the Vitality Globules –

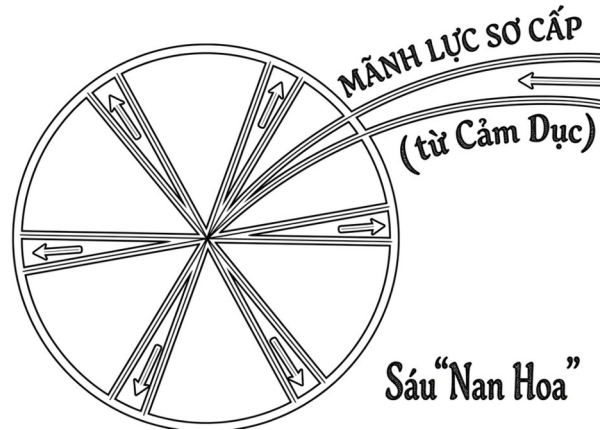
Trung tâm lá lách có sáu nan hoa, và vì vậy có cùng số cánh hoa hay gợn sóng. Về vẻ ngoài, nó đặc biệt rạng rỡ, sáng chói và giống như mặt trời.

Trung tâm này độc nhất ở điểm này, rằng nó có chức năng tối quan trọng là hấp thụ các Sinh khí cầu –

DIAGRAM IV – BIỂU ĐỒ IV

Spleen Centre – Trung tâm Lá lách

(1) Structure – (1) Cấu trúc



General appearance "Radiant and sun-like"

Vẻ ngoài tổng quát “Rạng rỡ và giống như mặt trời”

Function of Astral Centre: vitalises Astral Body. Power to travel consciously.

Chức năng của Trung tâm Cảm dục: tiếp sinh lực cho thể cảm dục. Quyền năng du hành một cách có ý thức.

Function of Etheric Centre: vitalises Physical Body, Memory of Astral Journeys.

Chức năng của Trung tâm Dĩ thái: tiếp sinh lực cho thể xác, ký ức về các cuộc hành trình cảm dục.

from the atmosphere, disintegrating them, and distributing the component atoms, charged with the specialised and transmuted Prâna, to the various parts of the body.

từ bầu khí quyển, phân rã chúng, và phân phối các nguyên tử thành phần, đã được nạp Prana chuyên biệt hóa và chuyển hóa, đến các phần khác nhau của thể.

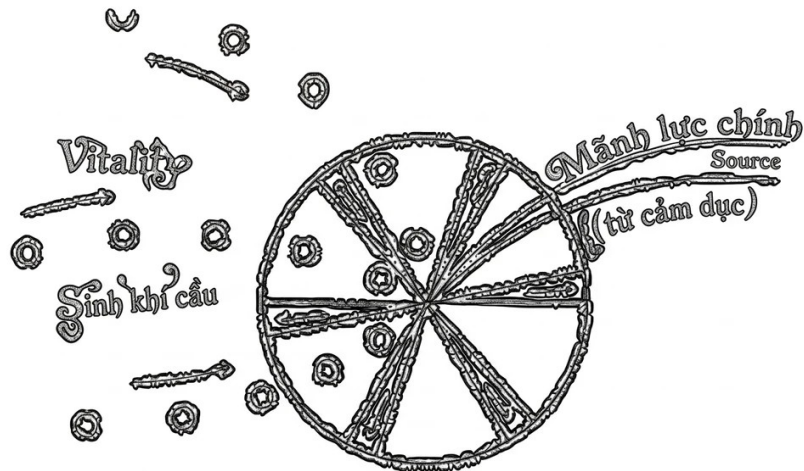
The process will most readily be followed with the aid of diagrams, Nos. IV (2), (3) and (4).

Tiến trình này sẽ được theo dõi dễ dàng nhất với sự trợ giúp của các biểu đồ, số IV (2), (3) và (4).

Diagram IV – Biểu đồ IV

Spleen Centre – Trung tâm Lá lách

(2) Absorption of Vitality Globules – (2) Sự hấp thụ các Sinh khí cầu



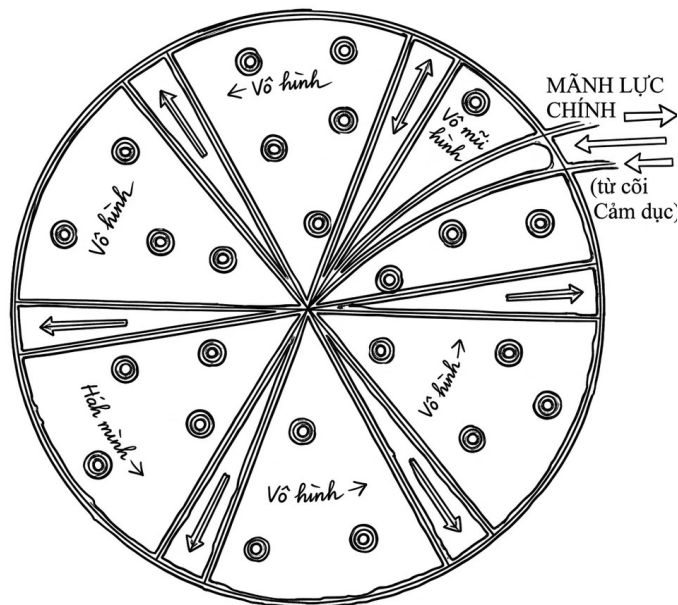
Vitality Globules are drawn into centre of Force-Centre

Các Sinh khí cầu được hút vào trung tâm của Trung tâm Mãnh lực

DIAGRAM IV – BIỂU ĐỒ IV

Spleen Centre – Trung tâm Lá lách

(3) Decomposition of Vitality Globules – (3) Sự phân hủy các Sinh khí cầu



Vitality globules, after being drawn into Centre, are decomposed, and the component particles are whirled round by the "Secondary Forces".

Các sinh khí cầu, sau khi được hút vào Trung tâm, bị phân hủy, và các hạt thành phần bị các "Mãnh lực Thứ cấp" xoáy tròn.

The Vitality Globules are first drawn into the spleen centre: then they are broken up into seven component atoms, each atom charged with one of the seven varieties of Prâna: these atoms are then caught up by the rotating secondary forces and spun round the chakram.

The seven different kinds of Prâna are coloured thus: -

Violet – Blue – Green – Yellow – Orange – Dark Red – Rose-Red

It will be observed that the divisions are not exactly those to which we are accustomed in the solar spectrum, but resemble rather the arrangement of colours seen on higher levels in the causal, mental, and astral bodies. The indigo spectrum is divided between the violet and blue rays of Prâna, whilst the red of the spectrum is split up into dark red and rose-red Prâna.

Each of the six spokes then seizes on one variety of atom and despatches it to the chakram or part of the body for which it is needed. This accounts for six kinds of atoms only: the seventh variety, - that coloured rose-pink, is despatched through the hub or centre of the spleen chakram itself, whence it is distributed over the whole nervous system. These rose-coloured atoms are the original atoms which first drew round them the six others to form the globule.

The atoms which bear the rose-coloured Prâna are clearly the life of the nervous system, and it is this variety of Prâna which one man may give to another, as described in Chapter XIII. If the nerves are insufficiently supplied with this rose-coloured Prâna, they

Trước hết, các Sinh khí cầu được hút vào trung tâm lá lách: rồi chúng bị phân tách thành bảy nguyên tử thành phần, mỗi nguyên tử được nạp một trong bảy loại Prana: các nguyên tử này sau đó bị các mãnh lực thứ cấp đang quay cuốn lấy và xoay quanh chakram.

Bảy loại Prana khác nhau có màu như sau: -

Tím – Xanh dương – Xanh lục – Vàng – Cam – Đỏ sẫm – Đỏ hồng

Cần lưu ý rằng các phân chia này không hoàn toàn giống những phân chia mà chúng ta quen thuộc trong quang phổ mặt trời, mà đúng hơn giống cách sắp xếp màu sắc được thấy trên các cấp độ cao hơn trong các thể nguyên nhân, thể trí và thể cảm dục. Phần chàm của quang phổ được chia giữa các tia Prana tím và xanh dương, trong khi phần đỏ của quang phổ được tách thành Prana đỏ sẫm và đỏ hồng.

Mỗi một trong sáu nan hoa sau đó nắm lấy một loại nguyên tử và phái nó đến chakram hay phần của thể nơi nó cần đến. Điều này chỉ giải thích sáu loại nguyên tử: loại thứ bảy, có màu hồng hoa hồng, được phái qua trục hay chính trung tâm của chakram lá lách, từ đó nó được phân phối khắp toàn bộ hệ thần kinh. Các nguyên tử màu hoa hồng này là những nguyên tử nguyên thủy ban đầu đã kéo quanh chúng sáu nguyên tử khác để tạo thành sinh khí cầu.

Các nguyên tử mang Prana màu hoa hồng rõ ràng là sự sống của hệ thần kinh, và chính loại Prana này là loại mà một người có thể trao cho người khác, như được mô tả trong Chương XIII. Nếu các dây thần kinh không được cung cấp đủ Prana màu hoa hồng này, chúng trở

become sensitive and intensely irritable: the patient finds himself restless, and the least noise or touch is agony to him. Instant relief may be afforded him by some healthy person flooding his nervous system with a supply of rose-coloured Prâna.

Although there are seven distinct kinds of Prâna, there are only five main streams, as described in some Indian books, because after issuing from the spleen chakram the blue and violet join into one stream and the orange and dark red join into another stream. The streams leave the spleen centre horizontally.

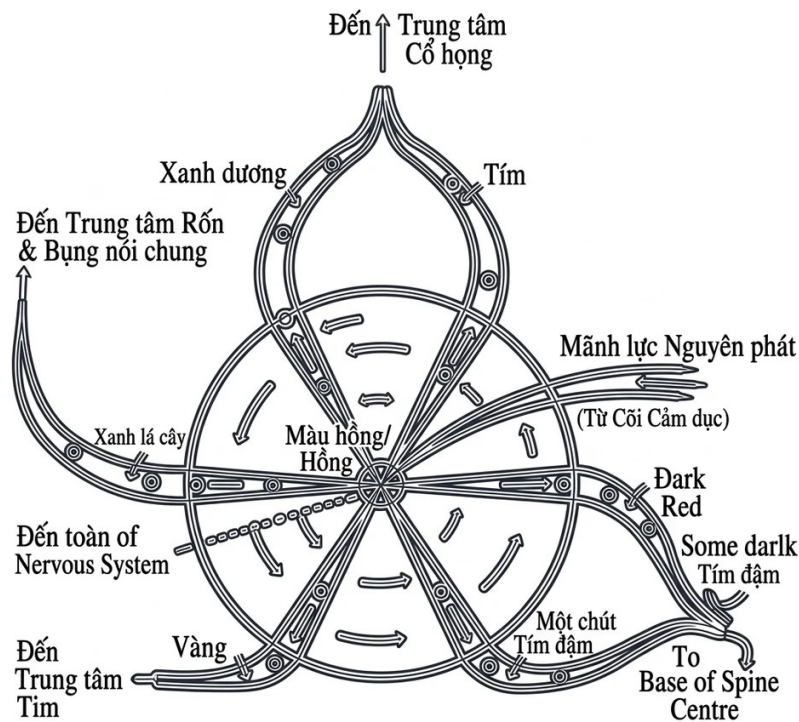
nên nhạy cảm và cực kỳ dễ kích thích: bệnh nhân thấy mình bồn chồn, và tiếng động hay sự chạm nhẹ nhất cũng là đau đớn đối với y. Một người khỏe mạnh có thể đem lại cho y sự nhẹ nhõm tức thì bằng cách tuôn tràn vào hệ thần kinh của y một nguồn cung cấp Prana màu hoa hồng.

Mặc dù có bảy loại Prana riêng biệt, chỉ có năm dòng chính, như được mô tả trong một số sách Ấn Độ, bởi vì sau khi phát xuất từ chakram lá lách, màu xanh dương và tím nhập thành một dòng, còn màu cam và đỏ sẫm nhập thành một dòng khác. Các dòng này rời trung tâm lá lách theo phương ngang.

Diagram IV – Biểu đồ IV

Spleen Centre – Trung tâm Lá lách

(4) Dispersion of Vitality Particles – (4) Sự phân tán các Hạt Sinh lực



Process:-

Tiến trình:-

1- Vitality globules are drawn into Centre.

1- Các sinh khí cầu được hút vào Trung tâm.

2- Vitality globules are broken up into particles.

2- Các sinh khí cầu bị phân tách thành các hạt.

3- Vitality particles are whirled round by "secondary" forces.

3- Các hạt sinh lực bị các mãnh lực “thứ cấp” xoáy tròn.

4- Vitality particles are seized by appropriate "spoke", and despatched to destination shown.

4- Các hạt sinh lực bị “nan hoa” thích hợp nắm lấy, và được phái đến đích đã chỉ.

N.B.- The rose-pink atoms are the original atoms which first drew round them 6 others to form the globule.

Ghi chú- Các nguyên tử màu hồng hoa hồng là những nguyên tử nguyên thủy ban đầu đã kéo quanh chúng 6 nguyên tử khác để tạo thành sinh khí cầu.

The colours of the streams and their destinations are set out in the following table:-

Màu sắc của các dòng và nơi đến của chúng được nêu trong bảng sau:-

No. STREAM

DESTINATION

1 Violet-Blue

Throat Centre

2 Green

Navel Centre and Abdomen generally

3 Yellow

Heart Centre

4 Orange-Dark Red) and some Dark Purple).

Base of Spine Centre

5 Rose-Red

Nervous System

As the various kinds of Prâna – charged atoms are distributed where required, the charge of Prâna is withdrawn from them, precisely as a charge of electricity might be withdrawn. The Prâna gives life to the Etheric Double and, through that, to the dense body, the degree of health of the parts of the body being largely

Khi các loại nguyên tử được nạp Prana khác nhau được phân phối đến nơi cần thiết, điện tích Prana được rút khỏi chúng, chính xác như một điện tích có thể được rút đi. Prana đem sự sống đến cho bản sao dĩ thái và, qua đó, cho thể đậm đặc; mức độ sức khỏe của các phần trong thể phần lớn được quyết định bởi

determined by the volume of Prâna distributed. The bearing of this significant fact on the maintenance of physical vigour and the cure of disease is clearly of very great importance and will be more fully considered in the section devoted to Healing and Mesmerism.

The atoms bearing the rose-coloured Prâna grow gradually paler as they sweep along the nerves and part with their Prânic content. They are eventually discharged from the body through the pores of the skin (as well as in other ways), forming what is called the health aura, a pale bluish-white emanation, of which a plate is given in *Man, Visible and Invisible*, page 128.

In a man in vigorous health the spleen does its work so generously that considerably more of the particles charged with Prâna are present than the man requires for his own use. These unused particles are discharged from the body in all directions, through the health aura, along with the particles from which the Prâna has been extracted. Such a man is thus a source of health and strength to those around him, constantly though unconsciously shedding vitality on any who may be in his vicinity. This process may be considerably intensified by those who definitely set themselves to heal others, by mesmeric passes and otherwise, as we shall see more fully in a later chapter.

In addition to these particles just mentioned, it is also well known that small particles of dense physical matter are continually being thrown off from a man's body, in insensible perspiration and in other ways. A clairvoyant sees these particles as a faint grey mist. Many of the particles are crystalline in form and therefore appear as geometrical figures; one

lượng Prana được phân phối. Ý nghĩa của sự kiện quan trọng này đối với việc duy trì sinh lực hồng trần và chữa bệnh rõ ràng là rất lớn, và sẽ được xem xét đầy đủ hơn trong phần dành cho Trị liệu và Từ lực thôi miên.

Các nguyên tử mang Prana màu hoa hồng dần dần nhạt màu khi chúng quét dọc theo các dây thần kinh và trao đi nội dung Prana của chúng. Cuối cùng chúng được thải khỏi thể qua các lỗ chân lông của da (cũng như bằng những cách khác), tạo thành cái được gọi là hào quang sức khỏe, một xuất lộ màu trắng xanh nhạt, có một bản minh họa trong *Con Người, Hữu Hình và Vô Hình*, trang 128.

Ở một người có sức khỏe mạnh mẽ, lá lách làm công việc của nó dồi dào đến mức số hạt được nạp Prana hiện diện nhiều hơn đáng kể so với nhu cầu sử dụng riêng của người ấy. Những hạt không dùng đến này được thải ra khỏi thể theo mọi hướng, qua hào quang sức khỏe, cùng với các hạt mà Prana đã được rút ra. Như vậy, một người như thế là nguồn sức khỏe và sức mạnh cho những người quanh y, không ngừng dù vô thức tỏa sinh lực lên bất cứ ai ở gần y. Tiến trình này có thể được gia tăng đáng kể bởi những người dứt khoát tự đặt mình vào việc chữa lành cho người khác, bằng các động tác vuốt từ lực và những cách khác, như chúng ta sẽ thấy đầy đủ hơn trong một chương sau.

Ngoài các hạt vừa được đề cập, người ta cũng biết rõ rằng các hạt nhỏ của vật chất hồng trần đậm đặc liên tục bị thải ra từ thể của con người, trong sự toát mồ hôi không cảm nhận được và bằng những cách khác. Một nhà thông nhãn thấy các hạt này như một làn sương xám mờ. Nhiều hạt có dạng tinh thể và vì vậy hiện ra như các hình hình học; một

of the commonest is that of salt, or sodium chloride, which takes the form of cubes.

A man on the other hand, who is unable for any reason to specialise for his own use a sufficient amount of Prâna, frequently and also unconsciously acts as a sponge, his physical elemental drawing vitality from any sensitive person who happens to be near, to his own temporary benefit, but often to the serious injury of the victim. This phenomenon largely accounts for those feelings of weariness and languor which come over one after being near people who, not being very strong themselves, possess this unfortunate vampire-like faculty of draining others of vitality. The same thing may happen, often in an aggravated form, at spiritualistic séances.

The vegetable kingdom also absorbs vitality, but seems in most cases to use only a small part of it. Many trees, especially the pine and eucalyptus, extract from the globules almost exactly the same constituents as does the higher part of man's etheric body, and reject any superfluous atoms charged with rose-coloured Prâna which they do not themselves require. Hence the proximity of such trees is extremely beneficial for people who are nervously depleted.

The health aura, consisting of these particles ejected from the body, serves the useful purpose of protecting the man from the invasion of disease germs. In health the particles are thrown out through the pores in straight lines, at right angles to the surface of the body, giving to the health aura a striated effect. As long as the lines remain firm and straight the body seems to be almost entirely protected from the attack of evil

trong những dạng phổ biến nhất là muối, hay natri clorua, vốn có dạng hình khối.

Mặt khác, một người vì bất cứ lý do nào không thể chuyên biệt hóa cho sự sử dụng riêng của mình một lượng Prana đầy đủ, thường xuyên và cũng một cách vô thức hoạt động như một miếng bọt biển, tinh linh thể xác của y rút sinh lực từ bất cứ người nhạy cảm nào tình cờ ở gần, đem lợi ích tạm thời cho chính y, nhưng thường gây tổn hại nghiêm trọng cho nạn nhân. Hiện tượng này phần lớn giải thích những cảm giác mệt mỏi và uể oải ập đến với một người sau khi ở gần những người, do chính họ không mạnh mẽ lắm, sở hữu năng lực bất hạnh giống như ma cà rồng này là rút cạn sinh lực của người khác. Điều tương tự có thể xảy ra, thường dưới hình thức trầm trọng hơn, tại các buổi gọi hồn của nhà thần linh học.

Giới thực vật cũng hấp thụ sinh lực, nhưng trong đa số trường hợp dường như chỉ sử dụng một phần nhỏ của nó. Nhiều cây, đặc biệt là thông và bạch đàn, rút ra từ các sinh khí cầu hầu như chính xác những thành phần giống như phần cao hơn của thể dĩ thái con người, và loại bỏ mọi nguyên tử thừa được nạp Prana màu hoa hồng mà chính chúng không cần. Do đó, sự gần gũi những cây như thế cực kỳ có lợi cho những người bị suy kiệt thần kinh.

Hào quang sức khỏe, gồm các hạt này bị tổng ra khỏi thể, phục vụ mục đích hữu ích là bảo vệ con người khỏi sự xâm nhập của các mầm bệnh. Khi khỏe mạnh, các hạt được phóng ra qua các lỗ chân lông theo những đường thẳng, vuông góc với bề mặt của thể, tạo cho hào quang sức khỏe một hiệu ứng có vân. Chừng nào các đường ấy còn vững chắc và thẳng, thể dường như hầu như hoàn toàn được bảo vệ khỏi sự tấn công của các ảnh hưởng hồng trần

physical influences, such as disease germs, the germs being actually repelled and carried away by the outrush of Prânic force. But, when on account of weakness, over-fatigue, a wound, depression of spirits, or through the excesses of an irregular life, an unusually large amount of Prâna is required to repair waste or damage within the body, and there is consequently a serious diminution in the quantity radiated, the lines of the health aura droop, become erratic and confused, the system of defence is weakened, and it is then comparatively easy for deadly germs to effect an entrance (*vide* M., V., & I., p. 132, Plate XXV).

In *The Science of breath*, translated by Râma Prasâd, it is stated that the natural length from the body to the periphery of the "halo" of Prâna, is 10 "fingers" during inspiration of the breath and 12 during expiration. At other times the lengths are stated to be as follows: in eating and speaking, 18; in walking, 24; in running, 42; in cohabitation 65; in sleeping, 100. A reduction in length is said to result when a man overcomes desire, gains the 8 Siddhis, etc. It seems probable, though by no means certain, that the "halo" mentioned is the health aura. The term "fingers" here means, according to the method of reckoning used in India, not the length of a finger but with width.

Both etheric matter and Prâna are very readily amenable to the human will. It is possible, therefore, to protect oneself to a considerable extent from hostile influences mentioned above, by making an effort of the will to check the radiation of vitality at the outer extremity of the health aura, building it there into a wall or shell which will be impervious to disease germs and also prevent the vitality from being sucked away by any

xấu, chẳng hạn như các mầm bệnh, vì các mầm bệnh thật sự bị đẩy lui và cuốn đi bởi dòng mãnh lực Prana tuôn ra. Nhưng khi, do yếu sức, quá mệt mỏi, một vết thương, tinh thần suy sụp, hay do những thái quá của một đời sống vô điều độ, cần một lượng Prana lớn bất thường để sửa chữa hao tổn hay tổn hại bên trong thể, và do đó lượng bức xạ giảm sút nghiêm trọng, các đường của hào quang sức khỏe rũ xuống, trở nên thất thường và rối loạn, hệ thống phòng vệ suy yếu, và khi ấy các mầm bệnh chết người tương đối dễ dàng xâm nhập (*xem* M., V., & I., tr. 132, Bản XXV).

Trong *Khoa Học về Hơi Thở*, do Râma Prasâd dịch, có nói rằng chiều dài tự nhiên từ thể đến chu vi của "vầng sáng" Prana là 10 "ngón tay" trong khi hít vào và 12 trong khi thở ra. Vào những lúc khác, các chiều dài được nói như sau: khi ăn và nói, 18; khi đi bộ, 24; khi chạy, 42; khi giao hợp, 65; khi ngủ, 100. Người ta nói rằng chiều dài giảm đi khi một người vượt thắng dục vọng, đạt 8 Siddhi, v.v. Có vẻ có khả năng, dù tuyệt nhiên không chắc chắn, rằng "vầng sáng" được đề cập chính là hào quang sức khỏe. Thuật ngữ "ngón tay" ở đây, theo phương pháp tính dùng tại Ấn Độ, không có nghĩa là chiều dài của một ngón tay mà là bề rộng.

Cả vật chất dĩ thái lẫn Prana đều rất dễ tuân theo ý chí con người. Vì vậy, có thể bảo vệ bản thân đến một mức đáng kể khỏi những ảnh hưởng thù nghịch đã nói ở trên, bằng một nỗ lực của ý chí nhằm chặn bức xạ sinh lực ở mép ngoài của hào quang sức khỏe, xây dựng nó tại đó thành một bức tường hay lớp vỏ không thấm đối với các mầm bệnh, đồng thời cũng ngăn sinh lực bị bất cứ người nào ở gần có khuynh hướng ma cà rồng hút mất.

one near who has the vampire tendency.

With a little further effort a shell may be made impervious also to astral or mental influence.

The question of etheric shells is so important that it will be necessary later on in this book to enter into it rather more fully than we have done here, where we are dealing purely with the health aura.

The development of the spleen centre enables the man to remember his astral journeys, though sometimes only very partially, the faculty associated with the corresponding astral centre being that of travelling consciously in the astral body. Those vague memories, that most of us have, of blissful flights through the air are often due to slight accidental stimulation of the spleen chakram.

It maybe mentioned, in passing, that the astral centre corresponding to the spleen also has the function of vitalising the whole astral body.

Với một chút nỗ lực thêm nữa, có thể tạo một lớp vỏ cũng không thấm đối với ảnh hưởng cảm dục hay trí tuệ.

Vấn đề các lớp vỏ dĩ thái quan trọng đến mức về sau trong sách này cần phải đi vào nó đầy đủ hơn đôi chút so với những gì chúng ta đã làm ở đây, nơi chúng ta chỉ bàn thuần túy về hào quang sức khỏe.

Sự phát triển của trung tâm lá lách giúp con người nhớ được các cuộc hành trình cảm dục của mình, dù đôi khi chỉ rất phần nào; năng lực liên hệ với trung tâm cảm dục tương ứng là năng lực du hành một cách có ý thức trong thể cảm dục. Những ký ức mơ hồ mà hầu hết chúng ta có về các chuyến bay đầy chí phúc qua không trung thường là do sự kích thích nhẹ và ngẫu nhiên của chakram lá lách.

Nhân tiện có thể nói rằng trung tâm cảm dục tương ứng với lá lách cũng có chức năng tiếp sinh lực cho toàn bộ thể cảm dục.

CHAPTER V – CHƯƠNG V

THE BASE OF THE SPINE CENTRE – TRUNG TÂM ĐÁY CỘT SỐNG

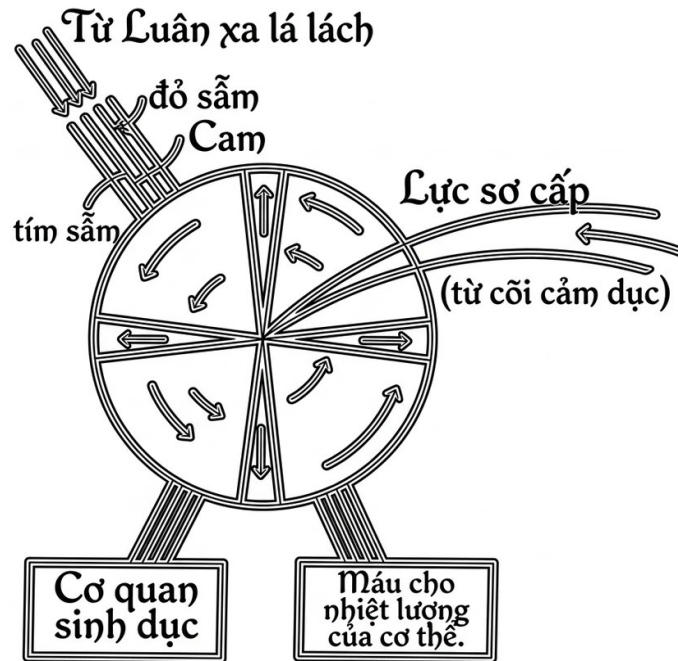
The first centre, or chakram, at the base of the spine, has a primary force which radiates in four spokes, making the centre appear to be divided into quadrants, with hollows between them, like a cross, a symbol which is often used to represent the centre.

Trung tâm thứ nhất, hay chakram, ở đáy cột sống, có một mãnh lực sơ cấp bức xạ thành bốn nan hoa, khiến trung tâm dường như được chia thành bốn góc phần tư, với các chỗ lõm giữa chúng, giống như một thập giá, một biểu tượng thường được dùng để tượng trưng cho trung tâm này.

DIAGRAM V – BIỂU ĐỒ V

Base of Spine Centre – Trung tâm Đáy Cột sống

(a) Normal person – (a) Người bình thường



Function of Astral Centre: Seat of Kundalini

Chức năng của Trung tâm Cảm dục: Chỗ ngự của Kundalini

Function of Etheric Centre: Seat of Kundalini

Chức năng của Trung tâm Dĩ thái: Chỗ ngự của Kundalini

Appearance: "Fiery orange-red". number of "spokes" four

Vẻ ngoài: "Đỏ cam rực lửa". số "nan hoa" là bốn

N.B. Kundalini has seven layers or degrees of force.

Ghi chú. Kundalini có bảy lớp hay cấp độ mãnh lực.

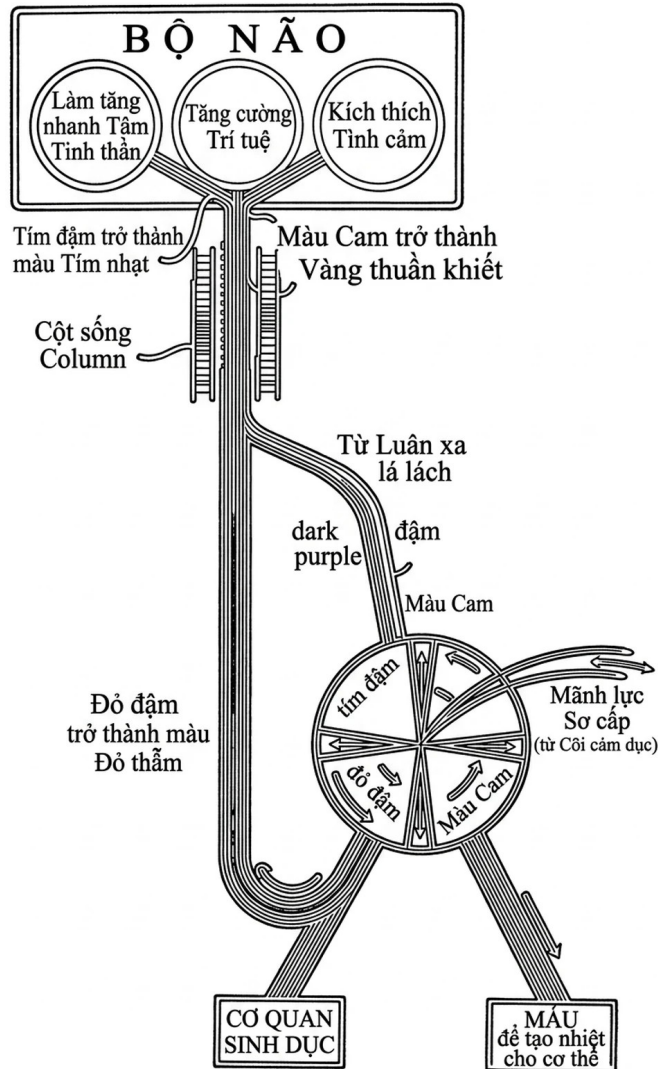
When aroused into full activity, this centre is fiery orange-red in colour corresponding closely with the stream of dark red and orange vitality which comes to it from the spleen centre. It may be mentioned that in every case there is a similar correspondence between the colour of the stream of vitality flowing into a centre and the colour of the centre itself.

Khi được khơi dậy vào hoạt động đầy đủ, trung tâm này có màu đỏ cam rực lửa, tương ứng rất gần với dòng sinh lực đỏ sẫm và cam đến với nó từ trung tâm lá lách. Có thể đề cập rằng trong mọi trường hợp đều có một sự tương ứng tương tự giữa màu của dòng sinh lực chảy vào một trung tâm và màu của chính trung tâm ấy.

DIAGRAM V – BIỂU ĐỒ V

Base of Spine Centre – Trung tâm Đáy Cột sống

(b) Developed person – (b) Người đã phát triển



In addition to the orange and darker reds, there is also some dark purple vitality flowing into this centre, rather as though the spectrum bent round in a circle and the colours began again at a lower octave.

From this centre the orange-red ray flows to the generative organs, energising the sexual nature: it also seems to enter the blood and keep up the heat of the body.

A very remarkable and important effect can be produced by a person who persistently refuses to yield to the lower nature. By long

Ngoài màu cam và các sắc đỏ sẫm hơn, cũng có một ít sinh lực tím sẫm chảy vào trung tâm này, gần như thể quang phổ uốn cong thành một vòng tròn và các màu bắt đầu lại ở một bát độ thấp hơn.

Từ trung tâm này, tia đỏ cam chảy đến các cơ quan sinh sản, tiếp năng lượng cho bản chất tính dục: nó cũng dường như đi vào máu và duy trì nhiệt của thể.

Một hiệu quả rất đáng chú ý và quan trọng có thể được tạo ra bởi một người kiên trì từ chối nhượng bộ bản chất thấp. Bằng nỗ lực lâu dài

and determined effort the orange-red ray can be deflected upwards to the brain, where all three constituents undergo a profound modification. The orange is raised into pure yellow and intensifies the intellectual powers. The dark red becomes crimson and increases the power of unselfish affection; the dark purple is transmuted into a beautiful pale violet, quickening the spiritual part of the nature.

The seat of Kundalini, the Serpent-Fire, is in the base of the spine centre. This will be dealt with in a later chapter: for THE present we may just note that a man who has achieved the transmutation just mentioned will find that sensual desires no longer trouble him, and when it becomes necessary for him to arouse the serpent-fire he will be free from the most serious of dangers of that process. When a man has finally completed the change, the orange-red ray passes straight into the centre at the base of the spine, and thence runs upwards through the hollow of the vertebral column and so to the brain.

A flaming cross is a symbol sometimes used to represent the serpent-fire residing in the base of the spine centre.

và quyết tâm, tia đỏ cam có thể được chuyển hướng lên trên đến bộ não, nơi cả ba thành phần đều trải qua một sự biến đổi sâu xa. Màu cam được nâng lên thành màu vàng tinh khiết và tăng cường các quyền năng trí năng. Màu đỏ sẫm trở thành đỏ thắm và gia tăng quyền năng trù mền vô kỷ; màu tím sẫm được chuyển hóa thành một màu tím nhạt đẹp đẽ, làm linh hoạt phần tinh thần của bản chất.

Chỗ ngự của Kundalini, Lửa Rắn, nằm trong trung tâm đáy cột sống. Điều này sẽ được đề cập trong một chương sau: hiện tại chúng ta chỉ cần lưu ý rằng một người đã đạt được sự chuyển hóa vừa nêu sẽ thấy rằng các ham muốn nhục dục không còn quấy nhiễu nữa, và khi y cần khơi dậy lửa rắn, y sẽ thoát khỏi những nguy hiểm nghiêm trọng nhất của tiến trình ấy. Khi một người cuối cùng đã hoàn tất sự thay đổi, tia đỏ cam đi thẳng vào trung tâm ở đáy cột sống, rồi từ đó chạy lên qua khoang rỗng của cột sống và như vậy đến bộ não.

Một thập giá rực lửa là biểu tượng đôi khi được dùng để biểu thị lửa-rắn trú ngụ ở luân xa đáy cột sống.

CHAPTER VI – CHƯƠNG VI

THE NAVEL CENTRE – LUÂN XA RỐN

The second centre, at the navel or solar plexus, receives a primary force which radiates in ten directions, there being ten undulations or petals.

Its predominant colour is a curious blending of various shades of red, though there is also a great deal of green in it. It receives the green ray from the spleen centre, that ray also

Luân xa thứ hai, ở rốn hay tùng thái dương, tiếp nhận một mãnh lực nguyên sơ tỏa ra theo mười hướng, có mười làn sóng hay cánh hoa.

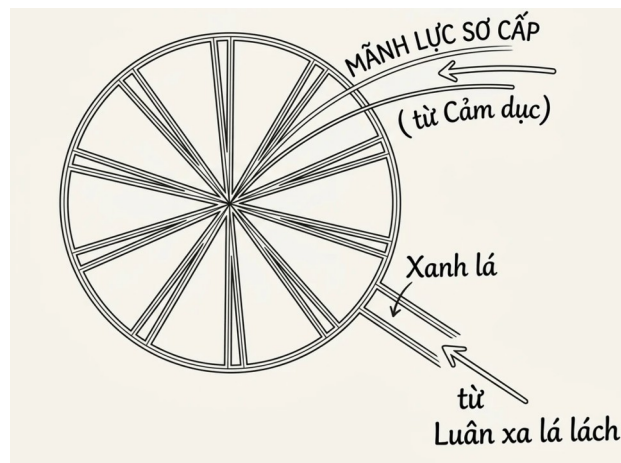
Màu chủ đạo của nó là một sự pha trộn kỳ lạ của nhiều sắc đỏ khác nhau, dù trong đó cũng có rất nhiều màu lục. Nó tiếp nhận cung màu lục từ Luân xa lá lách; cung ấy cũng tràn ngập

flooding the abdomen, vivifying the liver, kidneys, intestines, and the digestive apparatus generally, centering especially in the solar plexus.

vùng bụng, tiếp sinh lực cho gan, thận, ruột và nói chung là bộ máy tiêu hóa, đặc biệt tập trung ở tầng thái dương.

DIAGRAM VI – SƠ ĐỒ VI

Navel Centre – Luân xa Rốn



Function of Astral Centre: Feeling: general sensitiveness.

Chức năng của Luân xa Cảm dục: Cảm giác: tính nhạy cảm tổng quát.

Function of Etheric Centre: Feeling astral influences.

Chức năng của Luân xa Dĩ thái: Cảm nhận các ảnh hưởng cảm dục.

Appearance: "various shades of red, with much green". Number of "spokes" ten

Vẻ ngoài: "nhiều sắc đỏ khác nhau, với nhiều màu lục". Số "nan hoa" là mười

The centre is closely associated with feelings and emotions of various kinds. The corresponding astral centre, when awakened, gives the power of feeling, a sensitiveness to all sorts of influences, though without as yet anything like the definite comprehension that comes from the faculties corresponding to seeing or hearing. When, therefore, the etheric centre becomes active, the man begins in the physical body to be conscious of astral influences, vaguely feeling friendliness or hostility, or that some places are pleasant

Luân xa này liên hệ mật thiết với các cảm giác và cảm xúc thuộc nhiều loại khác nhau. Luân xa cảm dục tương ứng, khi được đánh thức, ban cho quyền năng cảm nhận, một sự nhạy cảm với mọi loại ảnh hưởng, dù lúc ấy vẫn chưa có điều gì giống như sự thấu hiểu rõ rệt vốn đến từ các quan năng tương ứng với thấy hay nghe. Do đó, khi luân xa dĩ thái trở nên hoạt động, con người bắt đầu, trong thể xác, có ý thức về các ảnh hưởng cảm dục, mơ hồ cảm thấy sự thân thiện hay thù nghịch, hoặc cảm thấy một vài nơi dễ chịu còn những nơi

and others unpleasant, but without the least knowing why.

khác khó chịu, nhưng hoàn toàn không biết vì sao.

The Sanskrit name for this centre is Manipûra.

Tên tiếng Phạn của luân xa này là Manipura.

CHAPTER VII – **CHƯƠNG VII**

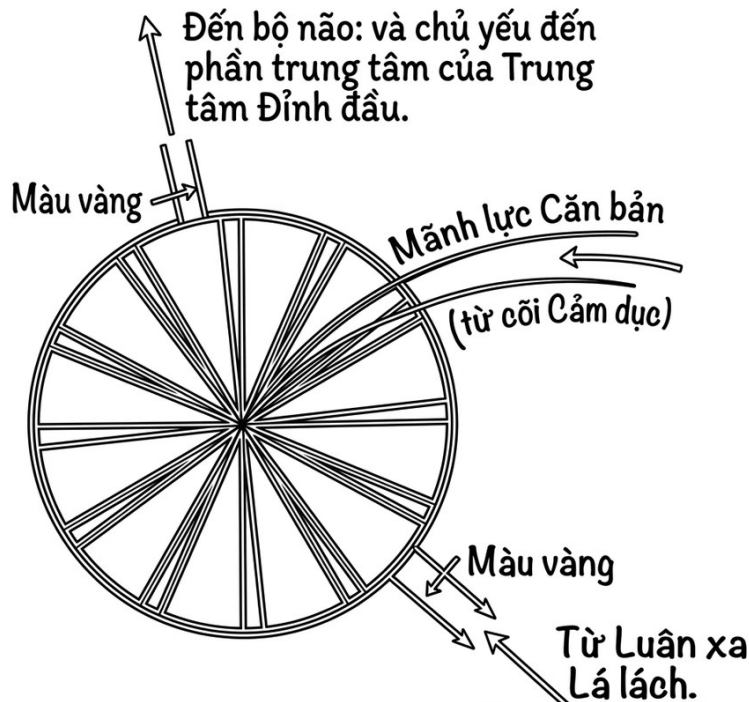
THE HEART CENTRE – **LUÂN XA TIM**

Having already dealt with the third centre, that near the spleen, we pass next to the fourth centre, that of the heart.

Vì đã bàn đến luân xa thứ ba, luân xa gần lá lách, nên tiếp theo chúng ta chuyển sang luân xa thứ tư, luân xa tim.

DIAGRAM VII – **SƠ ĐỒ VII**

Heart Centre – **Luân xa Tim**



N.B. The Yellow Ray permeates the blood, and is carried all over the body with it.

Ghi chú: Cung Màu Vàng thấm nhuần máu và được máu mang đi khắp thể.

Function of Astral centre: Comprehension of Astral vibrations.

Function of Etheric Centre: Consciousness of feelings of others.

Appearance: "glowing golden". Number of "spokes", 12.

This chakram has twelve spokes or radiations, and is a glowing golden colour. It receives the yellow ray from the spleen centre; when the current is full and strong it produces strength and regularity in the heart section. Flowing round the heart chakram, the yellow ray also interpenetrates the blood and thus is carried all over the body. It also passes on to the brain and permeates it, though directing itself principally to the twelve-petalled flower in the middle of the seventh or highest centre. In the brain, it confers the power of high philosophical and metaphysical thought.

The corresponding astral centre, when awakened, endows a man with the power to comprehend and sympathise with, and so instinctively understand, the feelings of other astral entities.

The etheric centre, therefore, makes a man aware, in his physical consciousness, of the joys and sorrows of others, and sometimes even causes him to reproduce in himself by sympathy their physical aches and pains.

The Sanskrit for this chakram is Anâhata.

Chức năng của Luân xa cảm dục: Thấu hiểu các rung động cảm dục.

Chức năng của Luân xa Dĩ thái: Ý thức về cảm giác của người khác.

Vẻ ngoài: "vàng kim rực sáng". Số "nan hoa", 12.

Luân xa này có mười hai nan hoa hay tia phóng xạ, và có màu vàng kim rực sáng. Nó tiếp nhận cung màu vàng từ Luân xa lá lách; khi dòng lưu chuyển đầy đủ và mạnh mẽ, nó tạo ra sức mạnh và sự đều đặn trong phần tim. Chảy quanh luân xa tim, cung màu vàng cũng thâm nhập vào máu và nhờ đó được mang đi khắp thể. Nó cũng đi tiếp đến bộ não và thấm nhuần bộ não, dù chủ yếu hướng đến bông hoa mười hai cánh ở giữa luân xa thứ bảy hay cao nhất. Trong bộ não, nó ban cho quyền năng tư tưởng triết học và siêu hình cao.

Luân xa cảm dục tương ứng, khi được đánh thức, ban cho con người quyền năng thấu hiểu, cảm thông và do đó hiểu một cách bản năng các cảm giác của những thực thể cảm dục khác.

Vì vậy, luân xa dĩ thái làm cho con người, trong tâm thức hồng trần của y, nhận biết niềm vui và nỗi buồn của người khác, và đôi khi còn khiến y tái tạo trong chính mình, do cảm thông, những đau nhức thể xác của họ.

Tiếng Phạn gọi luân xa này là Anahata.

CHAPTER VIII – **CHƯƠNG VIII**

THE THROAT CENTRE – **LUÂN XA CỔ HỌNG**

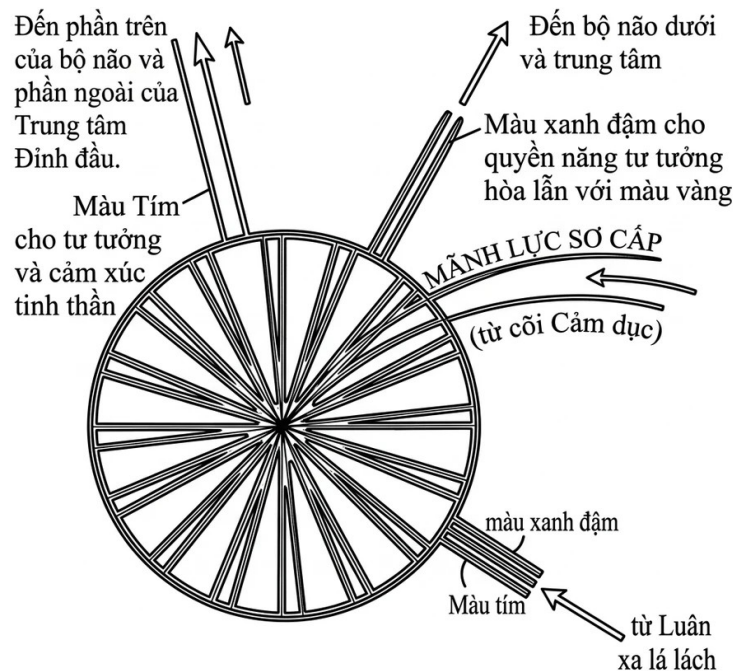
It receives the violet-blue ray from the spleen chakram. This ray then appears to divide, the light blue remaining to course through and vivify the throat centre, while the dark blue and violet pass on to the brain.

Function of Astral Centre: Hearing

Nó tiếp nhận cung màu lam-tím từ luân xa lá lách. Cung này sau đó dường như phân chia: màu lam nhạt ở lại để lưu chuyển qua và tiếp sinh lực cho trung tâm cổ họng, trong khi màu lam sẫm và màu tím đi tiếp đến bộ não.

Chức năng của Luân xa Cảm dục: Nghe

Throat Centre – Luân xa Cổ họng



Function of Etheric Centre: Etheric and Astral hearing.

Appearance: "Silvery and gleaming with a good deal of blue".

Number of "spokes" 16.

The dark blue expends itself in the lower central parts of the brain, while the violet floods the upper part and appears to give special vigour to the chakram at the top of the head, diffusing itself chiefly through the nine hundred and sixty petals of the outer part of the centre.

Ordinary thought is stimulated by the blue ray, mingled with part of the yellow (from the heart centre, *vide* Chapter VII.).

In some forms of idiocy the yellow and blue-violet flow to the brain is almost inhibited.

Thought and emotion of a high spiritual type seem to depend largely upon the violet ray.

The awakening of the corresponding astral centre gives the power of hearing on the astral plane, that is to say, the faculty which produces in the astral world the effect similar to that which in the physical world we call hearing.

When the etheric centre is aroused, the man in his physical consciousness hears voices, which sometimes make all kinds of suggestions to him. He may hear music, or other less pleasant sounds. When fully working, it makes a man clairaudient so far as the etheric and astral planes are concerned.

The Sanskrit name for this centre is

Chức năng của Luân xa Dĩ thái: Nghe dĩ thái và cảm dục.

Vẻ ngoài: "Bạc sáng lấp lánh với khá nhiều màu lam".

Số "nan hoa" 16.

Màu lam sẫm tiêu hao chính nó ở các phần trung tâm thấp hơn của bộ não, trong khi màu tím tràn ngập phần trên và dường như đem lại sinh lực đặc biệt cho luân xa ở đỉnh đầu, chủ yếu khuếch tán qua chín trăm sáu mươi cánh hoa của phần ngoài luân xa.

Tư tưởng thông thường được kích thích bởi cung màu lam, hòa lẫn với một phần màu vàng từ luân xa tim, *xem* Chương VII.

Trong một vài dạng ngu độn, dòng màu vàng và lam-tím chảy đến bộ não hầu như bị ức chế.

Tư tưởng và cảm xúc thuộc loại tinh thần cao dường như phần lớn tùy thuộc vào cung màu tím.

Sự thức tỉnh của luân xa cảm dục tương ứng đem lại quyền năng nghe trên cõi cảm dục, nghĩa là quan năng tạo ra trong thế giới cảm dục một hiệu ứng tương tự với điều mà trong thế giới hồng trần chúng ta gọi là nghe.

Khi luân xa dĩ thái được khơi dậy, con người trong tâm thức hồng trần của y nghe thấy các tiếng nói, đôi khi chúng đưa ra đủ loại gợi ý cho y. Y có thể nghe âm nhạc, hoặc những âm thanh khác kém dễ chịu hơn. Khi hoạt động đầy đủ, nó làm cho con người trở nên thông nhĩ trong phạm vi các cõi dĩ thái và cảm dục.

Tên tiếng Phạn của luân xa này là Visuddha.

Visuddha.

CHAPTER IX – CHƯƠNG IX

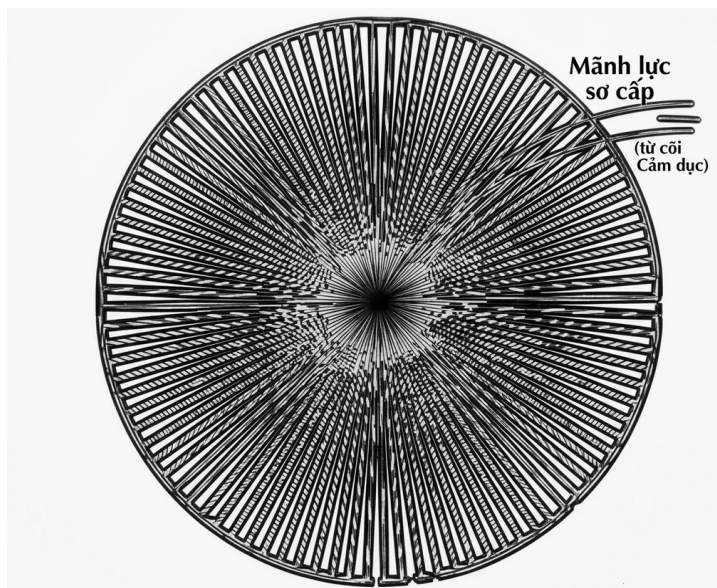
THE CENTRE BETWEEN THE EYEBROWS – LUÂN XA GIỮA HAI LÔNG MÀY

The sixth centre, that between the eyebrows, has ninety-six spokes. In Indian books, however, it is mentioned as having only two petals, this being probably due to the fact that it presents the appearance of being divided into halves. Of these, the one is predominantly rose-coloured, though with a great deal of yellow in it, and the other predominantly a kind of purplish-blue.

Luân xa thứ sáu, nằm giữa hai lông mày, có chín mươi sáu nan hoa. Tuy nhiên, trong các sách Ấn Độ, nó được nói là chỉ có hai cánh hoa, điều này có lẽ do sự kiện nó biểu lộ vẻ ngoài như bị chia thành hai nửa. Trong hai nửa ấy, một nửa chủ yếu có màu hồng, dù trong đó có rất nhiều màu vàng, còn nửa kia chủ yếu là một loại màu lam hơi tím.

DIAGRAM IX – SƠ ĐỒ IX

Between the Eyebrows Center – Luân xa Giữa Hai Lông Mày



Function of Astral Centre: sight.

Chức năng của Luân xa Cảm dục: thị giác.

Function of Etheric Centre: Clairvoyance: Magnification.

Chức năng của Luân xa Dĩ thái: Thông nhãn: phóng đại.

Appearance: half predominantly rose, with much yellow, half "predominantly a kind of purplish blue".

Number of "spokes" 96.

The writer has been unable to find any specific description of the source of the Prânic stream which flows into this centre, though it is mentioned in *The Inner Life*, p. 449, that the purplish-blue appearance of one half of the centre agrees closely with the colours of the special types of vitality that vivify it. This would seem to indicate the dark blue (and violet?) ray which passes the throat centre and proceeds to the brain.

The development of the corresponding astral centre confers the power to perceive definitely the nature and shape of astral objects, instead of vaguely sensing their presence.

The awakening of the etheric centre cause a man to see objects, and to have various sorts of waking visions of places or people. When just beginning to awaken, landscapes and clouds of colour are half-perceived. When fully developed it brings about clairvoyance.

The remarkable faculty of magnification of vision, or its converse, is associated with this centre, and will be described in the chapter on Etheric Sight.

In Sanskrit this centre is known as Ajnâ.

Vẻ ngoài: một nửa "chủ yếu màu hồng, với nhiều màu vàng", một nửa "chủ yếu là một loại màu lam hơi tím".

Số "nan hoa" 96.

Người viết chưa thể tìm thấy bất kỳ mô tả cụ thể nào về nguồn của dòng prana chảy vào luân xa này, dù trong *Đời Sống Nội Tại*, trang 449, có nói rằng vẻ ngoài lam hơi tím của một nửa luân xa rất phù hợp với các màu của những loại sinh lực đặc biệt tiếp sinh lực cho nó. Điều này dường như chỉ ra cung màu lam sẫm và có lẽ màu tím, vốn đi qua trung tâm cổ họng và tiến đến bộ não.

Sự phát triển của luân xa cảm dục tương ứng ban cho quyền năng nhận biết rõ rệt bản chất và hình dạng của các vật thể cảm dục, thay vì chỉ cảm nhận mơ hồ sự hiện diện của chúng.

Sự thức tỉnh của luân xa dĩ thái khiến con người thấy các vật thể, và có nhiều loại linh ảnh lúc thức về những nơi chốn hay con người. Khi chỉ mới bắt đầu thức tỉnh, các phong cảnh và mây màu được nhận thấy lơ mờ. Khi phát triển đầy đủ, nó đem lại thông nhãn.

Quan năng đáng chú ý về sự phóng đại của tầm nhìn, hoặc điều ngược lại của nó, liên hệ với luân xa này, và sẽ được mô tả trong chương về Thị Giác Dĩ Thái.

Trong tiếng Phạn, luân xa này được biết là Ajna.

CHAPTER X – CHƯƠNG X

THE CENTRE AT THE TOP OF THE HEAD – LUÂN XA Ở ĐỈNH ĐẦU

This centre, the seventh, situated at the top of the head, is somewhat different in construction from the other six. It is described in Indian books as the thousand-petalled lotus, though the actual number of radiations of the primary force is 960. In addition to this, it possesses a sort of subsidiary whirlpool or minor activity in its central portion, which has twelve undulations of its own.

When fully alive, this chakram is perhaps the most resplendent of all, full of indescribable chromatic effects and vibrating with almost inconceivable rapidity. The central portion is gleaming white, flushed with gold in its heart.

The centre receives in its outer portion the violet ray which passes through the throat centre, while in its central portion it receives the yellow ray from the heart centre.

The arousing of the corresponding astral centre rounds off and completes the astral life, endowing a man with the perfection of his faculties.

With one type of individual, the astral chakrams corresponding to the sixth and seventh etheric chakrams both converge upon the pituitary body, the latter organ being practically the only direct link between the physical and higher planes.

With another type of person however, while the sixth chakram is still attached to the pituitary body, the seventh is bent or slanted until it coincides with the atrophied organ known as the pineal gland, which with people

Luân xa này, luân xa thứ bảy, nằm ở đỉnh đầu, có cấu trúc hơi khác với sáu luân xa kia. Trong các sách Ấn Độ, nó được mô tả là Hoa sen ngàn cánh, dù số tia phóng xạ thực sự của mãnh lực nguyên sơ là 960. Thêm vào đó, nó có một dạng xoáy phụ hay hoạt động nhỏ hơn ở phần trung tâm, với mười hai làn sóng riêng của nó.

Khi hoàn toàn sống động, luân xa này có lẽ là rực rỡ nhất trong tất cả, đầy những hiệu ứng màu sắc không thể mô tả và rung động với tốc độ hầu như không thể quan niệm. Phần trung tâm trắng sáng lấp lánh, nơi tim của nó ánh lên sắc vàng.

Ở phần ngoài, luân xa tiếp nhận cung màu tím đi qua trung tâm cổ họng, trong khi ở phần trung tâm nó tiếp nhận cung màu vàng từ luân xa tim.

Sự khơi dậy luân xa cảm dục tương ứng làm tròn đầy và hoàn tất đời sống cảm dục, ban cho con người sự hoàn hảo của các quan năng của y.

Với một loại cá nhân, các luân xa cảm dục tương ứng với luân xa dĩ thái thứ sáu và thứ bảy đều hội tụ vào tuyến yên, cơ quan sau này trên thực tế là mối liên kết trực tiếp duy nhất giữa cõi hồng trần và các cõi cao.

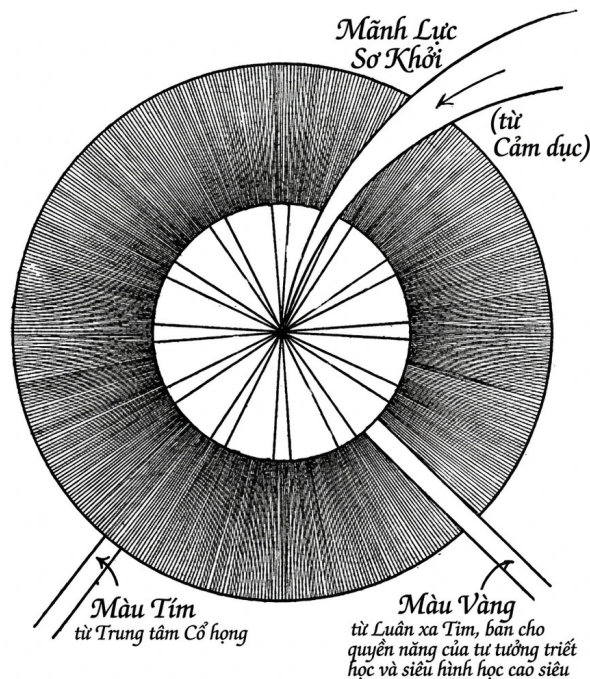
Tuy nhiên, với một loại người khác, trong khi luân xa thứ sáu vẫn gắn với tuyến yên, luân xa thứ bảy bị uốn cong hoặc nghiêng đi cho đến khi trùng với cơ quan đã teo nhỏ được gọi là tuyến tùng, cơ quan này nơi những người

of this type becomes a line of direct communication with the lower mental, without apparently passing through the intermediate astral plane in the ordinary way. This explains the emphasis sometimes laid on the development of the pineal gland.

thuộc loại này trở thành một đường giao tiếp trực tiếp với cõi hạ trí, mà dường như không đi qua cõi cảm dục trung gian theo cách thông thường. Điều này giải thích sự nhấn mạnh đôi khi được đặt vào việc phát triển tuyến tùng.

DIAGRAM X – SƠ ĐỒ X

Top of Head Centre – Luân xa Đỉnh Đầu



Appearance:

Central portion: "gleaming white, flushed with gold".

Outer portion: "most resplendent of all, full of indescribable chromatic effects".

Number of "spokes": Central portion 12, outer portion 960.

Vẻ ngoài:

Phần trung tâm: "trắng sáng lấp lánh, ánh lên sắc vàng".

Phần ngoài: "rực rỡ nhất trong tất cả, đầy những hiệu ứng màu sắc không thể mô tả".

Số "nan hoa": Phần trung tâm 12, phần ngoài 960.

Function of Astral Centre: perfects and completes faculties.

Function of Etheric Centre: gives continuity of consciousness.

The awakening of the etheric centre enables a man through it to leave the physical body in full consciousness, and also to re-enter it without the usual break, so that his consciousness will be continuous through night and day.

The real reason for tonsure, as practised by the Roman Church, was to leave uncovered the brahmarandra chakram, so that there might be not even the slightest hindrance in the way of psychic force which in their meditations the candidates were intended to try to arouse.

Chức năng của Luân xa Cảm dục: hoàn thiện và hoàn tất các quan năng.

Chức năng của Luân xa Dĩ thái: đem lại sự liên tục của tâm thức.

Sự thức tỉnh của luân xa dĩ thái cho phép con người, nhờ nó, rời khỏi thể xác trong tâm thức đầy đủ, và cũng trở lại thể ấy mà không có sự đứt đoạn thông thường, để tâm thức của y được liên tục suốt đêm ngày.

Lý do thật sự của phép cạo đỉnh đầu, như Giáo hội La Mã thực hành, là để để lộ luân xa brahmarandra, hầu không có ngay cả chướng ngại nhỏ nhất trên đường đi của mãnh lực thông linh mà các ứng viên được dự định cố gắng khơi dậy trong các cuộc tham thiền của họ.

CHAPTER XI – CHƯƠNG XI

DISCHARGES – CÁC SỰ THẢI RA

Just as the dense physical body uses up its materials, and discharges its waste products through the five excretory organs – the skin, lungs, liver, intestines and kidneys – so does the etheric body use up the material with which it is supplied, through physical food and the absorption of the Vitality Globule, and discharge its waste particles in various ways.

A Chart of these discharges is appended, the results it shows being described as follows.

Through the breath and the pores of the skin are expelled both the bluish-white particles from which the Prana has been extracted,

Cũng như thể xác đậm đặc sử dụng hết các vật liệu của nó, và thải các sản phẩm cặn bã qua năm cơ quan bài tiết — da, phổi, gan, ruột và thận — thể dĩ thái cũng sử dụng hết chất liệu được cung cấp cho nó qua thức ăn hồng trần và sự hấp thụ Sinh khí cầu, rồi thải các hạt cặn bã của nó theo nhiều cách khác nhau.

Một biểu đồ về các sự thải ra này được đính kèm, các kết quả mà nó cho thấy được mô tả như sau.

Qua hơi thở và các lỗ chân lông của da, những hạt trắng hơi lam mà prana đã được rút ra khỏi chúng được thải ra, cùng với những hạt

such particles still charged with rose-coloured Prâna as are superfluous to the requirements of the body, and also the atoms from the blue rays used by the throat centre.

Through the excretory organs pass the emptied atoms of the green ray, from the digestive system, and also, in the case of the ordinary man, those of the red-orange ray.

Through the top of the head pass the atoms from the dark blue and violet rays.

In a developed person, however, who has achieved the deflection upwards of the red-orange ray, the particles from this ray are discharged through the top of the head. These form a fiery cascade, frequently shown as a flame in ancient statues of Buddha and other saints.

Atoms which have been emptied of Prâna become once more precisely like any other atoms. Some of them are absorbed by the body and enter into the various combinations which are constantly being made, while others which are not required are thrown off through any convenient channel.

vẫn còn tích điện prana màu hồng nhưng dư thừa đối với nhu cầu của thể, và cả các nguyên tử từ những cung màu lam mà trung tâm cổ họng sử dụng.

Qua các cơ quan bài tiết đi ra những nguyên tử đã rỗng của cung màu lục, từ hệ tiêu hóa, và trong trường hợp của người thông thường, cả những nguyên tử của cung đỏ-cam.

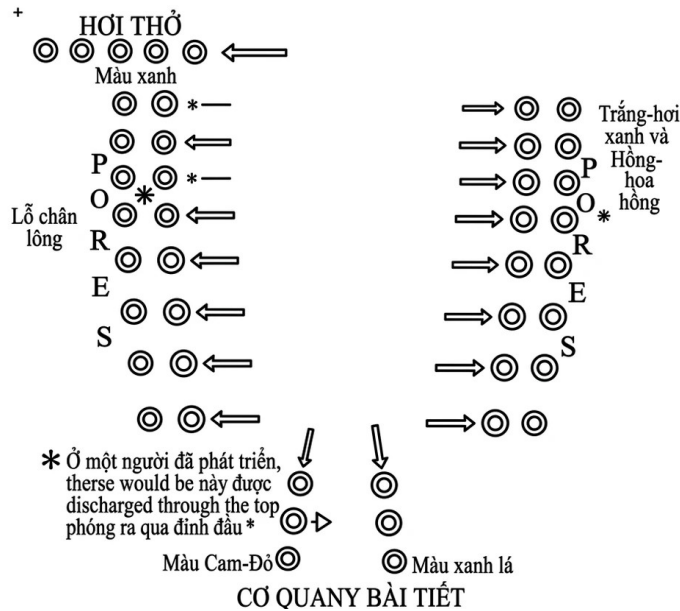
Qua đỉnh đầu đi ra các nguyên tử từ các cung màu lam sẫm và tím.

Tuy nhiên, nơi một người đã phát triển, người đã đạt được sự chuyển hướng lên trên của cung đỏ-cam, các hạt từ cung này được thải ra qua đỉnh đầu. Chúng tạo thành một thác lửa, thường được trình bày như một ngọn lửa trong các tượng cổ của Đức Phật và các vị thánh khác.

Các nguyên tử đã bị rút hết prana trở lại hoàn toàn giống như mọi nguyên tử khác. Một số trong chúng được thể hấp thụ và đi vào các tổ hợp khác nhau vốn liên tục được tạo thành, trong khi những nguyên tử khác không cần thiết thì bị thải ra qua bất kỳ kênh thuận tiện nào.

DIAGRAM XI – SƠ ĐỒ XI

Discharges – Các Sự Thải Ra



N.B. Some of the particles, when depleted of vitality, are used up for building or nourishing the Etheric Body.

Ghi chú: Một số hạt, khi đã cạn sinh lực, được sử dụng hết để xây dựng hoặc nuôi dưỡng Thể Dĩ Thái.

In addition to the above, the matter of the Etheric Double itself is also constantly being thrown out of the body through the pores of the skin, just as is gaseous matter. Consequently persons who are near one another are liable to absorb each other's etheric emanations.

Ngoài những điều trên, vật chất của chính bản sao dĩ thái cũng liên tục được thải ra khỏi thể qua các lỗ chân lông của da, giống như vật chất dạng khí. Do đó, những người ở gần nhau dễ hấp thụ các xuất lộ dĩ thái của nhau.

The radiation of etheric matter is strongest from the ends of the fingers and toes: hence great importance of scrupulous cleanliness in these parts of the body: a person with dirt under the finger nails, for example, is continually pouring forth a stream of unhealthy influence into the etheric world.

Sự phóng xạ của vật chất dĩ thái mạnh nhất từ các đầu ngón tay và ngón chân; do đó sự sạch sẽ tuyệt đối ở các phần này của thể có tầm quan trọng lớn lao: chẳng hạn, một người có bụi bẩn dưới móng tay thì liên tục tuôn ra một dòng ảnh hưởng không lành mạnh vào thể giới dĩ thái.

The physical emanations of the body, consisting largely of finely-divided salts,

Các xuất lộ hồng trần của thể, phần lớn gồm những muối được chia nhỏ rất mịn, hiện ra

appear to clairvoyant sight as multitudes of tiny forms, such as dice, stars, and double pyramids. The character of these tiny particles may be affected by loss of health, by a wave of emotion, or even a definite train of thought. In this connection Professor Gates is reported as saying)a) that the material emanations of the living body differ according to the states of the mind as well as the conditions of physical health; (b) that these emanations can be tested by the chemical reactions of some salts of selenium; (c) that these reactions are characterised by various tints or colours according to the nature of the mental impressions; (d) that forty different emotion-products, as he calls them, have already been obtained.

trước thị giác thông nhãn như vô số hình tướng nhỏ bé, chẳng hạn như xúc xắc, ngôi sao và kim tự tháp đôi. Tính cách của những hạt nhỏ bé này có thể chịu ảnh hưởng bởi tình trạng suy giảm sức khỏe, bởi một làn sóng cảm xúc, hoặc thậm chí bởi một chuỗi tư tưởng rõ rệt. Về điểm này, Giáo sư Gates được thuật là đã nói: a) rằng các xuất lộ vật chất của thể sống khác nhau tùy theo các trạng thái của thể trí cũng như các điều kiện sức khỏe hồng trần; b) rằng các xuất lộ này có thể được kiểm nghiệm bằng các phản ứng hóa học của một số muối selenium; c) rằng các phản ứng này được đặc trưng bởi nhiều sắc thái hay màu sắc khác nhau tùy theo bản chất của các ấn tượng trí tuệ; d) rằng bốn mươi sản phẩm-cảm xúc khác nhau, như ông gọi chúng, đã được thu được.

CHAPTER XII – CHƯƠNG XII

TABULATION OF RESULTS – BẢNG TỔNG KẾT KẾT QUẢ

For the convenience and ready reference of the student, a summary of the processes described –

Để tiện lợi và giúp đạo sinh dễ tham khảo, một bản tóm lược các tiến trình đã mô tả —

DIAGRAM XII

SƠ ĐỒ XII

Distribution Chart

Biểu đồ Phân bố

					Centre		Kidneys, Intestines and Abdomen generally.			
3	Spleen	6	Radiant sun-like	and "	(1) Violet- blue to Throat (2) Yellow, to Heart. (3) Green to Solar Plexus (4) Rose, to Nervous Sytem. (5) Orange- Red, to Base of Spine, with some dark purple	"	Vitalises Astral Body. Power to travel consciously.	Vitalises Physical Body. Memory of astral journeys.		
4	Heart	12	Glowing golden	Yellow, from Spleen Centre.	Yellow to Blood, Brain and middle of Top of Head Centre	Heart	Comprehension of Astral Vibrations	Consciousness of feelings of others		
5	Throat	16	Silvery and gleaming with much blue.	Violet- blue, from Spleen Centre	Dark blue, to Lower and Central Brain. Violet, to Upper Brain and outer part of Top of Head	"	Hearing	Etheric and Astral hearing.		

					Centre				
6	Between eyebrows	96	Half: Rose, with much yellow. Half: Purplish-blue	'	"	"	Sight	Clairvoyance. Magnification.	
7	Top of Head	12 960	Centre: gleaming white and gold Outer part: full of indescribable chromatic effects	Yellow, from Heart Centre. Violet, from Throat Centre	"	"	Perfects and completes faculties	Continuity of consciousness.	
8	Not used in "white magic".								
9									
10									
1	<i>In Developed Person Base of Spine</i>	4	Fiery orange-red	Orange and red, from Spleen Centre, and some dark purple			Orange, through Spinal Column, to Brain: becomes yellow and stimulaes intellect. Dark red, through Spinal Column to Brain: becomes crimson and stimulates affection. Dark purple,through Spinal Column, to Brain: becomes pale violet and stimulates spirituality.		

Diagram XIII – Sơ đồ XIII



Chapters II to XI, is given in the tabular statement appended.

The same information is also given in the form of a Distribution Chart, which gives a synthesis of these processes in graphic form, from the emanation of Prâna from the sun to the discharge from the body of the particles from which the Prâna has been extracted.

In a still further diagram is shown an outline of the human body with the approximate position of the etheric centres, the streams of vitality and other useful information.

trong các Chương II đến XI, được trình bày trong bảng kê đính kèm.

Cùng thông tin ấy cũng được trình bày dưới dạng một Biểu đồ Phân bố, biểu đồ này đưa ra một tổng hợp bằng hình vẽ của các tiến trình ấy, từ sự xuất lộ của prana từ mặt trời cho đến sự thải ra khỏi thể của những hạt mà prana đã được rút ra khỏi chúng.

Trong một sơ đồ khác nữa, có trình bày phác thảo thể người với vị trí gần đúng của các luân xa dĩ thái, các dòng sinh lực và những thông tin hữu ích khác.

CHAPTER XIII – **CHƯƠNG XIII**

KUNDALINI – **KUNDALINI**

As we have already seen, Kundalini, or the Serpent-Fire, is one of the forces which emanate from the sun, and is entirely separate and distinct from both Fohat and Prâna, being so far as is known, incapable of being converted into any form of these other forces.

Kundalini has been variously called the Serpent-Fire, the Fiery Power, and the World's Mother. To clairvoyant vision it appears in very truth like liquid fire as it rushed through the body, and the course through which it ought to move is a spiral one like the coils of a serpent. The name of the World's Mother is appropriate because through it our various vehicles may be vivified.

An ancient symbol of the spinal column and Kundalini is that of the thyrsus, which is a staff with a pine cone on its top. In India the same symbol is found, but instead of the staff a stick of bamboo with seven knots is used, the knots of course representing the seven chakrams or force centres. In some modifications of the mysteries a hollow iron rod, said to contain fire, was used instead of the thyrsus. It is said that the modern barber's pole, which is certainly a very ancient symbol, with its spiral bands and a knob at the end, has a similar significance, the modern barber being descended from the ancient surgeons or surgeons, who also practised alchemy, a science originally spiritual rather than material.

Kundalini exists on all planes of which we know anything, and it also appears to have

Như chúng ta đã thấy, Kundalini, hay Lửa-Rắn, là một trong các mãnh lực xuất lộ từ mặt trời, và hoàn toàn riêng biệt, khác hẳn với cả Fohat lẫn prana; cho đến nay, theo những gì được biết, nó không thể được chuyển đổi thành bất kỳ dạng nào của các mãnh lực kia.

Kundalini đã được gọi bằng nhiều tên khác nhau: Lửa-Rắn, Quyền Năng Bốc Lửa, và Mẹ của Thế Giới. Đối với tầm nhìn thông nhãn, nó hiện ra thật sự giống như lửa lỏng khi lao xuyên qua thể, và đường đi mà nó phải chuyển động là một đường xoắn ốc giống như các vòng cuộn của một con rắn. Danh xưng Mẹ của Thế Giới là thích hợp vì nhờ nó các hiện thể khác nhau của chúng ta có thể được tiếp sinh lực.

Một biểu tượng cổ xưa của cột sống và Kundalini là cây trượng lễ, tức một cây gậy có quả thông ở đầu. Ở Ấn Độ cũng tìm thấy cùng biểu tượng ấy, nhưng thay cho cây gậy, người ta dùng một thanh tre có bảy đốt; các đốt dĩ nhiên tượng trưng cho bảy luân xa hay trung tâm mãnh lực. Trong một vài biến thể của các bí nhiệm, một cây gậy sắt rỗng, được nói là chứa lửa, đã được dùng thay cho cây trượng lễ. Người ta nói rằng cây cột hiệu thợ cạo hiện đại, chắc chắn là một biểu tượng rất cổ, với các dải xoắn ốc và một nùm ở đầu, có một thâm nghĩa tương tự; người thợ cạo hiện đại vốn là hậu duệ của các nhà phẫu thuật xưa, những người cũng thực hành thuật luyện kim, một khoa học ban đầu có tính tinh thần hơn là vật chất.

Kundalini hiện hữu trên mọi cõi mà chúng ta biết được điều gì đó, và nó cũng dường như có

seven layers of degrees of force.

The astral body originally was an almost inert mass, with only the vaguest consciousness, with no definite power of doing anything, and no clear knowledge of the world which surrounds it. Kundalini was then awakened at the astral level, in the centre corresponding to the base of the spine centre. It moved to the second centre, near the navel, and vivified it, thereby awakening in the astral body the power of feeling, of sensitiveness without definite comprehension.

Kundalini then passed to the third (spleen), fourth (heart), fifth (throat), sixth (eyebrows) and seventh (top of the head) centre in turn, awakening in each the various powers already described in previous chapters.

The mechanism by means of which we become aware of astral happenings is interesting and should be clearly grasped by the student. Although in the physical body we have special organs, each located in a definite and fixed part of the body, for seeing, hearing, and the rest, an entirely different arrangement is made in the astral body, specialised organs not being necessary for the attainment of the result aimed at.

The matter of the astral body is in a condition of constant movement, the particles flowing and swirling about like those of boiling water, and all of them pass in turn through each of the force-centres. Each of these centres then has the power of evoking from the particles of the astral body the ability to respond to a certain set of vibrations, corresponding to what in the physical world we call vibrations of light, sound, heat, and so forth. When therefore, the astral centres are vivified and

bảy lớp hay cấp độ mãnh lực.

Ban đầu, thể cảm dục là một khối gần như trơ lì, chỉ có tâm thức mơ hồ nhất, không có quyền năng rõ rệt để làm bất cứ điều gì, và không có tri thức sáng tỏ về thế giới bao quanh nó. Khi ấy Kundalini được đánh thức ở cấp độ cảm dục, trong luân xa tương ứng với luân xa đáy cột sống. Nó chuyển đến luân xa thứ hai, gần rốn, và tiếp sinh lực cho luân xa ấy, nhờ đó đánh thức trong thể cảm dục quyền năng cảm nhận, tức tính nhạy cảm không kèm sự thấu hiểu rõ rệt.

Sau đó Kundalini lần lượt đi đến luân xa thứ ba, lá lách; thứ tư, tim; thứ năm, cổ họng; thứ sáu, giữa hai lông mày; và thứ bảy, đỉnh đầu, đánh thức trong mỗi luân xa các quyền năng khác nhau đã được mô tả trong các chương trước.

Bộ máy nhờ đó chúng ta nhận biết các biến cố cảm dục là điều thú vị và đạo sinh cần nắm rõ. Dù trong thể xác chúng ta có các cơ quan đặc biệt, mỗi cơ quan nằm ở một phần xác định và cố định của thể, dành cho việc thấy, nghe và các việc khác, trong thể cảm dục lại có một cách sắp xếp hoàn toàn khác; các cơ quan chuyên biệt không cần thiết để đạt được kết quả mong muốn.

Vật chất của thể cảm dục ở trong tình trạng chuyển động liên tục, các hạt chảy và xoáy quanh giống như những hạt của nước sôi, và tất cả chúng lần lượt đi qua từng trung tâm mãnh lực. Khi ấy mỗi trung tâm này có quyền năng gọi lên từ các hạt của thể cảm dục khả năng đáp ứng với một nhóm rung động nhất định, tương ứng với điều mà trong thế giới hồng trần chúng ta gọi là các rung động của ánh sáng, âm thanh, nhiệt, v.v. Vì vậy, khi các luân xa cảm dục được tiếp sinh lực và ở trong

in working order, they confer these various powers on the whole of the matter of the astral body, so that the latter is enabled to exercise its powers in every part of itself. Consequently a man functioning in his astral body can see equally well objects in front of him, behind, above and below. The chakrams or centres, therefore, cannot be described as organs of sense in the ordinary sense of that term, though they do convey the powers of sense to the astral body.

But even when these astral senses are fully awake, it by no means follows that the man will be able to bring into his physical body any consciousness of their action. He may in fact, in his physical consciousness know nothing whatever of it. The only way in which the consciousness of these astral experiences can be brought into the physical brain is by means of the corresponding etheric centres which must first be awakened and made active.

The method of awakening is precisely similar to that adopted in the astral body, *i.e.*, by arousing Kundalini, which lies dormant in etheric matter in the centre near the base of the spine.

The arousing is achieved by a determined and long-continued effort of the will, bringing the centre at the base of the spine into activity being, in fact, precisely the awakening of Kundalini. When once this is aroused, it is by its tremendous force that the other centres are vivified in turn. The effect on the centres is to bring into the physical consciousness the powers which were aroused by the development of the corresponding astral centres.

trạng thái hoạt động, chúng ban các quyền năng khác nhau này cho toàn thể vật chất của thể cảm dục, để thể ấy có thể vận dụng các quyền năng của mình ở mọi phần của chính nó. Do đó, một người hoạt động trong thể cảm dục của mình có thể thấy các vật thể ở phía trước, phía sau, phía trên và phía dưới y rõ như nhau. Vì vậy, các luân xa hay trung tâm không thể được mô tả là các cơ quan giác quan theo nghĩa thông thường của thuật ngữ ấy, dù chúng thật sự truyền các quyền năng giác quan cho thể cảm dục.

Nhưng ngay cả khi các giác quan cảm dục này đã hoàn toàn thức tỉnh, điều đó tuyệt nhiên không có nghĩa là con người sẽ có thể đưa vào thể xác của y bất kỳ tâm thức nào về hoạt động của chúng. Thật ra, trong tâm thức hồng trần của mình, y có thể hoàn toàn không biết gì về điều ấy. Cách duy nhất để tâm thức về những kinh nghiệm cảm dục này có thể được đưa vào bộ não hồng trần là nhờ các luân xa dĩ thái tương ứng, vốn trước hết phải được đánh thức và làm cho hoạt động.

Phương pháp đánh thức hoàn toàn tương tự với phương pháp được áp dụng trong thể cảm dục, *tức là* bằng cách khơi dậy Kundalini, vốn nằm ngủ trong vật chất dĩ thái ở luân xa gần đáy cột sống.

Sự khơi dậy đạt được bằng một nỗ lực quyết tâm và kéo dài của ý chí; việc đưa luân xa ở đáy cột sống vào hoạt động, thật ra, chính là sự thức tỉnh của Kundalini. Một khi nó được khơi dậy, chính nhờ mãnh lực ghê gớm của nó mà các luân xa khác lần lượt được tiếp sinh lực. Tác dụng trên các luân xa là đưa vào tâm thức hồng trần những quyền năng đã được khơi dậy nhờ sự phát triển của các luân xa cảm dục tương ứng.

In order to bring about these results, however, it is necessary that the serpent-fire move to the chakrams in a certain order, and in a certain way, which varies with different types of people. Occultists who understand these matters from firsthand knowledge are always exceedingly careful to give no clue to the order in which the serpent-fire should be passed through the centres. The reason for this is on account of the very serious dangers, the gravity of which can scarcely be exaggerated, awaiting those who arouse Kundalini accidentally or prematurely. The most solemn warnings are uttered against attempting anything of the kind until the time is fully ripe and unless under the guidance of a Master or an experienced occultist.

Before Kundalini is aroused it is absolutely essential that a definite stage of moral purity be reached and also that the will be strong enough to control the force. Some of the dangers connected with the serpent-fire are purely physical. Its uncontrolled movement often produces intense physical pain, and it may readily tear tissues and even destroy physical life. It may also do permanent injury to vehicles higher than the physical.

One very common effect of arousing it prematurely is that it rushes downwards into the lower centres of the body instead of upwards, resulting in the excitation of the most undesirable passions, which are apt to be intensified to such a degree that it is quite impossible for the man to resist them. In the grip of such a force he is as helpless as a swimmer in the jaws of a shark. Such men become satyrs, monsters of depravity, being at the mercy of a force out of all proportion to the human power of resistance. It is probable

Tuy nhiên, để đem lại các kết quả này, điều cần thiết là lửa-rắn phải di chuyển đến các luân xa theo một trật tự nhất định, và theo một cách thức nhất định, vốn thay đổi tùy theo các loại người khác nhau. Các nhà huyền bí học thấu hiểu những vấn đề này bằng tri thức trực tiếp luôn hết sức cẩn trọng không đưa ra manh mối nào về trật tự mà lửa-rắn phải được dẫn qua các luân xa. Lý do là vì những nguy hiểm rất nghiêm trọng, mức độ trầm trọng của chúng hầu như không thể nói quá, đang chờ đợi những ai đánh thức Kundalini một cách tình cờ hoặc quá sớm. Những lời cảnh báo trang nghiêm nhất được đưa ra để chống lại mọi nỗ lực thuộc loại này cho đến khi thời điểm hoàn toàn chín muồi và trù khi dưới sự hướng dẫn của một Chân sư hoặc một nhà huyền bí học có kinh nghiệm.

Trước khi Kundalini được khơi dậy, điều tuyệt đối thiết yếu là phải đạt đến một giai đoạn thanh khiết đạo đức rõ rệt, và cũng phải có ý chí đủ mạnh để kiểm soát mãnh lực. Một số nguy hiểm liên quan đến lửa-rắn thuần túy là hồng trần. Sự chuyển động không được kiểm soát của nó thường gây đau đớn thể xác dữ dội, và nó có thể dễ dàng xé rách các mô, thậm chí hủy diệt sự sống hồng trần. Nó cũng có thể gây tổn thương vĩnh viễn cho các hiện thể cao hơn thể xác.

Một tác dụng rất thường gặp của việc khơi dậy nó quá sớm là nó lao xuống các luân xa thấp của thể thay vì đi lên, dẫn đến sự kích thích những đam mê đáng tránh nhất, vốn dễ bị tăng cường đến mức con người hoàn toàn không thể kháng cự chúng. Trong vòng kìm giữ của một mãnh lực như thế, y bất lực như một người bơi lội trong hàm cá mập. Những người như thế trở thành những kẻ dâm dăng, những quái vật trụy lạc, phó mặc cho một mãnh lực hoàn toàn vượt quá khả năng kháng cự của con người. Có thể họ sẽ đạt được một

that they will attain certain supernormal powers, but these will serve only to bring them into contact with subhuman beings with which humanity is intended to hold no commerce, and to escape from this thralldom may take more than one incarnation. There is a school of black magic which purposely uses this power in this way, but the lower force-centres which in this school are used are always left severely alone by followers of the Good Law or White Magic.

The premature unfoldment of Kundalini intensifies also everything in the nature, reaching in fact the lower evil qualities more readily than the good. Ambition, for example, in the mental body is very readily aroused and grows to an inordinate degree. Together with great intensification of intellectual power there comes abnormal and satanic pride. The force of the Kundalini is no ordinary force, but something resistless. If an uninstructed man has the misfortune to arouse it, he should at once consult someone who fully understands such matters. As the Hathayogapradipika says, "It gives liberation to Yogis and bondage to fools".

There are some cases where Kundalini wakes spontaneously, so that a dull glow is felt: it may even, though rarely, begin to move of itself. In this case it would probably cause severe pain, as, since the passages are not prepared for it, it would have to clear its way by actually burning up a great deal of etheric dross, a process necessarily painful. In such cases the force would usually rush up the interior of the spine, instead of following the spiral course into which the occultist is trained to guide it. An effort of will should be made, if possible, to arrest such an upward

vài quyền năng siêu thường, nhưng những quyền năng này chỉ đưa họ tiếp xúc với các sinh linh dưới nhân loại, những sinh linh mà nhân loại vốn không được dự định giao thiệp; và để thoát khỏi sự nô lệ này có thể cần hơn một lần lâm phạm. Có một trường phái Hắc thuật cố ý sử dụng quyền năng này theo cách ấy, nhưng các trung tâm mãnh lực thấp mà trường phái này sử dụng luôn bị những người đi theo Định luật Thiện hay Chánh Thuật nghiêm ngặt tránh xa.

Sự khai mở quá sớm của Kundalini cũng làm tăng cường mọi điều trong bản chất, thật ra chạm đến các phẩm tính thấp kém và xấu xa dễ dàng hơn là các phẩm tính tốt. Chẳng hạn, tham vọng trong thể trí rất dễ bị khơi dậy và phát triển đến mức quá đáng. Cùng với sự tăng cường lớn lao của quyền năng trí năng, xuất hiện niềm kiêu hãnh bất thường và mang tính ma quỷ. Mãnh lực của Kundalini không phải là một mãnh lực thông thường, mà là điều gì đó không thể cưỡng lại. Nếu một người không được chỉ dẫn chẳng may khơi dậy nó, y phải lập tức tham khảo một người thấu hiểu đầy đủ những vấn đề như thế. Như Hathayogapradipika nói: "Nó đem lại giải thoát cho các Yogi và sự trói buộc cho những kẻ ngu."

Có một số trường hợp Kundalini tự thức tỉnh, khiến người ta cảm thấy một ánh rực âm ỉ; thậm chí, dù hiếm, nó có thể tự bắt đầu chuyển động. Trong trường hợp này, nó có lẽ sẽ gây đau đớn dữ dội, vì do các lối đi chưa được chuẩn bị cho nó, nó sẽ phải tự mở đường bằng cách thật sự đốt cháy một lượng lớn cận bã dĩ thái, một tiến trình tất yếu đau đớn. Trong những trường hợp như vậy, mãnh lực thường sẽ lao lên bên trong cột sống, thay vì đi theo đường xoắn ốc mà nhà huyền bí học được huấn luyện để dẫn nó. Nếu có thể, cần dùng một nỗ lực của ý chí để chặn đứng sự lao

rush, but if that proves to be impossible, as is most likely, it will probably rush out through the head and escape into the atmosphere probably doing no harm further than causing a slight weakening. It may also cause a temporary loss of consciousness. The really serious dangers, however, are connected, not with the upward, but with the downward rush.

As already briefly mentioned, the principal function of Kundalini in occult development is to pass through the etheric force centres and vivify these so that they bring through into the physical consciousness astral experiences. Thus [The Voice of The Silence](#) teaches that a vivification in this manner of the eyebrows centre enables one to hear the voice of the Master, that is, of the Ego or Higher Self. The explanation of this is that the pituitary body when fully working affords a perfect link between astral and physical consciousness.

The mastery of Kundalini has to be repeated in each incarnation, because in each life the bodies are new, but after it has once been thoroughly achieved, repetition becomes an easy matter.

The formation of the link between the physical consciousness and that of the Ego has its correspondences also at higher levels, meaning for the Ego a link with the consciousness of the Monad, and for the Monad a link with the consciousness of the Logos.

Age does not appear to affect the development of the chakrams by means of Kundalini, but health is a necessity, as only a strong body could endure the strain.

vọt lên trên ấy; nhưng nếu điều đó tỏ ra không thể, như rất có khả năng xảy ra, nó có lẽ sẽ lao ra qua đầu và thoát vào bầu khí quyển, có lẽ không gây hại gì hơn ngoài việc tạo ra một sự suy yếu nhẹ. Nó cũng có thể gây mất ý thức tạm thời. Tuy nhiên, những nguy hiểm thật sự nghiêm trọng không liên quan đến sự lao lên, mà liên quan đến sự lao xuống.

Như đã đề cập vắn tắt, chức năng chính của Kundalini trong sự phát triển huyền bí là đi qua các trung tâm mãnh lực dĩ thái và tiếp sinh lực cho chúng, để chúng chuyển các kinh nghiệm cảm dục vào tâm thức hồng trần. Vì thế, Tiếng Nói của Im Lặng dạy rằng việc tiếp sinh lực theo cách này cho luân xa giữa hai lông mày giúp người ta nghe được tiếng nói của Chân sư, tức là của chân ngã hay chân ngã. Lời giải thích cho điều này là khi tuyến yên hoạt động đầy đủ, nó cung cấp một mối liên kết hoàn hảo giữa tâm thức cảm dục và tâm thức hồng trần.

Việc làm chủ Kundalini phải được lặp lại trong mỗi lần lâm phạm, vì trong mỗi kiếp sống các thể đều mới; nhưng sau khi việc ấy đã được hoàn thành thấu đáo một lần, sự lặp lại trở thành một vấn đề dễ dàng.

Sự hình thành mối liên kết giữa tâm thức hồng trần và tâm thức của chân ngã cũng có các tương ứng của nó ở các cấp độ cao hơn, nghĩa là đối với chân ngã, có một mối liên kết với tâm thức của chân thần, và đối với chân thần, có một mối liên kết với tâm thức của Thượng đế.

Tuổi tác dường như không ảnh hưởng đến sự phát triển của các luân xa nhờ Kundalini, nhưng sức khỏe là điều cần thiết, vì chỉ một thể mạnh mẽ mới có thể chịu đựng sự căng thẳng.

CHAPTER XIV – **CHƯƠNG XIV**

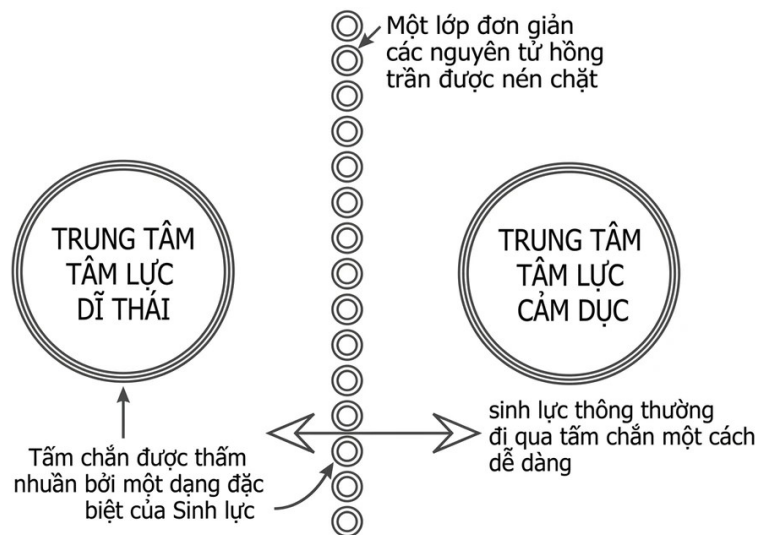
THE ATOMIC WEB – **MÀNG LƯỚI NGUYÊN TỬ**

We have already seen that there is a very close connection between the chakrams in the astral body and those in the Etheric Double. Between these two sets of centres, and interpenetrating them in a manner not easy to describe, there is a web or sheath, composed of a single layer of physical atoms, closely woven, much compressed, and permeated with a special variety of Prana. The Prana which normally comes from the astral into the physical is such that it can pass with perfect ease through the atomic shield, but the latter is an absolute barrier to all other forces which cannot use the atomic matter of both planes.

Chúng ta đã thấy rằng có một mối liên hệ rất mật thiết giữa các luân xa trong thể cảm dục và các luân xa trong bản sao dĩ thái. Giữa hai nhóm luân xa này, và thâm nhập chúng theo một cách không dễ mô tả, có một màng lưới hay lớp bao, gồm một lớp đơn các nguyên tử hồng trần, được dệt chặt, nén rất kỹ, và thấm nhuần một loại prana đặc biệt. Prana bình thường đi từ cõi cảm dục vào cõi hồng trần là loại có thể đi qua tám khiên nguyên tử một cách hoàn toàn dễ dàng, nhưng tám khiên ấy là một rào chắn tuyệt đối đối với mọi mãnh lực khác không thể sử dụng vật chất nguyên tử của cả hai cõi.

DIAGRAM XIV – **SƠ ĐỒ XIV**

The Atomic Shield – **Tấm Khiên Nguyên Tử**



Function of Shield: To prevent astral influences from prematurely entering physical consciousness.

Chức năng của Tấm khiên: Ngăn các ảnh hưởng cảm dục đi vào tâm thức hồng trần quá sớm.

Ways of injuring the shield: - (1) Emotion shock, *e.g.*, fear, anger. (2) Alcohol. (3) Narcotic drugs, *e.g.*, tobacco. (4) "Sitting for development".

The shield is thus a protection provided by nature to prevent premature opening up of communication between the astral and physical planes. Were it not for this wise provision, all kinds of astral experiences might pour into the physical consciousness where, in the case of most men, they could be productive of nothing but harm.

At any moment an astral entity might introduce forces which ordinary man would be quite unprepared to meet, and which would be entirely beyond his strength to cope with. A man would be liable to obsession by any astral entity who desired to seize his vehicle.

The atomic shield thus serves as an effective safeguard against these undesirable happenings. It also serves under normal conditions to prevent clear recollection of the sleep life from reaching the physical brain consciousness; and it accounts for the momentary unconsciousness which always occurs at death. Occasionally the returning astral body succeeds in making a momentary impression on the Etheric Double and dense body, so that when the latter awake there is a touch of vivid memory. This usually quickly vanishes, effort to recall it rendering success more impossible, as each effort sets up physical brain vibrations which tend to overpower the subtler astral vibrations.

It is clear, therefore, that any injury to the shield is a serious disaster. Such injury may occur in several ways. Any emotional shock, or any strong emotion of an evil character,

Các cách làm tổn thương tấm khiên: - (1) Cú sốc cảm xúc, *ví dụ*, sợ hãi, giận dữ. (2) Rượu. (3) Thuốc gây nghiện, *ví dụ*, thuốc lá. (4) "Ngồi để phát triển".

Như vậy, tấm khiên là một sự bảo vệ do thiên nhiên cung cấp nhằm ngăn sự mở thông giao tiếp quá sớm giữa các cõi cảm dục và hồng trần. Nếu không có sự an bài minh triết này, đủ loại kinh nghiệm cảm dục có thể tuôn vào tâm thức hồng trần, nơi mà, trong trường hợp của đa số con người, chúng không thể tạo ra điều gì ngoài tai hại.

Bất cứ lúc nào, một thực thể cảm dục cũng có thể đưa vào những mãnh lực mà con người bình thường hoàn toàn chưa chuẩn bị để đối diện, và vượt hẳn sức y để ứng phó. Con người có thể bị ám bởi bất cứ thực thể cảm dục nào muốn chiếm lấy hiện thể của y.

Như vậy, lớp chắn nguyên tử đóng vai trò như một sự bảo vệ hữu hiệu chống lại những sự việc không mong muốn này. Trong những điều kiện bình thường, nó cũng ngăn không cho ký ức rõ ràng về đời sống trong giấc ngủ truyền đến tâm thức bộ não hồng trần; và nó giải thích tình trạng vô thức thoáng qua luôn xảy ra lúc chết. Đôi khi thể cảm dục khi trở về thành công trong việc tạo một ấn tượng thoáng qua lên bản sao dĩ thái và thể đậm đặc, đến nỗi khi thể sau thức dậy thì có một nét ký ức sống động. Điều này thường nhanh chóng tan biến; nỗ lực nhớ lại khiến thành công càng không thể có, vì mỗi nỗ lực đều tạo nên những rung động trong bộ não hồng trần có khuynh hướng lấn át các rung động cảm dục vi tế hơn.

Do đó, rõ ràng là bất cứ tổn thương nào đối với lớp chắn cũng là một tai họa nghiêm trọng. Tổn thương như thế có thể xảy ra theo nhiều cách. Bất cứ cú sốc cảm xúc nào, hay bất cứ

which produces a kind of explosion in the astral body, may produce such an effect, rending apart the delicate web and, as we say, driving the man mad. A terrible fright may do this, or an outburst of anger.

Sitting for development, as spiritualists call the process, may also injure the web and throw open the doors which nature intended to keep closed.

Certain drugs, notably alcohol and all the narcotics, of which tobacco is one, contain matter which on breaking up volatilises, some of it passing from the physical to the astral state. Students of dietetics, especially those who have studied the effect of toxins, will be interested to learn that even tea and coffee contain the class of material described, though in quantities so small that only after long-continued abuse of them would the effect manifest itself. When this takes place, these constituents rush out through the chakrams in the direction opposite to that for which they are intended, and after doing this repeatedly they injure and finally destroy the delicate web.

There are only two ways in which this deterioration or destruction may be brought about, according to the type of person concerned and the proportion of the constituents in his etheric and astral bodies. In the first type the rush of volatilising matter actually burns away the web, and thus breaks down nature's barrier.

In the second type the volatile constituents harden the atom, checking and crippling its pulsations, so that it can no longer carry the special form of Prâna which welds it into the

cảm xúc mạnh mẽ nào có tính chất xấu ác, tạo nên một loại bùng nổ trong thể cảm dục, đều có thể gây ra hiệu quả như vậy, xé rách tấm lưới tinh vi và, như chúng ta nói, khiến con người phát điên. Một nỗi kinh hoàng dữ dội có thể làm điều này, hoặc một cơn bùng phát giận dữ.

Việc ngồi để phát triển, như các nhà thần linh học gọi tiến trình ấy, cũng có thể làm tổn thương tấm lưới và mở toang những cánh cửa mà thiên nhiên dự định giữ đóng kín.

Một số loại thuốc, đặc biệt là rượu và mọi chất gây mê, trong đó thuốc lá là một, chứa vật chất mà khi phân rã sẽ bốc hơi, một phần của nó chuyển từ trạng thái hồng trần sang trạng thái cảm dục. Các đạo sinh về dinh dưỡng học, đặc biệt những người đã nghiên cứu tác dụng của độc tố, sẽ quan tâm khi biết rằng ngay cả trà và cà phê cũng chứa loại chất liệu được mô tả, dù với số lượng nhỏ đến mức chỉ sau khi lạm dụng kéo dài thì hiệu quả mới biểu hiện. Khi điều này xảy ra, các thành phần ấy lao ra qua các luân xa theo hướng ngược với hướng dành cho chúng, và sau khi lặp lại nhiều lần như thế, chúng làm tổn thương và cuối cùng phá hủy tấm lưới tinh vi.

Chỉ có hai cách khiến sự suy thoái hoặc phá hủy này có thể xảy ra, tùy theo loại người liên hệ và tỷ lệ các thành phần trong thể dĩ thái và thể cảm dục của y. Ở loại thứ nhất, dòng vật chất bốc hơi lao ra thật sự đốt cháy tấm lưới, và như thế phá vỡ rào chắn của thiên nhiên.

Ở loại thứ hai, các thành phần dễ bay hơi làm nguyên tử trở nên cứng lại, kìm hãm và làm tê liệt các nhịp đập của nó, đến nỗi nó không còn có thể mang hình thức đặc biệt của prana vốn

web. The web thus becomes as it were ossified so that instead of too much coming through from one plane to another, we have very little of any kind coming through.

The two types are readily recognisable. In the former case we have instances of delirium tremens, obsession, and certain forms of insanity. In the latter case, which is by far the more common, we notice a general deadening of the higher feelings and qualities, resulting in materialism, brutality, animalism, and loss of self-control. It is well known that those who indulge excessively in narcotics, such as tobacco, will persist in their self-indulgence even at the expense of the pain or discomfort of their neighbours. Their finer susceptibilities have to that extent become blunted.

As the consciousness of the ordinary man cannot normally use atomic matter, either physical or astral, there is normally no possibility of conscious communication between the two planes. As, however, he purifies his vehicles, he becomes able to function in the atomic matter and then is able to carry his consciousness along a direct road from one atomic level to another. In this case the atomic web fully retains its position and activity, permitting the consciousness to pass from one plane to another, while at the same time fulfilling its purpose of preventing close contact with those lower sub-planes from which many kinds of undesirable influences are liable to come.

The only safe way, therefore, for genuine students of occultism, is not to force in any way the development of psychic powers, but to wait for these to unfold, as they will unfold, in the normal course of evolution. By

hàn gắn nó vào tấm lưới. Như vậy, tấm lưới trở nên như thể bị cốt hóa, đến nỗi thay vì có quá nhiều thứ truyền qua từ cõi này sang cõi khác, chúng ta lại có rất ít bất cứ thứ gì truyền qua.

Hai loại này rất dễ nhận ra. Trong trường hợp thứ nhất, chúng ta có những ví dụ về mê sảng do rượu, ám ảnh và một số dạng điên loạn. Trong trường hợp thứ hai, vốn phổ biến hơn rất nhiều, chúng ta nhận thấy sự chai lì chung của các cảm xúc và phẩm tính cao hơn, dẫn đến chủ nghĩa duy vật, sự thô bạo, tính thú vật và mất tự chủ. Ai cũng biết rằng những người buông mình quá mức trong các chất gây mê, như thuốc lá, sẽ cứ tiếp tục tự nuông chiều mình dù phải trả giá bằng đau đớn hay khó chịu của những người chung quanh. Những độ nhạy bén tinh tế hơn của họ, đến mức ấy, đã trở nên cùn nhut.

Vì tâm thức của con người bình thường thông thường không thể sử dụng vật chất nguyên tử, dù là hồng trần hay cảm dục, nên thông thường không có khả năng giao tiếp có ý thức giữa hai cõi. Tuy nhiên, khi y thanh lọc các hiện thể của mình, y có thể hoạt động trong vật chất nguyên tử và khi đó có thể mang tâm thức của mình theo một con đường trực tiếp từ cấp độ nguyên tử này sang cấp độ nguyên tử khác. Trong trường hợp này, tấm lưới nguyên tử vẫn hoàn toàn giữ vị trí và hoạt động của nó, cho phép tâm thức đi từ cõi này sang cõi khác, đồng thời vẫn hoàn thành mục đích của nó là ngăn ngừa sự tiếp xúc gần gũi với những cõi phụ thấp hơn, từ đó nhiều loại ảnh hưởng không mong muốn có thể đến.

Do đó, con đường an toàn duy nhất cho các đạo sinh chân chính của huyền bí học là không cưỡng ép bằng bất cứ cách nào sự phát triển các quyền năng thông linh, mà chờ cho chúng khai mở, như chúng sẽ khai mở, trong

this way all the benefits will be obtained and the dangers avoided.

tiến trình tiến hoá bình thường. Bằng cách này, mọi lợi ích sẽ đạt được và các nguy hiểm sẽ tránh được.

CHAPTER XV – CHƯƠNG XV

BIRTH – SINH RA

It will now be useful to study the Etheric Double in its connection with the birth and death of the physical body.

Bây giờ sẽ hữu ích nếu nghiên cứu bản sao dĩ thái trong mối liên hệ của nó với sự sinh ra và sự chết của thể xác.

Those who have studied the mechanism of reincarnation will be familiar with the fact that, in the case of the etheric body, a factor comes into play which does not operate in the case of the astral or mental bodies. The Etheric Double is actually built in advance for the incoming Ego, by an elemental which is the joint thought-form of the four Devarājas, each of whom presides over one of the four etheric sub-planes of physical matter. The primary business of this building elemental is to construct the etheric mould into which the physical particles of the new baby-body are to be built.

Những ai đã nghiên cứu bộ máy của sự tái sinh sẽ quen thuộc với sự kiện rằng, trong trường hợp thể dĩ thái, có một yếu tố nhập cuộc vốn không hoạt động trong trường hợp thể cảm dục hay thể trí. Bản sao dĩ thái thật sự được xây dựng trước cho Chân ngã đang đi vào, bởi một hành khí vốn là hình tư tưởng chung của bốn vị Thiên vương, mỗi vị chủ trì một trong bốn cõi phụ dĩ thái của vật chất hồng trần. Công việc chính yếu của hành khí kiến tạo này là xây dựng khuôn dĩ thái, trong đó các hạt hồng trần của thân thể hài nhi mới sẽ được tạo thành.

The form and colour of this elemental vary in different cases. At first it accurately expresses in shape and size the infant body it has to build; clairvoyants sometimes see this doll-like figure hovering about, and afterwards within, the body of the mother, and have occasionally mistaken it for the soul of the coming baby instead of the mould of its physical body.

Hình dạng và màu sắc của hành khí này thay đổi tùy trường hợp. Lúc đầu, về hình dáng và kích thước, nó biểu hiện chính xác thân thể trẻ sơ sinh mà nó phải xây dựng; các nhà thông nhãn đôi khi thấy hình dáng giống búp bê này lơ lửng quanh, rồi sau đó ở trong, thân thể người mẹ, và thỉnh thoảng đã lầm nó là linh hồn của đứa trẻ sắp đến thay vì là khuôn của thể xác nó.

As soon as the foetus has grown to the size of the mould, and is ready for birth, the form of the next stage at which it has to aim is unfolded – the size, shape and condition of the body as it is to be, so far as the work of the elemental is concerned, at the time when it

Ngay khi bào thai đã lớn đến kích thước của khuôn và sẵn sàng để sinh ra, hình tượng của giai đoạn kế tiếp mà nó phải hướng tới được khai mở — kích thước, hình dáng và tình trạng của thân thể như nó sẽ là, xét theo phần việc của hành khí, vào lúc hành khí dự định

proposes to leave it. After the elemental has retired, all further growth of the body is under the control of the Ego himself.

In both these cases the elemental uses itself as the mould. Its colours largely represent the qualities required in the body it has to build, and its form is also usually that destined for it. As soon as its work is done, there is no power left to hold together its particles and the elemental disintegrates.

In determining the quality of etheric matter to be used in building the etheric body, we have two things to consider: first, the type of matter, regarded from the point of view of [the seven Rays](#) or *vertical* divisions, and secondly, the quality of matter, regarded from the point of view of its coarseness or fineness, or *horizontal* divisions. The former, the ray-type, is determined by the physical permanent atom, which has the type and subtype impressed upon it. The latter is determined by the past karma of the man, the building elemental being charged with the production of the type of physical body suited to the man's requirements. The elemental, in fact, consists of that portion of the (prârabda) *karma* of the individual which is to express itself in the physical body. On the selection made by the building elemental depends, for example, whether the body will be naturally clever or stupid, placid or irritable, energetic or lethargic, sensitive or unresponsive. The potentialities of heredity are latent in the maternal ovum and the paternal spermatozoon, and from these the elemental makes his selection according to the requirements of the case.

Although the elemental in charge of the body from the first, the Ego only comes into

rời khỏi nó. Sau khi hành khí đã rút lui, mọi sự tăng trưởng tiếp theo của thân thể đều nằm dưới sự kiểm soát của chính Chân ngã.

Trong cả hai trường hợp này, hành khí dùng chính nó làm khuôn. Màu sắc của nó phần lớn biểu thị các phẩm tính cần có trong thân thể mà nó phải xây dựng, và hình tướng của nó cũng thường là hình tướng đã định cho thân thể ấy. Ngay khi công việc của nó hoàn tất, không còn quyền năng nào giữ các hạt của nó kết hợp lại, và hành khí tan rã.

Khi xác định phẩm tính của vật chất dĩ thái sẽ được dùng để xây dựng thể dĩ thái, chúng ta phải xét hai điều: thứ nhất, loại vật chất, nhìn từ quan điểm bảy cung hay các phân chia *thẳng đứng*; và thứ hai, phẩm tính của vật chất, nhìn từ quan điểm độ thô hay độ tinh của nó, hay các phân chia *nằm ngang*. Điều trước, tức loại cung, được xác định bởi nguyên tử trường tồn hồng trần, vốn đã in dấu loại và phụ loại lên nó. Điều sau được xác định bởi nghiệp quả quá khứ của con người, hành khí kiến tạo được giao nhiệm vụ tạo ra loại thể xác phù hợp với các nhu cầu của con người. Thật ra, hành khí gồm phần nghiệp quả của cá nhân phải tự biểu hiện trong thể xác. Chẳng hạn, việc thân thể sẽ tự nhiên thông minh hay ngu đần, điềm tĩnh hay dễ cáu, đầy năng lượng hay uể oải, nhạy cảm hay không đáp ứng, tùy thuộc vào sự lựa chọn do hành khí kiến tạo thực hiện. Các tiềm năng di truyền tiềm tàng trong noãn của mẹ và tinh trùng của cha, và từ đó hành khí lựa chọn theo các nhu cầu của trường hợp.

Dù hành khí phụ trách thân thể ngay từ đầu, Chân ngã chỉ tiếp xúc với nơi cư trú tương lai

contact with his future habitation later, some time before physical birth. If the characteristics the elemental has to impose are few in number, it is able to withdraw early and leave the Ego in full control of the body. Where however, much time is required to develop the limitations needed, the elemental may retain its position until the body is seven years old.

Etheric matter for the infant body is taken from the body of the mother; hence the importance of the latter supplying her body with only the purest materials. Unless the elemental is charged with some special development in the way of features, such as unusual beauty or the reverse, the principal agency at work in this direction will be the thoughts of the mother and the thought-forms which float around her.

The new astral body comes into connection with the Etheric Double at a very early stage, and exercises considerable influence over its formation, the mental body also working through it upon the nervous organisation.

của mình về sau, một thời gian trước khi sinh ra ở cõi hồng trần. Nếu các đặc điểm mà hành khí phải áp đặt không nhiều, nó có thể rút lui sớm và để Chân ngã hoàn toàn kiểm soát thân thể. Tuy nhiên, khi cần nhiều thời gian để phát triển các giới hạn cần thiết, hành khí có thể giữ vị trí của nó cho đến khi thân thể được bảy tuổi.

Vật chất dĩ thái cho thân thể trẻ thơ được lấy từ thân thể người mẹ; vì thế tầm quan trọng của việc người mẹ chỉ cung cấp cho thân thể mình những chất liệu tinh khiết nhất. Trừ khi hành khí được giao một sự phát triển đặc biệt nào đó về các nét diện mạo, như vẻ đẹp khác thường hoặc điều ngược lại, tác nhân chính yếu hoạt động theo hướng này sẽ là các tư tưởng của người mẹ và những hình tư tưởng trôi nổi quanh bà.

Thể cảm dục mới liên kết với bản sao dĩ thái ở một giai đoạn rất sớm, và tạo ảnh hưởng đáng kể lên sự hình thành của nó; thể trí cũng làm việc xuyên qua nó lên tổ chức thần kinh.

CHAPTER XVI – CHƯƠNG XVI

DEATH – SỰ CHẾT

We have previously seen that, under certain conditions, the Etheric Double may be separated from the dense body, though it is always connected with it by a thread or cord of etheric matter. At death the double finally withdraws from the dense body and may be seen as a violet mist, gradually condensing into a figure which is the counterpart of the expiring person and attached to the dense body by a glistening thread. This thread or magnetic cord is snapped at the moment of death.

As the buddhic life-web, accompanied by Prâna, disentangles itself from dense physical matter at death, it draws itself together in the heart round the permanent atom. The atom, web and Prâna then rise along the secondary Sushumna-nadî into the third ventricle of the brain, thence to the point of junction of the parietal and occipital sutures, and finally out of the body. The life-web remains enshrouding the physical permanent atom, in the causal body, until the time comes for a new physical body to be built.

The withdrawal of the Etheric Double, and with it of course Prâna, destroys the integral unity of the physical body, thus leaving it merely as a collection of independent cells. The Life of the separate cells themselves continues, as evidenced by the well known fact that hairs on a corpse will sometimes continue to grow.

The moment the Etheric Double withdraws, and consequently Prâna ceases to circulate, the lower lives, i.e., the cells, run rampant and begin to break down the hitherto definitely organised body. The body is thus never more alive than when it is dead: but it is alive in its units, and dead in its totality; alive as a

Trước đây chúng ta đã thấy rằng, trong một số điều kiện, bản sao dĩ thái có thể tách khỏi thể đậm đặc, dù nó luôn được nối với thể ấy bằng một sợi dây hay dây dẫn bằng vật chất dĩ thái. Lúc chết, bản sao cuối cùng rút khỏi thể đậm đặc và có thể được thấy như một làn sương tím, dần dần cô đặc thành một hình dáng là đối phần của người đang tắt thở, và gắn với thể đậm đặc bằng một sợi dây lấp lánh. Sợi dây hay dây từ tính này đứt phụt vào khoảnh khắc chết.

Khi tấm lưới sự sống Bồ đề, đi kèm với prana, tự gỡ khỏi vật chất hồng trần đậm đặc lúc chết, nó co lại trong tim quanh nguyên tử trường tồn. Khi ấy nguyên tử, tấm lưới và prana đi lên theo đường phụ trong cột trung đạo vào não thất thứ ba, từ đó đến điểm nối của các đường khớp đỉnh và chẩm, và cuối cùng ra khỏi thân thể. Tấm lưới sự sống vẫn bao bọc nguyên tử trường tồn hồng trần trong thể nguyên nhân, cho đến lúc phải xây dựng một thể xác mới.

Sự rút lui của bản sao dĩ thái, và dĩ nhiên cùng với nó là prana, phá hủy sự hợp nhất toàn vẹn của thể xác, vì thế chỉ để lại nó như một tập hợp các tế bào độc lập. Sự sống của chính các tế bào riêng biệt vẫn tiếp tục, như được chứng minh bởi sự kiện quen thuộc rằng tóc trên một xác chết đôi khi vẫn tiếp tục mọc.

Ngay khoảnh khắc bản sao dĩ thái rút lui, và do đó prana ngừng lưu thông, các sự sống thấp, tức các tế bào, trở nên phóng túng và bắt đầu phân hủy thân thể vốn cho đến lúc ấy đã được tổ chức xác định. Vì thế thân thể không bao giờ sống động hơn lúc nó đã chết: nhưng nó sống trong các đơn vị của nó, và chết trong

congeries, dead as an organism. As Eliphas Levi says: "The corpse would not decompose if it were dead; all the molecules which compose it are living and struggle to separate." (*Isis Unveiled*, I, 480).

When the double finally quits the dense body, it does not go far away but usually floats over it. In this condition it is known as the wraith, and sometimes appears to those with whom it is closely bound up as a cloudy figure, very dully conscious and speechless. Unless disturbed by tumultuous distress or violent emotion, the state of consciousness is dreamy and peaceful.

It is during the withdrawal of the double, as well as afterwards, that the whole of the man's past life passes swiftly in review before the Ego, every forgotten nook and corner of the memory yielding up its secrets, picture by picture, event by event. In these few seconds the Ego lives over again his whole life, seeing his successes and failures, loves and hatreds: he perceives the predominant tendency of the whole, and the ruling thought of the life asserts itself, marking the region in which the chief part of the post-mortem life will be spent. As the *Kaushitakopanishat* describes it, at death Prâna gathers everything together and, withdrawing from the body, hands everything onwards to the Knower, who is the receptacle of all.

This stage is usually followed by a brief period of peaceful unconsciousness, due to the withdrawal of the etheric matter and its entanglement with the astral body, thus preventing the man from functioning either in the physical or the astral world. Some men shake themselves free from the etheric envelope in a few moments; others rest within it for hours, days, or even weeks,

toàn thể; sống như một tập hợp, chết như một cơ thể hữu cơ. Như Eliphas Levi nói: "Xác chết sẽ không phân hủy nếu nó đã chết; tất cả các phân tử cấu thành nó đều sống và đấu tranh để tách rời." (*Isis Unveiled*, I, 480).

Khi bản sao cuối cùng rời khỏi thể đậm đặc, nó không đi xa mà thường lơ lửng bên trên thể ấy. Trong tình trạng này, nó được gọi là bóng ma, và đôi khi hiện ra với những người mà nó có liên hệ chặt chẽ như một hình dáng mây mờ, có ý thức rất lơ mơ và không nói được. Trừ khi bị khuấy động bởi sự đau buồn náo loạn hay cảm xúc dữ dội, trạng thái tâm thức ấy mơ màng và bình an.

Chính trong lúc bản sao rút lui, cũng như sau đó, toàn bộ đời sống quá khứ của con người lướt nhanh trước Chân ngã để được duyệt lại, mọi góc ngách bị quên lãng của ký ức đều trao ra các bí mật của nó, từng hình ảnh một, từng sự kiện một. Trong vài giây ấy, Chân ngã sống lại toàn bộ đời mình, thấy các thành công và thất bại, các tình thương và thù hận của mình: y nhận ra khuynh hướng chủ đạo của toàn thể, và tư tưởng thống trị của đời sống tự khẳng định, đánh dấu vùng mà phần chính của đời sống sau khi chết sẽ được trải qua. Như kinh cổ mô tả, lúc chết prana gom mọi thứ lại và, khi rút khỏi thân thể, trao mọi thứ tiếp onward cho thức giả, là nơi chứa đựng tất cả.

Giai đoạn này thường được tiếp nối bằng một thời kỳ ngắn vô thức bình an, do vật chất dĩ thái rút ra và vướng mắc với thể cảm dục, vì thế ngăn con người hoạt động hoặc trong thế giới hồng trần hoặc trong thế giới cảm dục. Một số người tự thoát khỏi lớp vỏ dĩ thái trong vài khoảnh khắc; những người khác nghỉ trong đó nhiều giờ, nhiều ngày, hoặc thậm chí nhiều tuần, dù thông thường tiến trình

though usually the process does not take longer than a few hours.

As the days pass, the higher principles gradually disengage themselves from the double, and the latter then becomes in its turn an etheric corpse, which remains near the dense one, both disintegrating together. These etheric wraiths are often seen in churchyards, sometimes as violet or bluish-white mists or lights, but often presenting an unpleasant appearance as they pass through various stages of decomposition.

One of the great advantages of cremation is that by destroying the dense body, the etheric body also loses its nidus and so rapidly disintegrates.

If a man is so misguided as to wish to cling to the physical life, and even to his own corpse, the preservation of the dead body, either by burial or embalming, offers a distinct temptation to him to do so, and immensely facilitates his unfortunate purpose. Cremation entirely prevents any attempt at partial and unnatural temporary reunion of the principles. In addition, there are certain unpleasant forms of black magic, fortunately rare in Western countries at least, which make use of the decaying physical body; the etheric body of a dead person may also be similarly used in a variety of ways. All of these possibilities are avoided by the wholesome practice of cremation. It is quite impossible for a dead person to feel the effects of the fire on his discarded body, for, so long as it is death, the astral and etheric matter have been completely separated from the dense physical.

Although it is quite impossible for a dead person to get back entirely into his dead body,

không kéo dài quá vài giờ.

Khi ngày tháng trôi qua, các nguyên khí cao hơn dần dần tách khỏi bản sao, và khi ấy bản sao đến lượt nó trở thành một xác dĩ thái, ở gần xác đậm đặc, cả hai cùng tan rã. Những bóng ma dĩ thái này thường được thấy trong các nghĩa trang, đôi khi như các làn sương hay ánh sáng tím hoặc trắng xanh, nhưng thường có vẻ ngoài khó chịu khi chúng trải qua nhiều giai đoạn phân hủy khác nhau.

Một trong những lợi ích lớn của hỏa táng là bằng cách phá hủy thể đậm đặc, thể dĩ thái cũng mất nơi bám của nó và vì thế nhanh chóng tan rã.

Nếu một người lầm lạc đến mức muốn bám lấy đời sống hồng trần, và thậm chí bám lấy chính xác của mình, thì việc bảo tồn xác chết, dù bằng chôn cất hay ướp xác, đem lại cho y một cảm dỗ rõ rệt để làm như thế, và tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho mục đích bất hạnh của y. Hỏa táng hoàn toàn ngăn ngừa mọi nỗ lực tái hợp tạm thời, một phần và trái tự nhiên của các nguyên khí. Thêm nữa, có một số hình thức Hắc thuật khó chịu, may mắn là hiếm ít nhất ở các nước phương Tây, sử dụng thể xác đang phân rã; thể dĩ thái của một người chết cũng có thể được dùng tương tự theo nhiều cách khác nhau. Tất cả các khả năng này đều được tránh nhờ thực hành lành mạnh của hỏa táng. Người chết hoàn toàn không thể cảm thấy tác động của lửa lên thân thể đã bị bỏ lại của mình, vì, chừng nào đó thật sự là sự chết, vật chất cảm dục và dĩ thái đã hoàn toàn tách khỏi hồng trần đậm đặc.

Dù người chết hoàn toàn không thể trở lại trọn vẹn vào thân thể đã chết của mình, tuy

yet, in the case of one who knows nothing beyond purely physical life and is crazy with fear at being entirely cut off from it, it is possible for him, in his frantic effort to keep in touch with physical life, to get hold of the etheric matter of the discarded body and drag it about with him. This may be the cause of considerable suffering, entirely unnecessary, and easily avoided by the practice of cremation.

In the case of people who cling desperately to physical existence, the astral body cannot altogether separate from the etheric, and they awaken still surrounded by etheric matter. The condition is very unpleasant, as such a person would be shut out from the astral world by the shell of etheric matter, and at the same time the loss of physical sense organs prevents him from coming fully in touch with earth life. Consequently he drifts about, lonely and dumb and terrified, in a thick and gloomy fog, unable to hold intercourse with either plane.

In process of time the etheric shell wears out, in spite of his struggles, though usually not until after he has suffered intensely. Kindly people among the dead, and others, endeavour to help the class of person described, but seldom with success.

Sometimes a person in this condition may endeavour to get in touch once again with the physical plane through a medium, though usually the medium's "spirit guides" sternly forbid them access, knowing that the medium runs the risk of being obsessed or maddened. Occasionally an unconscious medium – usually a sensitive young girl – may be seized upon, but the attempt can be successful only if the girl's Ego has weakened his hold on his vehicles by

nhiên, trong trường hợp một người không biết gì ngoài đời sống hoàn toàn hồng trần và điên cuồng vì sợ bị cắt đứt hoàn toàn khỏi nó, y có thể, trong nỗ lực cuồng loạn để giữ liên hệ với đời sống hồng trần, nắm lấy vật chất dĩ thái của thân thể bị bỏ lại và kéo nó theo mình. Điều này có thể là nguyên nhân của nhiều đau khổ, hoàn toàn không cần thiết, và dễ dàng tránh được bằng thực hành hỏa táng.

Trong trường hợp những người tuyệt vọng bám chặt vào tồn tại hồng trần, thể cảm dục không thể hoàn toàn tách khỏi thể dĩ thái, và họ thức dậy vẫn bị vật chất dĩ thái bao quanh. Tình trạng ấy rất khó chịu, vì một người như thế sẽ bị lớp vỏ vật chất dĩ thái ngăn cách khỏi thế giới cảm dục, đồng thời việc mất các cơ quan giác quan hồng trần ngăn y tiếp xúc trọn vẹn với đời sống trần gian. Do đó y trôi dạt, cô độc, cảm lạnh và kinh hoàng, trong một màn sương dày đặc và u ám, không thể giao tiếp với cõi nào.

Theo thời gian, lớp vỏ dĩ thái mòn đi bất chấp các đấu tranh của y, dù thường không phải trước khi y đã chịu đau khổ dữ dội. Những người tử tế trong số người chết, và những người khác, cố gắng giúp lớp người được mô tả, nhưng hiếm khi thành công.

Đôi khi một người trong tình trạng này có thể cố gắng tiếp xúc lại với cõi hồng trần qua một đồng tử, dù thông thường các "người hướng dẫn tinh thần" của đồng tử nghiêm khắc cấm họ tiếp cận, vì biết rằng đồng tử có nguy cơ bị ám hoặc phát điên. Thỉnh thoảng, một đồng tử vô thức — thường là một cô gái trẻ nhạy cảm — có thể bị nắm lấy, nhưng nỗ lực chỉ có thể thành công nếu Chân ngã của cô gái đã làm suy yếu sự nắm giữ của mình đối với các hiện thể bằng cách buông theo những tư

indulging in undesirable thoughts and passions. Occasionally also a human soul wandering in this grey world may succeed in partially obsessing an animal, those most commonly seized upon being the less developed – cattle, sheep or swine, though cats and dogs or monkeys may also be used in this way. This appears to be the modern, *i.e.*, Fifth Race, substitute for the awful life of the vampire, found in Fourth Race peoples. Once entangled with an animal, it is possible to disentangle oneself only gradually and by considerable effort, extending probably for many days. Freedom usually comes only at the death of the animal, and even then there remains an astral entanglement to shake off.

tưởng và đam mê không mong muốn. Thỉnh thoảng nữa, một linh hồn con người lang thang trong thế giới xám này có thể thành công trong việc ám một phần một con vật; những con thường bị nắm lấy nhất là các con kém phát triển hơn — bò, cừu hay heo, dù mèo và chó hoặc khỉ cũng có thể được dùng theo cách này. Điều này dường như là sự thay thế hiện đại, tức của Giống dân thứ năm, cho đời sống khủng khiếp của ma cà rồng, từng thấy trong các dân tộc Giống dân thứ tư. Một khi đã vướng mắc với một con vật, người ta chỉ có thể tự gỡ ra dần dần và bằng nỗ lực đáng kể, có lẽ kéo dài nhiều ngày. Sự tự do thường chỉ đến khi con vật chết, và ngay cả khi ấy vẫn còn một sự vướng mắc cảm dục phải rũ bỏ.

CHAPTER XVII – CHƯƠNG XVII

HEALING – TRỊ LIỆU

We have already seen that a man in vigorous health is continually throwing off from his body vital emanations which may be absorbed by others. In this way the latter will be strengthened, and minor illnesses may be cured, or, at least, recovery expedited.

Chúng ta đã thấy rằng một người có sức khỏe mạnh mẽ liên tục phóng ra từ thân thể mình các phát xạ sinh lực mà người khác có thể hấp thụ. Bằng cách này, những người sau sẽ được tăng cường, và các bệnh nhẹ có thể được chữa lành, hoặc ít nhất sự hồi phục được thúc đẩy nhanh hơn.

As, however, the currents of Prâna are amenable to the will, it is possible for a man consciously to direct the streams of vitality which pour out of him, as well as greatly to augment their natural flow. By directing the currents on to a patient who is depleted of strength, owing to the fact that his spleen is not doing its work properly, considerable help towards recovery may be given, the additional vitality poured in by the healer keeping the patient's bodily machinery working until it is sufficiently recovered to manufacture supplies of Prâna itself.

Tuy nhiên, vì các dòng prana có thể chịu sự điều khiển của ý chí, con người có thể có ý thức hướng dẫn các luồng sinh lực tuôn ra từ mình, cũng như gia tăng mạnh mẽ dòng chảy tự nhiên của chúng. Bằng cách hướng các dòng này vào một bệnh nhân bị suy kiệt sức lực, do lá lách của y không làm việc đúng mức, có thể đem lại sự trợ giúp đáng kể cho việc hồi phục; sinh lực bổ sung do người chữa bệnh đổ vào giữ cho bộ máy thân thể của bệnh nhân hoạt động cho đến khi nó đã đủ hồi phục để tự sản xuất các nguồn cung cấp prana.

The healing of the weak by the strong may thus be achieved, in certain cases, merely by physical proximity, the process being either entirely unconscious and automatic, or it may be assisted and expedited to almost any extent by conscious effort. Much benefit may often be given merely by pouring into the patient copious streams of vitality, which will flood the patient's system with vitalising energy; or the operator may direct the flow to the particular portion of the body which is out of health. Merely to increase the circulation of Prâna is sufficient to cure many minor diseases. All nervous diseases imply a jangled condition of the Etheric Double, and that is also the cause of digestive troubles and sleeplessness. Headaches are usually caused by congestion, either of blood or of the vital fluid, sometimes called magnetism. A strong current directed by the healer through the head of the sufferer will wash away the congested matter and the headache will disappear.

These methods are comparatively simple and by no means difficult to apply, though a skilful healer, especially if clairvoyant, can improve on them enormously. One such improvement, which demands some knowledge of anatomy and physiology, is to make a mental picture of the diseased organ, and then image it as it should be in health. The strong thought will mould etheric matter into the desired form, which will help nature to build us new tissues much more rapidly than would otherwise be possible.

A still more thorough method is to create the organ in mental matter: then to build into it astral matter: then to densify it with etheric matter: and finally to build into the mould gases, liquids and solids, utilising materials

Như vậy, sự trị liệu người yếu bởi người mạnh có thể được thực hiện, trong một số trường hợp, chỉ bằng sự gần gũi hồng trần, tiến trình ấy hoặc hoàn toàn vô thức và tự động, hoặc có thể được trợ giúp và thúc đẩy đến hầu như bất cứ mức nào bằng nỗ lực có ý thức. Thường có thể đem lại nhiều lợi ích chỉ bằng cách đổ vào bệnh nhân những luồng sinh lực dồi dào, vốn sẽ tràn ngập hệ thống của bệnh nhân bằng năng lượng tiếp sinh lực; hoặc người thao tác có thể hướng dòng chảy đến phần riêng biệt của thân thể đang bệnh. Chỉ cần gia tăng sự lưu thông của prana cũng đủ chữa nhiều bệnh nhẹ. Mọi bệnh thần kinh đều hàm ý một tình trạng rối loạn của bản sao dĩ thái, và đó cũng là nguyên nhân của các rối loạn tiêu hóa và mất ngủ. Đau đầu thường do sung huyết, hoặc của máu hoặc của lưu chất sinh lực, đôi khi được gọi là từ điện. Một dòng mạnh do người chữa bệnh hướng qua đầu người chịu đau sẽ cuốn trôi vật chất bị ứ đọng, và cơn đau đầu sẽ biến mất.

Các phương pháp này tương đối đơn giản và hoàn toàn không khó áp dụng, dù một người chữa bệnh khéo léo, đặc biệt nếu có thông nhãn, có thể cải thiện chúng rất nhiều. Một cải thiện như thế, đòi hỏi một số hiểu biết về giải phẫu và sinh lý học, là tạo một hình ảnh trí tuệ về cơ quan bệnh, rồi hình dung nó như nó phải là trong tình trạng khỏe mạnh. Tư tưởng mạnh mẽ sẽ uốn nắn vật chất dĩ thái thành hình tướng mong muốn, điều này sẽ giúp thiên nhiên xây dựng cho chúng ta các mô mới nhanh hơn nhiều so với khả năng thông thường.

Một phương pháp còn triệt để hơn là tạo ra cơ quan ấy trong vật chất trí tuệ; rồi xây vào đó vật chất cảm dục; rồi làm nó đậm đặc bằng vật chất dĩ thái; và cuối cùng xây vào khuôn ấy các chất khí, chất lỏng và chất rắn, sử dụng

available in the body and supplying from outside an deficiencies.

A methodical and effective way to set to work to heal magnetically is as follows: The patient assumes a comfortable position, either sitting or lying down, and is instructed to relax as thoroughly as possible. A very convenient method is for the patient to sit in an easy chair, with solid flat arms, the operator sitting sideways on the arms and thus slightly above the patient. The operator then makes passes with his hands over the patient's body, or over that portion of it which he proposes to treat magnetically, making an effort of will to withdraw from the patient the congested or diseased etheric matter. These passes may be made without actually touching the patient, though it is often an assistance to lay the whole hand on the skin gently and lightly. After each pass the operator must take care to throw off from himself the etheric matter he has withdrawn, otherwise some of it may remain in his own system and he may presently find himself suffering from a complaint similar to that of which he has cured his patient. Many cases of this kind are on record; thus, an operator may remove pain from a patient's tooth, or elbow, only to find himself presently suffering from toothache or pain in the elbow. In some cases, where repeated treatments are given, an operator who neglects to throw off the diseased matter which he has extracted may make himself seriously ill and even become a chronic sufferer.

A.P.Sinnett gives a curious case of a lady who was cured of chronic rheumatism and then went to live in a part of Europe other than that in which the mesmeric operator resided. Four years afterwards the operator died, and the old rheumatic trouble at once returned

các chất liệu có sẵn trong thân thể và cung cấp từ bên ngoài mọi chỗ thiếu hụt.

Một cách có phương pháp và hữu hiệu để bắt tay vào trị liệu bằng từ tính như sau: Bệnh nhân giữ một tư thế thoải mái, hoặc ngồi hoặc nằm, và được hướng dẫn thư giãn càng trọn vẹn càng tốt. Một phương pháp rất thuận tiện là để bệnh nhân ngồi trong một chiếc ghế bành êm, có tay ghế phẳng và chắc, người thao tác ngồi ngang trên tay ghế và do đó hơi cao hơn bệnh nhân. Sau đó người thao tác thực hiện các đường vuốt bằng hai tay trên thân thể bệnh nhân, hoặc trên phần thân thể mà y dự định điều trị bằng từ tính, đồng thời dùng nỗ lực ý chí để rút khỏi bệnh nhân vật chất dĩ thái bị ứ đọng hay bệnh hoạn. Các đường vuốt này có thể được thực hiện mà không thật sự chạm vào bệnh nhân, dù thường sẽ hữu ích nếu đặt toàn bộ bàn tay lên da một cách dịu dàng và nhẹ nhàng. Sau mỗi đường vuốt, người thao tác phải cẩn thận hất khỏi mình vật chất dĩ thái mà y đã rút ra; nếu không, một phần của nó có thể còn lại trong hệ thống của chính y, và chẳng bao lâu y có thể thấy mình mắc một chứng bệnh tương tự với chứng mà y đã chữa cho bệnh nhân. Nhiều trường hợp loại này đã được ghi nhận; như vậy, một người thao tác có thể lấy đi cơn đau khỏi răng hay khuỷu tay của bệnh nhân, chỉ để rồi chẳng bao lâu chính y bị đau răng hay đau khuỷu tay. Trong một số trường hợp, khi các điều trị lặp đi lặp lại, một người thao tác lơ là việc hất bỏ vật chất bệnh hoạn mà y đã rút ra có thể khiến chính mình bệnh nặng và thậm chí trở thành người mắc bệnh mãn tính.

A. P. Sinnett kể một trường hợp kỳ lạ về một phụ nữ được chữa khỏi bệnh thấp khớp mãn tính rồi sau đó đến sống ở một vùng châu Âu khác với nơi người thao tác thôi miên từ tính cư trú. Bốn năm sau, người thao tác qua đời, và chứng thấp khớp cũ lập tức trở lại với người

to the lady with its former virulence. In this case, it would seem that the unhealthy magnetism which the operator had withdrawn from the patient, but had not destroyed, had for years been hanging around the aura of the operator, and on his death, had at once flown back to where it originally belonged.

Usually it is sufficient to jerk the hands sharply downwards and away from oneself, or the magnetism may be thrown into a basin of water, the water afterwards of course being thrown away. The process may be assisted after this preliminary portion of the treatment is completed by washing the hands in water before commencing the next and more positive part of the treatment.

It is also said to be possible to direct the unhealthy magnetism to certain classes of elementals, where it will find its appropriate sphere. The Bible parable of the herd of swine may well be an allegorical description of the process. It would certainly seem to be preferable for something of this kind to be done than for the unhealthy magnetism to be left floating about near the aura either of the healer or of others who may happen to be near.

A slight variation of the above method, especially useful in the case of local congestion, is to place the hands, one on either side of the affected area, and to direct a stream of cleansing magnetism from the right hand to the left hand, this magnetism driving out the patient's congested material.

The way having been prepared, the next stage is to pour into the patient one's own magnetic fluid and Prâna. This is done by making similar passes, though this time with a strong

phụ nữ với mức độ dữ dội trước kia. Trong trường hợp này, dường như từ điện không lạnh mạnh mà người thao tác đã rút khỏi bệnh nhân, nhưng chưa phá hủy, đã quanh quẩn nhiều năm quanh hào quang của người thao tác, và khi ông chết, lập tức bay trở lại nơi vốn thuộc về nó ban đầu.

Thông thường chỉ cần giật mạnh hai tay xuống dưới và ra xa khỏi bản thân, hoặc từ điện có thể được ném vào một chậu nước, rồi sau đó dĩ nhiên nước phải được đổ bỏ. Sau khi phần sơ khởi này của điều trị hoàn tất, tiến trình có thể được trợ giúp bằng cách rửa tay trong nước trước khi bắt đầu phần kế tiếp và tích cực hơn của điều trị.

Người ta cũng nói rằng có thể hướng từ điện không lạnh mạnh đến một số loại hành khí, nơi nó sẽ tìm thấy khối cầu thích hợp của nó. Dụ ngôn trong Kinh Thánh về bầy heo rất có thể là một mô tả ẩn dụ của tiến trình này. Chắc chắn dường như tốt hơn nếu một điều gì thuộc loại này được thực hiện, thay vì để từ điện không lạnh mạnh trôi nổi gần hào quang của người chữa bệnh hoặc của những người khác tình cờ ở gần.

Một biến thể nhẹ của phương pháp trên, đặc biệt hữu ích trong trường hợp ứ đọng cục bộ, là đặt hai tay, mỗi tay ở một bên của vùng bị ảnh hưởng, và hướng một luồng từ điện thanh lọc từ tay phải sang tay trái, từ điện này đẩy ra chất liệu ứ đọng của bệnh nhân.

Khi con đường đã được chuẩn bị, giai đoạn kế tiếp là đổ vào bệnh nhân lưu chất từ tính và prana của chính mình. Điều này được thực hiện bằng cách tạo các đường vuốt tương tự,

effort of will to pour out one's own force into the patient. This, as before, may be done by means of long sweeping passes over the whole body, or by shorter passes over a special area: or again, the two hands may be used, the current being passed from the right hand to the left, through the area that is being treated.

The student will readily recognise the desirability of the healer being himself perfectly healthy, because otherwise he is liable to pour into the patient some of his own unhealthy magnetism.

It should be noted that in magnetic healing clothing is somewhat of a barrier, silk being in this respect the worst. The minimum possible, therefore, according to circumstances, should be worn by the patient.

From the fact that certain forms of insanity are due to defects in the etheric brain, its particles not corresponding perfectly with the denser physical particles and thus being unable to bring through properly vibrations from the higher vehicles, we may surmise that such cases might lend themselves to cure by magnetic treatment.

There are, of course, other methods of affecting the etheric body, because the connection between mental, astral and etheric bodies is so close that any one of the three may affect any of the others.

Generally speaking, it may be said that anything which promotes physical health also reacts favourably on the higher vehicles. Unused muscles, for example, not only tend to deteriorate, but produce a congestion of magnetism: this means a weak place in the

dù lần này với một nỗ lực ý chí mạnh mẽ để tuôn mãnh lực của chính mình vào bệnh nhân. Như trước, điều này có thể được thực hiện bằng các đường vuốt dài quét qua toàn thân, hoặc bằng các đường vuốt ngắn hơn trên một vùng đặc biệt; hoặc nữa, có thể dùng cả hai tay, dòng lực được truyền từ tay phải sang tay trái, qua vùng đang được điều trị.

Đạo sinh sẽ dễ dàng nhận ra sự cần thiết để người chữa bệnh chính mình hoàn toàn khỏe mạnh, vì nếu không y có thể đổ vào bệnh nhân một phần từ điện không lành mạnh của chính mình.

Cần lưu ý rằng trong trị liệu từ tính, y phục phần nào là một rào cản, và về mặt này lụa là tệ nhất. Vì vậy, tùy hoàn cảnh, bệnh nhân nên mặc ở mức tối thiểu có thể.

Từ sự kiện rằng một số dạng điên loạn là do các khiếm khuyết trong bộ não dĩ thái, các hạt của nó không tương ứng hoàn toàn với các hạt hồng trần đậm đặc hơn và do đó không thể truyền đúng các rung động từ các hiện thể cao hơn, chúng ta có thể suy đoán rằng những trường hợp như thế có thể thích hợp để chữa bằng điều trị từ tính.

Dĩ nhiên, có những phương pháp khác để tác động đến thể dĩ thái, vì mối liên hệ giữa thể trí, thể cảm dục và thể dĩ thái quá mật thiết đến nỗi bất cứ một trong ba thể nào cũng có thể tác động đến bất cứ thể nào khác.

Nói chung, có thể nói rằng bất cứ điều gì thúc đẩy sức khỏe hồng trần cũng phản ứng thuận lợi lên các hiện thể cao hơn. Chẳng hạn, các cơ bắp không được sử dụng không chỉ có khuynh hướng suy thoái, mà còn tạo ra sự ứ đọng từ điện: điều này có nghĩa là một điểm yếu trong

Etheric Double, through which unpleasant germs, such as those of infection, may enter.

Similarly, mental or astral ill-health will almost surely, sooner or later, be reflected as physical disease. A person who is astrally “fussy”. i.e., who allows his astral body to fritter away his strength on petty little emotions, troubles and worries, not only is apt to produce unpleasant and disturbing effects on the astral bodies of other sensitive persons, but frequently the perpetual astral disturbance reacts through the etheric upon the dense physical body, and all sorts of nervous diseases are produced.

Nearly all nerve troubles, for example, are the direct result of unnecessary worry and emotion, and would soon disappear if the patient could be taught to hold his vehicles still and peaceful. Magnetic healing blends almost imperceptibly into mesmerism, which we shall therefore now proceed to examine.

bản sao dĩ thái, qua đó các mầm bệnh khó chịu, như mầm truyền nhiễm, có thể xâm nhập.

Tương tự, tình trạng không lành mạnh về trí tuệ hay cảm dục gần như chắc chắn, sớm hay muộn, sẽ được phản ánh thành bệnh tật hồng trần. Một người “lãng xãng” về mặt cảm dục, tức là người để cho thể cảm dục của mình phung phí sức lực vào những cảm xúc, phiền toái và lo âu nhỏ nhặt, không chỉ dễ tạo ra những hiệu quả khó chịu và gây xáo trộn lên thể cảm dục của những người nhạy cảm khác, mà thường xuyên sự xáo trộn cảm dục liên tục còn phản ứng qua thể dĩ thái lên thể xác đậm đặc, và đủ loại bệnh thần kinh được tạo ra.

Chẳng hạn, hầu như mọi rối loạn thần kinh đều là kết quả trực tiếp của lo âu và cảm xúc không cần thiết, và sẽ sớm biến mất nếu bệnh nhân có thể được dạy giữ cho các hiện thể của mình yên tĩnh và bình an. Trị liệu từ tính hòa vào thôi miên từ tính gần như không thể nhận ra ranh giới, vì thế bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục khảo sát điều này.

CHAPTER XVIII – CHƯƠNG XVIII

MESMERISM – THÔI MIÊN TỪ TÍNH

The student should recognise the perfectly clear and definite distinction between hypnotism and mesmerism. Hypnotism, derived from the Greek *hypnos*, meaning sleep, stands literally for the art of putting to sleep. It usually results from a nervous paralysis brought about by a slight strain either to the nerves of the eye or in some other way. It is not, in itself, an injurious state to be in, though it may of course be turned to ends either good or bad. It frequently makes the subject insensible to pain, and it may give

Đạo sinh nên nhận ra sự phân biệt hoàn toàn rõ ràng và xác định giữa thuật thôi miên và thôi miên từ tính. Thuật thôi miên, có nguồn từ một từ cổ nghĩa là giấc ngủ, theo nghĩa đen là nghệ thuật làm cho ngủ. Nó thường phát sinh từ một sự tê liệt thần kinh do một sự căng nhẹ nơi các dây thần kinh của mắt hoặc bằng một cách nào khác. Tự nó không phải là một trạng thái có hại, dù dĩ nhiên nó có thể được dùng cho các mục đích tốt hoặc xấu. Nó thường khiến đối tượng không cảm thấy đau, và có thể cho hệ thống một sự nghỉ ngơi rất có

the system a rest which may be highly beneficial. It is primarily a self-induced condition: its main result is that it usually places the subject to a greater or lesser extent under the control of the operator who, within certain limits which vary according to the nature and character of the subject and the degree of the hypnosis as well as the power and skill of the operator, may be compelled to do what the operator wishes.

Mesmerism depends upon quite a different principle. The word itself is derived from Frederick Mesmer (1734-1815) a doctor of Vienna, who, towards the end of the eighteenth century, discovered that he could effect cures by means of influences proceeding from the hand, to which he gave the name "animal magnetism". The essence of Mesmerism is that the operator drives out or forces back the patient's own magnetism or vital fluid, and replaces it with his own fluid. The natural effect of this is that the patient loses all power of feeling in that portion of his body from which his own fluid has been expelled. We have previously seen that the power of feeling depends on the transmission of contacts to the astral centres, through the matter of the Etheric Double. When therefore, the etheric matter is removed, the connection between the dense physical body and the astral body is broken, and consequently there can be no sensation experienced.

The withdrawal of the vital fluid does not in any way interfere with the circulation of the blood, for the portion of the body concerned remains warm.

It is thus possible to drive out a patient's own etheric matter from, say an arm or a leg, so that complete anæsthesia in the limb results.

lợi. Về căn bản, đó là một tình trạng tự gây ra: kết quả chính của nó là thường đặt đối tượng, ở mức độ lớn hay nhỏ, dưới sự kiểm soát của người thao tác; trong một số giới hạn thay đổi tùy theo bản chất và Tính cách của đối tượng, mức độ thôi miên cũng như quyền năng và kỹ năng của người thao tác, đối tượng có thể bị buộc làm điều người thao tác muốn.

Thôi miên từ tính dựa trên một nguyên lý hoàn toàn khác. Chính từ này bắt nguồn từ Frederick Mesmer, một bác sĩ ở Vienna, người vào cuối thế kỷ mười tám đã khám phá rằng ông có thể thực hiện các sự chữa lành bằng những ảnh hưởng phát ra từ bàn tay, mà ông đặt tên là "từ điện động vật". Bản chất của thôi miên từ tính là người thao tác đẩy ra hoặc đẩy lùi từ điện hay lưu chất sinh lực của chính bệnh nhân, và thay thế nó bằng lưu chất của chính mình. Hiệu quả tự nhiên của điều này là bệnh nhân mất mọi khả năng cảm giác ở phần thân thể mà lưu chất của chính y đã bị trục xuất. Trước đây chúng ta đã thấy rằng khả năng cảm giác tùy thuộc vào sự truyền các tiếp xúc đến các trung tâm cảm dục, xuyên qua vật chất của bản sao dĩ thái. Vì vậy, khi vật chất dĩ thái bị lấy đi, mối liên hệ giữa thể xác đậm đặc và thể cảm dục bị cắt đứt, và do đó không thể có cảm giác được kinh nghiệm.

Việc rút lưu chất sinh lực không hề cản trở sự lưu thông của máu, vì phần thân thể liên hệ vẫn còn ấm.

Như vậy có thể đẩy vật chất dĩ thái của chính bệnh nhân ra khỏi, chẳng hạn, một cánh tay hay một chân, khiến chi ấy hoàn toàn mất

The mesmeric process being in such a case purely local, the patient will retain full normal consciousness in the brain; all that happens is that a local anæsthetic has been applied to the limb concerned. Under such mesmeric anæsthetic surgical operations, both major and minor, have been performed. Perhaps the best known collection of such operations is recorded in the book *Mesmerism in India*, first published in 1842, by Dr. Esdaile. Another surgeon, one Dr. Elliotson, also performed large numbers of operations under mesmeric anæsthesia in London about three-quarters of a century ago. At this time chloroform was unknown, and every operating room was a torture chamber. Graphic and interesting accounts of the work of these two pioneers may be found in *The Rationale of Mesmerism*, by A. P. Sinnett, a book strongly recommended to the student.

The mesmeric process may be pushed further, to the extent of driving out the subject's own magnetic fluid from the brain and replacing it by that of the operator. In this case, the subject entirely loses control of his own body, and the control passes to the operator, who can then make the subject's body do what the operator wishes.

An interesting consequence of replacing a subject's magnetic fluid by that of the operator is that a stimulus applied to the operator may appear to be felt by the subject, or, on the other hand, a stimulus applied to the subject may be felt by the operator.

Thus, for example, suppose that an arm has been mesmerised, the subject's own magnetic fluid being replaced by that of the operator.

cảm giác. Vì tiến trình thôi miên từ tính trong trường hợp như thế hoàn toàn cục bộ, bệnh nhân sẽ giữ trọn tâm thức bình thường trong bộ não; tất cả những gì xảy ra là một chất gây tê cục bộ đã được áp dụng cho chi liên hệ. Dưới sự gây tê bằng thôi miên từ tính như thế, các ca phẫu thuật lớn và nhỏ đều đã được thực hiện. Có lẽ bộ sưu tập được biết đến nhiều nhất về các ca phẫu thuật như vậy được ghi lại trong sách *Mesmerism in India*, xuất bản lần đầu năm 1842, của Bác sĩ Esdaile. Một phẫu thuật gia khác, Bác sĩ Elliotson, cũng đã thực hiện rất nhiều ca phẫu thuật dưới gây tê bằng thôi miên từ tính ở London khoảng ba phần tư thế kỷ trước. Vào thời ấy, chloroform chưa được biết đến, và mọi phòng mổ đều là một phòng tra tấn. Những tường thuật sinh động và thú vị về công trình của hai người tiên phong này có thể được tìm thấy trong *The Rationale of Mesmerism*, của A. P. Sinnett, một cuốn sách rất được khuyến nghị cho đạo sinh.

Tiến trình thôi miên từ tính có thể được đẩy xa hơn, đến mức đẩy lưu chất từ tính của chính đối tượng ra khỏi bộ não và thay thế nó bằng lưu chất của người thao tác. Trong trường hợp này, đối tượng hoàn toàn mất quyền kiểm soát thân thể của chính mình, và sự kiểm soát chuyển sang người thao tác, người khi ấy có thể khiến thân thể của đối tượng làm điều người thao tác muốn.

Một hệ quả thú vị của việc thay thế lưu chất từ tính của một đối tượng bằng lưu chất của người thao tác là một kích thích tác động lên người thao tác có thể dường như được đối tượng cảm thấy, hoặc ngược lại, một kích thích tác động lên đối tượng có thể được người thao tác cảm thấy.

Như vậy, chẳng hạn, giả sử một cánh tay đã được thôi miên từ tính, lưu chất từ tính của chính đối tượng được thay bằng lưu chất của

Then if the operator's hand be pricked, the subject may receive the feeling, owing to the fact that the nerve-ether of the operator has been connected to the subject's brain: the subject therefore, receiving the message from the operator's nerve-ether, supposes it to have come from his own nerve-ether and so responds accordingly. This phenomenon is usually known as magnetic sympathy, and many cases may be read of in the literature of the subject.

It is not essential to make passes with the hands in order to mesmerise. The only use of the hands is to concentrate the fluid, and perhaps to help the imagination of the operator, anything which assists the imagination making it easier that belief upon which the action of the will so largely depends. A skilful mesmerist, however, can manage quite well without any passes whatever, achieving his results merely by looking at his subject and using his will.

It would appear that the etheric mechanism of the body consists of two distinct divisions, the one unconscious and connected with the sympathetic, the other conscious and voluntary, and connected with the cerebro-spinal system, and that it is possible to mesmerise the latter, but not the former. A mesmerist would not, therefore, usually be able to interfere with the ordinary vital processes of a patient's body, such as breathing or the circulation of the blood.

This may, perhaps be the explanation of the statement in *Theosophy* that Prâna exists in two main forms in the physical body: energising Prâna in the Etheric Double, and Automatic Prâna in the dense body.

người thao tác. Khi ấy, nếu bàn tay của người thao tác bị châm, đối tượng có thể nhận cảm giác ấy, do sự kiện rằng dĩ thái thần kinh của người thao tác đã được nối với bộ não của đối tượng: vì thế đối tượng, khi nhận thông điệp từ dĩ thái thần kinh của người thao tác, cho rằng nó đến từ dĩ thái thần kinh của chính mình và do đó đáp ứng tương ứng. Hiện tượng này thường được gọi là sự cảm ứng từ tính, và nhiều trường hợp có thể được đọc thấy trong văn liệu về đề tài này.

Không nhất thiết phải thực hiện các đường vuốt bằng tay để thôi miên từ tính. Công dụng duy nhất của hai tay là tập trung lưu chất, và có lẽ để trợ giúp Sự tưởng tượng của người thao tác; bất cứ điều gì hỗ trợ Sự tưởng tượng đều làm cho niềm tin, vốn là điều mà hoạt động của ý chí phần lớn tùy thuộc, trở nên dễ dàng hơn. Tuy nhiên, một người thôi miên từ tính khéo léo có thể xoay sở hoàn toàn tốt mà không cần bất cứ đường vuốt nào, đạt kết quả chỉ bằng cách nhìn vào đối tượng của mình và sử dụng ý chí.

Dường như bộ máy dĩ thái của thân thể gồm hai phần phân biệt, một phần vô thức và liên hệ với hệ giao cảm, phần kia có ý thức và tùy ý, liên hệ với hệ não tủy, và có thể thôi miên từ tính phần sau nhưng không phải phần trước. Vì thế, một người thôi miên từ tính thường không thể can thiệp vào các tiến trình sinh lực thông thường của thân thể bệnh nhân, như hô hấp hay tuần hoàn máu.

Điều này có lẽ là lời giải thích cho phát biểu trong *Thông Thiên Học* rằng prana tồn tại trong hai hình thức chính trong thể xác: prana tiếp năng lượng trong bản sao dĩ thái, và prana tự động trong thể đậm đặc.

As in the case of magnetic healing, it is obviously eminently desirable that a mesmerist should be physically healthy. For a healer or magnetiser pours into the patient not only Prâna, but also his own emanations, and in this way it is possible for the operator to convey physical disease to the subject. Further, as astral and mental matter are also thrown into the subject, moral and mental diseases may likewise be transferred.

For similar reasons a mesmerist may thus, even unconsciously, gain great influence over his subject – a far greater power than is generally known. Any quality of heart or mind possessed by the mesmerist is very readily transferred to the subject, hence the avenues of possible danger in this respect are apparent.

Mesmerism purely for curative purposes, by those who understand what they are doing and can be trusted not to abuse their powers, has much to be said for it; but mesmerism for other purposes is distinctly not advisable.

An advantage possessed by mesmerism over healing of disease by will is that when will-forces are poured down into the physical, there is a danger of driving the disease back into the subtler vehicles from which it came, thus inhibiting the final working out to the physical plane of evil which has its origin in mind and emotion. Curative mesmerism is free from this danger.

An interesting example of magnetic or mesmeric healing is the Buddhist Paritta or Pirit ceremony (meaning literally

Như trong trường hợp trị liệu từ tính, rõ ràng là điều hết sức đáng mong muốn là một người thôi miên từ tính phải khỏe mạnh về hồng trần. Vì một người chữa bệnh hay người từ hóa đổ vào bệnh nhân không chỉ prana, mà còn cả các phát xạ của chính y, và bằng cách này người thao tác có thể truyền bệnh hồng trần sang đối tượng. Hơn nữa, vì vật chất cảm dục và trí tuệ cũng được đưa vào đối tượng, các bệnh về đạo đức và trí tuệ cũng có thể được chuyển sang tương tự.

Vì những lý do tương tự, một người thôi miên từ tính như vậy có thể, thậm chí vô thức, đạt được ảnh hưởng lớn trên đối tượng của mình — một quyền năng lớn hơn nhiều so với điều người ta thường biết. Bất cứ phẩm tính nào của tâm hay trí mà người thôi miên từ tính sở hữu đều rất dễ được chuyển sang đối tượng, vì thế các con đường nguy hiểm có thể có về phương diện này là hiển nhiên.

Thôi miên từ tính thuần túy vì mục đích chữa bệnh, bởi những người thấu hiểu điều họ đang làm và có thể được tin cậy là không lạm dụng quyền năng của mình, có nhiều điều đáng nói thuận lợi cho nó; nhưng thôi miên từ tính vì các mục đích khác thì rõ ràng không nên.

Một lợi thế mà thôi miên từ tính có so với việc chữa bệnh bằng ý chí là khi các mãnh lực ý chí được đổ xuống vào hồng trần, có nguy cơ đẩy bệnh trở lại vào các hiện thể vi tế hơn mà từ đó nó đến, như vậy ức chế sự vận hành cuối cùng ra khỏi hồng trần của điều ác có nguồn gốc trong trí tuệ và cảm xúc. Thôi miên từ tính chữa bệnh không có nguy cơ này.

Một ví dụ thú vị về trị liệu bằng từ tính hay thôi miên là nghi lễ Paritta hay Pirit của Phật giáo, nghĩa đen là “những lời chúc phúc”,

“blessings”), in which the monks sit in a circle or hollow square and hold in their hands a rope about as thick as a clothes line, from which strings run to a large pot of water. Relays of monks recite texts from the scriptures for many days continuously, keeping clearly in their minds the will to bless. The water becomes very highly charged with magnetism and it is then distributed to the people, or a sick man may hold a thread connected to the rope.

It may be noted, in passing, that it is possible to mesmerise plants and procure specific and distinct results in stimulation of their growth. There are probably very few who practise this consciously, at least in Western countries, though the fact that some persons have a “lucky hand” with plants and flowers, etc., may perhaps be partially explained on the lines indicated. A more common cause, however, of such phenomena has to do with the composition of the etheric and other bodies and the relationship of the person to the elementals, the most friendly to him being those whose element is preponderant in his vehicles.

Nature-spirits, possessing little sense of responsibility and wills not strongly developed, can usually readily be dominated mesmerically, and can then be employed in many ways to carry out the will of the magician: so long as the tasks given to them are within their powers they will be faithfully and surely executed.

It is also possible to mesmerise persons who have recently died and who are still hovering close about us in their astral bodies.

trong đó các tu sĩ ngồi thành vòng tròn hoặc hình vuông rỗng và cầm trong tay một sợi dây thừng dày khoảng như dây phơi áo, từ đó có những sợi dây nhỏ nối đến một chum nước lớn. Các nhóm tu sĩ luân phiên tụng đọc kinh văn trong nhiều ngày liên tục, đồng thời giữ rõ ràng trong tâm trí ý chí ban phúc. Nước trở nên được nạp từ điện rất mạnh, rồi sau đó được phân phát cho dân chúng, hoặc một người bệnh có thể cầm một sợi chỉ nối với dây thừng ấy.

Nhân tiện, có thể lưu ý rằng người ta có thể thôi miên cây cối và đạt được những kết quả đặc thù, rõ rệt trong việc kích thích sự tăng trưởng của chúng. Có lẽ rất ít người thực hành điều này một cách có ý thức, ít nhất là ở các nước phương Tây, dù sự kiện một số người có “bàn tay may mắn” với cây cối, hoa cỏ, v.v., có lẽ phần nào có thể được giải thích theo những đường hướng đã nêu. Tuy nhiên, một nguyên nhân phổ biến hơn của các hiện tượng như vậy có liên quan đến cấu tạo của thể dĩ thái và các thể khác, cũng như mối quan hệ của người ấy với các hành khí; những hành khí thân thiện nhất với y là các hành khí có nguyên tố chiếm ưu thế trong các hiện thể của y.

Các tinh linh tự nhiên, vốn có rất ít ý thức trách nhiệm và ý chí không phát triển mạnh, thường có thể dễ dàng bị chế ngự bằng thôi miên, rồi sau đó được sử dụng theo nhiều cách để thực hiện ý chí của nhà huyền thuật; miễn là những nhiệm vụ được giao cho chúng nằm trong khả năng của chúng, chúng sẽ thi hành một cách trung thành và chắc chắn.

Cũng có thể thôi miên những người vừa mới chết và vẫn còn lảng vảng gần chúng ta trong thể cảm dục của họ.

CHAPTER XIX – CHƯƠNG XIX

SHELLS AND SHIELDS – **VỎ BỌC VÀ KHIÊN CHẮN**

There are certain circumstances in which it is both permissible and desirable to form either a shell or a shield of etheric matter, to protect oneself or other people from unpleasant influences of various kinds.

Thus for example, in a mixed crowd there is quite likely to be present some physical magnetism distasteful, if not positively injurious, to a student of occultism. Some persons, also, being themselves low in vitality, have the faculty, usually unconscious, of depleting others in their vicinity of their stores of Prâna. Provided these vampire-like people took from others only those etheric particles which are normally expelled from the body as not needed, no harm would be done, but often the suction is so intense that the whole circulation of Prâna in the victim is hastened, the rose-coloured particles also being drawn out of the system before their Prânic content has been assimilated by their owner. A capable vampire can thus drain a person of all his strength in a few minutes.

The vampire is not appreciably benefited by the vitality of which he has robbed others, because his own system tends to dissipate what he acquires without proper assimilation. A person in this condition needs mesmeric treatment, strictly limited quantities of Prâna being supplied to him, until the elasticity of his etheric double is restored, so that both the suction and the leakage cease. The leakage of vitality takes place through every pore of the body rather than through any one portion of it.

In certain abnormal cases another entity may

Có những hoàn cảnh nhất định trong đó việc tạo nên một vỏ bọc hoặc một khiên chắn bằng chất liệu dĩ thái, để bảo vệ bản thân hay người khác khỏi những ảnh hưởng khó chịu thuộc nhiều loại khác nhau, vừa được phép vừa đáng mong muốn.

Như chẳng hạn, trong một đám đông hỗn tạp, rất có thể hiện diện một loại từ điện hồng trần gây khó chịu, nếu không nói là thật sự có hại, đối với một môn sinh huyền bí học. Một số người, do chính họ có sinh lực thấp, có khả năng — thường là vô thức — rút cạn kho prana của những người ở gần họ. Nếu những người giống ma cà rồng này chỉ lấy từ người khác các hạt dĩ thái vốn thường bị thải ra khỏi thể như không còn cần thiết, thì sẽ không có hại gì; nhưng thường lực hút mạnh đến mức toàn bộ sự tuần hoàn prana trong nạn nhân bị thúc nhanh, các hạt màu hồng cũng bị kéo ra khỏi hệ thống trước khi hàm lượng prana của chúng được chủ nhân đồng hóa. Như vậy, một ma cà rồng có năng lực có thể rút cạn toàn bộ sức lực của một người trong vài phút.

Ma cà rồng không được lợi đáng kể từ sinh lực mà y đã cướp của người khác, vì hệ thống của chính y có khuynh hướng làm tiêu tan những gì y thu được mà không đồng hóa đúng cách. Một người ở trong tình trạng này cần được điều trị bằng thôi miên, với những lượng prana được cung cấp cho y một cách nghiêm ngặt và có giới hạn, cho đến khi tính đàn hồi của bản sao dĩ thái của y được phục hồi, để cả lực hút lẫn sự rò rỉ đều chấm dứt. Sự rò rỉ sinh lực diễn ra qua mọi lỗ chân lông của thể, hơn là qua bất cứ một phần riêng biệt nào của nó.

Trong một số trường hợp bất thường, một

attempt to seize and obsess the physical bodies of others. Or, again, it may be necessary to sleep, e.g., in a railway carriage, in close proximity with people of the vampire type or whose emanations are coarse and undesirable; or the student may have to visit persons or places where disease is rampant.

Some people are so sensitive that they are apt to reproduce in their own bodies the symptoms of others who are weak and diseased; others, again, suffer considerably from the incessant play of the multiplex vibrations of a noisy city.

In all these cases an etheric shell may be utilised with advantage to protect oneself. It is important to note, however, that an etheric shell which keeps *out* etheric matter will also keep it *in*, and that therefore one's own etheric emanations, many of which are poisonous, will be kept within the shell.

The shell is made by an effort of will and imagination. It may be done in two ways. Either the periphery of the etheric aura, which follows the shape of and is slightly larger than the physical body, may be densified, or an ovoid shell of etheric matter may be manufactured out of the surrounding atmosphere. The latter is preferable, though it demands a far greater exertion of the will and a more definite knowledge of the way in which physical matter is moulded by it.

Students who wish to guard their physical bodies during sleep by means of an etheric shell must be careful to make the latter of etheric, not astral, matter. A case is recorded of a student who made this mistake, with the consequence that the physical body was left

thực thể khác có thể cố gắng chiếm lấy và ám ảnh thể xác của người khác. Hoặc nữa, có thể cần phải ngủ, chẳng hạn trong một toa xe lửa, ở gần những người thuộc loại ma cà rồng hoặc có những xuất lộ thô trực và không đáng mong muốn; hoặc môn sinh có thể phải đến thăm những người hay những nơi mà bệnh tật đang lan tràn.

Một số người nhạy cảm đến mức họ dễ tái hiện trong chính thể của mình các triệu chứng của những người yếu ớt và bệnh tật; những người khác lại chịu khổ sở đáng kể vì sự tác động không ngừng của các rung động đa tạp trong một thành phố ồn ào.

Trong tất cả các trường hợp này, một vỏ bọc dĩ thái có thể được sử dụng một cách hữu ích để bảo vệ bản thân. Tuy nhiên, điều quan trọng cần lưu ý là một vỏ bọc dĩ thái giữ chất liệu dĩ thái ở *bên ngoài* cũng sẽ giữ nó ở *bên trong*, và do đó các xuất lộ dĩ thái của chính mình, nhiều thứ trong đó là độc hại, sẽ bị giữ lại trong vỏ bọc.

Vỏ bọc được tạo nên bằng một nỗ lực của ý chí và sự tưởng tượng. Điều này có thể được thực hiện theo hai cách. Hoặc chu vi của hào quang dĩ thái, vốn theo hình dạng và hơi lớn hơn thể xác, có thể được làm cho đậm đặc hơn; hoặc một vỏ bọc hình trứng bằng chất liệu dĩ thái có thể được tạo ra từ bầu khí quyển chung quanh. Cách sau đáng chuộng hơn, dù nó đòi hỏi một sự vận dụng ý chí lớn hơn nhiều và một tri thức xác định hơn về cách vật chất hồng trần được nó uốn nắn.

Các môn sinh muốn bảo vệ thể xác của mình trong khi ngủ bằng một vỏ bọc dĩ thái phải cẩn thận tạo vỏ bọc ấy bằng chất liệu dĩ thái, chứ không phải chất liệu cảm dục. Có ghi lại một trường hợp một môn sinh đã phạm sai lầm này, với hậu quả là thể xác bị bỏ lại hoàn

entirely unprotected, while he himself floated away in an impenetrable astral shell which permitted nothing to pass either to or from the consciousness imprisoned within.

The formation of an etheric shell before going to sleep may be of assistance in helping the experiences of the Ego to come through into the waking consciousness by preventing the thoughts which are always floating in the etheric world, and constantly bombarding the vehicles, from entering into the sleeping etheric brain and becoming mixed up with the thoughts of that etheric brain itself.

The etheric part of the brain, being the playground of the creative imagination, takes an active part in dreams, especially those caused by impressions from outside, or from any internal pressure from the cerebral vessels. Its dreams are usually dramatic, for it draws on the accumulated contents of the physical brain, and arranges, dissociates, and recombines these after its own fancies, thus creating the lower world of dream.

The best method of remaining, whilst awake, practically impervious to the impingement of thought from without is to keep the brain fully employed instead of leaving it idle, the door wide open for the streams of inconsequent chaos to pour into it.

In sleep the etheric part of the brain is of course even more at the mercy of outside thought-currents. By the means suggested above the student should be able to keep himself free from such troubles. In some cases it is not necessary to make a shell to surround the whole body, but merely a small local shield to guard oneself against a special contact.

toàn không được bảo vệ, trong khi chính y trôi đi trong một vỏ bọc cảm dục bất khả xuyên thấu, không cho phép bất cứ điều gì đi vào hay đi ra khỏi tâm thức bị giam giữ bên trong.

Việc tạo thành một vỏ bọc dĩ thái trước khi đi ngủ có thể hỗ trợ giúp các kinh nghiệm của Chân ngã đi xuyên qua vào tâm thức tỉnh thức, bằng cách ngăn những tư tưởng luôn trôi nổi trong thế giới dĩ thái và liên tục bắn phá các hiện thể đi vào bộ não dĩ thái đang ngủ và hòa lẫn với các tư tưởng của chính bộ não dĩ thái ấy.

Phần dĩ thái của bộ não, là sân chơi của Sự tưởng tượng sáng tạo, tham gia tích cực vào các giấc mơ, đặc biệt là những giấc mơ do các ấn tượng từ bên ngoài, hoặc do bất kỳ áp lực bên trong nào từ các mạch máu não gây ra. Các giấc mơ của nó thường có tính kịch, vì nó rút lấy nội dung tích lũy của bộ não hồng trần, rồi sắp xếp, phân ly và tái kết hợp chúng theo những tưởng tượng riêng của nó, do đó tạo nên thế giới thấp của giấc mơ.

Phương pháp tốt nhất để trong khi thức vẫn thực tế không bị tư tưởng từ bên ngoài va chạm vào là giữ cho bộ não được sử dụng trọn vẹn, thay vì để nó nhàn rỗi, với cánh cửa mở toang cho các dòng hỗn độn rời rạc tuôn vào.

Trong khi ngủ, phần dĩ thái của bộ não dĩ nhiên còn dễ bị chi phối hơn bởi các dòng tư tưởng bên ngoài. Bằng những phương tiện đã gợi ý ở trên, môn sinh hẳn có thể giữ mình thoát khỏi những phiền nhiễu như vậy. Trong một số trường hợp, không cần tạo một vỏ bọc bao quanh toàn bộ thể, mà chỉ cần một khiên chắn nhỏ tại chỗ để bảo vệ bản thân trước một sự tiếp xúc đặc biệt.

Thus some sensitive people suffer acutely merely shaking hands with others. In such cases a temporary shield of etheric matter may be formed, by an effort of will and imagination, which will completely protect the hand and arm from the entry of a single particle charged with undesirable magnetism.

Similar shields are used for protection against fire, though for this purpose a far greater knowledge of practical magic is needed. Such shields of etheric matter, the thinnest layer of which can be so manipulated as to be absolutely impervious to heat, may spread over the hands, the feet, or over the hot stones or other substances used in fire walking ceremonies still practised in some parts of the world. This phenomenon is occasionally seen at spiritual séances, the sitters being enabled to handle red-hot coals with impunity.

It will, of course, be recognised that the shells and shields we have been speaking about are purely etheric, and therefore have no effect in keeping off astral or mental influences, for which purpose shells of the material of those planes would have to be employed; with these, however, we are not here concerned.

Như vậy, một số người nhạy cảm chịu đau đớn dữ dội chỉ vì bắt tay với người khác. Trong những trường hợp như vậy, bằng một nỗ lực của ý chí và sự tưởng tượng, có thể tạo thành một khiên chắn tạm thời bằng chất liệu dĩ thái, hoàn toàn bảo vệ bàn tay và cánh tay khỏi sự xâm nhập của dù chỉ một hạt được nạp từ điện không đáng mong muốn.

Những khiên chắn tương tự được dùng để bảo vệ khỏi lửa, dù vì mục đích này cần có tri thức lớn hơn nhiều về huyền thuật thực hành. Những khiên chắn bằng chất liệu dĩ thái như vậy, mà lớp mỏng nhất của chúng có thể được điều khiển đến mức tuyệt đối không thấm nhiệt, có thể phủ lên bàn tay, bàn chân, hoặc phủ lên những hòn đá nóng hay các chất liệu khác được dùng trong các nghi lễ đi trên lửa vẫn còn được thực hành ở một số nơi trên thế giới. Hiện tượng này đôi khi được thấy trong các buổi gọi hồn, khi những người tham dự có thể cầm than đỏ rực mà không bị hại.

Dĩ nhiên, cần nhận ra rằng các vỏ bọc và khiên chắn mà chúng ta đang nói đến hoàn toàn là dĩ thái, và do đó không có tác dụng ngăn chặn các ảnh hưởng cảm dục hay trí tuệ; vì mục đích ấy, phải dùng các vỏ bọc bằng chất liệu của những cõi đó; tuy nhiên, ở đây chúng ta không bàn đến những điều này.

CHAPTER XX – CHƯƠNG XX

MEDIUMSHIP – ĐỒNG TỬ

A MEDIUM is an abnormally organised person in whom dislocation of the etheric and dense bodies easily occurs. The Etheric Double, when extruded, largely supplies the physical basis for “materialisations.”

Such materialised forms are usually strictly confined to the immediate neighbourhood of

Một ĐỒNG TỬ là một người có tổ chức bất thường, nơi đó sự lệch vị trí giữa thể dĩ thái và thể đậm đặc dễ xảy ra. Bản sao dĩ thái, khi bị đẩy ra ngoài, phần lớn cung cấp nền tảng hồng trần cho các sự “hiện hình”.

Những hình tượng hiện hình như vậy thường bị giới hạn nghiêm ngặt trong vùng lân cận

the medium, the matter of which they are composed being subject to an attraction which is constantly drawing it back to the body from which it came, so that if kept away from the medium too long the figure collapses, the matter which composes it instantly rushing back to its source.

Such forms are able to exist for a few moments only amidst the intense vibrations of brilliant light.

The condition of mediumship is, on the whole, dangerous, and fortunately comparatively rare: it gives rise to such nervous strain and disturbance. When the Etheric Double is extruded, the double itself is rent in twain; the whole of it could not be separated from the dense body without causing death, since the life-force, or Prâna, cannot circulate without the presence of etheric matter. Even the partial withdrawal of the double produces lethargy in the dense body and almost suspends the vital activities: this dangerous condition is usually followed by extreme exhaustion)see Chapter I., p. 5)

The terrible drain on the vitality, set up by a withdrawal of the means by which the Prâna is circulated, is the reason why mediums are so often in a state of collapse after a séance, and also why so many mediums eventually become drunkards, stimulants being taken in order to satisfy the terrible craving for support by the sudden loss of strength.

Sir William Crookes, on page 41 of his *Researches*, writes: "After witnessing the painful state of nervous and bodily prostration in which some of these experiments have left Mr. Home – after seeing him lying in almost fainting condition on the

ngay sát đồng tử; chất liệu cấu thành chúng chịu một lực hút liên tục kéo nó trở về thể mà nó xuất phát, đến nỗi nếu bị giữ xa đồng tử quá lâu, hình dạng ấy sụp đổ, và chất liệu cấu thành nó lập tức lao trở về nguồn của mình.

Những hình tượng như vậy chỉ có thể tồn tại trong vài khoảnh khắc giữa các rung động mãnh liệt của ánh sáng chói lọi.

Tình trạng đồng tử, xét toàn thể, là nguy hiểm, và may thay tương đối hiếm; nó gây nên sự căng thẳng và rối loạn thần kinh như vậy. Khi Bản sao dĩ thái bị đẩy ra ngoài, chính bản sao ấy bị xé làm đôi; toàn bộ nó không thể bị tách khỏi thể đậm đặc mà không gây ra cái chết, vì sinh lực, hay prana, không thể tuần hoàn nếu không có sự hiện diện của chất liệu dĩ thái. Ngay cả sự rút ra một phần của bản sao cũng tạo ra trạng thái hôn trầm trong thể đậm đặc và gần như đình chỉ các hoạt động sinh lực; tình trạng nguy hiểm này thường được theo sau bởi sự kiệt sức cực độ)xem Chương I., tr. 5)

Sự rút cạn khủng khiếp sinh lực, gây ra do việc rút đi phương tiện nhờ đó prana được tuần hoàn, là lý do vì sao các đồng tử thường ở trong trạng thái suy sụp sau một buổi gọi hồn, và cũng là lý do vì sao rất nhiều đồng tử cuối cùng trở thành người nghiện rượu, khi các chất kích thích được dùng để thỏa mãn cơn thèm khủng khiếp về sự nâng đỡ do sức lực đột ngột mất đi.

Sir William Crookes, ở trang 41 trong tác phẩm *Researches* của ông, viết: "Sau khi chứng kiến tình trạng đau đớn của sự suy sụp thần kinh và thể xác mà một số thí nghiệm này đã để lại nơi Ông Home — sau khi thấy ông nằm trên sàn trong tình trạng gần như ngất xỉu,

floor, pale and speechless – I could scarcely doubt that the evolution of psychic force is accompanied by a corresponding drain on vital force.”

The condition closely resembles the shock which follows a surgical operation.

At a spiritual séance a clairvoyant can see the Etheric Double oozing usually out of the left side of the medium, though sometimes from the whole surface of the body, and it is this which often appears as the “materialised spirit”, easily moulded into various shapes by the thoughts of the sitters, and gaining strength and vitality as the medium sinks into a deep trance. Usually of course, this takes place without any conscious effort on the part of the sitters: it may, however, be achieved deliberately. Thus, H.P. Blavatsky stated that during the remarkable phenomena at the Eddy homestead she deliberately moulded the “spirit” form which appeared into various likenesses, these being seen by the sitters present.

Although etheric matter, moulded into such “spirit” forms, is invisible to ordinary sight, it may nevertheless be able to affect a photographic plate, the latter being sensitive to certain wavelengths of light which leave the human eye unaffected. This is the rationale of the many cases on record where “spirit forms” have appeared on the negative of an ordinary photographic portrait.

In addition, to the matter of the Etheric Double of the medium, it frequently happens at séances that etheric matter is withdrawn also from the bodies of the sitters: hence the lassitude frequently felt by those who attend

xanh xao và không nói được — tôi hầu như không thể nghi ngờ rằng sự phát sinh mãnh lực thông linh đi kèm với một sự rút cạn tương ứng nơi sinh lực.”

Tình trạng ấy rất giống với cú sốc theo sau một cuộc phẫu thuật.

Tại một buổi gọi hồn, một nhà thông nhãn có thể thấy Bản sao dĩ thái thường rỉ ra từ phía trái của đồng tử, dù đôi khi từ toàn bộ bề mặt của thể; và chính điều này thường hiện ra như “linh hồn đã hiện hình”, dễ dàng được các tư tưởng của những người tham dự uốn nắn thành nhiều hình dạng khác nhau, và nhận thêm sức mạnh cùng sinh lực khi đồng tử chìm vào trạng thái xuất thần sâu. Thông thường, dĩ nhiên, điều này diễn ra mà những người tham dự không có nỗ lực có ý thức nào; tuy nhiên, nó có thể được thực hiện một cách cố ý. Như vậy, Bà H. P. Blavatsky đã nói rằng trong các hiện tượng đáng chú ý tại nhà Eddy, bà đã cố ý uốn nắn hình tượng “linh hồn” xuất hiện thành nhiều dung mạo khác nhau, và những người tham dự có mặt đã nhìn thấy chúng.

Dù chất liệu dĩ thái, được uốn nắn thành những hình tượng “linh hồn” như vậy, là vô hình đối với thị giác thông thường, tuy nhiên nó vẫn có thể tác động lên bản kính nhiếp ảnh, vì bản kính này nhạy với một số bước sóng ánh sáng không tác động lên mắt người. Đây là lý do của nhiều trường hợp được ghi nhận, trong đó các “hình tượng linh hồn” đã xuất hiện trên phim âm bản của một chân dung nhiếp ảnh thông thường.

Ngoài chất liệu thuộc Bản sao dĩ thái của đồng tử, trong các buổi gọi hồn, chất liệu dĩ thái cũng thường bị rút ra từ thể của những người tham dự; do đó mới có sự uể oải thường được những người dự các buổi gọi hồn như vậy cảm

such séances.

It is only in conditions of perfect passivity that much matter can be withdrawn from the physical body without danger to life. Although the medium is usually conscious all the time in the background, yet any attempt to assert the individuality, or to think connectedly, immediately weakens the materialised form, or brings it back to the “cabinet.” A sudden shock or disturbance, or any attempt to seize the “spirit form” is apt to be in the highest degree dangerous and may even result in death.

In addition to the extrusion of etheric matter, in many cases the dense physical matter, probably chiefly gases and liquids, is also removed at the same time from the body of the medium. Many cases are on record where, during a materialisation, the body of the medium shrivelled perceptibly, the shrunken, wizened appearance of the face being said to be singularly ghastly and unpleasant to see. By actual weighing, the physical body of the medium has been found to be as much as 40 pounds less than normal, whilst the weight of the materialised form has been found to be at least as much as the diminution of the medium’s weight, and usually more than this, presumably owing to the extraction of some dense matter from the bodies of the sitters. In one well known case a materialised form carried the diminished body of the medium – Mr. Eglington.

To an astral entity, who wishes to “manifest” himself or to produce some phenomenon on the physical plane, a medium serves the purpose of providing the necessary etheric matter, which acts as an intermediary to convey the astral forces into physical matter.

thấy.

Chỉ trong những điều kiện hoàn toàn thụ động, nhiều chất liệu mới có thể được rút khỏi thể xác mà không nguy hiểm đến sự sống. Dù đồng tử thường vẫn có ý thức suốt thời gian ấy ở hậu cảnh, tuy nhiên bất kỳ nỗ lực nào nhằm khẳng định cá tính, hoặc suy nghĩ một cách mạch lạc, đều lập tức làm suy yếu hình tượng đã hiện hình, hoặc kéo nó trở lại “phòng kín”. Một cú sốc hay sự xáo trộn đột ngột, hoặc bất kỳ nỗ lực nào nhằm nắm lấy “hình tượng linh hồn”, đều dễ trở nên nguy hiểm ở mức cao nhất và thậm chí có thể dẫn đến tử vong.

Ngoài sự đẩy chất liệu dĩ thái ra ngoài, trong nhiều trường hợp, vật chất hồng trần đậm đặc, có lẽ chủ yếu là khí và chất lỏng, cũng đồng thời bị lấy ra khỏi thể của đồng tử. Có nhiều trường hợp được ghi nhận trong đó, trong khi hiện hình, thể của đồng tử co rút rõ rệt; diện mạo teo tóp, nhăn nheo của khuôn mặt được nói là đặc biệt ghê rợn và khó nhìn. Qua việc cân đo thực tế, người ta thấy thể xác của đồng tử có thể nhẹ hơn bình thường đến 40 pao, trong khi trọng lượng của hình tượng đã hiện hình ít nhất bằng mức giảm trọng lượng của đồng tử, và thường còn hơn thế, có lẽ do việc rút một số vật chất đậm đặc từ thể của những người tham dự. Trong một trường hợp nổi tiếng, một hình tượng đã hiện hình đã bé thể bị suy giảm của đồng tử — Ông Eglington.

Đối với một thực thể cảm dục muốn “biểu hiện” chính mình hoặc tạo ra một hiện tượng nào đó trên cõi hồng trần, đồng tử phục vụ mục đích cung cấp chất liệu dĩ thái cần thiết, vốn hoạt động như một trung gian để chuyển các mãnh lực cảm dục vào vật chất hồng trần.

A somewhat similar process takes place when a dead drunkard, hovering about a gin-shop, draws round himself a veil of etheric matter, in order that he may absorb the odour of the alcohol for which he craves. Being unable to smell alcohol in the same way as we do, he tries to induce others to become drunk, so that he may be able partially to enter their physical bodies and obsess them, thus once more directly experiencing the taste and other sensations he so ardently desires.

Sometimes only sufficient etheric is withdrawn from a medium to produce an etheric hand, or even just sufficient of the fingers to hold a pencil and write, or to enable “raps” to be made, objects to be overturned or moved, and so forth. Usually, etheric matter, as well as dense physical matter, is withdrawn from the medium and utilised so as to cover an astral shape just sufficiently to make the latter visible to the sitters, the form seen thus not being solid but merely a thin film.

“Spirit” drapery, however, so usual at séances, is frequently made from the clothing of the medium or of a sitter. The texture may be quite coarse, or exceedingly fine, finer in fact than any product of Eastern looms. Occasionally such drapery may be removed from the séance room, sometimes lasting for years, at other times fading away in an hour or so, or even in a few minutes.

There can be no question that, except possibly in very rare cases, and where every possible precaution is taken, the practise of mediumship is harmful, and may be exceedingly dangerous. Nevertheless, it must be admitted that by its means large numbers of people have acquired knowledge of, or

Một tiến trình phần nào tương tự diễn ra khi một người nghiện rượu đã chết, lảng vảng quanh một quán rượu gin, kéo quanh mình một màn che bằng chất liệu dĩ thái, để y có thể hấp thụ mùi rượu mà y thêm khát. Vì không thể ngửi rượu theo cùng cách như chúng ta, y cố gắng xúi giục người khác say rượu, để y có thể phần nào đi vào thể xác của họ và ám ảnh họ, nhờ đó một lần nữa trực tiếp trải nghiệm vị và các cảm giác khác mà y khao khát mãnh liệt.

Đôi khi chỉ có đủ chất liệu dĩ thái được rút ra khỏi một đồng tử để tạo ra một bàn tay dĩ thái, hoặc thậm chí chỉ đủ các ngón tay để cầm bút chì và viết, hoặc để khiến các tiếng “gõ” được tạo ra, đồ vật bị lật đổ hay di chuyển, v.v. Thông thường, chất liệu dĩ thái, cũng như vật chất hồng trần đậm đặc, được rút ra khỏi đồng tử và sử dụng để phủ lên một hình dạng cảm dục vừa đủ khiến hình dạng ấy trở nên thấy được đối với những người tham dự; hình tướng được thấy như vậy không phải là khối đặc mà chỉ là một màng mỏng.

Tuy nhiên, các màn phủ “linh hồn”, rất thường thấy trong các buổi gọi hồn, thường được làm từ y phục của đồng tử hoặc của một người tham dự. Kết cấu có thể khá thô, hoặc cực kỳ mịn, thật ra còn mịn hơn bất kỳ sản phẩm nào của các khung dệt phương Đông. Đôi khi màn phủ như vậy có thể được mang ra khỏi phòng gọi hồn; có lúc tồn tại trong nhiều năm, có lúc phai biến trong khoảng một giờ, hoặc thậm chí chỉ trong vài phút.

Không thể nghi ngờ rằng, ngoại trừ có lẽ trong những trường hợp rất hiếm và khi mọi biện pháp phòng ngừa có thể đều được thực hiện, việc thực hành đồng tử là có hại và có thể cực kỳ nguy hiểm. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng nhờ phương tiện ấy, rất nhiều người đã đạt được tri thức về, hoặc niềm tin vào, thực

belief in, the reality of the unseen world and of the continuance of life after death. On the other hand, it may be urged that such knowledge or such belief could have been secured in other and less harmful ways.

A trained occultist, for example, connected with any school of “white magic”, would never interfere with the Etheric Double of any man in order to produce a materialisation; nor would he disturb his own if he wished to make himself visible at a distance. He would simply condense and build into and around his astral body a sufficient quantity of the surrounding ether to materialise it, and hold it in that form by an effort of will as long as he needed it.

Most “spirit guides” are well aware of the dangers to which their mediums are exposed, and take every precaution in their power to protect the mediums. Even the “spirits” themselves may occasionally suffer when, for example, a materialised form is struck or wounded, owing to the intimate connection established between the etheric matter of the materialised form and the astral matter of the “spirit’s body.”

It is of course, true that no physical weapon could affect an astral body, but an injury to a materialised form may be transmitted to the astral body by the phenomenon known as “repercussion.”

Owing to the fact that during a materialisation matter may be borrowed from all the sitters present as well as from the medium, a considerable intermixture of such matter may take place, and consequently undesirable qualities or vices in any one of

tại của thế giới vô hình và sự tiếp tục của sự sống sau khi chết. Mặt khác, có thể lập luận rằng tri thức hay niềm tin như vậy lẽ ra đã có thể đạt được bằng những cách khác ít gây hại hơn.

Chẳng hạn, một nhà huyền bí học lão luyện, liên hệ với bất cứ trường phái “chánh thuật” nào, sẽ không bao giờ can thiệp vào Bản sao dĩ thái của bất kỳ người nào để tạo ra một sự hiện hình; Ngài cũng sẽ không làm xáo trộn bản sao của chính Ngài nếu Ngài muốn làm cho mình hiện ra ở một nơi xa. Ngài chỉ đơn giản cô đặc và xây dựng vào trong cũng như quanh thể cảm dục của mình một lượng dĩ thái chung quanh vừa đủ để làm nó hiện hình, rồi giữ nó trong hình tướng ấy bằng một nỗ lực của ý chí bao lâu Ngài cần.

Hầu hết các “hướng dẫn linh hồn” đều biết rõ những nguy hiểm mà các đồng tử của họ phải đối diện, và thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa trong khả năng của họ để bảo vệ các đồng tử. Ngay cả chính các “linh hồn” đôi khi cũng có thể chịu đau đớn khi, chẳng hạn, một hình tướng đã hiện hình bị đánh hoặc bị thương, do mối liên hệ mật thiết đã được thiết lập giữa chất liệu dĩ thái của hình tướng đã hiện hình và chất liệu cảm dục của “thể linh hồn”.

Dĩ nhiên, đúng là không vũ khí hồng trần nào có thể tác động đến một thể cảm dục, nhưng một thương tổn đối với một hình tướng đã hiện hình có thể được truyền sang thể cảm dục qua hiện tượng được gọi là “phản chấn”.

Do sự kiện rằng trong một sự hiện hình, chất liệu có thể được vay mượn từ tất cả những người tham dự có mặt cũng như từ đồng tử, nên có thể xảy ra sự pha trộn đáng kể các chất liệu ấy; và do đó, những phẩm tính không đáng mong muốn hoặc các thói xấu nơi bất kỳ

the sitters are liable to react upon the others and most of all upon the medium, who is most drawn upon and is almost certainly the most sensitive person present. Nicotine and alcohol poisoning appear to be especially liable to produce unpleasant effects in this manner.

Mediums of low type inevitably attract eminently undesirable astral entities, who may reinforce their own vitality at the expense of mediums and sitters. Such a “spook” may even attach itself to any one present, who is of low development, with deplorable results.

Cases are known where some outside entity, either incarnate or ex-carnate, has seized upon the body of a sleeping man and used it, perhaps in sleepwalking, for his own ends. This would be most likely to happen with a person who is mediumistic.

người tham dự nào cũng có khả năng phản ứng lên những người khác, và hơn hết lên đồng tử, là người bị rút lấy nhiều nhất và hầu như chắc chắn là người nhạy cảm nhất có mặt. Sự nhiễm độc nicotine và rượu đường như đặc biệt dễ gây ra các tác động khó chịu theo cách này.

Các đồng tử thuộc loại thấp tất yếu thu hút những thực thể cảm dục hết sức không đáng mong muốn, chúng có thể củng cố sinh lực của chính mình bằng cách tổn hao sinh lực của các đồng tử và những người tham dự. Một “bóng ma” như vậy thậm chí có thể bám vào bất cứ ai có mặt thuộc mức phát triển thấp, với những kết quả đáng tiếc.

Người ta biết có những trường hợp một thực thể bên ngoài nào đó, hoặc đang nhập thể hoặc đã ra khỏi xác, đã chiếm lấy thể của một người đang ngủ và sử dụng nó, có lẽ trong trạng thái mộng du, cho các mục đích riêng của y. Điều này rất dễ xảy ra nhất với một người có tính đồng tử.

CHAPTER XXI – CHƯƠNG XXI

THE WORK OF DR. WALTER J. KILNER – CÔNG TRÌNH CỦA BÁC SĨ WALTER J. KILNER

In the book called *The Human Atmosphere* (1911), Dr. W.J.Kilner describes the investigations he has made on the human aura by means of coloured screens. Dr. Kilner's main principles and discoveries are summarised in this chapter. For further details, especially of the manner of using the screens, the reader is referred to the book mentioned.

It is interesting to note that Dr. Kilner expressly disclaims all clairvoyant power and

Trong quyển sách mang tên *Bầu Khí Quyển Con Người* (1911), Bác sĩ W. J. Kilner mô tả các khảo sát mà ông đã thực hiện về hào quang con người bằng các màn màu. Những nguyên lý và khám phá chính của Bác sĩ Kilner được tóm lược trong chương này. Để biết thêm chi tiết, đặc biệt về cách sử dụng các màn ấy, độc giả được giới thiệu đến quyển sách đã nêu.

Điều thú vị cần lưu ý là Bác sĩ Kilner minh nhiên phủ nhận mọi năng lực thông nhãn và

did not even read accounts of the aura until over sixty of his patients had been examined. He claims that his methods are purely physical and can be employed with success by any one who takes the necessary pains.

The screens are thin, flat glass cells, containing dicyanin dyes in alcohol. Various colours are employed, for different purposes, such as dark and light carmine, blue, green and yellow.

The operator looks through a dark screen at the light for half a minute or longer, and then at the patient through a pale screen, when he finds he is able to perceive the aura. Use of the screens appears to affect the eyes, at first temporarily and later permanently, so that after a time the operator is able to perceive the aura even without the screens. Great care, however, is advised in using the screens, as the eyes tend to become very painful.

A dull diffused light, from one direction only, preferably from behind the observer, should be used, generally sufficient to enable the body to be seen distinctly. A dead black background is usually necessary, though for some observations a white one is required. The person being observed, should be about 12 inches in front of the background, to avoid shadows and other optical illusions.

In addition to the coloured screens, Dr. Kilner has employed another ingenious method of investigating the aura, which he terms that of Complimentary Colours. A band of colour, 2 inches by $\frac{3}{4}$ in., fairly well illuminated, is looked at steadily for thirty to sixty seconds. This has the effect of fatiguing the powers of the eye to perceive that particular colour, and in addition, the eyes are found to become

thậm chí đã không đọc các tường thuật về hào quang cho đến khi hơn sáu mươi bệnh nhân của ông được khám xét. Ông khẳng định rằng các phương pháp của mình hoàn toàn là hồng trần và có thể được bất cứ ai chịu khó cần thiết sử dụng thành công.

Các màn là những ô kính mỏng, phẳng, chứa thuốc nhuộm dicyanin trong cồn. Nhiều màu khác nhau được dùng cho các mục đích khác nhau, như carmine đậm và nhạt, xanh lam, xanh lục và vàng.

Người thao tác nhìn qua một màn tối vào ánh sáng trong nửa phút hoặc lâu hơn, rồi nhìn bệnh nhân qua một màn nhạt, khi đó ông thấy mình có thể nhận thấy hào quang. Việc sử dụng các màn dường như tác động lên mắt, lúc đầu tạm thời và về sau lâu dài, đến nỗi sau một thời gian người thao tác có thể nhận thấy hào quang ngay cả khi không có các màn. Tuy nhiên, cần hết sức cẩn trọng khi sử dụng các màn, vì mắt có khuynh hướng trở nên rất đau.

Nên dùng một ánh sáng mờ khuếch tán, chỉ từ một hướng, tốt nhất là từ phía sau người quan sát, thường đủ để thể được nhìn thấy rõ ràng. Một nền đen chết thường là cần thiết, dù đối với một số quan sát, cần có nền trắng. Người được quan sát nên đứng cách nền khoảng 12 inch, để tránh bóng và các ảo giác quang học khác.

Ngoài các màn màu, Bác sĩ Kilner còn sử dụng một phương pháp khéo léo khác để khảo sát hào quang, mà ông gọi là phương pháp Màu Bổ Túc. Một dải màu, kích thước 2 inch x $\frac{3}{4}$ inch, được chiếu sáng khá tốt, được nhìn chăm chú trong ba mươi đến sáu mươi giây. Điều này có tác dụng làm mỏi năng lực của mắt trong việc nhận thấy màu đặc thù ấy, và thêm vào đó, người ta thấy mắt trở nên nhạy

abnormally sensitive to other colours. When then, the gaze is transferred to the patient, a belt or band of complimentary colour is seen, the same size and shape as the original strip: this “spectre” persists for some little time. In practice it is found that colour changes in the auras produce the effect of changing the appearance of the C.C. band. By this means, in skilful hands, a number of facts about the aura can be ascertained, which, by means of the screens alone, would remain undetected. The colours employed by Dr. Kilner are: -

1. Gamboge having a C.C. Prussian Blue
2. Antwerp Blue having a C.C. Gamboge
3. Carmine having a C.C. Transparent Emerald green
4. Emerald Green having a C.C. Carmine

The aura is observed to consist of three distinct parts, called by Dr. Kilner:-

1. The Etheric Double
2. The Inner Aura
3. The Outer Aura

The *Etheric Double* appears through the screens as a dark band adjacent to and following exactly the contours of the body. Its width is uniform throughout and is usually from 1/16th to 3/16th 's of an inch. It varies in size with different people, and also with the same person under altered conditions. It appears to be quite transparent and distinctly striated, with very delicate lines of a beautiful rose colour, these appearing to tint the portions between the striations. The rose

cảm bất thường với các màu khác. Khi đó, khi ánh nhìn được chuyển sang bệnh nhân, một đai hay dải màu bổ túc được thấy, có cùng kích thước và hình dạng như dải ban đầu; “bóng ảnh” này tồn tại trong một thời gian ngắn. Trong thực hành, người ta thấy các biến đổi màu trong hào quang tạo ra hiệu ứng làm thay đổi vẻ ngoài của dải màu bổ túc. Bằng phương tiện này, trong những bàn tay khéo léo, có thể xác định một số sự kiện về hào quang mà nếu chỉ dùng các màn thì vẫn không phát hiện được. Các màu được Bác sĩ Kilner sử dụng là: -

1. Gamboge có màu bổ túc là Xanh Phổ
2. Xanh Antwerp có màu bổ túc là Gamboge
3. Carmine có màu bổ túc là Xanh ngọc lục bảo trong suốt
4. Xanh ngọc lục bảo có màu bổ túc là Carmine

Hào quang được quan sát gồm ba phần riêng biệt, được Bác sĩ Kilner gọi là:-

1. Bản sao dĩ thái
2. Hào quang Bên trong
3. Hào quang Bên ngoài

Bản sao dĩ thái hiện ra qua các màn như một dải tối sát liền và theo đúng các đường viền của thể. Bề rộng của nó đồng đều khắp nơi và thường từ 1/16th đến 3/16th inch. Nó thay đổi kích thước nơi những người khác nhau, và cũng nơi cùng một người trong các điều kiện đã biến đổi. Nó dường như khá trong suốt và có vân rõ rệt, với những đường rất mảnh màu hồng đẹp đẽ, những đường này dường như nhuộm màu các phần nằm giữa các vân. Màu hồng chắc chắn chứa nhiều xanh lam hơn

colour certainly contains more blue than there is carmine. It seems probable that the lines are self-luminous. Up to the present no attributes or changes in the Etheric Double have been found which are likely to be a help in diagnosis.

The *Inner Aura* commences from the outer edge of the Etheric Double, though frequently it appears to touch the body itself. It is usually of a uniform width of 2 to 4 inches throughout, though sometimes slightly narrower down the limbs, and follows the contours of the body. It is relatively wider in children than in adults. Its structure is granular, the granules being exceedingly fine and so arranged as to appear striated. The striæ are parallel to one another, being at right angles to the body, and in bundles, the longest in the centre and the shortest on the outside, with a rounded margin. The bundles are massed together, thus creating a crenated outline of the aura. The striæ have not been observed to possess any colour. In ill-health they are less apparent.

The *Inner Aura* is the densest portion of the aura proper. It is usually more distinctly marked and broader in persons in robust physical health.

The *Outer Aura* commences from the outer edge of the Inner Aura and, unlike the Inner Aura, varies in size considerably. Round the head it extends usually about 2 inches beyond the shoulders: by the sides and back of the trunk it is about 4 or 5 inches wide, in front of the body it is a little narrower. It follows closely the contours of the body, being sometimes a little narrower down the lower limbs. Around the arms it corresponds to that encircling the legs, but is generally broader round the hands and frequently

carmine. Có vẻ có khả năng là các đường ấy tự phát sáng. Cho đến hiện nay, chưa tìm thấy thuộc tính hay biến đổi nào trong Bản sao dĩ thái có khả năng giúp ích cho chẩn đoán.

Hào quang Bên trong bắt đầu từ mép ngoài của Bản sao dĩ thái, dù thường nó dường như chạm vào chính thể. Nó thường có bề rộng đồng đều từ 2 đến 4 inch khắp nơi, dù đôi khi hơi hẹp hơn dọc theo các chi, và theo các đường viền của thể. Nó tương đối rộng hơn ở trẻ em so với người lớn. Cấu trúc của nó có dạng hạt, các hạt cực kỳ mịn và được sắp xếp sao cho trông như có vân. Các vân song song với nhau, vuông góc với thể, và hợp thành các bó, dài nhất ở trung tâm và ngắn nhất ở bên ngoài, với một bờ mép tròn. Các bó được gom lại với nhau, do đó tạo nên một đường viền khía răng cưa của hào quang. Các vân chưa được quan sát thấy có bất kỳ màu nào. Khi sức khỏe kém, chúng kém rõ hơn.

Hào quang Bên trong là phần đậm đặc nhất của hào quang đúng nghĩa. Nó thường được đánh dấu rõ ràng hơn và rộng hơn ở những người có sức khỏe thể chất cường tráng.

Hào quang Bên ngoài bắt đầu từ mép ngoài của Hào quang Bên trong và, không giống Hào quang Bên trong, thay đổi kích thước đáng kể. Quanh đầu, nó thường mở rộng khoảng 2 inch vượt quá vai; ở hai bên và phía sau thân mình, nó rộng khoảng 4 hoặc 5 inch; phía trước thể thì hơi hẹp hơn. Nó theo sát các đường viền của thể, đôi khi hơi hẹp hơn dọc theo các chi dưới. Quanh cánh tay, nó tương ứng với phần bao quanh chân, nhưng thường rộng hơn quanh bàn tay và thường nhô ra khá xa khỏi đầu ngón tay. Đường viền không

projects a long distance from the finger tips. The outline is not absolutely sharp, but gradually vanishes into space. The Outer Aura appears structureless and non-luminous. The inner portion of the Outer Aura has larger granules than the outer portions, the different sizes graduating imperceptibly into one another.

The auras of boys and girls up to the age of about twelve or thirteen appear similar except that the texture of the female aura is usually finer than that of the male. From adolescence onwards the male and female auras become distinctive: in both, however, considerable peculiarities occur. The female aura is usually much wider at the sides of the body, the maximum width being at the waist, and it is also wider at the back than at the front, the widest part being at the small of the back, where frequently it bulges out.

Dr. Kilner considers that a form approximating to an egg-shaped oval is the most perfect, deviations from this being due to undevelopment. Fineness and transparency may be considered indications of a higher type of aura.

Children have auras relatively broader in proportion to their height than adults. Children also, especially males, have an Inner Aura almost as wide as the Outer, so that it may be difficult to differentiate the two.

Persons of intelligence usually have larger auras than those of low intellect. This is especially marked round the head. The more grey there is in the aura, the more dull or mentally affected is the owner.

Sometimes an exceedingly faint haze can be

tuyệt đối sắc nét, mà dần dần biến mất vào không gian. Hào quang Bên ngoài dường như không có cấu trúc và không phát sáng. Phần bên trong của Hào quang Bên ngoài có các hạt lớn hơn phần bên ngoài, các kích thước khác nhau chuyển tiếp vào nhau một cách không nhận ra được.

Hào quang của bé trai và bé gái cho đến khoảng mười hai hoặc mười ba tuổi dường như tương tự nhau, ngoại trừ kết cấu hào quang nữ thường mịn hơn hào quang nam. Từ tuổi dậy thì trở đi, hào quang nam và nữ trở nên khác biệt; tuy nhiên, ở cả hai đều có những đặc thù đáng kể. Hào quang nữ thường rộng hơn nhiều ở hai bên thể, bề rộng tối đa ở eo, và cũng rộng hơn ở phía sau so với phía trước, phần rộng nhất nằm ở vùng thắt lưng, nơi nó thường phồng ra.

Bác sĩ Kilner cho rằng một hình dạng gần với hình bầu dục như quả trứng là hoàn hảo nhất; những sai lệch khỏi dạng này là do sự chưa phát triển. Độ mịn và tính trong suốt có thể được xem là các dấu hiệu của một loại hào quang cao hơn.

Trẻ em có hào quang tương đối rộng hơn so với chiều cao của chúng so với người lớn. Trẻ em, đặc biệt là bé trai, cũng có Hào quang Bên trong gần như rộng bằng Hào quang Bên ngoài, đến nỗi có thể khó phân biệt hai phần này.

Những người có trí tuệ thường có hào quang lớn hơn những người có trí năng thấp. Điều này đặc biệt rõ quanh đầu. Hào quang càng có nhiều màu xám, chủ nhân càng trì độn hoặc càng bị ảnh hưởng về trí tuệ.

Đôi khi có thể thấy một làn sương cực kỳ mờ

seen extending outwards a very long distance beyond the Outer Aura. This has been observed only where the aura is unusually extensive, and it appears probable that it is a continuation of the Outer Aura. Dr. Kilner calls this the Ultra Outer Aura.

Bright patches, rays or streams have been observed, emanating from various parts of the body. Sometimes they appear and disappear rapidly, at other times they persist. Patches never seem to be coloured: rays are usually colourless, though occasionally tinted with different hues. Where they occur the aura usually becomes denser.

There are three varieties:-

First: - Rays or Patches, lighter than the surrounding aura, entirely separated from but close to the body, appearing in and enveloped by the aura itself. In their most common form they are elongated, their long axes parallel with the body. Their sides are usually distinct, exactly coincident with the edge of the Inner Aura, but the ends, usually contracted and less bright, often fade into the adjacent aura.

The Inner Aura within the Ray usually, but not always, loses its striated appearance, and becomes granular. The longer the Ray persists the coarser become the granules.

Second:- Rays emanating from one part of the body and running to another part, not very distant. These Rays are usually the most brilliant. They may be perceived running, e.g., from the body to an arm, or, if the arm be bent, from the armpit to the wrist.

If the observer holds his hand near the

kéo dài ra ngoài một khoảng rất xa vượt quá Hào quang Bên ngoài. Điều này chỉ được quan sát thấy khi hào quang rộng bất thường, và có vẻ có khả năng đó là sự tiếp nối của Hào quang Bên ngoài. Bác sĩ Kilner gọi đây là Hào quang Siêu Ngoài.

Những mảng sáng, tia sáng hoặc dòng sáng đã được quan sát thấy xuất lộ từ nhiều phần khác nhau của thể. Đôi khi chúng xuất hiện và biến mất nhanh chóng, lúc khác chúng tồn tại lâu hơn. Các mảng dường như không bao giờ có màu; các tia thường không màu, dù đôi khi được nhuộm bằng các sắc thái khác nhau. Nơi chúng xuất hiện, hào quang thường trở nên đậm đặc hơn.

Có ba loại:-

Thứ nhất: - Các tia hoặc mảng, sáng hơn hào quang chung quanh, hoàn toàn tách khỏi thể nhưng ở gần thể, xuất hiện trong và được chính hào quang bao bọc. Ở dạng phổ biến nhất, chúng kéo dài, với trục dài song song với thể. Các cạnh của chúng thường rõ rệt, trùng khớp chính xác với mép của Hào quang Bên trong, nhưng các đầu, thường co lại và kém sáng hơn, hay phai vào hào quang kế cận.

Hào quang Bên trong nằm trong Tia thường, nhưng không phải luôn luôn, mất vẻ có vân và trở nên có dạng hạt. Tia càng tồn tại lâu, các hạt càng trở nên thô hơn.

Thứ hai:- Các tia xuất lộ từ một phần của thể và chạy đến một phần khác không xa lắm. Các Tia này thường rực rỡ nhất. Chẳng hạn, người ta có thể nhận thấy chúng chạy từ thân mình đến một cánh tay, hoặc nếu cánh tay gập lại, từ nách đến cổ tay.

Nếu người quan sát giữ tay mình gần bẹn

patient, the auras of both almost invariably become brighter locally, and in a short time a complete Ray will be formed between the hand and the nearest part of the patient. Such Rays are formed more easily between points than between surfaces.

In one instance a Ray from the hand of one person to that of another was a bright yellow, changing to a liquid ruby colour.

Third:- Rays projecting at right angles from the body into space, brighter than and as far as, or even beyond, the Outer Aura. The sides of the Rays are usually, though not always, parallel, and rarely fan-shaped; the ends become pointed and fade away, especially when issuing from the tips of the fingers.

Rays have never been observed other than straight. Their normal direction is perpendicular to the body, but they may take any direction, as, for example, when flowing from the tips of the fingers of one person to those of another.

In addition to the bluish-grey colour, red and yellow have been observed to tinge Rays. The facts that their structure resembles that of the Inner Aura, and that they have never been observed to diminish the adjacent Outer Aura, either in density or brightness, justify the conclusion that the Rays and the Inner Aura have a common origin – the body, and that therefore a Ray is merely an extended bundle of striæ of the Inner Aura.

Dr. Kilner has found also that, under similar conditions, though with more difficulty, he was able to perceive a haze or Aura surrounding magnets, particularly the poles,

nhân, hào quang của cả hai hầu như luôn trở nên sáng hơn tại chỗ, và trong một thời gian ngắn một Tia hoàn chỉnh sẽ được tạo thành giữa bàn tay và phần gần nhất của bệnh nhân. Những Tia như vậy được tạo thành dễ hơn giữa các điểm so với giữa các bề mặt.

Trong một trường hợp, một Tia từ bàn tay của một người đến bàn tay của người khác có màu vàng sáng, chuyển thành màu hồng ngọc lỏng.

Thứ ba:- Các tia phóng ra vuông góc từ thể vào không gian, sáng hơn và vươn xa bằng, hoặc thậm chí vượt quá, Hào quang Bên ngoài. Các cạnh của Tia thường, dù không phải luôn luôn, song song, và hiếm khi có hình nan quạt; các đầu trở nên nhọn và phai mất, đặc biệt khi phát ra từ đầu ngón tay.

Các Tia chưa bao giờ được quan sát thấy là gì khác ngoài đường thẳng. Hướng bình thường của chúng là vuông góc với thể, nhưng chúng có thể đi theo bất kỳ hướng nào, như chẳng hạn khi chảy từ đầu ngón tay của một người sang đầu ngón tay của người khác.

Ngoài màu xám xanh lam, người ta đã quan sát thấy màu đỏ và vàng nhuộm sắc cho các Tia. Các sự kiện rằng cấu trúc của chúng giống với cấu trúc của Hào quang Bên trong, và rằng chúng chưa bao giờ được quan sát thấy làm giảm Hào quang Bên ngoài kế cận, dù về độ đậm đặc hay độ sáng, biện minh cho kết luận rằng các Tia và Hào quang Bên trong có một nguồn gốc chung — thể, và do đó một Tia chỉ là một bó vân kéo dài của Hào quang Bên trong.

Bác sĩ Kilner cũng phát hiện rằng, trong các điều kiện tương tự, dù khó khăn hơn, ông có thể nhận thấy một làn sương hay Hào quang bao quanh các nam châm, đặc biệt là các cực,

having a bluish colour: a yellow Aura round a crystal of uranium nitrate; a bluish Aura around the poles of galvanic cells, around any conductor joining the poles, and in the space between two wires connected each to one of the poles and to one another.

From the facts (1) that the Inner Aura has a striated structure, whilst the Outer Aura is entirely nebulous; (2) that the Inner Aura has a fairly well-marked border, that of the Outer Aura being ill-defined; (3) that the outer margin of the Inner Aura is crenated, but that of the Outer Aura does not in any way correspond; (4) that Rays proceed from the Inner Aura but in no case have been observed to commence in the Outer Aura and pass through to the Inner Aura – Dr. Kilner concludes (1) that the Outer Aura is most probably derived from the Inner; and (2) that the two Auras are most probably not the product of one and the same force.

Dr. Kilner thus posits (1) No. 1 Auric Force (for short 1 AF) which originates the Inner Aura, and (2) No. 2 Auric Force (2 AF), which originates the Outer Aura. 1AF acts apparently very intensely within a prescribed area. Through local increase of force, rays may be projected consciously by an effort of will. 2AF is more mobile and has a wider range of action than 1AF. It appears to be entirely independent of the will.

Different states of health, general or local, act on the forces, and through them on the Auras, though not necessarily in the same manner on both Inner and Outer Auras.

có màu xanh lam; một Hào quang màu vàng quanh một tinh thể nitrat uranium; một Hào quang xanh lam quanh các cực của pin điện, quanh bất kỳ dây dẫn nào nối các cực, và trong khoảng không giữa hai dây được nối mỗi dây với một trong các cực và với nhau.

Từ các sự kiện (1) rằng Hào quang Bên trong có cấu trúc có vân, trong khi Hào quang Bên ngoài hoàn toàn mờ sương; (2) rằng Hào quang Bên trong có một bờ khá rõ, còn bờ của Hào quang Bên ngoài thì không xác định; (3) rằng rìa ngoài của Hào quang Bên trong có khía răng cưa, nhưng rìa của Hào quang Bên ngoài thì không tương ứng theo bất cứ cách nào; (4) rằng các Tia phát xuất từ Hào quang Bên trong, nhưng trong không trường hợp nào được quan sát thấy bắt đầu trong Hào quang Bên ngoài rồi đi xuyên vào Hào quang Bên trong — Bác sĩ Kilner kết luận (1) rằng Hào quang Bên ngoài rất có thể phát sinh từ Hào quang Bên trong; và (2) rằng hai Hào quang rất có thể không phải là sản phẩm của cùng một mãnh lực duy nhất.

Do đó Bác sĩ Kilner giả định (1) Mãnh lực Hào quang số 1, gọi tắt là 1 AF, vốn tạo ra Hào quang Bên trong, và (2) Mãnh lực Hào quang số 2, hay 2 AF, vốn tạo ra Hào quang Bên ngoài. 1AF dường như tác động rất mãnh liệt trong một vùng được quy định. Thông qua sự gia tăng mãnh lực tại chỗ, các tia có thể được phóng chiếu một cách có ý thức bằng một nỗ lực của ý chí. 2AF linh động hơn và có phạm vi tác động rộng hơn 1AF. Nó dường như hoàn toàn độc lập với ý chí.

Các trạng thái sức khỏe khác nhau, tổng quát hoặc cục bộ, tác động lên các mãnh lực, và thông qua chúng tác động lên các Hào quang, dù không nhất thiết theo cùng một cách trên cả Hào quang Bên trong lẫn Hào quang Bên ngoài.

A local affection may cause all the striæ to disappear from the Inner aura, the latter becoming more opaque and dense, and changing its colour; it may also appear roughly rayed, in a manner quite different from the fine striæ of health; or it may form a space devoid of the Inner Aura.

An affection over a large portion of the body may make the Inner Aura narrower on one side of the body than on the other; this is accompanied by an alteration of texture in the Inner Aura and often also the colour.

Variations in the Outer Aura, consequent upon 2AF, are less than is the case with the Inner Aura. The width may contract, but never quite disappear, and the colour may change. A change over a large area of the body may completely alter the shape of the Outer Aura. The Outer Aura may become narrower, the Inner Aura being unaffected; but if the Inner shrinks, the Outer does also.

Changes in the Auras may be produced by disease. In hysteria, the Outer Aura is wider at the sides of the trunk: its width contracts suddenly near the pubes; a bulge occurs at the back in the lumbar region.

In epilepsy, one side of both Inner and Outer Auras for their whole length is usually contracted: the Inner Aura becomes opaque, the texture coarser, and striation diminishes or disappears. The colour is usually grey.

A contraction of the Inner Aura invariably implies a grave malady. Occasionally an

Một bệnh trạng cục bộ có thể khiến tất cả các vân biến mất khỏi Hào quang Bên trong, khiến Hào quang này trở nên đục hơn và đậm đặc hơn, đồng thời đổi màu; nó cũng có thể hiện ra với các tia thô, theo một cách hoàn toàn khác với các vân mảnh của sức khỏe; hoặc nó có thể tạo thành một khoảng trống không có Hào quang Bên trong.

Một bệnh trạng trên một phần lớn của thể có thể khiến Hào quang Bên trong ở một bên thể hẹp hơn bên kia; điều này đi kèm với sự thay đổi kết cấu trong Hào quang Bên trong và thường cả màu sắc nữa.

Những biến đổi trong Hào quang Bên ngoài, do 2AF gây ra, ít hơn so với trường hợp của Hào quang Bên trong. Bề rộng có thể co lại, nhưng không bao giờ hoàn toàn biến mất, và màu sắc có thể thay đổi. Một biến đổi trên một vùng rộng của thể có thể làm thay đổi hoàn toàn hình dạng của Hào quang Bên ngoài. Hào quang Bên ngoài có thể trở nên hẹp hơn trong khi Hào quang Bên trong không bị ảnh hưởng; nhưng nếu Hào quang Bên trong co lại, Hào quang Bên ngoài cũng co theo.

Các biến đổi trong Hào quang có thể do bệnh tật tạo ra. Trong chứng cuồng loạn, Hào quang Bên ngoài rộng hơn ở hai bên thân mình; bề rộng của nó co lại đột ngột gần xương mu; một chỗ phồng xuất hiện ở phía sau vùng thắt lưng.

Trong bệnh động kinh, một bên của cả Hào quang Bên trong lẫn Hào quang Bên ngoài thường bị co lại trên toàn bộ chiều dài; Hào quang Bên trong trở nên đục, kết cấu thô hơn, và sự có vân giảm đi hoặc biến mất. Màu sắc thường là xám.

Sự co lại của Hào quang Bên trong luôn luôn hàm ý một bệnh trạng nghiêm trọng. Đôi khi

absolute break in the Aura is observed.

The Inner Aura does not alter in shape or size to any great extent, but it changes considerably in texture. The Outer Aura varies more frequently and more extensively in shape and size, but almost imperceptibly in texture.

In case of disease, the earliest morbid symptom is diminution or complete loss of striation; together with this, the granules become coarser, this being apparently due to amalgamation of smaller granules.

Derangement of the Inner Aura is accompanied by a *pari passu* alteration of the Outer Aura.

The preparation of the eye by means of the screens renders it difficult to appreciate accurately variations in the colour of the aura. The colour in the main appears to range from blue to grey, the colour depending more on temperament and mental powers than on changes in bodily health. The greater the mental vigour the bluer becomes the Aura; deficiency of mental power tends to greyness in the Aura.

Dr. Kilner carried out a few experiments which demonstrated not only that Rays could be projected by an effort of will from various parts of the body, but also that the colour of a Ray or a part of the Aura could be varied by an effort of will. Red, yellow and blue colours have been produced in this way; blue was found to be the easiest to produce, and yellow the most difficult.

A careful study of Dr. Kilner's results reveals

người ta quan sát thấy một chỗ đứt tuyệt đối trong Hào quang.

Hào quang Bên Trong không thay đổi nhiều về hình dạng hay kích thước, nhưng thay đổi đáng kể về kết cấu. Hào quang Bên Ngoài thay đổi thường xuyên hơn và rộng hơn về hình dạng và kích thước, nhưng hầu như không nhận thấy được về kết cấu.

Trong trường hợp bệnh tật, triệu chứng bệnh lý sớm nhất là sự giảm bớt hoặc mất hẳn các vân sọc; đồng thời với điều này, các hạt trở nên thô hơn, dường như do sự kết hợp của các hạt nhỏ hơn.

Sự rối loạn của Hào quang Bên Trong đi kèm với một biến đổi *đồng thời tương ứng* của Hào quang Bên Ngoài.

Việc chuẩn bị mắt bằng các màn lọc khiến cho khó đánh giá chính xác những biến thiên trong màu sắc của hào quang. Nhìn chung, màu sắc dường như dao động từ xanh lam đến xám, và màu sắc tùy thuộc vào khí chất và năng lực trí tuệ nhiều hơn là vào những thay đổi trong sức khỏe thể xác. Sức sống trí tuệ càng lớn thì Hào quang càng trở nên xanh lam; sự thiếu hụt năng lực trí tuệ có khuynh hướng làm Hào quang ngả xám.

Bác sĩ Kilner đã thực hiện một vài thí nghiệm chứng minh không những rằng các Tia có thể được phóng chiếu bằng một nỗ lực của ý chí từ nhiều phần khác nhau của thể xác, mà còn rằng màu sắc của một Tia hoặc một phần của Hào quang có thể được thay đổi bằng một nỗ lực của ý chí. Các màu đỏ, vàng và xanh lam đã được tạo ra theo cách này; xanh lam được nhận thấy là dễ tạo ra nhất, còn vàng là khó nhất.

Một nghiên cứu cẩn thận về các kết quả của

that these agree with considerable accuracy with those obtained by clairvoyance. Dr. Kilner, however, appears to have studied more minutely, in some respects, the structure of the Aura and the effects on it of disease. That which Dr. Kilner terms the Etheric Double is evidently identical with that which is described under the same name as clairvoyants. The striations of Dr. Kilner's Inner Aura are clearly the same as the health Aura (see Chapter IV, p. 32). That which Dr. Kilner describes as the Outer Aura would appear to the present writer to consist of etheric particles from which the Prâna has been withdrawn and other etheric matter discharged from the body (see Chapter XI, Discharges). The student should compare the outlines of Aurals given in Dr. Kilner's book with Plate XXIV, of the Health Aura in *Man, Visible and Invisible*.

It would appear legitimate to surmise that further improvement of Dr. Kilner's methods would lead to the physical perception of (1) the Etheric Chakrams; (2) the flow of Prâna into and through the body; (3) the nature and structure of the Etheric Double *within* the body. Dr. Kilner having referred to the difficulty of perceiving the Aura against a background of flesh, the present writer has wondered whether a suitable background could not be obtained by colouring in some way the skin of the person being observed.

Dr. Kilner states that his one objective in making his investigations has been to utilise the Aura as a means of diagnosis. It is therefore, more than probable that further investigations would reveal properties of the Aura which, while perhaps having no diagnostic utility, would, nevertheless, be of scientific interest.

bác sĩ Kilner cho thấy chúng phù hợp với độ chính xác đáng kể với những kết quả thu được bằng thông nhãn. Tuy nhiên, theo một vài phương diện, bác sĩ Kilner dường như đã nghiên cứu tỉ mỉ hơn cấu trúc của Hào quang và các tác động của bệnh tật lên nó. Điều mà bác sĩ Kilner gọi là Bản Sao Dĩ Thái rõ ràng đồng nhất với điều được các nhà thông nhãn mô tả dưới cùng tên gọi. Các vân sọc trong Hào quang Bên Trong của bác sĩ Kilner rõ ràng giống với Hào quang sức khỏe (xem Chương IV, tr. 32). Điều mà bác sĩ Kilner mô tả là Hào quang Bên Ngoài, theo người viết hiện nay, dường như gồm những hạt dĩ thái mà prana đã được rút ra khỏi chúng, cùng với chất liệu dĩ thái khác được thải ra từ thể xác (xem Chương XI, Các sự phóng xuất). Đạo sinh nên so sánh các đường viền Hào quang được trình bày trong sách của bác sĩ Kilner với Bảng XXIV, về Hào quang Sức khỏe trong *Con Người, Hữu Hình và Vô Hình*.

Có vẻ chính đáng khi phỏng đoán rằng sự cải tiến thêm nữa các phương pháp của bác sĩ Kilner sẽ dẫn đến sự tri nhận hồng trần về (1) các luân xa dĩ thái; (2) dòng prana đi vào và xuyên qua thể xác; (3) bản chất và cấu trúc của Bản Sao Dĩ Thái *bên trong* thể xác. Vì bác sĩ Kilner đã đề cập đến khó khăn trong việc tri nhận Hào quang trên nền thịt da, người viết hiện nay đã tự hỏi liệu có thể tạo được một nền thích hợp bằng cách nhuộm màu da của người đang được quan sát theo một cách nào đó chăng.

Bác sĩ Kilner nói rằng mục tiêu duy nhất của ông khi tiến hành các khảo sát là sử dụng Hào quang như một phương tiện chẩn đoán. Do đó, rất có khả năng rằng những khảo sát thêm nữa sẽ tiết lộ các đặc tính của Hào quang, dù có lẽ không có ích lợi chẩn đoán, nhưng vẫn có giá trị khoa học.

From the observed facts – (1) that ill-health deranges the Aura; (2) that the etheric matter of adjacent Auras flows together, forming Rays; (3) that such Rays can be formed and directed by an effort of the will; (4) that the will can determine even the colour of such Rays – it would appear but a very short step to the subject of magnetic or mesmeric healing, and it is to be hoped that some investigator will make a study of this important and interesting subject in the same painstaking manner that has characterised Dr. Kilner's own researches.

Từ các sự kiện đã quan sát — (1) sức khỏe kém làm rối loạn Hào quang; (2) chất liệu dĩ thái của các Hào quang lân cận hòa chảy vào nhau, tạo thành các Tia; (3) những Tia như thế có thể được tạo thành và định hướng bằng một nỗ lực của ý chí; (4) ý chí có thể quyết định ngay cả màu sắc của những Tia như thế — dường như chỉ còn một bước rất ngắn là đi đến đề tài chữa lành bằng từ tính hay thôi miên, và hy vọng rằng một nhà khảo sát nào đó sẽ nghiên cứu đề tài quan trọng và thú vị này với cùng phương cách kiên trì đã đặc trưng cho các nghiên cứu của chính bác sĩ Kilner.

CHAPTER XXII – CHƯƠNG XXII

ETHERIC FACULTIES – CÁC NĂNG LỰC DĨ THÁI

Etheric faculties are extensions of the ordinary physical senses, enabling the possessor to appreciate “vibrations” pertaining to the etheric portion of the physical plane. Such impressions will be received through the retina of the eye, affecting of course its etheric matter.

Các năng lực dĩ thái là sự mở rộng của các giác quan hồng trần thông thường, giúp người sở hữu nhận biết các “rung động” thuộc về phần dĩ thái của cõi hồng trần. Những ấn tượng như thế sẽ được tiếp nhận qua võng mạc của mắt, tất nhiên tác động lên chất liệu dĩ thái của nó.

In some abnormal cases other parts of the etheric body may respond as readily as, or even more readily than, the eye. This would usually be due to partial astral development, the sensitive areas of the etheric double nearly always corresponding to the astral chakrams.

Trong một số trường hợp bất thường, các phần khác của thể dĩ thái có thể đáp ứng dễ dàng như mắt, hoặc thậm chí còn dễ dàng hơn. Điều này thường là do sự phát triển cảm dục một phần, vì những vùng nhạy cảm của bản sao dĩ thái hầu như luôn tương ứng với các luân xa cảm dục.

There are roughly, two main kinds of clairvoyance, the lower and the higher. The lower variety appears sporadically in undeveloped people, such as savages of Central Africa, and is a sort of massive sensation vaguely belonging to the whole etheric body, rather than an exact and definite sense-perception communicated

Đại thể có hai loại thông nhãn chính, loại thấp và loại cao. Loại thấp xuất hiện rời rạc nơi những người chưa phát triển, chẳng hạn như các bộ lạc hoang sơ ở Trung Phi, và là một thứ cảm giác toàn khối mơ hồ thuộc về toàn thể thể dĩ thái hơn là một tri giác giác quan chính xác và xác định được truyền qua một cơ quan chuyên biệt. Nó hầu như vượt ngoài sự kiểm

through a specialised organ. It is practically beyond the man's control. The Etheric Double being in exceedingly close relationship with the nervous system, any action on one of them reacts speedily on the other. In the lower clairvoyance the corresponding nervous disturbance is almost entirely in the sympathetic system.

In more developed races the vague sensitiveness usually disappears as the mental faculties are developed. Later on, when the spiritual man begins to unfold, he regains clairvoyant power. This time, however, the faculty is precise and exact, under the control of the will, and exercised through a sense organ. Any nervous action set up is almost exclusively in the cerebro-spinal system.

The lower forms of psychism are most frequent in animals and very unintelligent human beings. Hysterical and ill-regulated psychism is due to the small development of the brain and the dominance of the sympathetic system, the large nucleated ganglionic cells in this system containing a very large proportion of etheric matter, and thus being easily affected by the coarser astral vibrations.

Etheric vision may be temporarily stimulated, e.g., by delirium tremens, so that the sufferer may see etheric (as well as astral) creatures: the snakes and other horrors seen in such cases are almost invariably creatures of low type which feast on alcoholic fumes exuding from the drunkard's body.

It should be noted that the Etheric Double is peculiarly susceptible to the volatile constituents of alcohols.

soát của con người. Vì Bản Sao Dĩ Thái có quan hệ cực kỳ mật thiết với hệ thần kinh, bất kỳ tác động nào lên một trong hai đều nhanh chóng phản ứng lên cái kia. Trong thông nhãn bậc thấp, sự xáo trộn thần kinh tương ứng hầu như hoàn toàn nằm trong hệ giao cảm.

Ở những nhân loại phát triển hơn, sự nhạy cảm mơ hồ thường biến mất khi các năng lực trí tuệ được phát triển. Về sau, khi con người tinh thần bắt đầu khai mở, y lấy lại quyền năng thông nhãn. Tuy nhiên, lần này năng lực ấy chính xác và rõ ràng, nằm dưới sự kiểm soát của ý chí, và được vận dụng qua một cơ quan giác quan. Bất kỳ tác động thần kinh nào phát sinh đều hầu như hoàn toàn nằm trong hệ não tủy.

Các hình thức thông linh thấp thường gặp nhất nơi loài vật và những con người rất kém trí tuệ. Thông linh có tính kích động và thiếu điều hòa là do sự phát triển nhỏ bé của bộ não và sự thống trị của hệ giao cảm, vì các tế bào hạch lớn có nhân trong hệ này chứa một tỉ lệ rất lớn chất liệu dĩ thái, nên dễ bị ảnh hưởng bởi những rung động cảm dục thô hơn.

Linh thị dĩ thái có thể được kích thích tạm thời, chẳng hạn bởi chứng mê sảng do rượu, khiến người bệnh có thể thấy các sinh vật dĩ thái cũng như cảm dục: những con rắn và các điều kinh hoàng khác được thấy trong những trường hợp như thế hầu như luôn là các sinh vật loại thấp, sống nhờ các hơi rượu thoát ra từ thể xác của người say.

Cần lưu ý rằng Bản Sao Dĩ Thái đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi các thành phần dễ bay hơi của rượu.

Clairvoyant faculty may also sometimes be exhibited under the influence of mesmerism; also by an increased tenseness of the nerves, caused by excitement, hysteria, ill-health, drugs, or certain ceremonial rites which induce self-hypnotism.

It is not, however, advisable to allow oneself to be thrown into mesmeric sleep in order to obtain clairvoyant experiences, because domination of the will by that of another person tends to make the will of the subject weaker and thus more liable to be acted upon by others.

Occasionally a person fortunate enough to have gained the friendship of etheric nature-spirits may be helped by these creatures to attain flashes of temporary clairvoyance, in order that the person may see them. In order to cultivate such friendship, it must be remembered that these nature-spirits are intensely shy and distrustful of men: they object to the physical emanations of the average man – of meat, tobacco, and alcohol; also to low selfish feelings, such as lust, anger, or depression. Strong, unselfish feelings of a lofty nature create the kind of atmosphere in which nature-spirits delight to bathe.

Almost all nature-spirits are fond of music, and some are especially attracted by certain melodies. C.W. Leadbeater writes that he has seen shepherd-boys in Sicily playing on their home-made Panpipe, with an appreciative audience of fairies frisking around them, of which they were probably blissfully unconscious. Sometimes, however, peasants do see nature-spirits, as the literature of many peoples affirms.

Năng lực thông nhãn đôi khi cũng có thể biểu hiện dưới ảnh hưởng của thôi miên; cũng như do sự căng thẳng gia tăng của các dây thần kinh, gây ra bởi kích động, chứng kích động thần kinh, sức khỏe kém, thuốc men, hoặc một số nghi lễ gây nên tự thôi miên.

Tuy nhiên, không nên để bản thân rơi vào giấc ngủ thôi miên nhằm đạt được các kinh nghiệm thông nhãn, bởi vì sự thống trị ý chí của một người bởi ý chí của người khác có khuynh hướng làm ý chí của đối tượng yếu đi, và do đó dễ bị người khác tác động hơn.

Đôi khi, một người may mắn đạt được tình bạn của các tinh linh tự nhiên dĩ thái có thể được những sinh vật này trợ giúp để có những lóe sáng thông nhãn tạm thời, nhằm cho người ấy có thể thấy chúng. Để nuôi dưỡng tình bạn như thế, cần nhớ rằng các tinh linh tự nhiên này vô cùng nhút nhát và không tin cậy con người: chúng phản đối các xuất lộ hồng trần của con người trung bình — từ thịt, thuốc lá và rượu; cũng như các cảm xúc ích kỷ thấp, chẳng hạn dục vọng, giận dữ, hoặc chán nản. Những cảm xúc mạnh mẽ, vô kỷ, có bản chất cao thượng tạo ra loại bầu khí quyến rũ mà các tinh linh tự nhiên thích đắm mình trong đó.

Hầu như tất cả tinh linh tự nhiên đều thích âm nhạc, và một số đặc biệt bị thu hút bởi những giai điệu nhất định. Ông C.W. Leadbeater viết rằng ông đã thấy các cậu bé chăn cừu ở Sicily thổi sáo Pan tự chế, với một cử tọa các tiên linh vui thích nhảy nhót quanh chúng, điều mà có lẽ chúng hoàn toàn không hay biết trong trạng thái hôn hoan. Tuy nhiên, đôi khi nông dân cũng thấy các tinh linh tự nhiên, như văn học của nhiều dân tộc xác nhận.

One method of developing etheric sight is by utilising the imagination. An endeavour is made to “imagine” what the inside of a physical object, such as a closed box, would be like, i.e., to “guess” with an effort of strained attention, trying to see that which by ordinary sight could not be seen. After many attempts it is said that the “guessing” becomes more frequently correct than the theory of probability would demand, and presently the man begins actually to see etherically that which at first he only imagined. It is said that this practice is followed by the Zuni tribe of American Red Indians (see *Service Magazine*, April, 1925, article by Beatrice Wood).

Great numbers of people, if they will take the trouble to look, under suitable conditions of light, can see the mesmeric fluid, i.e., the nerve-ether, as it streams from the hands of the mesmerist. Baron Reichenbach, in the middle of the nineteenth century, records that he found over sixty persons able to see these emanations, and some could see also a somewhat similar emanation proceeding from physical magnets, from crystals, and from a copper wire, one end of which was exposed to sunlight. The observers were usually shut up in a dark room for some hours in order to make the retina more sensitive.

It is reported that some French scientists, who could not normally see the N Rays, became able to do so after sitting in darkness for three or four hours.

We may here note that N Rays are due to vibrations in the Etheric Double, causing waves in the surrounding ether. The student will recollect that N Rays are given off by animals, flowers and metals, but that all alike, when under the influence of chloroform,

Một phương pháp phát triển thị giác dĩ thái là sử dụng Sự tưởng tượng. Người ta cố gắng “tưởng tượng” bên trong của một vật thể hồng trần, chẳng hạn một chiếc hộp đóng kín, sẽ như thế nào, tức là “đoán” bằng một nỗ lực chú tâm căng thẳng, cố thấy điều mà thị giác thông thường không thể thấy. Sau nhiều lần thử, người ta nói rằng sự “đoán” ấy trở nên đúng thường xuyên hơn mức thuyết xác suất đòi hỏi, và chẳng bao lâu con người bắt đầu thật sự thấy bằng dĩ thái điều mà lúc đầu y chỉ tưởng tượng. Người ta nói rằng thực hành này được bộ tộc Zuni thuộc người Da Đỏ Mỹ áp dụng (xem *Tạp chí Phụng sự*, tháng Tư, 1925, bài của Beatrice Wood).

Rất nhiều người, nếu chịu khó quan sát trong những điều kiện ánh sáng thích hợp, có thể thấy lưu chất thôi miên, tức dĩ thái thần kinh, khi nó tuôn chảy từ hai tay của người thôi miên. Nam tước Reichenbach, vào giữa thế kỷ mười chín, ghi lại rằng ông tìm thấy hơn sáu mươi người có thể thấy các xuất lộ này, và một số cũng có thể thấy một xuất lộ phần nào tương tự phát ra từ các nam châm hồng trần, từ các tinh thể, và từ một dây đồng mà một đầu được phơi dưới ánh sáng mặt trời. Những người quan sát thường được nhốt trong một căn phòng tối trong vài giờ nhằm làm võng mạc nhạy cảm hơn.

Có báo cáo rằng một số nhà khoa học Pháp, vốn bình thường không thể thấy các Tia N, đã có thể làm được điều đó sau khi ngồi trong bóng tối ba hoặc bốn giờ.

Ở đây chúng ta có thể lưu ý rằng các Tia N là do các rung động trong Bản Sao Dĩ Thái gây ra, tạo nên các làn sóng trong dĩ thái chung quanh. Đạo sinh sẽ nhớ rằng các Tia N được phát ra bởi động vật, hoa và kim loại, nhưng tất cả như nhau, khi chịu ảnh hưởng của

cease to emit them. They are also never emitted by a corpse. It will also be recollected that anæsthetics – such as chloroform – expel etheric matter from the physical body (see p. 5), thus of course preventing the emanation of the Rays.

A full and controlled possession of etheric sight enables a man to see through physical matter: a brick wall, for example, seems to have the consistency of a light mist: the contents of a closed box could be accurately described and a sealed letter read: with a little practice it is also possible to find a passage in a closed book.

When the faculty is perfectly developed it is completely under control, and may be used or not used at will. It is said to be easy to change from ordinary to etheric vision as to alter the focus of the eyes – the change being in reality a focusing of consciousness.

The earth is transparent to etheric vision to a certain extent, so that a man can see to a considerable depth, much as in fairly clear water. A creature burrowing underground could thus be seen, or a vein of coal or metal could be seen, if not too far below the surface. The medium through which we are looking is thus not perfectly transparent.

Bodies of men and animals are, in the main, transparent, so that the action of the internal organs can be seen, and to some extent disease may be diagnosed in this manner.

Etheric sight makes visible many entities, such as the lower orders of nature-spirits, which have etheric bodies: in this class are

chloroform, đều ngừng phát ra chúng. Chúng cũng không bao giờ được phát ra bởi một tử thi. Cũng sẽ nhớ rằng các chất gây mê — chẳng hạn chloroform — đẩy chất liệu dĩ thái ra khỏi thể xác (xem tr. 5), và tất nhiên nhờ vậy ngăn cản sự xuất lộ của các Tia.

Sở hữu đầy đủ và có kiểm soát thị giác dĩ thái giúp một người thấy xuyên qua vật chất hồng trần: chẳng hạn, một bức tường gạch dường như có độ đặc như một màn sương nhẹ; nội dung của một chiếc hộp đóng kín có thể được mô tả chính xác và một lá thư niêm phong có thể được đọc; với một chút luyện tập, cũng có thể tìm một đoạn trong một cuốn sách đóng kín.

Khi năng lực ấy được phát triển hoàn hảo, nó hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát, và có thể được dùng hoặc không dùng tùy ý. Người ta nói rằng việc chuyển từ thị giác thông thường sang thị giác dĩ thái cũng dễ như thay đổi tiêu điểm của mắt — sự thay đổi ấy thực ra là một sự tập trung tâm thức.

Trái Đất trong suốt đối với thị giác dĩ thái đến một mức độ nào đó, khiến một người có thể thấy xuống một độ sâu đáng kể, giống như trong nước khá trong. Nhờ vậy có thể thấy một sinh vật đào hang dưới đất, hoặc có thể thấy một mạch than hay kim loại, nếu không quá xa dưới bề mặt. Do đó môi trường qua đó chúng ta nhìn không hoàn toàn trong suốt.

Thể xác của người và động vật, nhìn chung, là trong suốt, khiến có thể thấy hoạt động của các cơ quan bên trong, và ở một mức độ nào đó bệnh tật có thể được chẩn đoán theo cách này.

Thị giác dĩ thái làm cho nhiều thực thể trở nên hữu hình, chẳng hạn các cấp thấp hơn của tinh linh tự nhiên, vốn có thể dĩ thái: trong

nearly all the fairies, gnomes and brownies, of which many stories are told in the highlands of Scotland, Ireland and other countries.

There is a class of beautiful fairies with etheric bodies who live upon the surface of the earth, and who have come up the ladder of evolution through grasses and cereals, ants and bees, and tiny nature-spirits. After their time as etheric fairies they become salamanders or fire-spirits, then sylphs or air-spirits, and later still they pass into the kingdom of the angels.

The forms of fairies are many and various, but most frequently human in shape and somewhat diminutive in size, usually with a grotesque exaggeration of some particular feature or limb. Etheric matter being plastic and readily moulded by the power of thought, they are able to assume almost any appearance at will, but, nevertheless, they have definite forms of their own which they wear when they have no special reason for taking any other.

In order to take a form other than his own a fairy must conceive it clearly and keep his mind fixed upon it: as soon as his thought wanders he will at once resume his natural appearance.

Etheric matter does not obey the power of thought as instantaneously as does astral matter. We might say that mental matter changes *with* the thought, astral matter so quickly after that the ordinary observer can scarcely note any difference, but with etheric matter one's vision can follow the growth or diminution without difficulty. An astral sylph *flashes* from one shape to another; an etheric fairy swells or decreases quickly, but

loại này có hầu như tất cả các tiên linh, gnome và brownie, về chúng có nhiều câu chuyện được kể tại vùng cao nguyên Scotland, Ireland và các nước khác.

Có một loại tiên linh xinh đẹp với thể dĩ thái sống trên bề mặt Trái Đất, và đã đi lên chiếc thang tiến hoá qua cỏ và ngũ cốc, kiến và ong, cùng các tinh linh tự nhiên bé nhỏ. Sau thời kỳ làm tiên linh dĩ thái, chúng trở thành salamander hay tinh linh lửa, rồi sylph hay tinh linh khí, và về sau nữa chúng đi vào giới thiên thần.

Hình tướng của các tiên linh thì nhiều và đa dạng, nhưng thường nhất có hình dạng con người và kích thước hơi nhỏ, thường với sự phóng đại kỳ dị của một đặc điểm hay chi thể nào đó. Vì chất liệu dĩ thái mềm dẻo và dễ được uốn nắn bởi quyền năng của tư tưởng, chúng có thể khoác lấy hầu như bất kỳ vẻ ngoài nào tùy ý; tuy nhiên, chúng vẫn có những hình tướng xác định của riêng mình, mà chúng mang khi không có lý do đặc biệt để lấy hình tướng khác.

Để lấy một hình tướng khác với hình tướng của chính mình, một tiên linh phải hình dung nó rõ ràng và giữ thể trí cố định vào đó: ngay khi tư tưởng của y xao lãng, y sẽ lập tức trở lại vẻ ngoài tự nhiên của mình.

Chất liệu dĩ thái không tuân theo quyền năng của tư tưởng tức thời như chất liệu cảm dục. Chúng ta có thể nói rằng chất liệu trí tuệ thay đổi *cùng với* tư tưởng, chất liệu cảm dục thay đổi nhanh đến mức người quan sát thông thường hầu như không thể ghi nhận khác biệt nào, nhưng với chất liệu dĩ thái, tầm nhìn của người ta có thể theo dõi sự tăng trưởng hoặc suy giảm mà không khó khăn. Một sylph cảm dục *lóng chuyển* từ hình dạng này sang hình

not instantaneously.

There are also limits, though wide ones, within which a fairy can alter his size. Thus a fairy naturally 12 inches high might expand himself to 6 feet high, but only with a considerable strain which he could not maintain for more than a few minutes.

One of the streams of evolving life, after leaving the mineral kingdom, instead of passing into the vegetable kingdom, assumes etheric vehicles, which inhabit the interior of the earth, living actually within solid rock, which offer no impediment to their motion or their vision. At a later stage, though still inhabiting the solid rock, they live close to the surface of the earth, and the more developed of them can occasionally detach themselves from it for a short time. These gnomes, which have sometimes been seen, and perhaps more frequently heard, in caves or mines, become visible either by materialising themselves by drawing around them a veil of physical matter, or, of course by the spectator becoming temporarily etherically clairvoyant. They would be seen more frequently than they are,, were it not for the rooted objection to the proximity of human beings which they share with all but the lowest types of nature-spirits.

Some of the lower types of etheric nature-spirits are not pleasing to the aesthetic sense. There are shapeless masses with huge red gaping mouths, which live upon the loathsome etheric emanations of blood and decaying flesh; rapacious red-brown crustacean creatures which hover over houses of ill-fame; and savage octopus-like monsters which gloat over the orgies of the

dạng khác; một tiên linh dĩ thái phồng lên hoặc thu nhỏ nhanh chóng, nhưng *không* tức thời.

Cũng có những giới hạn, tuy rộng, trong đó một tiên linh có thể thay đổi kích thước của y. Như vậy một tiên linh tự nhiên cao 12 inch có thể làm mình nở rộng đến cao 6 feet, nhưng chỉ với một sự căng sức đáng kể mà y không thể duy trì quá vài phút.

Một trong các dòng sự sống tiến hoá, sau khi rời giới kim thạch, thay vì đi vào giới thực vật, lại khoác lấy các vận cụ dĩ thái cư trú trong lòng Trái Đất, thực sự sống bên trong đá rắn, vốn không gây trở ngại nào cho chuyển động hay tầm nhìn của chúng. Ở một giai đoạn về sau, dù vẫn cư trú trong đá rắn, chúng sống gần bề mặt Trái Đất, và những cá thể phát triển hơn trong số chúng đôi khi có thể tách rời khỏi đó trong một thời gian ngắn. Những gnome này, đôi khi đã được thấy, và có lẽ thường được nghe thấy hơn, trong hang động hoặc hầm mỏ, trở nên hữu hình hoặc bằng cách hiện hình do kéo quanh mình một tấm màn vật chất hồng trần, hoặc tất nhiên do người quan sát tạm thời trở nên thông nhãn dĩ thái. Chúng hẳn đã được thấy thường xuyên hơn hiện nay, nếu không vì sự phản đối ăn sâu đối với sự gần gũi của con người mà chúng chia sẻ với tất cả các loại tinh linh tự nhiên ngoại trừ những loại thấp nhất.

Một số loại tinh linh tự nhiên dĩ thái thấp không làm hài lòng cảm quan thẩm mỹ. Có những khối vô dạng với những cái miệng đỏ khổng lồ há hốc, sống nhờ các xuất lộ dĩ thái ghê tởm của máu và thịt đang phân hủy; những sinh vật giáp xác màu nâu đỏ tham tàn lượn quanh các nhà ô danh; và những quái vật hung dữ giống bạch tuộc hủ hê trước các cuộc truy hoan của kẻ say rượu và say mê trong hơi

drunkard and revel in the fumes of alcohol.

The entities posing or accepted as tribal deities, for whom blood sacrifices are made, or food, preferably of flesh, is burnt, are very low-grade creatures, possessing etheric bodies, for it is only through etheric bodies that they can absorb physical fumes and derive either nourishment or pleasure from them.

The stories told of ointments and drugs which, when applied to the eyes, enable a man to see the fairy people have a basis in truth. No anointing of the eyes could open the astral vision, though, if rubbed over the whole body, some ointments assist the astral body to leave the physical in full consciousness. But the application to the physical eyes might stimulate etheric sight.

Etheric sight would of course make the Etheric Doubles of men visible: these doubles would often be seen hovering over newly made graves: at séances etheric matter could be seen oozing from the left side of the medium, and one could perceive the various ways in which the communicating entities make us of it.

Etheric sight makes visible several entirely new colours, quite different from those in the spectrum, as we know it, and therefore indescribable in words we use at present. In some cases these other colours are combined with colours that we know, so that two surfaces which to ordinary eyes appear to match perfectly would appear different to etheric sight.

For the chemist a whole fresh world would come under observation, and he could deal with ethers as he now deals with liquids or

rượu.

Các thực thể giả dạng hoặc được chấp nhận như những thần linh bộ tộc, mà vì chúng người ta hiến tế máu, hoặc đốt thức ăn, tốt nhất là thịt, là những sinh vật cấp rất thấp, sở hữu thể dĩ thái, vì chỉ qua các thể dĩ thái chúng mới có thể hấp thụ các hơi hồng trần và rút lấy từ đó hoặc sự nuôi dưỡng hoặc khoái lạc.

Những câu chuyện kể về thuốc mỡ và dược chất khi bôi lên mắt giúp một người thấy dân tiên linh đều có cơ sở chân thật. Không sự xúc dầu nào lên mắt có thể mở linh thị cảm dục, dù nếu xoa lên toàn thân, một số thuốc mỡ hỗ trợ thể cảm dục rời thể xác trong tâm thức đầy đủ. Nhưng việc bôi lên mắt hồng trần có thể kích thích thị giác dĩ thái.

Thị giác dĩ thái tất nhiên sẽ làm cho các Bản Sao Dĩ Thái của con người trở nên hữu hình: những bản sao này thường được thấy lơ lửng trên các ngôi mộ mới; trong các buổi gọi hồn, chất liệu dĩ thái có thể được thấy rỉ ra từ phía trái của đồng tử, và người ta có thể nhận ra nhiều cách khác nhau mà các thực thể giao tiếp sử dụng nó.

Thị giác dĩ thái làm cho nhiều màu sắc hoàn toàn mới trở nên hữu hình, khác hẳn các màu trong quang phổ như chúng ta biết, và vì thế không thể mô tả bằng những từ chúng ta hiện dùng. Trong một số trường hợp, những màu sắc khác này kết hợp với các màu mà chúng ta biết, khiến hai bề mặt dưới mắt thường có vẻ hoàn toàn giống nhau lại hiện ra khác nhau đối với thị giác dĩ thái.

Đối với nhà hóa học, cả một thế giới hoàn toàn mới sẽ đi vào phạm vi quan sát, và ông có thể xử lý các dĩ thái như hiện nay ông xử lý chất

gases.

There are, belonging to the mineral kingdom, many etheric substances, the existence of which is unknown to Western science. Even the bodies of men, in the First Round, were constructed of etheric matter only, and resembled vague, drifting and almost shapeless clouds.

Etheric sight would inform us of the healthiness or otherwise of our surroundings, and we should be able to detect disease germs or other impurities.

The beneficial effects of travel are partially due to the change of the etheric and astral influences connected with each place and district. Ocean, mountain, forest or waterfall – each has its own special type of life, astral and etheric as well as visible, and, therefore its own special set of impressions and influences. Many of the unseen entities are pouring out vitality, and in any case the vibrations which they radiate, awaken unaccustomed portions of men's Etheric Doubles, and of their astral and mental bodies, the effect being like that of exercising muscles which are not ordinarily called into activity – somewhat tiring at the time, yet distinctly healthy and desirable in the long run. Such amusements as rowing for example, or swimming, especially in the sea, are of especial value, for the reasons named.

There is a basis of truth in the tradition that it is strengthening to sleep under a pine tree with the head to the north, for the magnetic currents flowing over the surface of the earth, by steady gentle pressure, gradually comb out the entanglements and strengthen the particles both of the astral body and of the

lỏng hoặc khí.

Thuộc về giới kim thạch có nhiều chất liệu dĩ thái mà khoa học phương Tây chưa biết đến sự tồn tại. Ngay cả thể xác của con người trong Cuộc Tuần Hoàn Thứ Nhất cũng chỉ được cấu tạo bằng chất liệu dĩ thái, và giống như những đám mây mơ hồ, trôi dạt và hầu như vô dạng.

Thị giác dĩ thái sẽ cho chúng ta biết sự lành mạnh hay không lành mạnh của môi trường chung quanh, và chúng ta sẽ có thể phát hiện các mầm bệnh hoặc những tạp chất khác.

Các tác dụng lợi ích của việc du hành một phần là do sự thay đổi các ảnh hưởng dĩ thái và cảm dục gắn liền với mỗi nơi chốn và khu vực. Đại dương, núi non, rừng rậm hay thác nước — mỗi nơi đều có loại sự sống riêng biệt của nó, cảm dục và dĩ thái cũng như hữu hình, và do đó có bộ ấn tượng và ảnh hưởng riêng biệt của nó. Nhiều thực thể vô hình đang tuôn đổ sinh lực, và trong mọi trường hợp, các rung động mà chúng phát xạ đánh thức những phần chưa quen hoạt động trong các Bản Sao Dĩ Thái của con người, cũng như trong các thể cảm dục và thể trí của họ; tác dụng giống như việc vận động các cơ bắp vốn thường không được gọi vào hoạt động — lúc ấy hơi mệt, nhưng về lâu dài thì rõ ràng là lành mạnh và đáng mong muốn. Những thú tiêu khiển như chèo thuyền chèo hạn, hoặc bơi lội, đặc biệt là ở biển, có giá trị đặc biệt vì những lý do đã nêu.

Có cơ sở chân thật trong truyền thống cho rằng ngủ dưới cây thông với đầu hướng về phương bắc thì làm mạnh sức, vì các dòng từ tính chảy trên bề mặt Trái Đất, bằng áp lực nhẹ nhàng đều đặn, dần dần chải gỡ các rối rắm và làm mạnh các hạt của cả thể cảm dục lẫn Bản Sao Dĩ Thái, nhờ đó đem lại sự nghỉ

Etheric Double, and thus give rest and calm. The radiations of the pine tree make the man sensitive to the magnetic currents, and, in addition, the tree is constantly throwing off vitality in that special condition in which it is easiest for man to absorb it.

There is a kind of magnetic tide, and outflow and back-flow of magnetic energy between the sun and earth, the turning points of which are at noon and midnight.

The great etheric currents which are constantly sweeping over the surface of the earth from pole to pole possess a volume which makes their power as irresistible as that of the rising tide, and there are methods by which this stupendous force may be safely utilised, though unskilful attempts to control it would be fraught with danger. It is also possible to use the tremendous force of etheric pressure.

In addition, by changing matter from a grosser to a subtler kind the vast store of potential energy which lies dormant may be liberated and utilised, somewhat as latent heat-energy may be liberated by a change of condition of visible matter.

A reversal of the above process enables one to change matter from the etheric to the solid condition, and thus to produce a “materialisation” phenomenon.

This faculty is sometimes employed in cases of emergency, where a man in his astral body, an “invisible helper”, is in need of means of acting on physical matter. The faculty demands considerable power of sustained concentration, and the mind must not be taken off for one half-second, or the matter of the materialised form will instantly fly back

ngơi và bình an. Các bức xạ của cây thông làm con người nhạy cảm với các dòng từ tính, và thêm nữa, cây liên tục phóng ra sinh lực trong điều kiện đặc biệt mà con người dễ hấp thụ nhất.

Có một loại thủy triều từ tính, một dòng tuôn ra và chảy ngược của năng lượng từ tính giữa mặt trời và Trái Đất, mà các điểm đổi chiều của nó là vào giữa trưa và nửa đêm.

Các dòng dĩ thái lớn lao liên tục quét qua bề mặt Trái Đất từ cực này sang cực kia sở hữu một khối lượng khiến quyền năng của chúng không thể cưỡng lại như thủy triều đang dâng, và có những phương pháp nhờ đó mãnh lực kỳ vĩ này có thể được sử dụng an toàn, dù những nỗ lực vụng về nhằm kiểm soát nó sẽ đầy nguy hiểm. Cũng có thể sử dụng mãnh lực phi thường của áp lực dĩ thái.

Thêm nữa, bằng cách chuyển vật chất từ loại thô hơn sang loại tinh hơn, kho năng lượng tiềm tàng bao la đang ngủ yên có thể được giải phóng và sử dụng, phần nào như nhiệt năng tiềm ẩn có thể được giải phóng bằng một sự thay đổi trạng thái của vật chất hữu hình.

Một sự đảo ngược tiến trình trên giúp người ta chuyển vật chất từ trạng thái dĩ thái sang trạng thái rắn, và như vậy tạo ra hiện tượng “hiện hình”.

Năng lực này đôi khi được dùng trong các trường hợp khẩn cấp, khi một người ở trong thể cảm dục của mình, một “người trợ giúp vô hình”, cần phương tiện để tác động lên vật chất hồng trần. Năng lực này đòi hỏi quyền năng tập trung liên tục đáng kể, và thể trí không được rời đi dù chỉ nửa giây, nếu không chất liệu của hình tượng đã hiện hình sẽ lập

into its original condition.

The reason why a physical object, after being reduced to the etheric condition, can afterwards be restored to its former shape, is that the elemental essence is retained in the same shape, and when the will-force is removed the essence acts as a mould which the solidifying particles re-aggregate. If however, a solid object be raised to a gaseous condition by heat, the elemental essence which informed the object would be dissipated – not because the essence itself can be affected by heat, but because when its temporary body is destroyed as a solid, it pours back into the great reservoir of such essence, much as a man's higher principles, though entirely unaffected by heat and cold, are yet forced out of a physical body when the latter is destroyed by fire.

Means must then be employed to reduce a physical object to etheric condition, and then to move it from one place to another, even through solid matter, such as a brick wall, by an astral current, with great rapidity. As soon as the disintegrating force is withdrawn, the matter is forced by the etheric pressure into its original condition.

When a man becomes etherically sensitive, in addition to sight, in most cases a corresponding change would at the same time take place in the other senses. Thus it is claimed by astrologers that planetary influences, by expanding or congesting the etheric atmosphere, make the conditions for meditation respectively more or less favourable.

Incense is said to act on the etheric body somewhat as colours do on the astral body, and so may be employed to bring a man's

tức bay trở lại trạng thái nguyên thủy của nó.

Lý do vì sao một vật thể hồng trần, sau khi được giảm xuống trạng thái dĩ thái, về sau có thể được phục hồi về hình dạng trước kia, là vì tinh chất hành khí được giữ trong cùng một hình dạng, và khi mãnh lực ý chí được rút đi, tinh chất ấy hoạt động như một khuôn mẫu mà các hạt đang rắn hóa tái kết tập quanh đó. Tuy nhiên, nếu một vật rắn được nâng lên trạng thái khí bằng nhiệt, tinh chất hành khí từng thấm nhuần vật ấy sẽ bị làm tiêu tan — không phải vì bản thân tinh chất có thể bị nhiệt ảnh hưởng, mà vì khi thể tạm thời của nó bị hủy diệt với tư cách một vật rắn, nó tuôn trở lại kho chứa lớn của loại tinh chất ấy, giống như các nguyên khí cao của một người, dù hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi nóng và lạnh, vẫn bị buộc rời khỏi thể xác khi thể ấy bị lửa hủy diệt.

Khi đó phải dùng các phương tiện để giảm một vật thể hồng trần xuống trạng thái dĩ thái, rồi chuyển nó từ nơi này sang nơi khác, ngay cả xuyên qua vật chất rắn như một bức tường gạch, bằng một dòng cảm dục, với tốc độ rất lớn. Ngay khi mãnh lực phân rã được rút đi, vật chất bị áp lực dĩ thái ép trở lại trạng thái nguyên thủy của nó.

Khi một người trở nên nhạy cảm dĩ thái, ngoài thị giác, trong hầu hết các trường hợp một sự thay đổi tương ứng cũng đồng thời xảy ra trong các giác quan khác. Do đó các nhà chiêm tinh cho rằng các ảnh hưởng hành tinh, bằng cách mở rộng hoặc làm tắc nghẽn bầu khí dĩ thái, làm cho các điều kiện tham thiền lần lượt thuận lợi hơn hoặc kém thuận lợi hơn.

Hương trầm được nói là tác động lên thể dĩ thái phần nào như màu sắc tác động lên thể cảm dục, và vì thế có thể được dùng để nhanh

vehicles rapidly into harmony. It appears that certain odours may be used to act on various parts of the brain.

The effect of etheric sight is quite different from that of astral sight. In the case of astral sight an entirely new element is introduced, often described as that of a fourth dimension. With such vision, for example, a cube would be seen as though it were all flattened out, all its sides being equally visible as well as every particle within it.

With etheric sight, however, one merely sees *through* objects, and the thickness of matter through which one is looking makes a great difference to the clearness of the sight. Such considerations have no effect whatever on astral vision.

The word “throughth” used by W.T. Stead in referring to four-dimensional sight, is a perfect description, not of astral, but of etheric vision.

Etheric sight can also be used for purposes of magnification. The method is to transfer impressions from the etheric matter of the retina direct to the etheric brain: the attention is focused in one or more etheric particles, and thus is obtained a similarity of size between the organ employed and some minute object being observed.

A commoner method, though one demanding higher development, is to project a flexible tube of etheric matter from the centre of the chakram between the eyebrows, having one atom at its end which serves as a lens. Such an atom must have all its seven spirillae fully developed. The atom can be

chống đưa các vận cụ của một người vào sự hòa hợp. Đường như một số mùi hương nhất định có thể được dùng để tác động lên nhiều phần khác nhau của bộ não.

Tác dụng của thị giác dĩ thái hoàn toàn khác với tác dụng của linh thị cảm dục. Trong trường hợp linh thị cảm dục, một yếu tố hoàn toàn mới được đưa vào, thường được mô tả như yếu tố của chiều thứ tư. Với tầm nhìn như thế, chẳng hạn, một khối lập phương sẽ được thấy như thể toàn bộ nó được trải phẳng ra, mọi mặt của nó đều hiện rõ như nhau, cũng như mọi hạt bên trong nó.

Tuy nhiên, với thị giác dĩ thái, người ta chỉ đơn thuần thấy *xuyên qua* các vật thể, và độ dày của vật chất mà người ta đang nhìn xuyên qua tạo nên khác biệt lớn đối với độ rõ của thị giác. Những xem xét như thế không hề có tác dụng nào lên linh thị cảm dục.

Từ “xuyên độ” mà W.T. Stead dùng khi nói đến thị giác bốn chiều là một mô tả hoàn hảo, không phải về linh thị cảm dục, mà về thị giác dĩ thái.

Thị giác dĩ thái cũng có thể được dùng cho các mục đích phóng đại. Phương pháp là chuyển các ấn tượng từ chất liệu dĩ thái của võng mạc trực tiếp đến bộ não dĩ thái: sự chú tâm được tập trung vào một hoặc nhiều hạt dĩ thái, và nhờ vậy đạt được sự tương tự về kích thước giữa cơ quan được sử dụng và một vật thể cực nhỏ đang được quan sát.

Một phương pháp thông thường hơn, dù đòi hỏi sự phát triển cao hơn, là phóng chiếu một ống mềm bằng chất liệu dĩ thái từ trung tâm của luân xa giữa hai chân mày, có một nguyên tử ở đầu ống hoạt động như một thấu kính. Một nguyên tử như thế phải có đủ cả bảy loa tuyến phát triển hoàn toàn. Nguyên tử ấy có

expanded or contracted at will. This power belongs to the causal body, so that when an etheric atom forms the lens a system of reflecting counterparts must be introduced.

By a further extension of the same power, the operator, by focusing his consciousness in the lens, can project it to distant points.

The same power, by a different arrangement, can be used for diminishing purposes, this giving a vision of something too large to be taken in at once by ordinary vision.

This power was symbolised by a small snake projecting from the centre of the forehead in the head-dress of the Pharaoh of Egypt.

Much of the clairvoyance shown by dead people at a spiritualistic séance, enabling them to read passages out of a closed book, is of the etheric type.

One of the varieties of telepathy is etheric, and may take either of two forms. In the first an etheric image is made which can be seen by a clairvoyant; in the second the etheric waves, which the creation of the image generates, radiate out and, striking upon another etheric brain, tend to reproduce in it the same image.

The organ in the brain for thought transference, both transmitting and receiving, is the pineal gland. If any one thinks intently on an idea, vibrations are set up in the ether which permeates the gland, thereby causing a magnetic current, which gives rise to a slight quiver or creeping feeling. This feeling indicates that the

thể được mở rộng hoặc thu nhỏ tùy ý. Quyền năng này thuộc về thể nguyên nhân, vì vậy khi một nguyên tử dĩ thái tạo thành thấu kính, phải đưa vào một hệ thống các đối phần phản chiếu.

Bằng một sự mở rộng thêm nữa của cùng quyền năng ấy, người thao tác, bằng cách tập trung tâm thức của mình vào thấu kính, có thể phóng chiếu nó đến những điểm xa xôi.

Cùng quyền năng ấy, bằng một sự sắp đặt khác, có thể được dùng cho các mục đích thu nhỏ, nhờ đó đem lại tầm nhìn về điều gì quá lớn để thị giác thông thường có thể thu nhận ngay một lúc.

Quyền năng này được biểu tượng bằng một con rắn nhỏ phóng ra từ trung tâm trán trên mũ đội đầu của Pharaoh Ai Cập.

Phần lớn thông nhãn do những người đã chết biểu hiện trong một buổi gọi hồn thần linh học, giúp họ đọc các đoạn trong một cuốn sách đóng kín, thuộc loại dĩ thái.

Một trong các loại viễn cảm là dĩ thái, và có thể mang một trong hai hình thức. Trong hình thức thứ nhất, một hình ảnh dĩ thái được tạo ra mà một nhà thông nhãn có thể thấy; trong hình thức thứ hai, các làn sóng dĩ thái do việc tạo ra hình ảnh sinh ra tỏa ra, và khi tác động lên một bộ não dĩ thái khác, có khuynh hướng tái tạo trong đó cùng một hình ảnh.

Cơ quan trong bộ não dành cho sự truyền tư tưởng, cả phát lẫn nhận, là tuyến tùng. Nếu bất kỳ ai suy nghĩ mãnh liệt về một ý tưởng, các rung động được thiết lập trong dĩ thái thấm khắp tuyến ấy, nhờ đó gây ra một dòng từ tính, làm phát sinh một sự rung nhẹ hoặc cảm giác râm ran. Cảm giác này cho thấy tư tưởng đã đủ rõ và mạnh để có khả năng

thought is clear and strong enough to be capable of transmission. With most people the pineal gland is not yet fully developed, as it will be in the course of evolution.

There is known to occult students a process by which rays of light may be bent, so that after passing round an object they may resume exactly their former course. This would, of course, make the object round which the rays were bent invisible to ordinary sight. It may be surmised that this phenomenon would result from a power to manipulate the particular form of etheric matter which is the medium for the transmission of light.

truyền đi. Với đa số người, tuyến tùng vẫn chưa phát triển đầy đủ như nó sẽ phát triển trong tiến trình tiến hoá.

Các đạo sinh huyền bí học biết có một tiến trình nhờ đó các tia sáng có thể bị bẻ cong, khiến sau khi đi vòng quanh một vật thể, chúng có thể tiếp tục đúng theo lộ trình trước kia. Tất nhiên điều này sẽ làm cho vật thể mà các tia sáng bị bẻ cong quanh nó trở nên vô hình đối với thị giác thông thường. Có thể phỏng đoán rằng hiện tượng này là kết quả của một quyền năng thao tác hình thức đặc biệt của chất liệu dĩ thái vốn là môi trường truyền dẫn ánh sáng.

CHAPTER XXIII – CHƯƠNG XXIII

MAGNETISATION OF OBJECTS – TỪ HÓA CÁC VẬT THỂ

A man may employ his magnetism or vital fluid not only for mesmerising or healing other persons, but he may also use it to impregnate physical objects in a somewhat similar manner. Any object, in fact, which has been in close contact with an individual will absorb that individual's magnetism, and consequently will tend to reproduce in the person who wears it something of the same state of feeling or thought with which it is charged. This, of course, is part of the rationale of talismans, charms and relics, as well as of the feelings of devotion and reverential awe which sometimes quite literally exude from the walls of cathedrals and churches, each stone of which is a veritable talisman, charged with the reverence and devotion of the builder, consecrated by the bishop, and reinforced by the devotional thought-forms of successive generations for thousands of years.

Một người có thể sử dụng từ điện hoặc lưu chất sinh lực của mình không chỉ để thôi miên hoặc chữa lành người khác, mà cũng có thể dùng nó để thấm nhuần các vật thể hồng trần theo một cách phần nào tương tự. Thật vậy, bất kỳ vật thể nào từng tiếp xúc gần gũi với một cá nhân sẽ hấp thụ từ điện của cá nhân ấy, và do đó sẽ có khuynh hướng tái tạo nơi người mang nó một phần trạng thái cảm xúc hoặc tư tưởng tương tự mà nó đã được nạp. Tất nhiên, đây là một phần cơ sở lý giải của các bùa hộ mệnh, linh vật và thánh tích, cũng như của những cảm xúc sùng tín và kính sợ thiêng liêng đôi khi thật sự tỏa ra từ các bức tường của nhà thờ chính tòa và nhà thờ, mỗi viên đá trong đó là một bùa hộ mệnh đích thực, được nạp bằng lòng tôn kính và sùng tín của người xây dựng, được giám mục thánh hiến, và được củng cố bởi các hình tư tưởng sùng tín của nhiều thế hệ kế tiếp trong hàng nghìn năm.

The process is continually at work, though few are conscious of it. Thus, for example, food tends to become charged with the magnetism of those who handle or come near it, a fact which is at the back of the strict rules which Hindus observe regarding eating food in the presence of, or which has been subjected to the magnetism of, one of the lower cast. To the occultist, magnetic purity is as important as physical cleanliness. Such food as bread and pastry are especially liable to be charged with the magnetism of the person who prepares them, owing to the fact that magnetism flows out most strongly through the hands. Fortunately the action of fire in baking or cooking removes most kinds of physical magnetism. Some occult students, in order to prevent any avoidable mixture of magnetism, insist upon using only their own private eating utensils, and even would not permit their hair to be cut except by some one whose magnetism they approved, the head of course being the part of the body where alien magnetism would be most objectionable.

Books, especially those in a public library, tend to become loaded with all kinds of mixed magnetism.

Precious stones, being the highest development of the mineral kingdom, have very great power of receiving and retaining impressions. Many jewels are saturated with feelings of envy and greed and, in the case of some of the great historical jewels, are impregnated with physical and other emanations associated with crimes that have been committed in order to possess them. Such jewels retain these impressions unimpaired for thousands of years, so that psychometers may see around them pictures of indescribable horror. For this reason, most

Tiến trình này liên tục hoạt động, dù ít người có ý thức về nó. Như vậy, chẳng hạn, thức ăn có khuynh hướng được nạp bằng từ điện của những người xử lý hoặc đến gần nó, một sự kiện nằm phía sau các quy luật nghiêm ngặt mà người Ấn giáo tuân giữ về việc ăn thức ăn trước sự hiện diện của, hoặc thức ăn đã chịu từ điện của, một người thuộc giai cấp thấp. Đối với nhà huyền bí học, sự tinh khiết từ tính cũng quan trọng như sự sạch sẽ hồng trần. Những thức ăn như bánh mì và bánh ngọt đặc biệt dễ bị nạp bằng từ điện của người chuẩn bị chúng, do sự kiện rằng từ điện tuôn ra mạnh nhất qua hai bàn tay. May thay, tác động của lửa trong việc nướng hoặc nấu loại bỏ hầu hết các loại từ điện hồng trần. Một số đạo sinh huyền bí học, để ngăn mọi sự pha trộn từ điện có thể tránh được, khẳng khẳng chỉ dùng riêng các dụng cụ ăn uống của mình, và thậm chí không cho phép cắt tóc mình ngoại trừ bởi một người có từ điện mà họ chấp nhận, vì đầu tất nhiên là phần của thể xác nơi từ điện ngoại lai gây khó chịu nhất.

Sách, đặc biệt là sách trong thư viện công cộng, có khuynh hướng bị chất đầy mọi loại từ điện pha trộn.

Đá quý, với tư cách sự phát triển cao nhất của giới kim thạch, có quyền năng rất lớn trong việc tiếp nhận và giữ lại các ấn tượng. Nhiều châu báu bị bão hòa bởi các cảm xúc ghen tị và tham lam, và trong trường hợp một số châu báu lịch sử lớn, bị thấm nhuần bởi các xuất lộ hồng trần và khác nữa gắn liền với các tội ác đã được phạm để chiếm hữu chúng. Những châu báu như thế giữ lại các ấn tượng này nguyên vẹn trong hàng nghìn năm, đến nỗi các nhà trắc tâm có thể thấy quanh chúng những hình ảnh kinh hoàng không sao tả xiết. Vì lý do này, đa số nhà huyền bí học

occultists would discourage the wearing of jewels, as a general rule.

On the other hand, gems may be powerful reservoirs of good and desirable influence. Thus, for example, the Gnostic gems employed at Initiation ceremonies two thousand years ago retain even to this day powerful magnetic influence. Some Egyptian scarabæi are still effective, though much older even than the Gnostic gems.

Money, in the form of coins and notes, is frequently charged with highly unpleasant magnetism. Not only does it become charged with a great mixture of different kinds of magnetism, but it is, in addition, surrounded by the thoughts and feelings of those who have handled it. The disturbing and irritating effect of such emanations on astral and mental bodies has been compared to that produced by the bombardment of radium emanations on the physical body. The worst offenders are copper and bronze coins, and old and dirty bank notes. Nickel is less receptive of evil influences than copper, while silver and gold are better still in this respect.

Bedding affords another example of physical objects absorbing and emanating magnetic influence, many people having observed that unpleasant dreams may often be caused by sleeping on a pillow which has been used by a person of unpleasant character. If wool is used of bedding or clothing, it is better not to let it touch the skin, owing to it being saturated with animal influence.

The method of deliberately manufacturing a talisman is, first thoroughly to cleanse the object of its present etheric matter by passing it through a film of etheric matter which has

thường không khuyến khích việc đeo châu báu.

Mặt khác, ngọc quý có thể là những kho chứa mạnh mẽ của ảnh hưởng tốt lành và đáng mong muốn. Như vậy, chẳng hạn, các ngọc Gnostic được sử dụng trong các nghi lễ Điểm đạo hai nghìn năm trước vẫn giữ đến tận ngày nay ảnh hưởng từ tính mạnh mẽ. Một số bộ hung Ai Cập vẫn còn hiệu lực, dù thậm chí cổ xưa hơn nhiều so với các ngọc Gnostic.

Tiền, dưới hình thức đồng xu và giấy bạc, thường được nạp bằng từ điện rất khó chịu. Không những nó được nạp bằng một hỗn hợp lớn gồm nhiều loại từ điện khác nhau, mà thêm nữa, nó còn bị bao quanh bởi các tư tưởng và cảm xúc của những người đã cầm nó. Tác dụng gây xáo trộn và kích thích của các xuất lộ như thế lên thể cảm dục và thể trí đã được so sánh với tác dụng do sự oanh kích của các xuất lộ radium lên thể xác. Những vật gây hại nặng nhất là đồng xu bằng đồng đỏ và đồng thiếc, cùng các tờ giấy bạc cũ và bẩn. Nickel ít tiếp nhận các ảnh hưởng xấu hơn đồng đỏ, trong khi bạc và vàng còn tốt hơn nữa về phương diện này.

Giường chiếu là một ví dụ khác về các vật thể hồng trần hấp thụ và phát ra ảnh hưởng từ tính; nhiều người đã quan sát rằng những giấc mơ khó chịu thường có thể do ngủ trên một chiếc gối đã được dùng bởi một người có tính cách khó chịu. Nếu len được dùng làm giường chiếu hoặc quần áo, tốt hơn là đừng để nó chạm vào da, vì nó bị bão hòa bởi ảnh hưởng động vật.

Phương pháp cố ý chế tạo một bùa hộ mệnh là trước hết phải làm sạch hoàn toàn vật thể khỏi chất liệu dĩ thái hiện có của nó bằng cách đưa nó xuyên qua một màng chất liệu dĩ thái

been created for the purpose by an effort of will. The old etheric matter or magnetism having been thus removed, the ordinary ether of the surrounding atmosphere replaces it; for there is an etheric pressure somewhat corresponding to, though immensely greater than, atmospheric pressure.

A similar process is then effected for astral and mental matter, the object thus becoming, as it were, a clean sheet on which one may write as one wills. The operator then, placing his right hand on the object, fills himself with the particular qualities which he wishes to convey to the talisman, and wills that those qualities shall flow into it. An experienced occultist can perform the whole process almost instantaneously by a strong effort of will, but others will need to spend more time on it.

The above would constitute one of the class of *General* talismans. An *Adapted* talisman is one specially charged to meet the requirements of a particular individual – almost like an individual prescription, rather than a general tonic. An *Ensouled* talisman is one designed to continue as a source of radiation for centuries. There are two varieties. In one there is placed in the talisman a fragment of a higher mineral, which throws out a ceaseless stream of particles. These particles become charged with the force stored in the talisman, the actual work of distribution being done by the mineral, thereby greatly economising energy.

The second variety is one in which the ingredients are so arranged as to make it a means of manifestation of one of certain

đã được tạo ra cho mục đích ấy bằng một nỗ lực của ý chí. Sau khi chất liệu dĩ thái cũ hay từ điện cũ đã được loại bỏ như vậy, dĩ thái thông thường của bầu khí quyển chung quanh thay thế nó; vì có một áp lực dĩ thái phần nào tương ứng với, dù lớn hơn vô cùng, áp suất khí quyển.

Một tiến trình tương tự sau đó được thực hiện đối với chất liệu cảm dục và trí tuệ, nhờ đó vật thể trở thành, như thế, một tờ giấy sạch mà trên đó người ta có thể viết theo ý mình. Sau đó người thao tác, đặt tay phải lên vật thể, làm đầy bản thân bằng những phẩm tính đặc biệt mà y muốn truyền cho bùa hộ mệnh, và chủ ý rằng các phẩm tính ấy sẽ chảy vào nó. Một nhà huyền bí học kinh nghiệm có thể thực hiện toàn bộ tiến trình gần như tức thời bằng một nỗ lực mạnh mẽ của ý chí, nhưng những người khác sẽ cần dành nhiều thời gian hơn cho nó.

Những điều trên sẽ tạo thành một trong loại bùa hộ mệnh *Tổng quát*. Một bùa hộ mệnh *Thích ứng* là bùa được nạp đặc biệt để đáp ứng các yêu cầu của một cá nhân riêng biệt – gần như một toa thuốc cá nhân hơn là một thuốc bổ chung. Một bùa hộ mệnh *Được phú linh* là bùa được thiết kế để tiếp tục làm nguồn phát xạ trong nhiều thế kỷ. Có hai loại. Trong một loại, người ta đặt vào bùa hộ mệnh một mảnh của một khoáng chất cao hơn, vốn phóng ra một dòng hạt không ngừng. Những hạt này được nạp bằng mãnh lực được tích trữ trong bùa hộ mệnh, còn công việc phân phối thực sự do khoáng chất thực hiện, nhờ vậy tiết kiệm năng lượng rất nhiều.

Loại thứ hai là loại trong đó các thành phần được sắp đặt sao cho nó trở thành một phương tiện biểu hiện của một trong một số

classes of undeveloped nature-spirits, these latter providing the force necessary for the dissemination of the influence. Such talismans may last for thousands of years, to the intense delight of the nature-spirit, and the great benefit of all who approach the magnetised centre.

A *Linked* talisman is one so magnetised as to bring it in close *rapport* with its maker, so that it becomes a kind of outpost of his consciousness. The wearer of the talisman could thus through his link send a cry for help to its builder, or the builder could direct a stream of influence through it to the wearer. Such a talisman would facilitate what Christian Scientists call “absent treatment”.

In rare cases a physical talisman may be connected with the causal body of an Adept, as was done with those talismans buried in various countries by Apollonius of Tyana, about 1,900 years ago, in order that the force which they radiated might prepare those places to be the centres of great events in the future. Some of those centres have already been utilised, others are to be employed in the immediate future in connection with the work of the coming Christ.

Great shrines are usually erected on the spot where some holy man lived, where some great event, such as an Initiation, took place, or where there is a relic of a great person. In any of these cases, a powerful magnetic centre of influence has been created which will persist for thousands of years. Even if the “relic” does not happen to be a very powerful

loại tinh linh tự nhiên chưa phát triển, và chính những tinh linh sau này cung cấp mãnh lực cần thiết cho sự truyền bá ảnh hưởng. Những bùa hộ mệnh như thế có thể tồn tại hàng nghìn năm, đem lại niềm vui mãnh liệt cho tinh linh tự nhiên, và lợi ích lớn lao cho tất cả những ai đến gần trung tâm đã được từ hóa.

Một bùa hộ mệnh *Liên kết* là bùa được từ hóa sao cho đưa nó vào mối *liên hệ* gần gũi với người tạo ra nó, khiến nó trở thành một loại tiền đồn của tâm thức người ấy. Người đeo bùa hộ mệnh nhờ vậy có thể qua mối liên kết của mình gửi một tiếng kêu cầu trợ giúp đến người kiến tạo nó, hoặc người kiến tạo có thể hướng một dòng ảnh hưởng qua nó đến người đeo. Một bùa hộ mệnh như thế sẽ tạo thuận lợi cho điều mà các nhà Khoa học Kitô giáo gọi là “điều trị từ xa”.

Trong những trường hợp hiếm hoi, một linh vật hồng trần có thể được liên kết với thể nguyên nhân của một Chân sư, như đã từng được thực hiện với những linh vật được Apollonius xứ Tyana chôn ở nhiều quốc gia khác nhau, khoảng 1.900 năm trước, để mãnh lực mà chúng phát xạ có thể chuẩn bị những nơi ấy trở thành các trung tâm của những biến cố lớn trong tương lai. Một số trung tâm ấy đã được sử dụng, còn những trung tâm khác sẽ được dùng trong tương lai gần, liên quan đến công việc của Đức Christ đang đến.

Những thánh điện lớn thường được dựng lên tại nơi một bậc thánh nhân nào đó đã sống, nơi một biến cố lớn nào đó, chẳng hạn như một cuộc điểm đạo, đã diễn ra, hoặc nơi có một thánh tích của một nhân vật vĩ đại. Trong bất kỳ trường hợp nào như thế, một trung tâm ảnh hưởng từ tính mạnh mẽ đã được tạo nên và sẽ tồn tại trong hàng ngàn năm. Ngay cả

one, or is not even genuine, the centuries of devotional feeling poured out upon it by the hosts of visitors would make the place an active centre for beneficent radiation. The influence of all such places on visitors and pilgrims is unquestionably good.

It has already been mentioned that precious stones are naturally suited to be made into talismans or amulets. The rudraksha berry, used frequently for necklaces in India, is eminently adapted for magnetisation where spiritual thought or meditation is required and disturbing influences are to be kept away. The beads made from the tulsi plant are another example, though the influence they give is of a somewhat different character. An interesting set of talismans are those objects which produce strong scents. The gums of which incense is made, for example, can be chosen so as to be favourable to spiritual and devout thought. It is also possible so to combine ingredients as to produce the opposite effect, as was sometimes done by mediaeval witches.

A trained occultist makes a regular practice of charging many things which pass from him to others with beneficent influences: such, for example, as letters, books, or presents. By a single effort of will he may charge even a typed letter far more effectively than it would be unconsciously charged when written by hand by some one not familiar with these truths.

Similarly a trained occultist, by a mere wave of the hand, coupled with a strong thought, may almost instantaneously demagnetise food, clothing, bedding, rooms, etc. Such demagnetisation, while removing

khi “thánh tích” ấy không phải là một vật rất mạnh mẽ, hoặc thậm chí không phải là thật, thì nhiều thế kỷ cảm xúc sùng tín mà vô số khách viếng đã tuôn đổ lên đó cũng sẽ biến nơi ấy thành một trung tâm hoạt động của sự phát xạ thiện ích. Ảnh hưởng của mọi nơi như thế đối với khách viếng và người hành hương chắc chắn là tốt lành.

Như đã được đề cập, các loại đá quý tự nhiên rất thích hợp để làm linh vật hoặc bùa hộ mệnh. Hạt rudraksha, thường được dùng làm chuỗi đeo cổ ở Ấn Độ, đặc biệt thích hợp để từ hóa khi cần có tư tưởng tinh thần hoặc tham thiền, và khi cần xua giữ các ảnh hưởng gây nhiễu. Những hạt chuỗi làm từ cây tulsi là một ví dụ khác, tuy ảnh hưởng mà chúng đem lại có tính chất hơi khác. Một nhóm linh vật thú vị là những vật tạo ra hương thơm mạnh. Chẳng hạn, các loại nhựa thơm dùng để làm hương có thể được chọn sao cho thuận lợi cho tư tưởng tinh thần và sùng tín. Cũng có thể phối hợp các thành phần để tạo ra hiệu quả ngược lại, như đôi khi các phù thủy thời trung cổ đã làm.

Một nhà huyền bí học lão luyện thường xuyên thực hành việc nạp vào nhiều vật được truyền từ ông sang người khác các ảnh hưởng thiện ích: chẳng hạn như thư từ, sách vở hoặc quà tặng. Chỉ bằng một nỗ lực ý chí, ông có thể nạp lực ngay cả cho một bức thư đánh máy hữu hiệu hơn nhiều so với việc nó được nạp lực một cách vô thức khi do một người không quen thuộc với những chân lý này viết tay.

Tương tự, một nhà huyền bí học lão luyện, chỉ bằng một cái phẩy tay, kết hợp với một tư tưởng mạnh mẽ, có thể gần như tức thời khử từ thức ăn, quần áo, giường chiếu, phòng ốc, v.v. Sự khử từ như thế, trong khi loại bỏ từ

magnetism which has been externally impressed, would not affect the innate magnetism of objects, such, for example, as the inherently unpleasant vibrations of dead flesh, which even cooking could not destroy.

The process of demagnetising rooms, etc., may be facilitated by the burning of incense or pastilles, or by sprinkling water, the incense and water being first passed through the process recommended for making talismans.

It should also be born in mind that as physical matter in man is in exceedingly close touch with the astral and mental, coarseness and grossness in the physical vehicle almost necessarily imply a corresponding condition in the other vehicles: hence the great importance to the occultist of physical as well as magnetic or etheric cleanliness.

The “holy water” used in certain Christian churches affords a clear example of magnetisation, water being very readily charged with magnetism. The instructions given in the Roman rite make it quite evident that the priest is required, first, to “exorcise” the salt and water, i.e., to cleanse them from all objectionable influences, and then, making the sign of the cross, he is directed to “bless” the elements, i.e., to pour his own magnetism into them, his will being directed to the purpose of driving away all evil thoughts and feelings.

It is worth nothing that salt contains chlorine, a “fiery” element, and hence the combination of water, the great solvent, with fire the great consumer, is highly effective as a cleansing agency.

điện đã được in đặt từ bên ngoài, sẽ không ảnh hưởng đến từ điện bẩm sinh của các vật, chẳng hạn như những rung động vốn khó chịu của xác thịt chết, mà ngay cả nấu chín cũng không thể phá hủy.

Tiến trình khử từ phòng ốc, v.v., có thể được hỗ trợ bằng cách đốt hương hoặc viên thơm, hoặc bằng cách rải nước, sau khi hương và nước trước đó đã được đưa qua tiến trình được khuyến nghị để làm linh vật.

Cũng cần ghi nhớ rằng vì vật chất hồng trần trong con người tiếp xúc vô cùng mật thiết với cảm dục và trí tuệ, nên sự thô kệch và nặng trọc trong hiện thể hồng trần hầu như tất yếu hàm ý một tình trạng tương ứng trong các hiện thể khác: do đó, đối với nhà huyền bí học, sự thanh sạch hồng trần cũng như sự thanh sạch từ tính hay dĩ thái có tầm quan trọng rất lớn.

“Nước thánh” được dùng trong một số giáo hội Cơ Đốc cung cấp một ví dụ rõ ràng về sự từ hóa, vì nước rất dễ được nạp từ điện. Những chỉ dẫn trong nghi thức La Mã cho thấy khá rõ rằng trước hết vị linh mục được yêu cầu “trừ tà” muối và nước, tức là thanh lọc chúng khỏi mọi ảnh hưởng đáng phản đối, rồi sau đó, khi làm dấu thập giá, ông được chỉ thị “ban phước” cho các nguyên tố, tức là tuôn từ điện của chính ông vào chúng, với ý chí của ông được hướng đến mục đích xua đuổi mọi tư tưởng và cảm xúc xấu ác.

Đáng lưu ý rằng muối chứa chlorine, một nguyên tố “rực lửa”, và vì thế sự kết hợp giữa nước, dung môi vĩ đại, với lửa, tác nhân tiêu hủy vĩ đại, có hiệu quả cao như một phương tiện thanh tẩy.

Precisely similar ideas underlie many other ceremonies in the Christian Church: such as baptism, in which the water is blessed and the sign of the cross made over it; the consecration of churches and burial grounds, of the vessels of the altar, the vestments of the priests, bells, incense; confirmation, the ordination of priests and consecration of bishops.

In the Eucharist, the wine has a very powerful influence upon the higher astral levels, while the water sends out even etheric vibrations.

At baptism, in the Liberal Catholic Church, the priest makes the sign of the cross over the forehead, throat, heart and solar plexus of the child. This has the effect of opening up these etheric chakrams, so that they grow to, perhaps, the size of a crown piece, and begin to sparkle and whirl as they do in grown-up people.

In addition, the magnetised water, as it touches the forehead, sets violently in vibration the etheric matter, stimulates the brain, and through the pituitary body affects the astral body, and through that the mental body.

Later the priest, by anointing the top of the head with chrism, makes the chakram there serve as a kind of sieve, which rejects the coarser feelings, influences or particles, and also, by an effort of will, he closes the four centres which have been opened.

At confirmation, the effect which has been produced on the âtmic principle is reflected into the Etheric Double.

At the ordination of the priest, it is intended to clear the way between the higher

Chính những ý tưởng tương tự nằm bên dưới nhiều nghi lễ khác trong Giáo hội Cơ Đốc: chẳng hạn như lễ rửa tội, trong đó nước được ban phước và dấu thập giá được làm trên nước; việc thánh hiến nhà thờ và nghĩa trang, các bình khí trên bàn thờ, lễ phục của linh mục, chuông, hương; lễ thêm sức, lễ phong chức linh mục và lễ thánh hiến giám mục.

Trong Thánh Thể, rượu có một ảnh hưởng rất mạnh mẽ trên các cấp độ cảm dục cao, trong khi nước phát ra cả những rung động dĩ thái.

Khi làm lễ rửa tội trong Giáo hội Công giáo Tự do, vị linh mục làm dấu thập giá trên trán, cổ họng, tim và từng thái dương của đứa trẻ. Điều này có tác dụng khai mở các luân xa dĩ thái ấy, khiến chúng phát triển đến, có lẽ, kích thước của một đồng crown, và bắt đầu lấp lánh cùng xoay tròn như ở người trưởng thành.

Ngoài ra, nước đã được từ hóa, khi chạm vào trán, làm cho chất liệu dĩ thái rung động mãnh liệt, kích thích bộ não, và qua tuyến yên tác động đến thể cảm dục, rồi qua đó đến thể trí.

Sau đó, bằng cách xúc dầu thánh lên đỉnh đầu, vị linh mục làm cho luân xa ở đó hoạt động như một loại sàng lọc, loại bỏ những cảm xúc, ảnh hưởng hoặc hạt phần tử thô trược hơn; đồng thời, bằng một nỗ lực ý chí, ông đóng lại bốn trung tâm đã được mở.

Trong lễ thêm sức, hiệu quả đã được tạo ra trên nguyên khí atma được phản chiếu vào bản sao dĩ thái.

Trong lễ phong chức linh mục, mục đích là khai thông con đường giữa các nguyên khí

principles and the physical brain. The blessing floods the etheric brain, and is meant to run up through the pituitary body, which is the point of closest junction between the dense physical, the etheric and the astral.

The anointing of the head of the bishop with chrism is intended so to act on the brahmarandra chakram that, instead of the usual saucer-like depression, it becomes more like a projecting cone, such as is often seen in statues of the Lord Buddha.

The ordination of the cleric is intended principally to act on the etheric body, that of the doorkeeper on the astral, that of the reader or lector on the mental, and that of the exorcist on the causal body. The exorcist is helped at his ordination to strengthen his power of healing.

There seems to have been an old custom – out of which has arisen the present Roman method of anointing the organs of the senses – of sealing all the chakrams in the body of a dying man, lest objectionable entities should seize upon that body as the owner left it and employ it for purposes of evil magic.

It is probable that many nervous affections could be helped by anointing with consecrated oil, and etheric disease might well be cured by means of “Unction”.

In a Bishop’s crozier, in the knob of which the consecrated jewels are placed, the etheric energy which radiates from the jewels is the outermost and the most prominent – so prominent in fact that it would not be surprising if physical cures could be affected by its touch.

cao và bộ não hồng trần. Phúc lành tuôn ngập bộ não dĩ thái, và được dự định chạy lên qua tuyến yên, vốn là điểm tiếp giáp gần nhất giữa thể hồng trần đậm đặc, thể dĩ thái và thể cảm dục.

Việc xúc dầu thánh lên đầu giám mục nhằm tác động lên luân xa brahmarandra sao cho, thay vì chỗ lõm thường thấy giống như chiếc đĩa nông, nó trở nên giống một hình nón nhô lên hơn, như thường thấy trong các pho tượng Đức Phật.

Lễ phong chức giáo sĩ chủ yếu nhằm tác động lên thể dĩ thái; lễ phong chức người giữ cửa tác động lên thể cảm dục; lễ phong chức người đọc sách hay lector tác động lên thể trí; và lễ phong chức người trừ tà tác động lên thể nguyên nhân. Người trừ tà được trợ giúp trong lễ phong chức để tăng cường quyền năng chữa lành của mình.

Dường như đã có một tục lệ cổ xưa — từ đó phát sinh phương pháp La Mã hiện nay là xúc dầu lên các cơ quan giác quan — nhằm niêm phong mọi luân xa trong thân thể của một người sắp chết, để các thực thể đáng phản đối không chiếm lấy thân thể ấy khi chủ nhân rời bỏ nó và dùng nó cho các mục đích hắc thuật.

Có lẽ nhiều chứng rối loạn thần kinh có thể được trợ giúp bằng việc xúc dầu đã thánh hiến, và bệnh dĩ thái rất có thể được chữa lành bằng “phép xúc dầu”.

Trong gậy mục tử của một giám mục, nơi các viên ngọc đã thánh hiến được đặt trong núm gậy, năng lượng dĩ thái phát xạ từ các viên ngọc là lớp ngoài cùng và nổi bật nhất — thật ra nổi bật đến mức sẽ không có gì đáng ngạc nhiên nếu các bệnh hồng trần có thể được chữa bằng sự chạm của nó.

Mediaeval alchemists also employed somewhat similar methods in their use of magnetised swords, drugs, etc. In the Ancient Mysteries, the thyrsus was a powerfully magnetised instrument, which was laid against the spinal cord of the candidate, giving him in that way some of the magnetism with which it was charged.

Các nhà thuật luyện kim thời trung cổ cũng đã sử dụng những phương pháp phần nào tương tự trong việc dùng các thanh kiếm, được chất, v.v. đã được từ hóa. Trong các Huyền Nghi cổ đại, thyrsus là một khí cụ được từ hóa mạnh mẽ, được đặt áp vào cột sống của ứng viên, nhờ đó trao cho y một phần từ điện mà nó đã được nạp.

CHAPTER XXI – CHƯƠNG XXI

ECTOPLASM – NGOẠI CHẤT

ECTOPLASM (from the Greek *ektos*, outside, and *plasma*, mould, i.e., that which is moulded *outside* the human body) is a name given to the matter, mainly if not wholly etheric, which exudes from a medium, and is employed for séance-room phenomena.

NGOẠI CHẤT (từ tiếng Hy Lạp *ektos*, bên ngoài, và *plasma*, khuôn đúc, tức là, cái được khuôn đúc *bên ngoài* thân thể con người) là tên gọi dành cho chất liệu, chủ yếu nếu không phải hoàn toàn là dĩ thái, tiết ra từ một đồng tử, và được dùng cho các hiện tượng trong phòng gọi hồn.

The late W.J.Crawford, D.Sc., in his books (*The Reality of Psychic Phenomena*)1916), *Experiments in the Psychical Science* (1918), *Psychic Structures* (1921)), describes the painstaking and masterly researches he undertook into such phenomena as table-lifting, or “levitation”, and rapping. For full details students are referred to those books, it being possible here to give a brief summary of such results as are directly pertinent to our present study.

Tiến sĩ khoa học W.J. Crawford quá cố, trong các sách của ông (*Thực Tại của Các Hiện Tượng Thông Linh*)1916), *Những Thí Nghiệm trong Khoa Học Tâm Linh* (1918), *Các Cấu Trúc Thông Linh* (1921)), mô tả những nghiên cứu công phu và bậc thầy mà ông đã tiến hành về các hiện tượng như nâng bàn, hay “bay lên”, và tiếng gõ. Để biết đầy đủ chi tiết, đạo sinh được tham chiếu đến những sách ấy; ở đây chỉ có thể đưa ra một bản tóm tắt ngắn gọn những kết quả nào trực tiếp liên quan đến công trình nghiên cứu hiện tại của chúng ta.

During all the experiments the medium was fully conscious.

Trong suốt mọi thí nghiệm, đồng tử hoàn toàn có ý thức.

W.J.Crawford approached the problems of table-lifting, etc., purely as problems of mechanics; and, by means of force-registering appliances, both mechanical and electrical, he succeeded in discovering, by deduction from his observations, the *modus*

W.J. Crawford tiếp cận các vấn đề nâng bàn, v.v., thuần túy như các vấn đề cơ học; và bằng các thiết bị ghi nhận mãnh lực, cả cơ học lẫn điện học, ông đã thành công trong việc khám phá, bằng suy luận từ các quan sát của mình, phương thức vận hành của những “cấu trúc

operandi of the “psychic structures” employed. At a much later stage he was able completely to verify his deductions by direct vision and by photography, as will be explained in due course.

Briefly, it was found that the ectoplasm, exuding from the medium, was prepared and shaped by the “operators” who control the production of the phenomena, into what he terms “rods”. These rods or bars are attached at one end to the medium, and at the other, by suction, to table-legs or other objects, psychic force being then applied through the rods, and tables, etc., moved in various ways, without any purely physical contact with any person present. Raps and many other noises are produced by the rods striking on floor, table, a bell, etc.

By far the greater portion of the ectoplasm is usually obtained from the medium, though this is supplemented by a small portion from all, or most, of the other sitters present.

The ectoplasm can sometimes, even though quite invisible to ordinary sight, be felt. It is described as clammy, cold, reptilian, almost oily, as though the air were mixed with particles of dead and disagreeable matter.

The psychic rods issuing from the medium may vary in diameter at their extremities from ½ inch to 7 or 8 inches, and the free end of each rod seems able to assume various shapes and degrees of hardness. The end may be flat or convex, circular or oval; it may be soft as the flesh of a baby, or as hard as iron. The body of the rod feels solid a few inches from the free end, but then becomes intangible, though it resists, pulls, pushes,

thông linh” được sử dụng. Ở một giai đoạn muộn hơn nhiều, ông đã có thể xác minh hoàn toàn các suy luận của mình bằng thị kiến trực tiếp và bằng nhiếp ảnh, như sẽ được giải thích đúng lúc.

Tóm lại, người ta thấy rằng ngoại chất, tiết ra từ đồng tử, được các “người điều hành” kiểm soát việc tạo ra các hiện tượng chuẩn bị và tạo hình thành cái mà ông gọi là “các thanh”. Những thanh hay trụ này được gắn một đầu vào đồng tử, và đầu kia, bằng lực hút, vào chân bàn hoặc các vật khác; khi ấy mãnh lực thông linh được áp dụng qua các thanh, và bàn, v.v. được di chuyển theo nhiều cách khác nhau mà không có bất kỳ tiếp xúc thuần hồng trần nào với bất kỳ người nào hiện diện. Các tiếng gõ và nhiều tiếng động khác được tạo ra do các thanh đập vào sàn, bàn, một cái chuông, v.v.

Thông thường, phần lớn ngoại chất được lấy từ đồng tử, dù điều này được bổ sung bằng một phần nhỏ từ tất cả, hoặc hầu hết, những người tham dự khác có mặt.

Đôi khi, dù hoàn toàn vô hình đối với thị giác thông thường, ngoại chất vẫn có thể được cảm nhận bằng xúc giác. Nó được mô tả là ẩm dính, lạnh, giống loài bò sát, gần như nhờn, như thể không khí được trộn với các hạt của vật chất chết và khó chịu.

Các thanh thông linh phát ra từ đồng tử có thể thay đổi đường kính ở đầu mút từ ½ inch đến 7 hoặc 8 inch, và đầu tự do của mỗi thanh dường như có thể mang nhiều hình dạng và mức độ cứng khác nhau. Đầu ấy có thể phẳng hoặc lõm, tròn hoặc bầu dục; nó có thể mềm như thịt của một em bé, hoặc cứng như sắt. Thân của thanh có cảm giác rắn chắc cách đầu tự do vài inch, nhưng rồi trở nên không thể sờ nắm, dù nó vẫn chống lại, kéo, đẩy, chịu lực

shear and torque.

In this intangible portion, nevertheless, a flow of cold, spore-like particles can be felt, the flow being outwards from the medium. There appears to be reason to believe that in some cases, though not in levitations, there is a complete circulation of etheric matter out from the medium and back to her again at a different part of the body. The condition of the end of the rod as regards size and hardness can be varied on demand. The larger rods are usually fairly soft at the end, the smaller ones only becoming dense and hard.

W.J. Crawford considers it probable that the rods consist of a bundle of fine threads, intimately connected and adhering to one another. The psychic force passes along the threads, stiffening the whole structure into a rigid girder, which can then be moved as desired by forces applied within the body of the medium.

Certain experiments seem to indicate that the end of a rod consists of a thick and more or less elastic film or skin, stretched over a thin, somewhat serrated, elastic frame. The elasticity of the film is limited, and if too highly stressed the film may rupture, leaving the serrated frame exposed.

The fact that an electroscope can be discharged by being touched by a rod indicates that the rod acts as a conductor of high tension electricity, discharging to earth through the medium's body to which it is attached. On the other hand, a rod placed across the terminals of a bell circuit does not cause the bell to ring, thus showing that it offers high resistance to low-tension current.

cắt và lực xoắn.

Tuy nhiên, trong phần không thể sờ nắm này, có thể cảm nhận được một dòng chảy gồm những hạt lạnh, giống bào tử, dòng chảy hướng ra ngoài từ đồng tử. Dường như có lý do để tin rằng trong một số trường hợp, dù không phải trong các hiện tượng bay lên, có một sự lưu thông hoàn chỉnh của chất liệu dĩ thái đi ra từ đồng tử và trở lại bà ở một phần khác của thân thể. Tình trạng của đầu thanh về kích thước và độ cứng có thể được thay đổi theo yêu cầu. Các thanh lớn hơn thường khá mềm ở đầu, chỉ những thanh nhỏ hơn mới trở nên đậm đặc và cứng.

W.J. Crawford cho rằng có khả năng các thanh gồm một bó những sợi mảnh, liên kết mật thiết và dính chặt vào nhau. Mãnh lực thông linh đi dọc theo các sợi, làm toàn bộ cấu trúc cứng lại thành một dầm rắn chắc, rồi có thể được di chuyển theo ý muốn bởi các mãnh lực được áp dụng bên trong thân thể của đồng tử.

Một số thí nghiệm dường như cho thấy đầu của một thanh gồm một lớp màng hay da dày và ít nhiều đàn hồi, căng trên một khung đàn hồi mỏng, hơi có răng cưa. Độ đàn hồi của lớp màng bị giới hạn, và nếu chịu ứng suất quá cao, lớp màng có thể rách, để lộ khung răng cưa.

Việc một điện nghiệm có thể phóng điện khi bị một thanh chạm vào cho thấy thanh ấy hoạt động như một chất dẫn điện cao thế, phóng điện xuống đất qua thân thể đồng tử mà nó gắn vào. Mặt khác, một thanh đặt ngang qua các đầu cực của mạch chuông lại không làm chuông reo, qua đó cho thấy nó có điện trở cao đối với dòng điện hạ thế.

White light usually destroys rod formations: even rays reflected from a surface on which psychic force is exerted interfere with the phenomena. Red light, however, if not too strong, does not appear to injure the psychic structure, neither does light emanating from luminous paint which has been exposed for some hours to sunlight.

Usually the structures are quite invisible, though occasionally glimpses of them may be obtained. The structures have been successfully photographed by flashlight, but great care must be taken not to injure the medium. The shock to the medium when the flashlight impinges on the ectoplasm is much greater when the structure is under stress than when it is not stressed.

The large number of photographs taken confirm in every detail the conclusions arrived at by deduction from the phenomena themselves.

The rigidity of a rod varies with the amount of light to which it is subjected, the hard end being, as it were, partially melted when exposed to light.

In the case of objects being moved by psychic force there are two principal methods employed. In the first, one or more rods are projected from the medium, very frequently from the feet or ankles, sometimes from the lower part of the trunk, and are attached direct to the object to be moved, thus forming cantilevers. When tables are moved horizontally, the rods would usually be attached to the table-legs; where they are lifted into the air, the rod or rods are often spread out like a mushroom at the ends and attached to the under surface of the table.

Ánh sáng trắng thường phá hủy các hình thành dạng thanh: ngay cả các tia phản chiếu từ một bề mặt trên đó mãnh lực thông linh được tác động cũng cản trở các hiện tượng. Tuy nhiên, ánh sáng đỏ, nếu không quá mạnh, dường như không làm tổn hại cấu trúc thông linh; ánh sáng phát ra từ sơn phát quang đã được phơi dưới ánh mặt trời vài giờ cũng vậy.

Thông thường các cấu trúc hoàn toàn vô hình, dù đôi khi có thể thoáng thấy chúng. Các cấu trúc đã được chụp ảnh thành công bằng đèn chớp, nhưng phải hết sức cẩn thận để không làm tổn thương đồng tử. Cú sốc đối với đồng tử khi ánh đèn chớp chiếu vào ngoại chất lớn hơn nhiều khi cấu trúc đang chịu ứng suất so với khi nó không chịu ứng suất.

Số lượng lớn các bức ảnh được chụp xác nhận từng chi tiết các kết luận đạt được bằng suy luận từ chính các hiện tượng.

Độ cứng của một thanh thay đổi tùy theo lượng ánh sáng mà nó chịu tác động; đầu cứng, có thể nói, bị tan chảy một phần khi phơi ra ánh sáng.

Trong trường hợp các vật được di chuyển bằng mãnh lực thông linh, có hai phương pháp chính được sử dụng. Trong phương pháp thứ nhất, một hoặc nhiều thanh được phóng chiếu từ đồng tử, rất thường từ bàn chân hoặc mắt cá chân, đôi khi từ phần dưới của thân mình, và được gắn trực tiếp vào vật cần di chuyển, do đó tạo thành các dầm chìa. Khi bàn được di chuyển theo phương ngang, các thanh thường gắn vào chân bàn; khi bàn được nâng lên không trung, một hoặc nhiều thanh thường xò ra như cây nấm ở các đầu và gắn vào mặt dưới của bàn.

In the second method, the rod or rods projecting from the medium are attached to the floor, and from the point of attachment they are continued to the object to be moved, thus forming no longer a cantilever but something similar to a lever of the "First Order," the Fulcrum being between the Weight and the Power.

Rods may be either straight or curved. They may also be held suspended in the air in a rigid condition, thus showing that they do not require to be pressing on material bodies in order to remain rigid.

In the case of the cantilever method, the whole of the mechanical stress is transferred to the medium; or, more accurately, the greater portion to the medium, and a much smaller portion to the sitters. This can be ascertained by ordinary mechanical appliances, such as weighing machines and spring balances. If a table is levitated, for example, by means of a cantilever, the weight of the medium will be increased by about 95% of the weight of the table, and that of the other sitters proportionately.

When, on the other hand, the rods are attached to the floor, the weight of a levitated table is transmitted direct to the floor, and the medium's weight, instead of being increased, is *decreased*, the decrease being due to the weight of the ectoplasm forming the rod, one end of which rests on the floor.

When force is transmitted along a rod in order to hold an object, such as a table, firmly to the floor, the weight of the medium has been observed to be reduced by as much as 35 ½ lbs. On another occasion, when the ectoplasmic structure was not stressed, the weight of the medium has been reduced by 54

Trong phương pháp thứ hai, một hoặc nhiều thanh phóng chiếu từ đồng tử được gắn vào sàn, và từ điểm gắn ấy chúng được tiếp tục kéo dài đến vật cần di chuyển, như vậy không còn tạo thành một dầm chìa nữa mà là một thứ tương tự như đòn bẩy "bậc một", trong đó điểm tựa nằm giữa trọng lượng và lực tác động.

Các thanh có thể thẳng hoặc cong. Chúng cũng có thể được giữ lơ lửng trong không khí trong trạng thái cứng chắc, qua đó cho thấy chúng không cần phải tì lên các vật thể vật chất để duy trì độ cứng.

Trong trường hợp phương pháp dầm chìa, toàn bộ ứng suất cơ học được chuyển sang đồng tử; hoặc nói chính xác hơn, phần lớn hơn sang đồng tử, và một phần nhỏ hơn nhiều sang những người tham dự. Điều này có thể được xác định bằng các thiết bị cơ học thông thường, như cân trọng lượng và cân lò xo. Chẳng hạn, nếu một chiếc bàn được nâng lên bằng một dầm chìa, trọng lượng của đồng tử sẽ tăng thêm khoảng 95% trọng lượng của chiếc bàn, và trọng lượng của những người tham dự khác tăng theo tỷ lệ tương ứng.

Mặt khác, khi các thanh được gắn vào sàn, trọng lượng của một chiếc bàn được nâng lên được truyền trực tiếp xuống sàn, và trọng lượng của đồng tử, thay vì tăng lên, lại *giảm xuống*, sự giảm này là do trọng lượng của ngoại chất tạo thành thanh, một đầu của nó tựa trên sàn.

Khi mãnh lực được truyền dọc theo một thanh để giữ một vật, chẳng hạn như chiếc bàn, áp chặt xuống sàn, người ta đã quan sát thấy trọng lượng của đồng tử giảm đến 35 ½ pound. Trong một dịp khác, khi cấu trúc ngoại chất không chịu ứng suất, trọng lượng của đồng tử đã giảm 54 ½ pound, gần bằng

1/2 lbs., nearly half the normal weight of the medium.

Cantilevers are usually employed to move or lift light objects, but for heavy objects or for the transmission of great force, the rod or rods are attached to the floor. Often a force approximating to a hundred weight is exerted.

During levitation of objects the stress on the medium is often apparent in the stiffness, and even iron-like rigidity of the muscles, principally of the arms, but also of the whole muscular system. Later in his investigations, however, W.J.Crawford found that the muscular rigidity had apparently entirely disappeared.

The production of these phenomena appears to result in a permanent loss of weight, both of mediums and sitters, but only to the extent of a few ounces. The sitters may lose more weight than the medium.

As a rule, the placing of any material object within the space occupied by a rod, immediately breaks the line of communication, destroying the rod, as a rod. A thin object, however, such as a pencil, may be passed through the vertical portion of a rod with impunity, but not through the portion between the medium and the table. Interference with this portion may cause physical injury to the medium.

In order to make it possible for a rod to touch or adhere to, e.g., a floor or table, the end of the rod has to be specially prepared, being made denser than the rest of the rod. The process appears to be troublesome, or at least to consume time and force; consequently the

một nửa trọng lượng bình thường của đồng tử.

Các dầm chìa thường được dùng để di chuyển hoặc nâng các vật nhẹ, nhưng đối với các vật nặng hoặc để truyền mãnh lực lớn, một hoặc nhiều thanh được gắn vào sàn. Thường có một mãnh lực xấp xỉ một hundredweight được tác động.

Trong khi các vật được nâng lên, ứng suất lên đồng tử thường biểu hiện ở sự căng cứng, thậm chí cứng như sắt, của các cơ, chủ yếu ở cánh tay, nhưng cũng ở toàn bộ hệ cơ. Tuy nhiên, về sau trong các cuộc khảo sát của mình, W.J. Crawford nhận thấy rằng sự cứng cơ dường như đã hoàn toàn biến mất.

Việc tạo ra các hiện tượng này dường như dẫn đến sự mất trọng lượng vĩnh viễn, cả ở đồng tử lẫn những người tham dự, nhưng chỉ ở mức vài ounce. Những người tham dự có thể mất trọng lượng nhiều hơn đồng tử.

Theo quy luật, việc đặt bất kỳ vật thể vật chất nào vào trong không gian do một thanh chiếm giữ sẽ lập tức cắt đứt đường liên lạc, phá hủy thanh với tư cách là một thanh. Tuy nhiên, một vật mỏng, chẳng hạn như bút chì, có thể được đưa xuyên qua phần thẳng đứng của một thanh mà không gây hại, nhưng không được đưa xuyên qua phần nằm giữa đồng tử và chiếc bàn. Việc can thiệp vào phần này có thể gây tổn thương hồng trần cho đồng tử.

Để một thanh có thể chạm vào hoặc bám dính, chẳng hạn, vào sàn hoặc bàn, đầu của thanh phải được chuẩn bị đặc biệt, làm cho nó đậm đặc hơn phần còn lại của thanh. Tiến trình này dường như phiền phức, hoặc ít nhất là tiêu tốn thời gian và mãnh lực; do đó, các

gripping portions of a structure are always kept to the minimum.

The method of gripping by suction, as can easily be demonstrated by soft clay, referred to below. Sometimes the “suckers” can be heard slipping over the surface of wood, or taking new grips.

Many instances, as well as photographs, are given by W.J.Crawford, of impressions on putty or soft clay, produced by impact of rods. These impressions are often covered with marks similar to the fabric of the medium’s stockings. The resemblance, however, is superficial, it being impossible to produce such impressions by actually pressing a stockinged foot on to the clay. The impression made by the rod is much sharper than can be obtained by ordinary means, and is such as could be obtained if a fine viscous material were to cover the stocking fabric, to harden, and then to be pressed on the clay.

Further, the stocking marks may be greatly modified; the delicate pattern and tracery of the threads may be distorted, thickened, partly covered over, or broken, though still remaining recognisable as that of the stocking fabric. The deduction is that the ectoplasm is at first in a state like that of a semi-liquid: that it oozes through and round the holes in the fabric and partly sets on the outside of the stocking. It is of a glutinous, fibrous nature, and takes almost the exact form of the fabric. It is then pulled off the stocking and built round the end of the rod. For a large impression, the skin is thickened and strengthened by the addition of more materialising matter, and thus the original imprint may be twisted, distorted, or partially obliterated.

phần bám giữ của một cấu trúc luôn được giữ ở mức tối thiểu.

Phương pháp bám giữ bằng lực hút, như có thể dễ dàng chứng minh bằng đất sét mềm, được nói đến dưới đây. Đôi khi có thể nghe thấy các “giác hút” trượt trên bề mặt gỗ, hoặc tạo những điểm bám mới.

W.J. Crawford đưa ra nhiều trường hợp, cũng như các bức ảnh, về những dấu ấn trên bột trét hoặc đất sét mềm, do va chạm của các thanh tạo ra. Những dấu ấn này thường được phủ bằng những vết tương tự như chất vải của tất của đồng tử. Tuy nhiên, sự giống nhau ấy chỉ ở bề mặt, vì không thể tạo ra những dấu ấn như vậy bằng cách thật sự ấn một bàn chân mang tất lên đất sét. Dấu ấn do thanh tạo ra sắc nét hơn nhiều so với điều có thể đạt được bằng các phương tiện thông thường, và là loại dấu ấn có thể có được nếu một chất liệu nhớt mịn bao phủ chất vải của tất, đông cứng lại, rồi được ấn lên đất sét.

Hơn nữa, các dấu vết của tất có thể bị biến đổi rất nhiều; hoa văn tinh tế và các đường nét của sợi có thể bị méo mó, dày lên, bị che phủ một phần, hoặc bị đứt đoạn, dù vẫn còn nhận ra là của chất vải tất. Suy luận là ngoại chất lúc đầu ở trạng thái giống như bán lỏng: nó rỉ qua và quanh các lỗ trong chất vải, rồi một phần đông lại ở mặt ngoài của tất. Nó có bản chất dính, dạng sợi, và gần như lấy đúng hình dạng của chất vải. Sau đó nó bị kéo ra khỏi tất và được xây dựng quanh đầu của thanh. Đối với một dấu ấn lớn, lớp da được làm dày và tăng cường bằng cách thêm vào nhiều chất liệu hiện hình hơn, và như vậy dấu in ban đầu có thể bị xoắn vặn, méo mó hoặc bị xóa mờ một phần.

Similarly, finger impressions may be made by a rod, though these may be different in size from normal ones, and may be much more clearly and regularly cut than would be possible with ordinary finger impressions.

Raps, ranging from the slightest taps to blows of sledgehammer strength, as well as many other sounds, are produced by semi-flexible rods, with suitably prepared ends, being struck against material objects. The production of raps is accompanied by decrease of the medium's weight, the amount of decrease, which may be as much as 20 lbs. – or more, being apparently directly proportional to the intensity of the rap. The reason is apparent: the rods being formed of matter from the medium's body, the striking of such matter on the floor, etc., necessarily transfers some of the medium's total weight through the rod to the floor. The loss of weight is temporary only, being restored when the material of the rods returns to the medium.

The production of raps causes a mechanical reaction on the medium, as though she were being pushed backwards or struck. This reaction may cause her to make slight motions with her feet. The stress on the medium, however, is nothing like that caused by the levitation of objects.

Heavy blows, produced by a large rod, are not usually delivered quickly. Light raps, however, usually produced by two or more thin rods, may be produced with incredible rapidity, the “operators” appearing to have great command over the rods.

In general, the production of these phenomena throws stress on all the sitters, as is apparent by spasmodic jerks, sometimes

Tương tự, các dấu ấn ngón tay có thể được tạo ra bởi một thanh, dù chúng có thể khác kích thước so với dấu bình thường, và có thể được khắc rõ ràng, đều đặn hơn nhiều so với điều có thể có với dấu ngón tay thông thường.

Các tiếng gõ, từ những tiếng chạm nhẹ nhất đến những cú đánh mạnh như búa tạ, cũng như nhiều âm thanh khác, được tạo ra bởi các thanh bán linh hoạt, với các đầu được chuẩn bị thích hợp, đập vào các vật thể vật chất. Việc tạo ra tiếng gõ đi kèm với sự giảm trọng lượng của đồng tử; mức giảm, có thể lên đến 20 pound — hoặc hơn, dường như tỷ lệ thuận với cường độ của tiếng gõ. Lý do khá rõ: vì các thanh được tạo thành từ chất liệu của thân thể đồng tử, nên việc chất liệu ấy đập vào sàn, v.v., tất yếu chuyển một phần tổng trọng lượng của đồng tử qua thanh xuống sàn. Sự mất trọng lượng chỉ là tạm thời, được phục hồi khi chất liệu của các thanh trở về đồng tử.

Việc tạo ra tiếng gõ gây nên một phản ứng cơ học trên đồng tử, như thể bà đang bị đẩy lùi về phía sau hoặc bị đánh. Phản ứng này có thể khiến bà tạo ra những cử động nhẹ bằng bàn chân. Tuy nhiên, ứng suất trên đồng tử hoàn toàn không giống như ứng suất do việc nâng các vật lên gây ra.

Những cú đánh nặng, do một thanh lớn tạo ra, thường không được giáng nhanh. Tuy nhiên, các tiếng gõ nhẹ, thường do hai hoặc nhiều thanh mảnh tạo ra, có thể được tạo ra với tốc độ khó tin, các “người điều hành” dường như có quyền kiểm soát rất lớn đối với các thanh.

Nói chung, việc tạo ra những hiện tượng này đặt ứng suất lên tất cả những người tham dự, như có thể thấy qua những cú giật co thắt, đôi

quite severe, which go round the whole circle previous to levitation. It would appear that the process of loosening and removing etheric matter from the bodies of the sitters takes place in jerks, and, to some extent, affects them altogether.

W.J.Crawford reports that an entity, purporting to have been whilst alive a medical man, and so to speak through the medium (on this occasion entranced for the purpose), stated that there are two kinds of substance used in the production of phenomena. One is taken in comparatively large quantities from the medium and sitters, all, or nearly all, being returned to them at the close of a séance . The other can be obtained only from the medium, and as it consists of the most vital material from the interior of her nerve-cells, it can be taken only in minute quantities without injury to the medium. Its structure is broken up by the phenomena, and therefore it cannot be returned to the medium. This statement has not been verified or confirmed in any way and is given purely on its merits.

W.J. Crawford devised and used with great success the “staining method” of tracing the movements of ectoplasm. Ectoplasm possessing the property of adhering strongly to such a substance as powdered carmine, the latter is placed in its path, when a coloured track will be found. By this means, it was discovered that ectoplasm issues from and returns to the lower part of the trunk of the medium. It has considerable consistency, for it has a strong tearing action on the stockings and of other clothing and will sometimes pull out whole threads, several inches long, from a stocking, carry, and deposit the same in a vessel of clay placed some distance from the medium’s feet.

khí khá mạnh, lan quanh toàn bộ vòng tròn trước khi hiện tượng bay lên xảy ra. Đường như tiến trình nói lỏng và rút chất liệu dĩ thái khỏi thân thể của những người tham dự diễn ra theo từng cơn giật, và ở một mức độ nào đó, tác động đến tất cả họ cùng lúc.

W.J. Crawford thuật lại rằng một thực thể, tự nhận khi còn sống từng là một bác sĩ, và nói qua đồng tử, vốn trong dịp này đã xuất thần vì mục đích ấy, tuyên bố rằng có hai loại chất liệu được dùng trong việc tạo ra các hiện tượng. Một loại được lấy với số lượng tương đối lớn từ đồng tử và những người tham dự, tất cả, hoặc gần như tất cả, được trả lại cho họ khi kết thúc buổi gọi hồn. Loại kia chỉ có thể lấy từ đồng tử, và vì nó gồm chất liệu thiết yếu nhất từ bên trong các tế bào thần kinh của bà, nên chỉ có thể lấy với lượng rất nhỏ mà không làm tổn hại đồng tử. Cấu trúc của nó bị các hiện tượng phá vỡ, và vì thế nó không thể được trả lại cho đồng tử. Lời tuyên bố này chưa được kiểm chứng hay xác nhận bằng bất kỳ cách nào và được nêu ra thuần túy theo giá trị tự thân của nó.

W.J. Crawford đã nghĩ ra và sử dụng rất thành công “phương pháp nhuộm màu” để truy vết các chuyển động của ngoại chất. Vì ngoại chất có đặc tính bám dính mạnh vào một chất như bột carmine, chất sau được đặt trên đường đi của nó, khi ấy sẽ thấy một vệt màu. Bằng phương tiện này, người ta phát hiện rằng ngoại chất phát ra từ phần dưới thân mình của đồng tử và trở về đó. Nó có độ đặc đáng kể, vì nó có tác động xé mạnh lên tất và các quần áo khác, và đôi khi sẽ kéo ra cả những sợi chỉ dài vài inch từ một chiếc tất, mang đi, rồi đặt chúng vào một bình đất sét đặt cách chân đồng tử một khoảng.

The ectoplasm follows a path down the legs and enters the shoes, passing between stocking and shoe, wherever there is space. If it has picked up dye on its way it will deposit this at any place where foot, stocking and shoe are in close contact, i.e., where there is not sufficient room for it to pass.

The solidification, as well as the dematerialisation, of the hard end of a rod is effected immediately the rod issues from the medium's body. For this reason, the free end of the rod, unless it be one of the thinnest, cannot penetrate closely woven cloth, or even wire netting of 1 inch mesh, if placed more than an inch or two in front of the medium. If such screens, however, are very close to the medium's body, an imperfect materialisation of the end of the rod may take place and limited psychic phenomena may occur.

The evolution of ectoplasm from the body of a medium is accompanied by strong muscular movements all over the body, and the fleshy parts of the body, especially from the waist downwards, become reduced in size, as though the flesh had caved in.

W.J. Crawford is convinced that in the production of séance-room phenomena there are at least two substances employed: (1) a component, forming the basic part of the psychic structure, which is invisible, impalpable, and generally outside the range of physical things altogether, and (2) a whitish, transparent, nebulous substance, mixed with (1) in order to enable (1) to act on physical matter; (2) he considers, is in all probability identical with the material used in materialisation phenomena.

Many phenomena of materialisation are described, with that scrupulous and minute

Ngoại chất đi theo một đường xuống hai chân và vào giày, đi qua giữa tất và giày, ở bất cứ nơi nào có khoảng trống. Nếu nó đã thu lấy thuốc nhuộm trên đường đi, nó sẽ để lại chất này ở bất kỳ nơi nào mà bàn chân, tất và giày tiếp xúc sát nhau, tức là nơi không có đủ chỗ cho nó đi qua.

Sự rắn lại, cũng như sự giải hiện hình, của đầu cứng của một thanh được thực hiện ngay khi thanh ấy phát ra khỏi thân thể đồng tử. Vì lý do này, đầu tự do của thanh, trừ khi nó thuộc loại mảnh nhất, không thể xuyên qua vải dệt khít, hoặc thậm chí lưới thép mắt 1 inch, nếu được đặt cách đồng tử hơn một hoặc hai inch. Tuy nhiên, nếu những màn chắn như thế rất gần thân thể đồng tử, sự hiện hình không hoàn hảo của đầu thanh có thể diễn ra và các hiện tượng thông linh giới hạn có thể xảy ra.

Sự xuất lộ của ngoại chất từ thân thể đồng tử đi kèm với những chuyển động cơ mạnh trên khắp thân thể, và các phần thịt của thân thể, đặc biệt từ eo trở xuống, giảm kích thước, như thể thịt đã lõm vào.

W.J. Crawford tin chắc rằng trong việc tạo ra các hiện tượng phòng gọi hồn có ít nhất hai chất được sử dụng: (1) một thành phần tạo nên phần căn bản của cấu trúc thông linh, vô hình, không thể sờ nắm, và nói chung hoàn toàn nằm ngoài phạm vi của những vật hồng trần; và (2) một chất màu trắng nhạt, trong suốt, như sương mù, được trộn với (1) để giúp (1) tác động lên vật chất hồng trần; ông cho rằng (2), rất có khả năng, đồng nhất với chất liệu được dùng trong các hiện tượng hiện hình.

Nhiều hiện tượng hiện hình được mô tả, với sự chú ý tỉ mỉ và cẩn kẽ đến chi tiết vốn rất đặc

attention to detail so characteristic of German investigators, in a large work entitled *Phenomena of Materialisation*, by Baron von Schrenck Notzing (1913), and translated by E.E. Fournier d'Albe, D.Sc. (1920).

In addition, to elaborate descriptions of large numbers of séances and phenomena, there are given some 200 photographs of materialised forms, or apparitions of many kinds, ranging from threads or masses of ectoplasm to fully-formed faces. The main conclusions may be epitomised as follows. These are taken largely, for convenience, from a lecture on “Supra-normal Physiology and the Phenomena of Ideoplastics,” by Dr. Gustave Geley, a Paris psychologist and physician, which is printed at the end of baron Notzing's book.

From the body of the medium there emanates a substance which at first is amorphous or polymorphous. It may appear as ductile dough, a true protoplasmic mass, a kind of shaking jelly, simple lumps, thin threads, cords, narrow rigid rays, a broad band, a membrane, fabric, woven material or net with fringes and rucks.

The thread – or fibre-like nature of the substance has frequently been observed.

It maybe white, black or grey, sometimes all three appearing together: white is perhaps the most frequent. It appears to be luminous.

Usually it seems to be odourless, though sometimes it may have a peculiar smell, impossible to describe. There seems no doubt that it is subject to the influence of gravity.

To the touch, it may be moist and cold,

trung của các nhà nghiên cứu Đức, trong một tác phẩm lớn nhan đề *Các Hiện Tượng Hiện Hình*, của Nam tước von Schrenck Notzing (1913), và do E.E. Fournier d'Albe, Tiến sĩ khoa học, dịch (1920).

Ngoài những mô tả công phu về số lượng lớn các buổi gọi hồn và hiện tượng, còn có khoảng 200 bức ảnh về các hình tượng đã hiện hình, hoặc những dạng hiện ra thuộc nhiều loại, từ các sợi hay khối ngoại chất cho đến những khuôn mặt được hình thành hoàn chỉnh. Các kết luận chính có thể được tóm lược như sau. Để tiện, những điều này phần lớn được lấy từ một bài giảng về “Sinh Lý Học Siêu Thường và Các Hiện Tượng Tạo Hình Ý Tưởng”, của Tiến sĩ Gustave Geley, một nhà tâm lý học và bác sĩ ở Paris, được in ở cuối sách của Nam tước Notzing.

Từ thân thể của đồng tử phát xuất một chất lúc đầu vô định hình hoặc đa hình. Nó có thể xuất hiện như bột nhào dẻo, một khối nguyên sinh chất thực sự, một loại thạch rung động, những cục đơn giản, sợi mảnh, dây, các tia hẹp cứng, một dải rộng, màng, vải, chất liệu dệt hoặc lưới có tua và nếp nhăn.

Bản chất dạng sợi — hay dạng xơ — của chất này đã được quan sát thường xuyên.

Nó có thể trắng, đen hoặc xám, đôi khi cả ba xuất hiện cùng nhau: màu trắng có lẽ là thường gặp nhất. Nó dường như phát sáng.

Thông thường nó dường như không mùi, dù đôi khi có thể có một mùi đặc biệt, không thể mô tả. Dường như không còn nghi ngờ gì rằng nó chịu ảnh hưởng của trọng lực.

Khi chạm vào, nó có thể ẩm và lạnh, nhớt và

viscous and sticky, more rarely dry and hard. When expanded it is soft and slightly elastic, when formed as cords it is hard, knotty and fibrous. It may feel like a spider's web passing over the hand: the threads are both rigid and elastic. It is mobile, with a creeping, reptilian motion, though sometimes it moves suddenly and quickly. A draught may set it in motion. Touching it produces a painful reaction on the medium. It is extremely sensitive and appears and disappears with lightning rapidity. It is usually sensitive to light, though sometimes the phenomena will withstand full daylight. Flashlight photographs of it can be taken, though the flash acts like a sudden blow on the medium.

During the production of the phenomena the cabinet, containing the medium, is usually in darkness, but the curtains are frequently drawn aside, and outside the cabinet, red light is used, and sometimes even white light up to 100 candlepower.

The substance has an irresistible tendency towards organisation. It assumes many forms, sometimes indefinite and non-organised, but most frequently organic. Fingers, including nails, all perfectly modelled, complete hands, faces, and other shapes may be formed.

The substance emanates from the whole body of the medium, but especially from the natural orifices and extremities, from the top of the head, the breasts, and the fingertips. The most usual origin, and most easily observed, is the mouth, the inner surface of the cheeks, the gums and the roof.

The materialised forms have a certain independence, a hand, for example, being

đính, hiếm hơn thì khô và cứng. Khi giãn rộng, nó mềm và hơi đàn hồi; khi được tạo thành dây, nó cứng, có nút và dạng sợi. Nó có thể có cảm giác như mạng nhện lướt qua bàn tay: các sợi vừa cứng vừa đàn hồi. Nó linh động, với một chuyển động bò trườn, giống loài bò sát, dù đôi khi nó chuyển động đột ngột và nhanh chóng. Một luồng gió có thể làm nó chuyển động. Chạm vào nó gây ra một phản ứng đau đớn nơi đồng tử. Nó cực kỳ nhạy cảm và xuất hiện rồi biến mất nhanh như chớp. Nó thường nhạy với ánh sáng, dù đôi khi các hiện tượng có thể chịu được ánh sáng ban ngày đầy đủ. Có thể chụp ảnh nó bằng đèn chớp, dù ánh chớp tác động như một cú đánh đột ngột lên đồng tử.

Trong khi các hiện tượng được tạo ra, tử chứa đồng tử thường ở trong bóng tối, nhưng các rèm thường được kéo sang một bên, và bên ngoài tử người ta dùng ánh sáng đỏ, đôi khi thậm chí dùng ánh sáng trắng đến 100 nến.

Chất này có một khuynh hướng không cưỡng lại được hướng đến tổ chức. Nó mang nhiều hình dạng, đôi khi không xác định và không có tổ chức, nhưng thường xuyên nhất là hữu cơ. Các ngón tay, gồm cả móng, tất cả đều được tạo mẫu hoàn hảo, các bàn tay hoàn chỉnh, khuôn mặt và những hình dạng khác có thể được hình thành.

Chất này phát xuất từ toàn bộ thân thể đồng tử, nhưng đặc biệt từ các lỗ tự nhiên và các đầu chi, từ đỉnh đầu, ngực và đầu ngón tay. Nguồn gốc thường gặp nhất, và dễ quan sát nhất, là miệng, mặt trong của má, nướu và vòm miệng.

Các hình tượng đã hiện hình có một mức độ độc lập nhất định; chẳng hạn, một bàn tay có

able to move its fingers and grasp the hand of the observer, though sometimes the human skin seems to repel the phantoms. The structures are sometimes smaller than in nature, being really miniatures. The back of the materialisations has been observed to be without organic form, being merely a mass of amorphous substance, the forms containing a minimum of substance necessary to make them appear real. The forms may disappear very gradually, fading away, or almost instantaneously. During the whole time it is clear that the forms are in physiological and psychical connection with the medium, the sensation reflex of the structures coalescing with that of the medium. Thus, a pin inserted into the substance would cause pain to the medium.

It seems that the substance can be influenced both by the general direction and the subject-matter of the thoughts of the sitters. In addition, the medium usually in the hypnotic state, is exceedingly open to the influence of suggestion.

Pieces of materialised forms have been seized in a porcelain dish and retained. On one occasion, when examined afterwards, two pieces of skin were found which, under the microscope, were recognised as human. On another occasion, 3 or 4 c.c. of a transparent liquid, without air bubbles, were found. Analysis revealed a colourless, slightly turbid, non-viscous, odourless liquid, slightly alkaline, with a whitish precipitate. The microscope disclosed the components of cell detritus and saliva, the substance evidently originating from the mouth. On yet another occasion, a bundle of hair, not in any way resembling the darker hair of the medium, was found, the hand of the observer being covered with mucus and moisture. In

thể cử động các ngón và nắm lấy tay của người quan sát, dù đôi khi da người dường như đẩy lùi các bóng hình. Các cấu trúc đôi khi nhỏ hơn trong tự nhiên, thật ra là những hình thu nhỏ. Mặt sau của các hiện hình đã được quan sát thấy là không có hình dạng hữu cơ, chỉ là một khối chất vô định hình, các hình tượng chứa lượng chất tối thiểu cần thiết để khiến chúng trông có vẻ thật. Các hình tượng có thể biến mất rất dần dần, mờ nhạt đi, hoặc gần như tức thời. Trong suốt thời gian ấy, rõ ràng các hình tượng ở trong mối liên hệ sinh lý và thông linh với đồng tử, phản xạ cảm giác của các cấu trúc hòa nhập với phản xạ của đồng tử. Vì vậy, một chiếc kim ghim cắm vào chất này sẽ gây đau cho đồng tử.

Dường như chất này có thể chịu ảnh hưởng cả bởi hướng chung lẫn chủ đề tư tưởng của những người tham dự. Ngoài ra, đồng tử, thường ở trạng thái thôi miên, cực kỳ dễ chịu ảnh hưởng của ám thị.

Các mảnh của những hình tượng đã hiện hình đã được bắt giữ trong một đĩa sứ và giữ lại. Trong một dịp, khi được xét nghiệm về sau, người ta tìm thấy hai mảnh da mà dưới kính hiển vi được nhận ra là da người. Trong một dịp khác, người ta tìm thấy 3 hoặc 4 c.c. một chất lỏng trong suốt, không có bọt khí. Phân tích cho thấy đó là một chất lỏng không màu, hơi đục, không nhớt, không mùi, hơi kiềm, với một kết tủa trắng nhạt. Kính hiển vi cho thấy các thành phần của mảnh vụn tế bào và nước bọt, chất này rõ ràng bắt nguồn từ miệng. Trong một dịp khác nữa, người ta tìm thấy một bó tóc, không hề giống với mái tóc sẫm màu hơn của đồng tử, trong khi bàn tay của người quan sát phủ đầy chất nhầy và độ ẩm. Ngoài ra, đôi khi cũng tìm thấy các mảnh của

addition, fragments of other substances are sometimes found, such as face powder or shreds of the mediums clothing.

những chất khác, chẳng hạn như phấn mặt hoặc các mảnh vụn từ quần áo của đồng tử.

CHAPTER XXV – CHƯƠNG XXV

CONCLUSION – KẾT LUẬN

Considerable as is the total of information at present available regarding man's etheric body and etheric phenomena in general, nevertheless, the serious student will at once perceive that the field for future research is vastly greater than the fragments of it which have so far been explored.

In view of the intimate bearing which the structure, nourishment and health of the etheric body have on physical health, and on the functioning, not only of the physical body, but also of the other bodies in their connection with the physical, it is abundantly evident that research into every class of etheric phenomena should lead to discoveries of great scientific interest and beneficent import to man.

A number of methods of conducting such research is open to us. First, we have the method of direct clairvoyant observation, it being probable, in view of the rapid development of certain sections of the human race at the present time, that large numbers of persons will find themselves, in the not distant future, in possession of etheric faculties.

In addition to etheric faculties, normally unfolded in the ordinary course of evolution, Dr. Kilner's line of work appears to indicate that these faculties may be stimulated by the use of screens, such as

employed, and possibly by other physical [sử dụng những màn lọc như ông đã dùng](#), means yet to be devised. Both mesmerism [và có thể bằng những phương tiện hồng](#) and hypnotism might also, with adequate [trần khác còn chưa được phát minh](#). Cả thôi safeguards, be employed to make available [miền từ lực và thôi miền cũng có thể](#), với latent etheric faculty. The use of [những biện pháp bảo vệ thích đáng](#), được photography may in the future become [sử dụng để làm cho quan năng dĩ thái tiềm](#) very extensive and important, the salts [ẩn trở nên khả dụng](#). Việc sử dụng nhiếp used in the photographic plate being [ảnh trong tương lai có thể trở nên rất rộng](#) sensitive to wavelengths and degrees of [rãi và quan trọng](#), vì các muối dùng trong light beyond the reach of the normal eye. A [bản kính nhiếp ảnh nhạy với những bước](#) further method of research, using [sóng và mức độ ánh sáng vượt ngoài tầm](#) ultraviolet light, also offers great promise. [của mắt bình thường](#). Một phương pháp A laboratory for this purpose has recently [nghiên cứu khác](#), dùng ánh sáng tử ngoại, been opened at Leeds through the initiative [cũng hứa hẹn rất nhiều](#). Một phòng thí and farseeing enterprise of some members [nghiệm cho mục đích này gần đây đã được](#) of the Theosophical Society in that town. [mở tại Leeds nhờ sáng kiến và tinh thần](#) tiên phong nhìn xa của một số hội viên Hội Thông Thiên Học tại thành phố ấy.

The methods employed by W.J. Crawford [Các phương pháp mà W.J. Crawford đã sử](#) may well be pursued by other workers, and [dụng rất đáng để những người hoạt động](#) additions thus be made to the exceedingly [khác tiếp tục theo đuổi](#), và nhờ đó có thể bổ valuable results obtained by the able [sung thêm vào những kết quả vô cùng giá](#) investigator named. [trị mà nhà khảo cứu tài năng được nêu tên](#) ấy đã đạt được.

As to the desirability of utilising the séance [Về tính đáng mong muốn của việc sử dụng](#) room for obtaining such materialisation [phòng gọi hồn để thu được những hiện](#) phenomena as those obtained, e.g., By [tượng hiện hình như các hiện tượng đã](#) Baron von Notzing, there is likely to be [được Nam tước von Notzing thu nhận](#), divergence of opinion. It is fairly generally [chẳng hạn](#), rất có thể sẽ có sự khác biệt ý admitted that phenomena of this nature [kiến](#). Khá rộng rãi người ta thừa nhận rằng may easily be highly injurious to the [những hiện tượng thuộc bản chất này có](#) medium, both physically and in other [thể dễ dàng gây tổn hại nghiêm trọng cho](#) ways, and there is also something [đồng tử, cả về thể xác lẫn theo những cách](#) distinctly unsavoury about the [khác](#), và cũng có điều gì đó rõ rệt là khó chịu materialisations produced by these means. [nơi những hiện hình được tạo ra bằng các](#) On the other hand, it may be urged that if [phương tiện này](#). Mặt khác, người ta có thể mediums are willing to sacrifice [viện rằng nếu các đồng tử sẵn lòng hy sinh](#) themselves in the cause of science, science [chính mình vì sự nghiệp khoa học](#), thì khoa is justified in accepting such sacrifices; and, [học có lý do chính đáng để chấp nhận](#) further, that science as such has no [những hy sinh ấy](#); hơn nữa, khoa học với tư concern with the savouriness, or [cách là khoa học không liên quan gì đến](#)

otherwise, of natural phenomena. It seems fairly certain, however, that the highest spiritual teachers of the present day do not look with favour on the séance-room. Yet it may be argued that in other ages the use of vestal virgins, soothsayers, "prophets" and other mediums, received the sanction and approval of high authorities. The present writer, therefore, refrains from offering any dogmatic conclusion on this point.

tính dễ chịu hay ngược lại của các hiện tượng tự nhiên. Tuy nhiên, dường như khá chắc chắn rằng các huấn sư tinh thần cao nhất của thời nay không nhìn phòng gọi hồn với sự tán thành. Dầu vậy, người ta có thể lập luận rằng trong những thời đại khác, việc sử dụng các trinh nữ giữ lửa thiêng, các nhà tiên tri, "ngôn sứ" và những đồng tử khác đã nhận được sự chuẩn thuận và tán thành của các thẩm quyền cao. Vì vậy, tác giả hiện nay tự kiểm chế không đưa ra bất kỳ kết luận giáo điều nào về điểm này.

The possibility of utilising knowledge of etheric phenomena for purposes of healing would appear to be almost limitless. For many cases of disease, physical, emotional and mental, the employment of vital or magnetic healing, and also mesmerism and hypnotism, would seem to be in line with the general progress of thought in this direction. In particular, the use of mesmerism to produce anæsthesia for surgical or other purposes, in place of ether, gas, or chloroform, would appear to possess many recommendations.

Khả năng sử dụng tri thức về các hiện tượng dĩ thái cho mục đích chữa lành dường như hầu như vô hạn. Đối với nhiều trường hợp bệnh tật, thuộc hồng trần, cảm xúc và trí tuệ, việc dùng phương pháp chữa lành bằng sinh lực hay từ tính, cũng như phù hợp với tiến bộ chung của tư tưởng theo hướng này. Đặc biệt, việc dùng thôi miên từ lực để tạo ra trạng thái gây mê cho phẫu thuật hoặc các mục đích khác, thay cho ê-te, khí gây mê hay cloroform, dường như có nhiều điểm đáng khuyến nghị.

It may also be surmised that the science of Osteopathy, in conjunction with the study of the force-centres and the flow of vitality in the human body, should lead to valuable results.

Cũng có thể suy đoán rằng khoa nắn chỉnh xương, kết hợp với việc nghiên cứu các trung tâm mãnh lực và dòng sinh lực trong thể con người, sẽ dẫn đến những kết quả có giá trị.

The remarkable discoveries of Dr. Abrams, which appear to have been accepted, at least partially, by the medical profession, would seem to be capable of conferring almost incalculable benefit on the disease-ridden human race of today. Although it is not -, the present writer believes, rigidly proved, yet it would appear to be almost certain that the methods employed in the

Những khám phá đáng chú ý của Bác sĩ Abrams, dường như đã được giới y khoa chấp nhận, ít nhất một phần, có vẻ có khả năng đem lại lợi ích hầu như không thể tính toán cho nhân loại ngày nay đang đầy bệnh tật. Mặc dù, tác giả hiện nay tin rằng, điều ấy chưa được chứng minh một cách nghiêm ngặt, nhưng dường như gần như chắc chắn rằng các phương pháp được sử

Abrams system act, directly or indirectly, **dụng trong hệ thống Abrams tác động, trực tiếp hoặc gián tiếp, lên và xuyên qua thể dĩ thái.**

The recent revival of healing by various **Sự hồi sinh gần đây của việc chữa lành do** Christian churches would also seem to **hiều giáo hội Ki-tô giáo thực hiện cũng** have a great future, and there can be little **đường như có một tương lai lớn lao, và hầu** doubt that such methods, while far from **như không thể nghi ngờ rằng các phương** being wholly physical, yet do work, to some **pháp như thế, tuy còn xa mới hoàn toàn** extent, through etheric matter. **thuộc hồng trần, vẫn thật sự tác động, ở một mức độ nào đó, xuyên qua vật chất dĩ thái.**

The possibility of utilising our knowledge **Tuy nhiên, khả năng sử dụng tri thức của** of etheric phenomena extends, however, **chúng ta về các hiện tượng dĩ thái còn mở** even further afield than is roughly **rộng xa hơn nữa so với những gì đã được chỉ** indicated above. Thus it seems more than **ra một cách sơ lược ở trên. Vì vậy, dường** probable that an important, and hitherto **như rất có khả năng rằng một yếu tố quan** almost unrecognised, factor in the **trọng, và cho đến nay hầu như chưa được** treatment of disease and the preservation **nhận ra, trong việc điều trị bệnh tật và duy** of health would derive from the etheric, **trì sức khỏe sẽ xuất phát từ phương diện dĩ** apart from the purely physical properties **thái, tách khỏi những thuộc tính thuần túy** of drugs, waters, gases, the air, emanations **hồng trần của thuốc men, nước, khí, không** of soils and minerals, fruit, flowers and **khí, các phát xạ của đất và khoáng vật, trái** trees. It is possible in the future that we **cây, hoa và cây cối. Có thể trong tương lai** may discover health resorts, either on land, **chúng ta sẽ khám phá ra những nơi dưỡng** lake or sea, which depend for their curative **bệnh, trên đất liền, bên hồ hoặc trên biển,** powers on their etheric properties. **vốn có quyền năng chữa trị tùy thuộc vào các thuộc tính dĩ thái của chúng.**

The attention which has recently been **Sự chú ý gần đây dành cho việc sử dụng ánh** devoted to the wider use of sunlight **sáng mặt trời rộng rãi hơn hiển nhiên có** obviously has a close bearing on what we **liên hệ mật thiết với những gì chúng ta biết** know concerning the emanations of Prâna **về các phát xạ prana từ mặt trời, sự khuếch** from the sun, and its diffusion in the **tán của nó trong bầu khí quyển, và sự hấp** atmosphere, and its absorption by living **thụ nó bởi các sinh linh sống.** beings.

It may be that further knowledge of etheric **Có thể tri thức sâu rộng hơn về các hiện** and vital phenomena may lead to a **tượng dĩ thái và sinh lực sẽ dẫn đến một sự** profound change of attitude towards the **thay đổi sâu sắc trong thái độ đối với việc sử** use in medicine and dietetics of substances **dụng trong y học và dinh dưỡng học những** which have passed through, or are derived **chất đã đi qua, hoặc được lấy từ, các cơ thể**

from, animal organisms.

động vật.

It is a reasonable conjecture that those elusive substances known as vitamins may owe their beneficent properties to the presence in them, in one form or another of Prâna, or possibly to the quality of the etheric matter they contain.

Có thể hợp lý khi phỏng đoán rằng những chất khó nắm bắt được gọi là vitamin có thể có các thuộc tính hữu ích của chúng nhờ sự hiện diện trong chúng, dưới hình thức này hay hình thức khác, của prana, hoặc có lẽ nhờ phẩm tính của vật chất dĩ thái mà chúng chứa đựng.

A recognition of the fact that the vitality of the body is derived, not from food, but direct from the atmosphere, may well lead to a radical change in the dietetic treatment of sick persons, and also to a much greater use of fasting as a curative energy. Those who are familiar with the literature of fasting will no doubt be aware that several writers on this interesting subject have already deduced from actual observation that the connection between assimilation of food and the acquirement of vital energy is very far from being simple or direct.

Việc nhận ra sự kiện rằng sinh lực của thể không phát sinh từ thực phẩm, mà trực tiếp từ bầu khí quyển, rất có thể dẫn đến một sự thay đổi triệt để trong việc điều trị người bệnh bằng dinh dưỡng, cũng như đến việc sử dụng nhịn ăn rộng rãi hơn nhiều như một năng lượng chữa trị. Những ai quen thuộc với văn liệu về nhịn ăn chắc hẳn sẽ biết rằng một số tác giả viết về đề tài thú vị này đã suy ra từ quan sát thực tế rằng mối liên hệ giữa sự đồng hóa thực phẩm và việc tiếp nhận năng lượng sinh lực còn rất xa mới là đơn giản hay trực tiếp.

It is now generally recognised that the use of electricity for curative purposes has not fulfilled all that was at first hoped for it. It may be that a deeper knowledge of etheric phenomena will be of assistance in devising better methods of utilising electricity for curative purposes: the association of electricity with etheric matter) of which the Etheric Double is composed) is a phenomenon which may thus be turned to valuable account.

Hiện nay, người ta nhìn chung thừa nhận rằng việc sử dụng điện cho mục đích chữa trị đã không đáp ứng trọn vẹn mọi điều ước. Có thể một tri thức sâu hơn về các hiện tượng dĩ thái sẽ hỗ trợ trong việc nghĩ ra những phương pháp tốt hơn để sử dụng điện cho mục đích chữa trị: sự liên kết của điện với vật chất dĩ thái, (vốn cấu thành bản sao dĩ thái, là một hiện tượng do đó có thể được vận dụng vào những mục đích có giá trị.

In fact, it would scarcely be too much to say, that in the future the etheric body, being the habitat, so to say, of the life-principle in its physical aspect, may receive as much attention as, or even more than, is now given to the material physical body. The utilisation eventually, of energy

Thật vậy, hầu như không quá đáng khi nói rằng trong tương lai thể dĩ thái, có thể nói là nơi cư ngụ của nguyên khí sự sống trong phương diện hồng trần của nó, có thể nhận được sự chú ý nhiều ngang bằng, hoặc thậm chí nhiều hơn, sự chú ý hiện nay dành cho thể xác vật chất. Việc cuối cùng sử dụng

associated with the physical ether, for năng lượng liên kết với dĩ thái hồng trần many purposes, is obvious, and needs no cho nhiều mục đích là điều hiển nhiên, và ở insistence here. The student of occultism, đây không cần nhấn mạnh. Tuy nhiên, đạo however, will recollect the warning that sinh huyền bí học sẽ nhớ lại lời cảnh báo men will not be permitted to release the rằng con người sẽ không được phép giải almost incalculable forces latent in atomic phóng những mãnh lực hầu như không thể matter until it is assured that such forces tính toán đang tiềm ẩn trong vật chất will be used beneficently, and not for the nguyên tử cho đến khi có sự bảo đảm rằng purposes of destruction, as has các mãnh lực ấy sẽ được sử dụng một cách unfortunately happened in the case of so thiện ích, chứ không nhằm mục đích hủy diệt, như đáng tiếc đã xảy ra trong trường hợp của rất nhiều khám phá trong quá khứ.

It is further evident that the discovery of Hơn nữa, rõ ràng việc khám phá các cấp độ the etheric grades of matter will open up dĩ thái của vật chất sẽ mở ra những viễn new vistas in chemistry and physics, and cảnh mới trong hóa học và vật lý học, và may even be turned to useful account in thậm chí có thể được vận dụng hữu ích the production of food substances of all trong việc sản xuất đủ loại chất thực phẩm, kinds, of electrical conductors or các chất dẫn điện hay cách điện, vật liệu insulators, materials for clothing , and may mặc, và nhiều chất khác được sử dụng many other substances used in daily life. trong đời sống hằng ngày.

Finally, both on its own intrinsic account Cuối cùng, vừa xét theo giá trị nội tại của and also as a steppingstone to knowledge of chính nó, vừa như một bậc thềm dẫn đến even higher things, a recognition by tri thức về những điều còn cao hơn nữa, orthodox scientists of the existence of the việc các nhà khoa học chính thống thừa etheric body, and a study of its constitution nhận sự tồn tại của thể dĩ thái, và việc and behaviour – both of which we venture nghiên cứu cấu tạo cùng hành vi của nó — to think cannot now be long delayed – may cả hai điều mà chúng tôi mạo muội nghĩ prove a firm foundation on which may be rằng nay không thể còn bị trì hoãn lâu — có raised a vast superstructure of knowledge thể chứng tỏ là một nền tảng vững chắc, of ultra-physical things. For)to adapt and trên đó có thể dựng lên một kiến trúc tri abridge the closing paragraphs of the Idyll thức bao la về những điều siêu hồng trần. of the White Lotus), that which is to come Vì, để phỏng theo và rút gọn các đoạn kết is grander, more majestically mysterious, của Khúc Ca của Hoa Sen Trắng, điều sắp than the past. By slow and imperceptible đến thì vĩ đại hơn, huyền bí một cách uy progress, the teachers of men drink their nghi hơn quá khứ. Bằng tiến bộ chậm rãi và life from purer sources, and take their khó nhận thấy, các huấn sư của nhân loại message more directly from the soul of uống sự sống của mình từ những nguồn existence. Life has in it more than the tinh khiết hơn, và tiếp nhận thông điệp của imagination of men can conceive. The real mình trực tiếp hơn từ linh hồn của hiện blossom of life grows above the stature of tồn. Sự sống chứa đựng trong nó nhiều hơn man, and its bulb drinks deep from the điều sự tưởng tượng của con người có thể

river of life. In the heart of that flower man hình dung. Đóa hoa chân thật của sự sống will read the secrets of the controlling vườn cao hơn tầm vóc con người, và củ của forces of the physical plane, and will see, nó uống sâu từ dòng sông sự sống. Trong written within it, the science of mystic trái tim của đóa hoa ấy, con người sẽ đọc strength. He will learn how to expound được các bí mật của những mãnh lực cai spiritual truths, and to enter into the life of quần cõi hồng trần, và sẽ thấy, được ghi bên his highest self, and he can learn also how trong nó, khoa học về sức mạnh thần bí. Y to hold within him the glory of that higher sẽ học cách giảng giải các chân lý tinh thần, self, and yet to retain life upon this planet và đi vào sự sống của chân ngã cao nhất của so long as it shall last, if need be; to retain mình; y cũng có thể học cách giữ trong life in the vigour of manhood, till his entire mình vinh quang của chân ngã cao siêu ấy, work is completed, and he has taught to all mà vẫn duy trì sự sống trên hành tinh này who look for light these three truths:-

bao lâu còn cần thiết; duy trì sự sống trong sức mạnh của tuổi tráng niên, cho đến khi toàn bộ công việc của y hoàn tất, và y đã dạy cho tất cả những ai tìm kiếm ánh sáng ba chân lý này:-

1. The soul of man is immortal, and its future is the future of a thing whose growth and splendour has no limit.

1. Linh hồn của con người là bất tử, và tương lai của nó là tương lai của một điều có sự tăng trưởng và vẻ huy hoàng không giới hạn.

2. The principle which gives life is in us and without us, is undying and eternally beneficent, is not heard or seen or smelt, but is perceived by the man who desires perception.

2. Nguyên khí ban sự sống ở trong chúng ta và ở ngoài chúng ta, bất diệt và vĩnh viễn thiện ích, không được nghe, thấy hay ngửi, nhưng được nhận biết bởi người khao khát tri giác.

3. Each man is his absolute lawgiver, the dispenser of glory or gloom to himself; the decreer of his life, his reward, his punishment.

3. Mỗi người là nhà lập pháp tuyệt đối của chính mình, là người ban phát vinh quang hay u ám cho chính mình; là người quyết định sự sống, phần thưởng và hình phạt của mình.

These truths, which are as great as life itself, are as simple as the simplest mind of man. Let the food of knowledge be given to all those who are hungry for it.

Những chân lý này, vĩ đại như chính sự sống, lại đơn giản như thể trí đơn giản nhất của con người. Hãy ban thức ăn của tri thức cho tất cả những ai đang đói khát nó.

Authorities Quoted

Ancient Wisdom	Besant, Annie	1897 AW
Astral Plane	Leadbeater, C.W.	1910 AP
Changing World	Besant, Annie	1909 CW
Clairvoyance	Leadbeater, C.W.	1908 Cl
Death and after	Besant, Annie	1901 DA
Dreams	Leadbeater, C.W.	1903 D
Experiments in Psychical Science	Crawford, W.J.	1919 EPS
First Principles of Theosophy	Jinarajadasa, C.	1921 FPT
Five Years of Theosophy	Blavatsky, H.P.	1910 FYT
Hidden Side of Things, Volume -I-	Leadbeater, C.W.	1910 HS -1-
Hidden Side of Things, Volume -II-	Leadbeater, C.W.	1913 HS - II-
Human Atmosphere	Kilner, W.J.	1911 HA
Inner Life, Volume I	Leadbeater, C.W.	1910 IL - I
Inner Life, Volume II	Leadbeater, C.W.	1911 IL -II
Introduction to Yoga	Besant, Annie	1908 Y
Invisible Helpers	Leadbeater, C.W.	1908 IH
Ladder of Lives	Besant, Annie	1908? LL
Life after Death	Leadbeater, C.W.	1912 LAD
Man and his Bodies	Besant, Annie	1900 MB
Man, Visible and Invisible	Leadbeater, C.W.	1902 MV

Man, Whence, How and Whither	Besant, Annie & Leadbeater, C.W.	1913	MWHW
Monad	Leadbeater, C.W.	1920	M
Nature's Finer Forces	Prasad, Rama	1897	NFF
Nature's Mysteries	Sinnett, A.P.	1901	NM
Other Side of Death	Leadbeater, C.W.	1904	OSD
Phenomena of Materialisation	Notzing, Von Schrenck	1920	PM
Psychic Structures	Crawford, W.J.	1921	PS
Rationale of Mesmerism	Sinnett, A.P.	1902	RM
Reality of Psychic Phenomena	Crawford, W.J.	1919	RPP
Science of the Sacraments	Leadbeater, C.W.	1920	SOS
Secret Doctrine, Volume I	Blavatsky, H.P.	1905	SD, I
Secret Doctrine, Volume II	Blavatsky, H.P.	1905	SD, II
Self and Its Sheaths	Besant, Annie	1903	SS
Seven Principles of Man	Besant, Annie	1904	SP
Some Glimpses of Occultism	Leadbeater, C.W.	1909	SGO
Study in Consciousness	Besant, Annie	1904	SC
Textbook of Theosophy	Leadbeater, C.W.	1912	TBT
Theosophy	Besant, Annie	1909	T
Theosophy and the New Psychology	Besant, Annie	1909	TNP
Thought Power	Besant, Annie	1903	TP